

UDO ULFKOTTE

BÍ MẬT CỔ QUÂN TÌNH BÁO

CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC

BND



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

UDO ULFKOTTE

BÍ MẬT
CƠ QUAN TÌNH BÁO
CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC
(BND)

Người dịch: PHAN TRỌNG HÙNG

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 1999

*Dịch từ nguyên bản tiếng Đức “BND - Verschlussache”
Nhà xuất bản Koehler & Amelang München/Berlin 1997*

LỜI NÓI ĐẦU

Trong một cuộc gặp gỡ giữa các cơ quan mật vụ phương Tây tại Pullach, người ta muốn tìm hiểu xem, cơ quan mật vụ nào giỏi nhất. Mỗi cơ quan mật vụ cử ra một toán điệp viên tham gia cuộc thi. Nhiệm vụ đặt ra là phải bắt một chú lợn rừng. Thế là các nhóm điệp viên lên đường. Sau một giờ đồng hồ cánh CIA đã quay lại, đem theo một đồng thịt bầy nhầy bị hàng trăm phát đạn xuyên thủng. Sau khi xét nghiệm đã xác định được là xác một con lợn rừng. “Không tồi, 100 điểm” - ban giám khảo phán. Sau hai giờ đồng hồ toán Mossad của Israel xuất hiện và dẫn theo cả một đàn lợn rừng: lợn bố, lợn mẹ, lợn con. Mỗi con đều bị khử bằng một phát đạn duy nhất vào đầu. “Không tồi, 200 điểm” ban giám khảo lại phán. Mọi người tiếp tục đợi. Trời tối dần. Trước khi mặt trời lặn hẳn chợt mọi người nghe thấy tiếng ồn từ trong rừng vọng ra, sau đó thấy toán điệp viên của cơ quan tình báo Tây Đức BND xuất hiện. Bốn người giữ chặt một chú hươu đang giãy giụa một cách vô vọng, còn người thứ năm thì vừa ra sức đâm đá chú

hưu tội nghiệp vừa gào thét: “Nào, mày nhận là một con lợn rừng đi chứ?”.

Những mẩu chuyện tiểu lâm như vậy cho thấy tiếng tăm của các cơ quan tình báo, đặc biệt là cơ quan tình báo đối ngoại BND của Đức, không lấy gì làm vẻ vang cho lắm. Nhân viên của BND thường xuyên phải nhận thức được điều này. Trung tâm điện thoại của BND thường kêu ca về việc BND phải “nhờ vả” những lực lượng ngoại đạo khác giúp đỡ như thầy tướng số, các nhà “đĩa bay học”, thậm chí cả lũ tội phạm hình sự cũng xin làm cộng tác viên cho BND! Vậy thì ở cơ quan tình báo đầy quyền lực này người ta đã làm gì sai trái để bị chê cười? Mossad của Israel được mệnh danh là “bất khả chiến bại”, cơ quan tình báo đối ngoại của Anh thì nổi tiếng dựa trên huyền thoại về James Bond (điệp viên 007), còn CIA thường đồng nghĩa với các hành động “anh hùng” và “cái gì cũng biết trước”. BND thì sao? Có lẽ đây là nơi tụ tập những viên chức mềm yếu và những “vai phụ” thiếu cận trong thế giới tình báo và luôn gây ra các vụ trục trặc kỹ thuật. Phải chăng các điệp viên của Pullach không có năng lực, thậm chí sự tồn tại của họ trong xã hội là “thừa”? Phải chăng khẩu hiệu của BND giờ đây là “thời kỳ huyền thoại của BND đã kết thúc”?

Không có cơ quan tình báo nào là không có những điều bí mật

Một khó khăn cơ bản của BND là khả năng tự giới thiệu cơ quan. Các cơ quan tình báo khác chi bạc triệu cho công tác quảng cáo chính cơ quan mình. Ở Pullach thì người ta thà cắm đầu mình trong cát còn hơn là đi quảng cáo. Tuy nhiên cũng bắt đầu có những dấu hiệu làm cho người ta hy vọng: Ông Geiger tổng giám đốc của BND có lẽ đã nhận thức được rằng, trong một nền dân chủ tự do thì ít nhiều cũng phải cho người khác nhìn suốt được công việc của cơ quan tình báo. Tuy vậy hiện nay vẫn còn tình trạng là ngay cả lệnh rửa xe ô tô công hoặc giặt rèm cửa cũng phải được giữ bí mật. Tài liệu duy nhất không có dấu “mật” ở cơ quan này là tờ thực đơn của căng tin cơ quan (thường xuyên có món đậu nấu hủ lớn với thịt và rau chần ngắt). Cái trò giấu giếm giếm giếm này trong thời kỳ chiến tranh lạnh còn có thể hấp dẫn ai đó, chứ trong một xã hội thông tin hiện đại như ngày nay, khi mà chỉ trong giây lát chúng ta có thể truyền thông tin đi vòng quanh quả đất, thì việc giữ bí mật thái quá hoặc cái gì cũng khư khư cho là “mật” chỉ làm

cho mọi người coi đó là trò cười, trò lạc hậu mà thôi.

Công ty sản xuất phần mềm Topware ở Mamlheim đã không quan tâm gì đến nguyên tắc “giấu giếm” của BND và mới tung ra thị trường một đĩa CD-ROM, mà trong đó người ta có thể nhìn thấy dưới góc độ của vệ tinh toàn những điều bí mật đáng ra phải được giấu giếm. Với tiêu đề “D-Sat - nước Đức” đĩa CD-Rom này chứa đựng những bức ảnh chụp từ độ cao 270 km của vệ tinh tình báo Nga. Độ phân giải của ảnh là 10m và hoàn toàn không thua kém gì ảnh do người Mỹ chụp cung cấp cho tình báo Đức nhưng với giá tiền rẻ hơn rất nhiều. Trong đĩa CD-ROM này có đầy đủ ảnh chụp trung tâm Pullach, cũng như các chi nhánh khác của cơ quan tình báo Đức đặt tại Bad Aibling, Gablingen gần Augsburg hoặc Schoningen gần Helmstedt. Một chuyên gia trước đây của cơ quan tình báo Liên Xô là Koslov bình luận như sau về sản phẩm này: “chúng tôi đã theo dõi các bạn 33 năm trời. Còn đây là kết quả !”. Công ty Starlight cũng quảng cáo cho các bức ảnh vệ tinh của họ chụp từ độ cao 220 km bằng máy ảnh tình báo KVR-1000 của Nga như sau: “Chỉ cần điều khiển con chuột của máy tính bạn sẽ xem được từ vũ trụ đến khu phố bạn đang sống”. BND chưa công

bố một bức ảnh vệ tinh nào chụp trung tâm ở Pullach, mà chỉ công bố mỗi một bức ảnh chụp từ máy bay khu vực này vào những năm ba mươi! Có lẽ BND đã bị lãng quên trong sự phát triển công nghệ.

Ngày nay bên bờ tường bê tông màu xám xịt rào dây thép gai dày đặc và có cả một hệ thống camera theo dõi ở Pullach vẫn treo các tấm biển: “Chú ý, khu vực bảo vệ! Cấm chụp ảnh! Vi phạm sẽ bị phạt tới 10.000 mác Đức” cảnh cáo những “điệp viên nghiệp dư” dám vượt qua những rào chắn mà nay đã trở thành lỗi thời. Trung tâm BND là một khu vực rộng 740.000 m², có nhiều thảm cỏ mượt mà và những hàng cây lâu năm tỏa bóng mát. Mới trông khu vực được “bảo mật” này có dáng dấp như một khu ngoại ô thơ mộng của một thành phố lớn. Mải ngắm ngía cảnh đẹp du khách suýt nữa thì quên rằng, mọi hoạt động tình báo đối ngoại phục vụ cho Phủ Thủ tướng đều được điều hành từ khu nhà này. Nhưng đằng sau cửa ra vào một số gian phòng ở đây không phải là những phòng làm việc theo đúng nghĩa văn phòng, mà là những “biệt phòng”. Trong đó không giam giữ người, mà chất đầy những túi ni lông đựng vụn giấy do máy hủy tài liệu thải ra. Một nhân viên đặc biệt chuyên trách hàng tuần đến đưa các vụn giấy nhỏ xíu này đi đốt

trong một hệ thống riêng của cơ quan. Trong tiền sảnh của mỗi một tòa nhà đều có một kết sắt. Trong kết sắt to là nhiều kết sắt nhỏ, mà trong đó nhân viên đều phải cất giữ chìa khóa phòng khi rời nơi làm việc. Những biện pháp "che chắn" giữa các cục trong nội bộ cơ quan như vậy làm cho người ta có cảm giác không khí trong cơ quan BND như là trong một lễ cầu siêu.

Địa chỉ "Cơ quan tình báo Liên bang" không được ghi chú trên bất cứ bản đồ nào của vùng Pullach. Và ngay cả tờ hướng dẫn của cơ quan phát cho những ai đến liên hệ công tác cũng chỉ thấy đề "phố Heilmaml, lối vào cổng chính". Về mọi phương diện ở đây người ta gặp một sự pha trộn giữa "che chắn" và "bật thông tin". Trước đây, khi chính quyền vùng Pullach quyết định kết nghĩa với thị trấn Baryschivka nhỏ bé của Ukraina thì BND đã ra thông báo cấm bất cứ người Ukraina nào bén mảng đến Pullach. Người ta không sợ gì hơn là sự hiện diện của những điệp viên khác trên lãnh địa của mình. Tất cả những điều đó giờ đây có vẻ như đang đổi thay.

Phải mất bốn thập kỷ, cho đến khi Geiger về nhậm chức ngày 15 tháng 5 năm 1996, một tấm biển đề "Cơ quan tình báo Liên bang" mới được treo trước cửa cơ quan cho mọi người dân

vùng Pullach biết được đây là đầu. Vài tháng sau đó, ngày 25 tháng 11 năm 1996, lần đầu tiên trong lịch sử cơ quan tình báo Đức, thân nhân các nhân viên của BND được vào thăm cơ quan trong một ngày gọi là “ngày mở cửa”. Và ngày nay thì vùng đất Pullach đối với công dân Ukraina cũng không còn là vùng cấm nữa. Có lẽ giờ đây kỷ nguyên “cởi mở” đã bắt đầu tràn đến Pullach, ít nhất là đã mon men đến tường rào của cơ quan tình báo Liên bang.

Tuy nhiên, nếu các điệp viên Đức khi rảnh rỗi tìm trong Internet thư mục giới thiệu về các cơ quan tình báo khác, thì có lẽ họ sẽ tức điên lên vì ghen tị. Có những điều mà ở Pullach được coi “mật” và được cất kín trong két sắt, thì đối với các cơ quan tình báo khác mọi người lại có thể thoải mái “mở!” ra tra cứu. Qua mạng Internet, CIA không những mời mọi người tham gia một chuyến du ngoạn bằng máy đến trung tâm của CIA ở Langley, mà còn giới thiệu kỹ càng về cung cách hoạt động, nhiệm vụ, mục đích và thậm chí cả chỉ tiêu nhận người vào làm hiện tại của CIA. Thông tin về chỉ tiêu nhận người này người ta cũng có thể nhận được bằng cách gọi điện theo số “1- 800-Jobs-CIA” mà không mất cước phí điện thoại! Bên cạnh các cơ quan tình báo của Anh, Ixrael và Nhật Bản, từ năm 1997 ngay cả cơ quan

tình báo của Gioócdani cũng đã có thư mục giới thiệu về cơ quan mình trên Internet. Ngay chính bản thân Nữ hoàng Anh cũng có thư mục tự giới thiệu từ đầu năm 1997 trên mạng giống như Giáo hoàng.

Tuy Nữ hoàng Anh, cũng như BND, nổi tiếng là ngại gặp gỡ công chúng và bảo thủ, nhưng cũng đã bắt đầu nhận và gửi thư điện tử. Về điểm này thì BND không dám so sánh với ai. Bộ phận báo chí của BND, một đơn vị vẫn vịn vịn buộc trong cách nghĩ “che chắn”, đã không thể đưa ra ngay cả chỉ một tờ giới thiệu sơ lược về cơ quan, nói chi đến việc công bố số điện thoại, ví dụ như “0130/0800”, để mọi người gọi miễn phí đến hỏi thông tin về BND, hoặc công bố địa chỉ thư điện tử của BND, hay thậm chí quảng cáo cho cơ quan mình trên mạng Internet. Trong Internet CIA cung cấp miễn phí những thông tin tổng quát liên tục được cập nhật về hơn 150 quốc gia và những thông tin cơ bản về các cơ quan tình báo khác của Mỹ. Theo quan điểm làm việc vẫn còn tồn tại cho đến nay ở BND, thì chỉ tên gọi các quốc gia thôi cũng đã là “mật” rồi. Khẩu hiệu đặt ra là: nếu chúng ta xử lý một việc nào đó, thì chính việc đó đã trở thành “tối mật” rồi.

Tất nhiên CIA cũng không bao giờ công bố những điều thực sự là bí mật quốc gia. Tuy

nhiên ít nhất thì người ta cũng tạo được cho người dân Mỹ cảm giác là cái cơ quan khổng lồ có tới 17.000 nhân viên này không phải là hoàn toàn không có những hoạt động bí mật. Đồng thời bằng Internet CIA cũng sẽ mò được đến những thư mục cá nhân của những người sử dụng mà chính chủ nhân của nó không hề biết. Hệ thống máy tính của Quốc hội châu Âu cũng đã được CIA “nối mạng” để nắm được sách lược của các thành viên EU trước mỗi cuộc hội nghị kinh tế.

Nhiệm vụ của bộ phận báo chí của CIA là làm cho mọi người “sờ mó được CIA”. Chính vì vậy mà trước cửa lối vào bộ phận này ở Langley có treo tấm biển với một câu trích dẫn trong Kinh thánh: “Và các bạn sẽ biết được sự thật, và sự thật sẽ giải thoát cho các bạn”. Ở Langley và các vùng lân cận có lẽ không có một đồ vật nào người ta có thể mua được, từ giày chơi bóng chày, mũ, áo phông, tách uống cà phê đến móc chìa khóa lại không có biểu tượng quảng cáo cho CIA. Ở Oasinhton người ta tự hào về một điểm gặp gỡ rất độc đáo dành cho giới hâm mộ điệp viên Mỹ. Đó là “Câu lạc bộ gián điệp” (địa chỉ: Oasinhton D.C., 805 15th Street NW, Tel. 202-2891779). Tại đây điệp viên và những ai muốn trở thành điệp viên có thể trao đổi kinh nghiệm với nhau. Liệu ở

Pullach hoặc vùng lân cận có ai dám hỏi mua ví dụ như etiket dán lên ô tô có biểu tượng của BND không? Chắc người đó sẽ bị cười vào mũi. Và chắc chắn những nhân viên phục vụ trong quán ăn truyền thống theo kiểu Baravia mang tên “Rabenwirt” ở Pullach sẽ rất ngại khi thực khách hỏi han đến những vị khách đặc biệt công tác trong cơ quan BND nằm ngay gần nhà hàng.

Mà thực ra thì BND cũng không cần phải tự giấu mình đi như vậy. Cũng như CIA, cơ quan tình báo Đức BND, được Mỹ giúp đỡ thành lập sau thế chiến lần thứ hai, không chỉ có những thất bại hoặc trục trặc kỹ thuật trong lịch sử của mình. BND cũng có hàng loạt những chiến công để tự quảng cáo cho mình. Khi quan sát một cách kỹ càng thì sẽ thấy giờ đây BND và CIA không còn là bạn đồng hành, mà đã trở thành những đối thủ nhiều khi so gươm với nhau một cách không thương tiếc. Điều đó không chỉ có thể nhận thấy được trong lĩnh vực gián điệp cổ điển, mà trước hết là trong lĩnh vực tình báo công nghiệp được tổng thống Clinton tích cực khuyến khích. Tháng 2 năm 1997 tất cả các nhân viên của các chi nhánh ngân hàng Mỹ đặt ở Đức đều được CIA đề nghị làm sao thu thập được càng nhiều càng tốt những dữ liệu về khách hàng, các biến động

của tài khoản và chủ yếu là các đơn đề nghị cấp tín dụng của các công ty kèm theo mục đích đầu tư. Mục tiêu đề ra là rất rõ ràng: người ta thu thập các dữ liệu về các đối thủ cạnh tranh của các tập đoàn công nghiệp lớn của Mỹ. Đối tượng được CIA đề nghị cung cấp tin chủ yếu là cựu chiến binh hoặc những người trong quá trình du học ở Mỹ đã chứng tỏ là thân Mỹ. Ở các ngân hàng Đức CIA cũng đã chăm chỉ “làm việc” từ lâu. Gần như tuần nào cơ quan chịu trách nhiệm về công tác phản gián là “Cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang” cũng gặp phải những dấu vết cho thấy các điệp viên phương Tây đang hoạt động trong các công ty Đức. Tuy vậy người ta vẫn cố gắng miễn cưỡng duy trì, ít nhất là trước công luận, một mối quan hệ hữu hảo với CIA. Trên thực tế thì sau khi chiến tranh lạnh kết thúc CIA và BND đã trở thành đối thủ của nhau. Quyền lợi của hai bên đã không còn đồng nhất trên nhiều lĩnh vực nữa.

Mục đích của cuốn sách này là hé mở chút ít bức màn bí mật ra cho bạn đọc. Điệp viên của BND ngày nay được chiêu nạp và được đào tạo trong trường gián điệp như thế nào? Điều gì xảy ra sau các cánh cửa dẫn đến 6 cục chuyên môn của BND? Tại sao ngày nay BND hợp tác với 200 cơ quan mật vụ khác? Sự thực

các vụ xì căng đan từ trước đến nay phơi bày BND ra trước công luận là gì? Và điều mà mọi người quan tâm nhất: những bí mật nào được chứa đựng trong hồ sơ lưu trữ hồ sơ của BND? Những bí mật bị lộ ra ánh sáng sau nhiều năm tìm tòi, điều tra không tạo nên một bức tranh đầy bí hiểm và giật gân, mà ngược lại chỉ tạo nên bức tranh đời thường và đôi khi gây thất vọng về các hoạt động của các điệp viên Đức.

Hồ sơ lưu lại không chỉ những thất bại, mà cả những thành công chưa được công bố của BND. Ai có thể biết được rằng, để có được vụ xét xử Mykonos ở Berlin thì trước hết công đầu thuộc về BND. Một nguồn tin cao cấp trong nội bộ phía Iran đã dẫn BND lần theo dấu vết của cơ quan tình báo Iran. Nếu không có cú xi nhan quyết định này thì có lẽ không bao giờ có được vụ Mykonos. Trong toàn bộ quá trình xét xử một tổ công tác đặc biệt của BND đã làm việc suốt ngày đêm. Và chính Thủ tướng Đức Helmut Kohl cũng phải “nhờ vả” đến cơ quan tình báo đối ngoại của Đức. Một số điệp viên cho rằng, Kohl đã cử một chuyên gia hàng đầu về tìm mạch sang làm cố vấn cho cuộc mổ tim của Tổng thống Nga Enxin hồi năm 1996 hoàn toàn không phải chỉ vì “tình người”. Hành động được truyền hình rùm beng

như là một nghĩa cử này thực chất chỉ nhằm mục đích thu được thông tin chính xác về tình hình sức khỏe, về thời gian Enxin còn có thể sống được. Như vậy trong trường hợp này thông tin được vắt ra từ nguồn là vị chuyên gia tim mạch, cho dù ông ta có nhận ra điều đó hay không. Và khi báo chí, phát thanh truyền hình tháng 01 năm 1997 rùm beng lên về việc Enxin bị “viêm phổi”, thì Kohl đã biết từ lâu, nhờ BND báo cáo, là ông bạn Enxin thực tế lại bị nhồi máu cơ tim lần thứ hai.

Rất nhiều thông tin loại này người ta không muốn đọc thấy trên báo chí. Một trong những loại thông tin đó ví dụ như một phần của một bản báo cáo của BND về việc chính phủ Bắc Triều Tiên gợi ý cho các quan chức ngoại giao của mình ở nước ngoài lợi dụng quyền miễn trừ ngoại giao tham gia buôn lậu vũ khí và thuốc phiện. Ngoài ra ở Pullach người ta cũng biết Bắc Triều Tiên tăng cường sử dụng diện tích đất nông nghiệp để trồng thuốc phiện, đồng thời yêu cầu quốc tế viện trợ lương thực. Trong những cuộc đàm phán hòa bình với Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên cũng tiến hành một cuộc chơi không đẹp. Tháng 4 năm 1997 thứ trưởng Bộ ngoại giao Kim Gye Gwan đã đưa ra điều kiện về việc Bắc Triều Tiên tham gia đàm phán hòa bình: 100.000 tấn gạo

cho việc nhận tham gia đàm phán; sau đó 500.000 tấn khi bắt đầu đàm phán và 900.000 tấn trong quá trình đàm phán. Với “yêu sách” này người ta hy vọng giữ vững được tình hình và đồng thời phá vỡ các cuộc tiếp xúc.

Chính phủ Liên bang cũng được BND thông báo khá đầy đủ về kế hoạch bí mật tăng cường vũ trang của Teheran. Đã từ lâu các bức ảnh chụp từ vệ tinh và thông tin do các điệp viên người Iran của BND cung cấp về bí mật của các nhà máy sản xuất vũ khí ở Iran đã được chuyển đến một số nhân vật quan trọng trong chính giới. Tuy nhiên những tin tức như vậy thuộc loại “mật” không phổ biến. Tất nhiên ở Pullach cũng như phủ Thủ tướng đã từ lâu người ta biết được rằng, Ixrael khiêu khích cuộc chiến ở miền Nam Li Băng chủ yếu là vì muốn dẫn nước dòng sông Litani của Li Băng từ cái gọi là “vùng an toàn” ra phục vụ cho Ixrael càng lâu càng tốt.

Các thông tin BND thu được về những vụ làm ăn bán thủ của một số nhân vật nổi tiếng của nhà thờ và một số chính khách cũng biến mất trong kết sắt của BND. Nhưng tại sao họ lại giấu giếm công luận là trong vành đai bị nhiễm phóng xạ quanh Tréc-nô-bưn thuốc phiện đã được trồng để xuất khẩu sang phương Tây, cho dù giới cầm quyền biết việc đó? Các cơ

quan tình báo còn báo cáo rằng, Ukraina gây sức ép buộc Liên minh châu Âu phải chi một khoản tài chính lớn để giải quyết hậu quả của vụ thảm họa hạt nhân ở Tréc-nô-bưn. Nếu không khối lượng thuốc phiện nhiễm xạ lớn hơn thế nhiều sẽ được tung ra thị trường. Gần đây nhất là hồi tháng 4 năm 1997 Phó tổng giám đốc nhà máy điện nguyên tử, ông Valeri Kupnưi đã yêu cầu phương Tây trợ giúp. Từ trước đến nay chỉ có một người “gọi” đúng tên giá trị của “con gà đẻ trứng vàng” bị nhiễm xạ này. Chủ tịch ủy ban Tréc-nô-bưn của Ukraina ông Vladimira Ussatenko đã phát biểu như sau với tờ “Green peace Magazin” (Tập chí Hòa bình xanh): “Tréc-nô-bưn đã trở thành một cái máng đựng thức ăn khổng lồ” và ở Ukraina không một ai quan tâm đến việc “cải tạo chiếc hòm áo quan khổng lồ này và khử nguồn nguyên liệu bị nhiễm xạ”. Mục tiêu do Bộ trưởng Bộ Môi trường Ukraina ông Juri Kostenko đặt ra là rõ ràng: “Vắt nhiều tiền hơn nữa từ các nước phương Tây”.

Theo tin tức của CIA thì trong quá khứ tên lửa hạt nhân của Nga vì những sai sót chết người trong hệ thống điều khiển đã nhiều lần bị đưa vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Tuy nhiên những tên lửa đó chưa được phóng đi vào những mục tiêu đã được lập chương trình

trước, trong đó có những mục tiêu nằm trên lãnh thổ Đức, vì trước khi bắn còn phải đưa một mã số cuối cùng vào chương trình. Tháng 2 năm 1997 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Nga Igor Rodionov đã cảnh báo là có nguy cơ không kiểm soát được chương trình vũ khí hạt nhân của Nga vì thiếu tiền.

Ở Irắc điệp viên Đức đã phát hiện ra rằng, tuy cuộc cấm vận của UNO rất ngặt nghèo, nhưng Saddam Hussein vẫn nhận được những vũ khí mới nhất của Mỹ từ giới quân sự tham nhũng Pakixtan thông qua một công ty Yemen! Cũng chính công ty Yemen này đã lọt vào thước ngắm của các điệp viên khi công ty này được Iran ủy quyền mua vũ khí Séc cho nhóm Palestín cực đoan Hamas.

Những thông tin về các chính khách hàng đầu của Italia cũng cực kỳ “hấp dẫn”. Bản báo cáo của BND về việc Italia bằng mọi phương pháp chống lại việc Đức đòi hỏi một ghế thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chỉ được gửi cho một số ít nhân vật chọn lọc. Ngay từ dưới thời Thủ tướng Dini, chính phủ Italia đã gây sức ép với các nước Trung và Đông Âu. Nếu các quốc gia này rút lại ủng hộ của họ đối với yêu cầu của Đức, thì Italia mới chấp thuận việc mở rộng EU. Nói một cách khác: Rôma gây sức ép với các nước khác để các quốc gia này

không ủng hộ vị trí thường trực của Đức ở Hội đồng Bảo an. Bên cạnh những biện pháp phi ngoại giao đó, người ta còn nhờ sự trợ giúp của cơ quan tình báo đối ngoại Italia phá vỡ mong muốn trở thành ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an của Đức. Các điệp viên của Italia đã tìm hiểu lập trường của các nguyên thủ quốc gia của các nước thế giới thứ ba. Và theo BND thì Chính phủ Italia cũng đã kết hợp việc này với quyết định viện trợ. Mong muốn thúc đẩy nhanh chóng quá trình gia nhập NATO của các nước Đông Âu cũng có nguyên nhân của nó: đơn giản là những quốc gia này là những thị trường tiêu thụ vũ khí béo bở. Trong bản báo cáo đề ngày 09 tháng 12 năm 1996 ký hiệu AN 32B-10 40/96 của BND đã ghi rõ: “Theo quan điểm phương Tây thì những quốc gia này, đặc biệt vì khả năng mở rộng sang phía Đông của NATO, là những thị trường tiêu thụ tiềm tàng, vì cho đến nay những quốc gia này hầu như chỉ được trang bị vũ khí có xuất xứ từ phía Đông, nhưng tiền đề để gia nhập NATO lại là khả năng hòa nhập và thay đổi hệ thống vũ khí cho phù hợp với tiêu chuẩn của NATO”. Ai biết được nguyên nhân sâu xa này thì sẽ đọc mẩu tin dưới đây của hãng thông tấn xã Đức DPA ngày 4 tháng 4 năm 1997 bằng một con mắt khác: “Tập đoàn Krauss-Maffei

đang cân nhắc về việc sản xuất xe tăng hiện đại theo tiêu chuẩn NATO cho quân đội Rumani. Người phát ngôn của công ty sản xuất vũ khí thuộc tập đoàn Krauss-Maffei đặt tại Muynich thông báo rằng, ngày thứ sáu vừa qua một đề cương nghiên cứu khả thi của tập đoàn sản xuất vũ khí đã được đệ trình ở Bucarét". Ở Mỹ có lẽ người ta cũng suy nghĩ như vậy và coi cái bàn tính là "công cụ quan trọng nhất trong các cuộc tranh luận về việc mở rộng NATO sang phía Đông". Theo đánh giá của người Mỹ thì kế hoạch Đông tiến của NATO sẽ tốn kém khoảng từ 27 đến 220 tỷ Mác Đức, mà trong đó người dân đóng thuế ở Đức sẽ phải gánh vác một phần không nhỏ. Và tuy tiến trình mở rộng NATO chưa được nhất trí thông qua, nhưng theo các cơ quan tình báo châu Âu thì năm 1996 người Mỹ đã cung cấp tháp pháo xe tăng cho Ba Lan và các nước khác thuộc khối Vacxava trước kia để nhằm mục đích "giới thiệu".

Phủ Thủ tướng Liên bang cũng được Pullach báo cáo về việc London và Paris hiện nay ráo riết tìm cách đẩy hoàn toàn các công ty Đức ra khỏi cuộc cạnh tranh trên thị trường cung cấp thiết bị điện tử quân sự như thế nào. Kể từ khi bắt đầu cuộc chạy đua vũ văn nền công nghiệp sản xuất vũ khí phương Tây vì

chiến tranh lạnh đã kết thúc thì Pháp và Anh tìm mọi cách để đến một ngày nào đó họ sẽ chiếm lĩnh vị trí số một trong chính sách an ninh và đối ngoại châu Âu, vì họ đã bỏ xa Đức trong lĩnh vực kỹ thuật quân sự.

Người ta thường viện cớ rằng, có những bí mật không được công bố trước dư luận, vì việc công bố các bí mật đó sẽ đem lại hậu quả nặng nề cho nhiều người. Một trong những ví dụ điển hình là cái chết của ông Uwe Barschel Thủ hiến bang Schleswig-Holstein. Barschel được tìm thấy trong bồn tắm tại căn phòng của ông ta trong khách sạn Beau-Rivage ở Giơ-ne-vơ. Theo kết quả điều tra của cơ quan điều tra Thụy Sĩ thì đây là vụ tự tử bằng thuốc tân dược. Từ cuối năm 1994 cơ quan công tố thành phố Lubeck (thủ phủ bang Schleswig-Holstein) đã lập ra một tổ điều tra đặc biệt mang tên "Tổ điều tra vụ Giơ-ne-vơ". Hồ sơ điều tra mang mã số 705Js33247/87.

Các cơ quan tình báo đều biết nguyên nhân sâu xa cái chết của Barschel. Barschel đã bị giết. Cho dù thủ phạm là ai đi chăng nữa thì chúng cũng đã mắc sai lầm khi ra tay: thủ phạm đã lau sạch hết dấu vân tay, kể cả vân tay của người bồi bàn mang rượu cho Barschel, trên chiếc cốc rượu vang mà có lẽ Barschel đã uống trước khi chết. Người ta có thể viện cớ

rằng, có thể Barschel đã tự lau vết vân tay. Tuy nhiên trên cốc rượu vẫn còn vết ngón tay đeo nhẫn của Barschel ở một vị trí mà ông ta không thể nào cầm chiếc cốc được. Như vậy vết vân tay đó phải được tạo ra sau khi thủ phạm đã ra tay. Mặt khác một trong hai chiếc giày của Barschel không phải do ông ta mà phải do một người lạ mặt khác trong phòng đã lau sạch. Người đó phải là người có móng tay được sơn, một chuyên viên của của viện nghiên cứu các sản phẩm về da ở Reutlingen đã kết luận như vậy. Mà Barschel thì không bao giờ sơn móng tay!

Tuy vậy giới tình báo vẫn giữ kín những thông tin họ thu lượm được. Trong vụ này “thành tích” BND không lấy gì làm vẻ vang cho lắm. Ông Wille, một công tố viên cao cấp của cơ quan công tố Lubeck, yêu cầu BND cung cấp các thông tin về một kẻ buôn lậu vũ khí người Ả rập Xê út tên là Kaschoggi liên quan đến cái chết của Barschel và đến dấu vết của các vụ buôn bán vũ khí quốc tế. Người ta đã trả lời ông, công tố viên cao cấp bằng văn bản là Pullach không biết Kaschoggi là ai. Chính ông công tố viên đã khẳng định như vậy với tác giả cuốn sách này trong một cuộc trao đổi ngày 18 tháng 4 năm 1997. Trước đó, khi Đài truyền hình ARD hỏi liệu ông ta có hài lòng với sự hỗ trợ của BND trong vụ điều tra về cái chết của

Barschel hay không thì ông ta đã trả lời: “Miễn bình luận”. Có lẽ không cần phải là nhà tiên tri người ta cũng có thể nhận thấy, ông công tố viên cao cấp kia cho rằng, BND giấu ông ta những thông tin quan trọng. Ông Wille đã có lý, vì trong đêm xảy ra vụ ám sát, theo thông tin của một quan chức cao cấp của Bonn, ít nhất một nhân viên Cục I (Cục Tình báo tác chiến) của BND có mặt tại khách sạn Beau-Rivage. Như vậy chắc chắn phải có hồ sơ vụ Barschel về những sự kiện xảy ra trong đêm án mạng đó được lưu tại BND. Còn viên quan chức cao cấp có thể cung cấp thông tin nêu trên thì sẽ mất chức và mất cả tiền hưu trí, nếu ông ta dám công bố thông tin, vì ông ta có trách nhiệm phải “im lặng”. Ngoài ra ông ta còn nhận được một cú điện thoại và người gọi điện đã ngẫu nhiên nhắc đến việc là hiện nay “nhiều người bị chết vì tai nạn giao thông ở Đức”. Sau đó thì một người lạ mặt đã đột nhập vào căn hộ của viên quan chức này. Kẻ lạ mặt đã không lục soát căn hộ, mà chỉ cố tình để lại dấu vết cho chủ nhà biết về cuộc “viếng thăm” mà thôi. Tất nhiên vợ chồng viên quan chức cao cấp này đã hiểu đây là sự nhắc nhở về “nghĩa vụ viên chức nhà nước” của mình.

Các cơ quan tình báo khác cũng có nhân viên của mình tại khách sạn Beau-Rivage. Tuy nhiên ngày 9 tháng 12 năm 1996, CIA đã thông báo bằng văn bản như sau về vụ

Barschel: “Vì những cân nhắc mang tính nguyên tắc nên CIA sẽ không khẳng định và cũng không phủ nhận bất cứ một sự nhận định nào về những mối quan hệ bí mật”. Nếu BND, mặc dù có quan hệ với 200 cơ quan tình báo khác trên thế giới và ít nhất có một “đại diện” tại nơi xảy ra án mạng, mà vẫn không có được một cơ sở nào để kết luận ai là người thực chất đã giết Barschel, thì số tiền ngân sách nhà nước chi cho BND là tiền ném qua cửa sổ? Có lẽ cũng như vụ ám sát Kennedy, vụ Barschel sẽ còn là một bức màn bí mật đối với công luận trong nhiều thập niên nữa.

Tuy nhiên cũng có những sự việc khác mà thực sự cần phải được giữ bí mật. Từ khi xảy ra cuộc chiến tranh vùng Vịnh có hàng chục ngàn người Mỹ sống và làm việc với tư cách là dân sự hoặc quân sự ở Ả rập Xê út, một đất nước tuân thủ các quy định Hồi giáo khắc nghiệt. Trên một đất nước được phương Tây chỉ hàng tỷ đô la để bảo vệ này, đạo Thiên chúa vẫn bị truy đuổi. Kinh thánh bị cấm. Chỉ mỗi việc đeo thánh giá vào dây chuyền thôi cũng đã có thể bị “mất tích” trong xà lim mà không cần phải có một phiên tòa xét xử nào. Nhưng để cho đám lính Mỹ theo đạo Thiên chúa cũng có thể cầu nguyện được ở Ả rập Xê út, các cha tuyên úy Mỹ thường xuyên nhập cảnh vào đất nước

Hồi giáo này với hộ chiếu ngoại giao và giảng đạo dưới vỏ bọc “thầy giáo”. Cánh dân sự Mỹ sống ở đây cũng được phục vụ như vậy về phần hồn. Gia đình, thân nhân của họ có thể thực hiện từ lễ rửa tội đến lễ chịu thánh thể hoặc lễ kiên tín. Không thể tưởng tượng được điều gì sẽ xảy ra, nếu những “dịch vụ” kiểu ấy ở Ả rập Xê út bị lộ: bắt bớ, trục xuất hàng loạt và thậm chí có thể bị xử tử hình. Thực ra cơ quan tình báo Ả rập Xê út đã biết điều này từ lâu và thậm chí còn khuyến khích những hoạt động này, nhưng chỉ chừng nào những người trong cuộc biết giữ mồm, giữ miệng. Người Mỹ còn bí mật đưa rượu vào đất nước Hồi giáo cấm rượu này dưới dạng “thực phẩm đóng hộp”. Tất nhiên người Ả rập Xê út cũng rất ưa chuộng thứ “đồ hộp” này.

Các cơ quan tình báo còn hay tung ra những thông tin sai lệch để lừa dối dư luận, ví dụ như về cái chết của danh ca người Mỹ Glenn Miller. Trong bất kỳ quyển bách khoa toàn thư nào người ta cũng có thể đọc được là Glenn Miller đã thiệt mạng trong một vụ tai nạn máy bay ở eo biển Măng sơ ngay trước Noel năm 1944. Nhưng nguyên nhân chính gây ra cái chết của danh ca này, theo hồ sơ của cơ quan tình báo, là anh ta đã bị nhồi máu cơ tim trong một chuyến vui thú ở nhà thổ. Nếu

đưa tin này lên báo thì sẽ làm hồng bầu không khí vui vẻ đón chào ngày lễ Noel của dân chúng mộ đạo ở Mỹ. Chính vì thế cánh tình báo đã thuê dệt nên một câu chuyện gây xúc động về cái chết của thần tượng của đa số người Mỹ này. Tất nhiên trong kết cấu của các cơ quan tình báo có vô số những sự thật gây chấn động như vậy.

Có thể so sánh những bí mật được lưu trữ trong các cơ quan tình báo như là một núi băng đang trôi: người ta chỉ có thể nhìn thấy được đỉnh núi, còn phần lớn tảng băng là chìm trong bóng tối!

Những bước tiến nhỏ trong quá trình công khai hóa

Trong quá trình thu thập tài liệu để viết quyển sách này lần đầu tiên BND cho phép người ngoại đạo ngó vào đằng sau sân khấu của mình. Các nhân viên lâu năm của BND đã kể chi tiết về công việc của họ và cũng không tiếc lời chê bai, phê phán. Họ giải thích cách thức nghe trộm trong phòng mà không cần cài rệp, cách nghe trộm điện thoại tại bất cứ nơi nào trên thế giới, cách lấy trộm toàn bộ thư mục của một máy tính mà không để lại một dấu vết nào và cách dùng điện thoại di động xác định phạm vi chuyển động của mục tiêu.

Những gì về kỹ thuật có thể làm được trong lĩnh vực giám sát bằng thiết bị điện tử thực sự đã làm cho người nghe khiếp sợ. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, những gì “có thể làm được đó” trên thực tế cũng đã được áp dụng.

Tất nhiên các nhân viên BND không phải lúc nào cũng nói lên sự thật, nhất là các chuyên gia công tác tại bộ phận tình báo kỹ thuật. Họ tìm mọi cách để hạ thấp khả năng kỹ thuật của mình. Họ nhận định một cách hết sức nghiêm túc rằng, hiện nay không một cơ quan mật vụ nào trên thế giới có thể dùng máy tính và ngân hàng ngôn ngữ để định hướng “hút” các cuộc trao đổi bằng điện thoại. Họ cũng lấy làm tiếc rằng, loại máy tính chuyên nhận biết tiếng nói chưa đủ sức để làm việc đó. Chả lẽ một cơ quan tình báo quyền uy như BND lại được trang bị tồi tệ hơn một viện nghiên cứu của hãng Philip ở Aachen hay sao? Có lẽ các chuyên gia “giấu giếm” của Cục II nên thử gọi điện thoại đến số máy 02 41-60 40 20 xem sao. Làm việc ở số máy này là một cô nàng người máy được trang bị một “tai điện tử”. Máy tính nhận biết tiếng nói được lắp ở đây có thể trả lời cho người gọi về các tuyến tàu hỏa tới hàng ngàn nhà ga trên đất Đức, cho dù người gọi đến nói bằng thứ tiếng địa phương nào đi chăng nữa? VẬY mà ở BND người cho

rằng, máy tính nhận biết tiếng nói của họ “chưa đủ độ chín” để hoạt động. Nhưng nếu trong lĩnh vực dân sự loại máy tính này - như loại của hãng Philip - đã được đưa vào sử dụng, thì chắc chắn rằng, những máy tính cùng loại nhưng hiện đại hơn nhiều cũng đã được sử dụng cho mục đích quân sự và tình báo. Tuy nhiên nhận thức này lại được coi là “bí mật” và bị người ta giữ kín. Có lẽ BND cũng không biết đến ngay cả chương trình “voiceman 2.0” của hãng Dasa có thể mua ở mọi nơi với giá 5.700 mác Đức và nhờ nó có thể biến một máy tính cá nhân thành một tổng đài điện tử hoàn toàn tự động nhận biết được hơn 10.000 lệnh được phát ra bằng tiếng nói. Bên cạnh đó Philip cũng đã tung ra thị trường từ lâu máy điện thoại di động đầu tiên trên thế giới có thể tự quay số gọi khi nghe lệnh bằng lời nói. Tại hội chợ Cebit 97, AEG cũng đã giới thiệu điện thoại di động “Teleport 90SO” hoạt động theo lệnh phát ra bằng lời nói. “Danh bạ điện thoại” lắp sẵn trong máy lưu số điện thoại và tên người. Người sử dụng máy chỉ cần đọc tên người có số cần gọi là máy tự động quay số. Tạp chí chuyên ngành “Connect” số tháng 6 năm 1997 đã viết: “Các hệ thống nhận biết tiếng nói thế hệ đầu tiên chỉ nhận biết được tiếng nói của chủ máy. Điện thoại di động hiện

đại ngày nay nhận biết tiếng nói mà không phụ thuộc vào việc người nói là ai". Công nghệ nhận biết tiếng nói của người Ixrael đã biến mọi chức năng trở thành điều có thể thực hiện được. Tất nhiên BND hợp tác với Ixrael trong những lĩnh vực kỹ thuật như vậy.

Nhưng có lẽ trước công luận họ giả vờ "điếc" về công nghệ này. Cung cách làm méo mó thông tin này của BND cho thấy họ vụng về và chậm chạp trong tiến trình công khai hóa như thế nào.

Công khai hóa nhưng bị "rọ mõm"

Đối với một số người ở Pullach thì việc cho một nhà báo vào "sân sau" của BND quan sát là một sự "cởi mở" thái quá. Tuy trong tất cả các cuộc trao đổi, tiếp xúc của tác giả quyển sách này diễn ra trong trụ sở BND đều có mặt phát ngôn viên (người phụ trách báo chí) của BND và một nhân viên Cục bảo vệ (Cục V) nhằm ngăn chặn từ trong mầm mống nguy cơ rò rỉ thông tin mật, nhưng ngay trước khi quyển sách này được xuất bản người ta vẫn tìm mọi cách để có được bản thảo, nhưng vô ích! Ngày 15 tháng 5 năm 1997 tác giả còn nhận được một công văn có in dấu đại bàng hản hoi của BND đề nghị "cùng xem lại bản thảo" với tác giả. Mong muốn này của BND đã không

được tác giả đáp lại. Cũng như từ thời Gehlen, vị cha đẻ của cơ quan tình báo Đức sau thế chiến thứ hai, ngày nay mỗi “quan tâm” của BND đối với cánh nhà báo vẫn tiếp tục tồn tại.

Khác với BND, các nhân viên của cơ quan điều phối hoạt động tình báo thuộc Phủ Thủ tướng dưới quyền Bộ trưởng Quốc vụ Bernd Schmidbauer lại luôn luôn cố gắng “chơi đẹp”. Đã nhiều lần họ bỏ qua các thủ tục hành chính rườm rà để giúp đỡ tác giả quyển sách này. Tuy nhiên chính Bộ trưởng Quốc vụ Schmidbauer thì đã rút lại bài báo của ông dự định viết cho quyển sách này với tựa đề “Gián điệp - lĩnh vực phát triển trong thiên niên kỷ sau”, có lẽ vì không thống nhất được với Pullach. Cựu giám đốc BND Heribert Hellenbroich - nhậm chức từ năm 1985 với nhiệm vụ cải thiện tình trạng tồi tệ trong Cục tình báo tác chiến (Cục I) - và Gad Shimron, một chuyên gia nắm biết đến tận ruột gan cơ quan tình báo Mossad của Ixrael, đã đóng góp hai bài viết về hoạt động của BND theo suy nghĩ của cá nhân họ cho quyển sách này. Ngược lại cựu giám đốc BND và đương kim Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Đức Klaus Kinkel thì lại viết như sau, sau khi đã suy nghĩ rất kỹ: “Tôi luôn luôn cho là sai lầm, nếu các thủ trưởng của cơ quan tình báo viết lách về công việc của

họ". Các cơ quan tình báo đối ngoại khác, như của Anh và Mỹ, cũng đã rút lại bài viết mà họ đã đăng ký trước cho quyển sách này. Người ta đã cảm thấy không an tâm. Có lẽ Pullach đã "đánh động" chẳng. Nhất là người Mỹ đã tìm mọi cách để có được bản thảo quyển sách này trước khi xuất bản. Mùa đông năm 1996-1997 cơ quan tình báo kỹ thuật Mỹ (NSA) đã "rút ruột" được một số chương quyển sách này từ máy tính của tác giả qua đường Internet, mà tác giả không hề biết. Mãi đến khi người Mỹ gọi điện thoại và hỏi tác giả về một số khái niệm và chương, mục của quyển sách thì tác giả mới ngớ người ra và cắt ngay đường Internet. Tác giả xin cảm ơn ông tiến sĩ Kersten, một quan chức cao cấp của Cục An toàn kỹ thuật điện tử Liên bang, đã giải thích cho tác giả cận kề "chu trình rút ruột". Tuy cuộc trao đổi diễn ra tại phòng làm việc của ông tiến sĩ có thể xác định được rõ ràng là đang bị nghe trộm, nhưng ông vẫn bình thản chấp nhận.

Ngày 1 tháng 3 năm 1997 tác giả gửi cho một nhân viên chi nhánh BND đặt tại Oasinhton mang mật danh Heimich Rosenlehner, tên thật là Hellmann, phân viết về các cục của BND với đề nghị không được chuyển tiếp cho người khác. Rosenlehner đã

nhận với tác giả là sẽ rà soát lại tính chính xác của chương này. Tuy nhiên chỉ ba ngày sau khi gặp tác giả, Rosenlehner đã bay về Đức và phần viết về các cục của BND được đệ trình lên Geiger Tổng giám đốc BND. Vài ngày sau đó, khi tác giả bay sang Riad (thủ đô Ả rập Xê út) để gặp nhân viên của BND ở đó, thì vị điệp viên này đã bị BND cho đeo “rọ mõm”. Chính ông ta cũng lấy làm tiếc về việc này. Và tất nhiên ở Pullach, trái lại với thái độ tích cực hợp tác của Phủ Thủ tướng, người ta đã luôn tìm cách gây ảnh hưởng đối với bản thảo của quyển sách này.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ngày nay, khi hệ thống các nước theo chủ nghĩa cộng sản trên thế giới bị phá vỡ, BND đang bị dồn vào chân tường. Người ta sợ tác dụng phê phán của các tài liệu được công bố. Tiếng nói của những người muốn giải tán cơ quan tình báo đối ngoại Đức ngày càng mạnh mẽ hơn. Lý do họ đưa ra là quá tốn kém, không hiệu quả và thừa. Mỗi năm cơ quan tình báo khổng lồ này ngốn của ngân sách hơn 700 triệu mác Đức. Liệu người ta có thể sử dụng số tiền này một cách hợp lý hơn không ?

Có nhiều ví dụ khiến người ta kinh ngạc về cung cách làm việc cầu thả của BND, như trong những lần BND định cài người vào các

nhóm quan sát viên quốc tế trong các cuộc bầu cử ở những điểm nóng. Trong cuộc bầu cử ở Palestin tháng giêng năm 1996 các quan sát viên châu Âu chỉ cần vài giờ đồng hồ là đã phát hiện ra người của BND được cài vào nhóm quan sát. Vậy mà có lẽ Pullach vẫn không cải tiến biện pháp nguy trang. Vì thế cho nên khi diễn ra cuộc bầu cử dạo mùa hè cùng năm đó ở Bosnia người ta cũng lại phát hiện ra một điệp viên của BND trong hàng ngũ các quan sát viên châu Âu. Và ngày 27 tháng 4 năm 1997 thì 150 quan sát viên quốc tế trong cuộc bầu cử quốc hội ở Yemen lại được một trận cười về BND khi phát hiện ra một “quan sát viên made in BND” trong hàng ngũ các quan sát viên thứ thiệt của châu Âu.

Các báo cáo của BND về tình hình ở Xudăng cũng không lấy gì làm kịp thời cho lắm. Làm sao người ta có thể lý giải được là thực tế tình hình sau đây ở Xudăng lại do giới báo chí phát hiện ra: mặc dù năm nào hàng chục ngàn người dân Xudăng cũng bị nạn chết đói đe dọa, nhưng chính quyền Khartum vẫn xuất khẩu hàng trăm nghìn tấn lương thực và dùng ngoại tệ thu được mua vũ khí. Trong khi Xudăng nhận được năm 1992 khoảng 335.000 tấn lương thực do quốc tế viện trợ, thì chính đất nước này lại xuất sang EU với điều kiện ưu đãi và để sử dụng làm thức ăn gia súc 98.000

tấn lúa mạch - loại lương thực cơ bản của người Xudăng. Xudăng còn đồng thời xuất hàng ngàn tấn thịt sang Irắc. Có lẽ cho đến khi giới báo chí phanh phui ra thì ở BND không ai tự đặt ra câu hỏi: tại sao châu Âu dùng tiền của EU một mặt trợ giúp lương thực cho Xudăng, nhưng mặt khác lại nhập lương thực từ Xudăng do chính EU trợ giá và như vậy vô hình chung giúp chính quyền Khartum ngoại tệ mua vũ khí.

BND cảm thấy không dễ dàng gì khi buộc phải thích nghi với những thách thức mới. Khi khối Vacxava sụp đổ thì bức tranh về cái gọi là “kẻ thù” của BND cũng biến mất theo. BND phải tìm những cơ cấu và mục tiêu mới. Giờ đây BND cần phải tham gia mạnh mẽ hơn nữa vào cuộc chiến chống nạn buôn lậu vũ khí và thuốc phiện quốc tế, chống nạn rửa tiền và buôn lậu nguyên liệu hạt nhân. Một trọng tâm mới nữa là các kế hoạch tăng cường vũ trang ở Trung Cận Đông. Iran đang tìm cách bí mật mở rộng ngành công nghiệp vũ khí và sản xuất tên lửa tầm trung. Như vậy là BND không thiếu việc để làm. Đối đầu với những thách thức mới nhưng với số ngân sách và điệp viên ít ỏi hơn, đó là nhiệm vụ không dễ dàng gì đối với BND, nhất là khi chính phủ Đức trong những tình huống mang tính chất quyết định

lại không những không ủng hộ mà còn bỏ mặc cho BND “chơi với”.

Có lẽ đối với các điệp viên của BND là một sự sỉ nhục, khi Thủ tướng Đức Helmut Kohl công khai tuyên bố, là ông không hề biết tí gì về việc một nhà máy sản xuất khí độc đang được xây dựng tại Li Băng, mặc dù về việc này báo cáo của BND đã nằm từ lâu ở Phủ Thủ tướng.

Ai cũng biết ông Kohl thường không thích dự những cuộc họp của cánh tình báo trong Phủ Thủ tướng, mà thích đọc và tin những tin tức của báo chí hơn. Tuy nhiên người ta có thể tự tin mà cung cấp các bản báo cáo của BND làm tài liệu đọc buổi tối cho Thủ tướng. Nếu làm được điều đó thì chắc Thủ tướng cũng nhận ra rằng, tuy nhiều điều chê bai khiến trách BND là thích đáng, nhưng sự tồn tại của cơ quan tình báo Đức không phải là thừa. Chưa bao giờ các bộ trong chính phủ đòi hỏi nhiều báo cáo của giới tình báo nhiều như bây giờ. Và cũng chưa bao giờ các bộ trưởng Đức lại được thông tin đầy đủ như bây giờ về việc có nên nhận một lời mời hay không, hay về ai là người có những vướng mắc trong đường dây buôn lậu thuốc phiện quốc tế, đâu là nơi nguyên liệu hạt nhân thường được đem ra buôn bán, hoặc loại tên lửa nào mang đầu đạn hóa học nào có thể bắn được tới lãnh thổ Đức.

Chính phủ Liên bang cũng có thể tranh

thủ được nhiều trong những lĩnh vực hoạt động của BND. Vì hợp tác với 200 cơ quan tình báo của các nước khác, nên người ta nói rằng, Pullach có một “sổ đen”! về các nghị sĩ quốc hội Đức. Những ông nghị Đức đi tìm những thú vui tình dục ở những nước xa xôi sẽ không lấy gì làm thích thú khi biết ở nước đó họ luôn được các cơ quan đối tác của BND “chăm sóc” cẩn thận và thường xuyên bị chụp ảnh và quay phim. Những tài liệu kiểu này sau đó được chuyển đến Pullach. Để đáp lại BND cung cấp cho cơ quan tình báo đối tác những thông tin về các chính khách của nước họ. Những người trong cuộc đều biết vụ một ông nghị năm 1996 đã tỏ ra quá “dễ tính” khi tới thăm một đất nước ở phương Đông xa xôi, hoặc vụ một ông nghị khác đầu năm 1997 tới thăm xứ A rập và tại đó đã cùng liên hoan mừng tình hữu nghị A rập - Đức với hai gái làm tiền người Nga. Cả hai vị đều lọt vào thước ngắm của BND. Tất nhiên không bao giờ tồn tại một cách chính thức những thông tin kiểu ấy ở Pullach, BND đã phủ nhận điều đó. Theo các điệp viên có thâm niên trong công tác và các chi nhánh ở nước ngoài của BND thì chỉ ít người của Cục tình báo tác chiến (Cục I) nắm được những bí mật loại này. Người ta cũng không biết là Pullach xử lý hoặc sử dụng những thông tin “giật gân” đó như thế nào. Có lẽ chúng cũng lại rơi vào máy hủy tài liệu, rồi biến thành tro bụi

trong lò đốt tài liệu của BND mà thôi....

Tuy BND bị phê phán và chê trách nhiều, nhưng Cộng hòa Liên bang Đức, với tư cách là một cường quốc công nghiệp trên thế giới và trong tương lai chắc sẽ nhận được một ghế thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, vẫn cần có một cơ quan tình báo đối ngoại. Không một chính phủ Đức nào trong tương lai gần nghĩ một cách nghiêm túc đến việc giải tán BND. Nhưng chỉ khi nào người dân Đức ý thức được rằng, ngành tình báo là một thành phần của xã hội chúng ta như các cơ quan nhà nước khác và là công cụ bảo vệ chúng ta không thể thiếu trong thời này, thì BND mới tìm được chỗ đứng bền vững trong tương lai của mình trong tiến trình thay đổi định hướng hiện nay. Khi đó hiệu quả của hoạt động tình báo, của BND, phụ thuộc vào việc có được giới lãnh đạo chính trị ủng hộ không và giới lãnh đạo sử dụng và kiểm soát BND như thế nào.

CHƯƠNG I

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHỀ GIÁN ĐIỆP

Loại nghề nghiệp lâu đời thứ hai trong lịch sử loài người. Nghề gián điệp có “thâm niên” như chính lịch sử loài người. Người ta thường đánh giá nghề nghiệp này là loại nghề nghiệp “lâu đời thứ hai” trên thế giới. Đối với giai cấp thống trị thì hoạt động của các điệp viên luôn luôn là một công cụ quan trọng bảo vệ chế độ chống lại những nguy cơ đe dọa từ bên trong và bên ngoài. Không chính quyền nào muốn phó thác cho số phận, mà muốn kịp thời nhận biết và đối phó những mối đe dọa.

Các chuyên gia ngày nay có thể tranh luận với nhau về thời gian và địa điểm ra đời của nghề gián điệp. Cho đến khi câu hỏi này được giải đáp, chúng ta phải tạm thời hài lòng với những gì được lưu truyền lại về nghề nghiệp này. Theo tài liệu thì nghề này ra đời từ khoảng bốn ngàn năm trước đây ở vùng Mesopotamien - ngày nay là Irắc. Hồi đó, Bannum, đội trưởng một đội tuần tra trên sa mạc đã viết lên một chiếc bảng bằng đất sét báo động cho thủ lĩnh của mình về việc

“các làng nằm ven biên giới của người Benjamiten đang trao đổi tín hiệu với nhau bằng cách đốt lửa”. Và trong “điệp vụ” lâu đời nhất của nghề tình báo này đội trưởng Bannum đã khuyến cáo thủ lĩnh của mình, nên tăng cường vọng gác bên tường thành bảo vệ thành phố. Chúng ta không được biết thủ lĩnh của Bannum đã phản ứng như thế nào đối với đề nghị này của anh ta. Ngày nay chúng ta chỉ nắm được những di cảo vụn vặt do lịch sử để lại về những bước đi đầu tiên của ngành gián điệp

Người Ả-rập cổ đại đã lập nên những đội cảnh sát mang tên “Matoì” với nhiệm vụ chính là đàn áp những người chống đối trong quá trình xây dựng kim tự tháp và tiến hành trình sát trước các cuộc hành quân chinh phục vùng Nubien.

360 năm trước Công nguyên nhà văn chuyên viết về chiến tranh Aineias gợi ý vận chuyển các tài liệu mật bằng cách bí mật nhét tài liệu đó vào giấy của nhân viên văn thư và khâu chặt lại. Ngoài ra còn xuất hiện các sáng kiến khác có giá trị như ghi chép lên giấy bằng thiếc mỏng để khi bị ngấm nước chữ không bị xóa nhòa đi. Có lẽ gợi ý Aineias đã rất hiệu nghiệm, vì cho đến tận ngày nay giấy dếp của cánh hậu bối vẫn rất hay được sử dụng làm nơi cất giấu bí mật. Nhà thơ người La Mã Ovid đã giới thiệu

cách sử dụng sữa lừa làm mực viết đặc biệt để viết những thông tin trao đổi “vô hình”. Người nhận thư chỉ cần dùng tro than củi là có thể đọc được.

Lịch sử của người Giéc-manh (người Đức bây giờ) kể lại rằng Bá tước Ebrachar là người Giéc-manh đầu tiên sử sách ghi chép được đã thành lập một toán quân với nhiệm vụ mà ngày nay chúng ta gọi là chống do thám.

Bí mật của những con tầm nhả tơ

Theo các nhà khảo cổ học thì “phân ngành” gián điệp kinh tế còn ra đời trước người anh em gián điệp quân sự. Từ thời cổ đại con người đã tìm cách tìm hiểu những bí mật kinh tế của người khác. Tài liệu ghi chép cổ đại nhất ngày nay chúng ta có được viết về gián điệp kinh tế là quyển “Tang Shu” viết vào thế kỷ thứ 5 ở Trung Hoa. Quyển sách này viết về sự việc xảy ra cách đây khoảng 1.500 năm, khi một công chúa Trung Hoa tìm cách bí mật đưa tầm nhả tơ từ Trung Nguyên sang Ấn Độ. Hồi đó tầm nhả tơ là nguồn gây lợi nhuận vô cùng to lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử, những con tầm - một bí mật quốc gia được giữ kín trong nhiều thế kỷ hồi bấy giờ của người Trung Hoa - được giấu kín dưới khăn trùm đầu của cô công chúa đã vượt ra ngoài biên giới Trung Nguyên để sang Ấn Độ. Nhưng Vương

quốc Đông La Mã lúc bấy giờ cũng rất muốn tìm đến nguồn lợi nhuận vô cùng to lớn trong buôn bán tơ tằm. Hoàng đế Justinian từ Ixtambul đã chiêu nạp một số thầy tu hồi đó đang truyền giáo ở Ấn Độ làm “gián điệp kinh tế” và đánh cắp bí mật sản xuất tơ tằm về Ixtambul. Năm 553 những đứa con của Chúa Trời này đã lấy được một ít trứng tằm và hạt quả dâu giấu vào những chiếc gậy đi đường bằng tre và đem về kinh đô của Vương quốc Đông La Mã. Chính họ là những người đã gây dựng nên nền móng đầu tiên cho ngành công nghiệp tơ tằm Byzantin sau này.

Trong khi ở trong các vương triều châu Âu người ta vẫn chỉ sử dụng những thám tử riêng rẽ để thu thập thông tin, thì giữa thế kỷ thứ 11 ở Trung Hoa, Wang An Shih đã thiết lập nên hẳn một hệ thống mật vụ trong xã hội. Sau này Tưởng Giới Thạch cũng đã noi theo hệ thống này để lập nên những tổ chức, cơ quan giám sát toàn bộ xã hội của mình.

Từ khoảng thời gian này trở đi tài liệu đã viết nhiều hơn về các hoạt động gián điệp. Nếu không có một mạng lưới thám tử dày đặc thì Hiệp hội các thành phố Bắc Đức hồi bấy giờ đã không trở thành tập đoàn kinh tế lớn mạnh đầu tiên của châu Âu. Chỉ trong vòng chưa đầy một thế kỷ sau khi Lubeck (một thành phố ở Bắc Đức ngày nay) được thành lập, giới thương nhân của

các thành phố lân cận như Hamburg, Bremen ... đã nắm được toàn bộ các thị trường ở Bắc và Tây Âu. Người Bắc Đức thời bấy giờ đã buôn bán trên khắp vùng biển Bắc và biển Ban Tích. Thông qua các thám tử giới chớp bu trong tập đoàn kinh tế này muốn thu thập được kịp thời những thông tin về các cuộc bao vây, về khả năng cung, cầu và qua đó đưa ra những quyết định chính xác đem lại những khoản lợi nhuận kếp xù.

Ngay cả Thành Cát Tư Hãn cũng đã không thành công trong những cuộc chinh chiến liên miên nếu không duy trì một đội quân thám báo đông đúc, thường được cải trang như những kẻ hành khất hoặc hát rong để thu thập thông tin cho các đạo quân. Khi cơn bão táp Mông Cổ tiến đến gần châu Âu thì chính Giáo hoàng Gregor IX (1227 - 1241) cũng đã cử các thầy tu cải trang làm thường dân đi do thám động tĩnh của quân Mông Cổ. Trong các thế kỷ sau Vatican cũng đã rất tích cực trong hoạt động do thám các nước khác và dần dần nhà thờ đã thành lập nên một trong những tổ chức tình báo có thế lực nhất thế giới.

Nghệ thuật mật mã

Cũng trong khoảng thời gian đó nghệ thuật mật mã trong giới ma túy ở thành phố Venedig thơ mộng đã đạt được đỉnh cao trên thế giới. Tất

nhiên nếu càng ngày càng có nhiều thông tin bí mật được gửi đi dưới dạng mật mã thì nhu cầu của đối phương muốn giải mã các thông tin đó sẽ càng cao lên. Và như thế đã hình thành một đội ngũ những chuyên gia tạo nên mật mã và giải mã được trả lương rất hậu trong các triều đình châu Âu. Venedig là thành phố châu Âu đầu tiên cử đại sứ đi nước khác và cũng là vương quốc đầu tiên cho lưu trữ mọi tài liệu quốc gia tại một địa điểm nhất định. Cùng với Tòa thánh Vatican, Venedig cũng là quốc gia đầu tiên cố gắng lưu trữ đầy đủ những tài liệu bí mật quốc gia, bao gồm những hiệp ước, hiệp định, báo cáo, thư từ trao đổi. Sau này ngành gián điệp càng ngày càng trở thành một phương tiện được các nhà ngoại giao và các Chính phủ sử dụng một cách có hệ thống.

Ngoại giao gián điệp

Nhiều cơ cấu tổ chức ngành gián điệp hiện đại ngày nay ra đời từ thời kỳ Phục hưng, thời kỳ đổi mới văn hóa châu Âu thế kỷ thứ 15 và 16. Một thời đại mới bắt đầu trong nghệ thuật và khoa học. Trong cuộc sống xã hội bắt đầu một cuộc chiến gay gắt tranh giành quyền lực và ảnh hưởng tôn giáo, kèm theo là các âm mưu lật đổ, mưu phản và tất nhiên là các hoạt động gián điệp. Đến nửa cuối thế kỷ thứ 16 ở các nước như

Anh, Pháp và Tây Ban Nha đã hình thành một mạng lưới dây đặc thám tử. Các nhà ngoại giao và các vị Đại sứ bị buộc phải cam đoan hoạt động do thám bên cạnh công việc chính thức của họ.

Hồng y giáo chủ Richelieu dưới thời Luy thứ XIII (1585 - 1642) và nổi tiếng với hậu thế qua tác phẩm “Ba chàng ngự lâm pháo thủ” của Duma là người đã sáng lập nên một cơ quan tình báo chính trị được tổ chức rất chặt chẽ và là bậc thầy quan trọng đầu tiên của nước Pháp về các thủ đoạn ngoại giao. Không chỉ ông đã dăng một mạng lưới điệp viên dây đặc khắp nước Pháp của ông, mà ở Anh quốc Francis Walsingham (1537 - 1590) cũng đã thành lập một cơ quan mật vụ được tổ chức tương đối tốt. Năm 1587 chính ông là người đã khám phá ra âm mưu thoán nghịch nhằm lật đổ Nữ hoàng Elisabeth đệ nhất (1533 - 1603), một người theo đạo Tin lành. Người dự định sẽ lên ngôi thay thế Elisabeth là Nữ hoàng Scốtlen Maria Stuart, một người theo đạo Cơ đốc. Khi âm mưu thoán nghịch bị phát hiện, Maria Stuart đã bị chặt đầu. Walsingham đã bổ sung rất nhiều những công cụ mới phục vụ cho mục đích gián điệp. Theo lệnh của ông, khi bóc trộm thư tín thì xi niêm phong được bóc bằng một phương pháp đặc biệt, sao cho sau khi đọc xong thư lại được niêm phong trở lại mà người nhận không thể biết được. Điểm cơ bản trong phương

pháp này là phải giữ lại được dấu ấn đóng lên xi niêm phong. Điệp viên của Walsingham có mặt ở khắp mọi nơi, từ Nanté, Rouen, Le Havre, Brussel, Đan Mạch, Vaticăng đến Krakov thuộc Ba Lan ngày nay và nhất là Tây Ban Nha. Tại đây ông cho người của mình đóng giả là thợ đóng tàu lang thang do thám khắp các hải cảng của Tây Ban Nha, một cường quốc trên biển lúc bấy giờ. Dựa trên những thông tin thu được ông đã có đủ thời gian để chuẩn bị cho hạm đội Anh quốc, về số lượng nhỏ bé hơn rất nhiều, đối đầu với 129 chiến hạm và 30.000 binh sĩ của Tây Ban Nha. Về khía cạnh số phận thì người ta hồi đó cho rằng, thất bại của hạm đội Armanda bách chiến bách thắng là sự trừng phạt của Chúa, nhưng trên thực tế chiến thắng của người Anh năm 1588 chủ yếu là dựa trên kết quả do thám.

Cùng thời gian đó dòng họ Thurn Taxi nắm ngành bưu điện lúc bấy giờ ở Đức đã cho bí mật mở thư tín, bưu phẩm. Tại Frankfurt, Regensburg, Augsburg, Numberg và Eisenach tất cả thư tín đã bị phân loại và đọc. Có những mật thám chuyên hoạt động trong lĩnh vực thư tín hồi bấy giờ thậm chí được phong phẩm tước. Tuy nhiên một cơ quan mật vụ nhà nước hoạt động theo kế hoạch vẫn chưa được thành lập vì nước Đức hồi bấy giờ bị xé lẻ ra nhiều vương quốc nhỏ bé và vì thiếu một quyền lực tập trung sau

khi kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm (1618 - 1648). Mãi đến khi nước Đức được thành lập (1815 - 1866) mới có những bước đi rụt rè đầu tiên trong tiến trình thành lập một cơ quan mật vụ trung ương.

Một loại hình gián điệp mới

Nếu Daniel Defoe (1650 - 1731), tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng thế giới “Robinson Crusoe”, vẫn còn là một điệp viên hành động theo nguyên tắc dân tộc chủ nghĩa và luôn thành công trong việc nguy trang cho hoạt động của mình dưới vỏ bọc nhà văn chuyên viết về những đề tài mới, thì giữa thế kỷ thứ 18 đã hình thành một loại hình gián điệp mới dựa trên tính ưa phiêu lưu mạo hiểm của tầng lớp thượng lưu. Thuộc loại điệp viên “thượng lưu” thời bấy giờ, ví dụ như Giacomo Girolamo Casanova (1725 - 1798) còn gọi là Casanova nổi tiếng là người hùng của phái đẹp, là nhà triết học và ngoại giao. Casanova đã do thám tình hình các chiến thuyền, trang bị và số lượng thủy thủ đối phương cho Pháp. Còn Daniel Defoe thì hoạt động như một bậc thầy về do thám cho Nữ hoàng Anh Stuart. Trên vùng đất Scotlen thù địch ông tìm hiểu thái độ của dân chúng Scotlen đối với dự kiến thống nhất nghị viện Anh quốc và nghị viện Scotlen. Ngoài ra Daniel Defoe còn đưa ra một lý

thuyết về hoạt động mật vụ mà trong đó ông khuyến nghị Chính phủ thực thi những phương pháp do thám như của một bộ máy cảnh sát ngày nay.

Friedrich đại đế, một bậc thầy về giữ bí mật cũng đã sử dụng phương pháp do thám khi ông chuẩn bị cho các cuộc hành quân của mình. Chính ông đã từng tuyên bố rằng, trong chiến trận ông chỉ cần một đầu bếp, nhưng cần hàng trăm quân do thám. Đào tạo nông dân thành quân do thám dễ hơn là để tướng tá, nguyên soái đội lốt nông dân đi do thám.

Trúng rùa và những cỗ máy hơi nước

Sau chế độ phong kiến là thời kỳ phát triển công nghiệp, mở rộng quyền lực và nâng cao mức sống cho tầng lớp thống trị. Tất nhiên giai đoạn mới này đặt ra cho ngành gián điệp kinh tế những nhiệm vụ to lớn. Có lẽ nhà truyền giáo người Pháp ở Trung Hoa, ông d'Entrecolles, là người châu Âu đầu tiên được đến thăm nhà máy sản xuất đồ sứ của hoàng đế Trung Hoa và phát hiện ra ở đó phương pháp sản xuất đồ sứ đã từng là một bí mật từ hàng trăm năm nay đối với người châu Âu. Giá trị độc tôn của đồ sứ Trung Hoa cho đến thời điểm đó vẫn tồn tại chừng nào ngoài Trung Hoa ra không ai có thể nắm bắt được bí mật

công nghệ sản xuất. Các nhà bác học phương Tây đã hoài công pha trộn các nguyên liệu như thạch cao, trứng rùa, vỏ sò..., nhưng họ vẫn không cho ra đời được đồ sứ. Năm 1712 những báo cáo đầu tiên của nhà truyền giáo về công thức pha trộn đã được gửi về Paris. Mãi đến khi đó người Pháp mới sản xuất được thứ đồ sứ khả dĩ ngang tầm với sản phẩm của Trung Hoa. Tuy nhiên vì không chỉ có người Pháp tiến hành do thám kinh tế, nên không lâu sau các thám tử của Anh, Áo và Xéc-xông (thuộc Đức ngày nay) đã lấy được bí mật công nghệ này và vì thế trên các quốc gia này cũng đã xuất hiện những nhà máy sản xuất đồ sứ.

Một đạo luật của Pháp năm 1791 đã thể hiện việc do thám các công xưởng, nhà máy hồi bấy giờ được khuyến khích một cách công khai như thế nào. Đạo luật này bảo hộ bản quyền của những nhà phát minh, nhưng dưới một dạng khác với ngày nay. Đạo luật này bảo đảm cho người đầu tiên mang được một sản phẩm nước ngoài nào đó vào Pháp có quyền ngang bằng như người chế tạo ra sản phẩm đó! Có lẽ vì thế mà không ai lấy làm ngạc nhiên khi các thám tử công nghiệp bám sát gót nhà sáng chế người Anh, Thomas Newcomen làm ra máy hơi nước đầu tiên năm 1711. Emanuel Fischer, một người Đức khác, cũng đã cải trang là một công nhân

trong một số nhà máy ở Birmingham để lấy mẫu những cỗ máy mới ra lò và từ đó tự mình “sáng chế” ra một máy hơi nước được sử dụng làm máy bơm nước trong những hầm lò ở Xlôvác năm 1722. Những kinh nghiệm gián tiếp kinh tế tương tự như vậy người ta cũng có thể tìm thấy liên quan đến công nghệ kéo sợi bông sau này và trong ngành công nghiệp cao su phục vụ cho sản xuất sản phẩm lốp ô tô và dây đai.

Khi Napôlêông tuyên bố khóa chặt lục địa và người Anh trả lời bằng một chiến dịch phong tỏa vùng biển nước Pháp thì hầu như không một cây mía nào lọt được vào châu Âu lục địa. Napôlêông là một người thích ăn ngọt đã tung ra những thám tử giỏi nhất để tìm cách cứu nước Pháp khỏi cuộc “khủng hoảng đường”. Các thám tử của hoàng đế tìm ra một số nhà hóa học đã tinh chế ra đường không bằng phương pháp cổ điển (từ cây mía) mà từ củ cải đường. Có thể nói, sự phát triển thành công của cây củ cải đường ở châu Âu là nhờ phần lớn vào “công lao” của Napôlêông và các thám tử của ông ta.

“Cơ quan thông tin trung ương”

So với hệ thống mật vụ và do thám đầy uy quyền của người Pháp đầu thế kỷ thứ 19 thì cơ quan mật vụ của người Anh đã chứng tỏ là ngang tài ngang sức, thậm chí có khi còn vượt

trội. Chính cơ quan mật vụ Secret Service (SS) của Anh quốc đã góp công lớn trong việc ngăn chặn sự bành trướng của Napôlêông và đánh bại ông ta trong trận Oatéclo lịch sử năm 1815.

Vào đầu thế kỷ thứ 19 mật vụ của Nga hoàng cũng khổng chế gần như mọi lĩnh vực trong cuộc sống xã hội. Tuy nhiên họ cũng không ngăn chặn được vụ một số sĩ quan quân đội đã giết chết Nga hoàng Paul đệ nhất trong đêm 11 rạng sáng ngày 12 tháng 3 năm 1801. Trong tổng số 18 Nga hoàng dòng họ Romanov thì 5 người đã chết một cái chết không bình thường. Tất nhiên những kẻ chủ mưu không chỉ chú ý đến cái đầu của nhà vua. Họ hàng của vua trong vương triều, các cận thần và quan chức cao cấp trong triều lúc nào cũng phải tính đến khả năng xấu nhất có thể xảy ra đối với họ. Cơ quan mật vụ Ochrana của Nga hoàng vào thời kỳ 1900 có khoảng 100.000 thám tử.

Khi thủ tướng Đức Otto von Bismarck bị mưu sát năm 1866 ở Phổ thì người ta quyết định thành lập cơ quan mật vụ lấy tên là “Cơ quan thông tin trung ương” ở Berlin. Nhiệm vụ chính của cơ quan này là theo dõi các hoạt động có khuynh hướng xã hội dân chủ và khi xảy ra chiến tranh thì trà trộn vào quân đội đối phương. Cơ quan thông tin trung ương góp phần cơ bản vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống Pháp

năm 1870-1871. Trước khi cuộc chiến bùng nổ quân do thám Đức đã điều tra kỹ lưỡng tình hình chiến lược của Pháp. .

Trong khuôn khổ một cuộc cải tổ quân đội năm 1905, cơ quan tình báo quân sự của Anh quốc cũng được phân chia lại. Từ cơ quan tình báo quân sự vốn có đã hình thành cơ quan tình báo đối ngoại MI-6 và cơ quan phản gián trong nước MI-5.

Điệp viên Mata Hari đi vào “dân ca trong nghề gián điệp”

Cho đến cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất thì hoạt động gián điệp đã đạt được một phạm vi ảnh hưởng mà trước đó không ai lường tới. Lần đầu tiên trong lịch sử, bằng điện đài, thông tin đã có thể nhanh chóng được truyền đi xa. Trong quân đội đã hình thành những đơn vị tình báo điện đài - một lĩnh vực mới trong ngành gián điệp và tất nhiên cả những đơn vị chuyên môn giải mã, một chuyên môn của ngành tình báo mà cho đến nay vẫn đóng một vai trò rất quan trọng. Chính trong thời gian này các điệp viên như Thomas Edward Lawrence (1888 - 1935), còn gọi là Lawrence of Arabica, và Margaretha Gertruda Zelle (1876 - 1918), còn gọi là Mata Hari, đã đạt được những thành công vang dội trên thế giới. Thu thập thông tin kịp

thời và chính xác là những thành công cơ bản nhất của Lawrence khi ông giúp người Ả rập đứng lên chống lại ách đô hộ của người Thổ. Dưới sự lãnh đạo của ông, người Ả rập đã phá hủy 79 chiếc cầu và tàu hỏa và liên tục cắt đứt đường liên lạc điện tín của người Thổ.

Mata Hari có lẽ được coi là điệp viên thành công nhất trong lịch sử gián điệp. Tuy nhiên những chiến tích trên lĩnh vực tình báo của Mata Hari thực ra không to lớn như người ta từ trước đến nay vẫn lầm tưởng. Trên thực tế người ta đã dùng Mata Hari để thêm dệt lên một dạng “truyền thuyết” về nghề gián điệp. Các cơ quan mật vụ của Đức, Pháp và Anh đều nghi ngờ Mata Hari hoạt động gián điệp, nhưng đều không có bằng chứng thuyết phục, ngoại trừ họ biết được việc Mata Hari đã chung chăn gối với nhiều sĩ quan Đức và ít nhất là với một sĩ quan Pháp. Dưới cái tên nghề sĩ của mình, Mata Hari đã hành nghề vũ nữ. Tháng 10 năm 1917 Mata Hari đã bị người Pháp hành quyết tại trại lính Vincennes. Chính cái chết và những chi tiết thêm thắt về hoạt động gián điệp của Mata Hari đã thêm dệt nên bức tranh về những chiến tích tình báo không tiền khoáng hậu của cô. Sau này báo chí còn tôn cô lên thành một bậc thầy trong nghề gián điệp, thậm chí thành một người anh

hùng mang đầy màu sắc lãng mạn đã gây ảnh hưởng đáng kể đến kết cục của cuộc chiến tranh.

Về phương diện hoạt động tình báo thì trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất trước hết phải nói đến sự đánh giá diễn biến tình hình sai của tất cả các cơ quan tình báo. Không ai đã phán đoán được đây sẽ là một cuộc chiến tranh hao người tốn của và kéo dài. Sau cuộc cách mạng năm 1917 ở Nga, những người Bôn-sê-víc đã thành lập cơ quan tình báo Tscheka, tiền thân của KGB sau này. Tscheka là chữ đầu trong tiếng Nga của những từ sau đây: *Ủy ban đặc biệt toàn Nga chống phản cách mạng, đầu cơ và phá hoại*. Ban đầu thực ra Tscheka chỉ là một cơ quan chuyên truy nã tội phạm, còn truy tố và xét xử là nhiệm vụ của tòa án nhân dân. Nhưng điều đó đã thay đổi trong thời gian phe cách mạng lên nắm chính quyền.

Cuộc săn lùng khóa mật mã

Các phe chính trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đã gặt hái được những chiến tích khác nhau trong lĩnh vực tình báo. Khi chiến tranh bùng nổ ở châu Âu năm 1939 thì trái lại với Mỹ, các nước Liên Xô, Đức, Anh và Nhật đã có cơ quan tình báo đối ngoại hoạt động tốt. Riêng Mỹ mãi đến năm 1947 mới thành lập CIA. Cơ quan mật vụ chính thức đầu tiên của Anh

được thành lập vào đầu thế kỷ này. Theo sau là Đức năm 1913, Nga năm 1917 và Pháp thì mãi đến năm 1935. Rudoven, vị tổng thống thứ 32 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ là một người rất ưa thích hoạt động của ngành gián điệp giống như thủ tướng Anh quốc Sôcxin thời bấy giờ. Người ta kể lại rằng, khi còn là Thứ trưởng Bộ hải quân trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất Rudoven đã đích thân tham gia hoạt động gián điệp! Sau này khi trở thành tổng thống Mỹ mỗi quan tâm về lĩnh vực này của ông lại tăng lên gấp bội. Tuy vào thời kỳ đầu chiến tranh thế giới lần thứ hai, nước Mỹ chưa có một cơ quan trung ương về lĩnh vực tình báo, nhưng Oasinhton vẫn được những cơ quan tình báo khác cung cấp thông tin. Từ 1882 đã có cơ quan tình báo Hải quân, từ 1885 cơ quan tình báo chung của quân đội và FBI được thành lập năm 1910. Chính nhờ Rudoven mà ý tưởng về việc thành lập một cơ quan tình báo trung ương được Oasinhton càng ngày càng quan tâm. Tuy vậy mãi đến thời đại Truman, người kế nhiệm Rudoven, thì từ các cơ quan tình báo của quân đội, hải quân và bộ ngoại giao mới được thành lập một cơ quan điều phối hoạt động tình báo chung vào năm 1946. Chính cơ quan điều phối này là tiền thân của CIA được thành lập một năm sau đó.

Có lẽ nhân tố gây ảnh hưởng lớn nhất đến

kết cục của cuộc chiến tranh là các chuyên gia phá khóa mật mã của quân đội đồng minh. Năm 1974 thượng tá Winterbotham, nguyên lãnh đạo cơ quan tình báo không quân Anh, đã cho xuất bản cuốn sách mang tên “Tối mật”. Sau khi cả một thế hệ đã phải im lặng thì nay ông đã công bố bí mật được giữ kín nhất của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai: quân đội đồng minh đã giải được mật mã của quân Đức và đã nắm được các cuộc trao đổi của quân Đức trong suốt cuộc chiến. Một cuộc “đột nhập” như vậy vào mạng lưới thông tin của đối phương là chưa từng có trong lịch sử quân sự. Các chuyên gia giải mã của Anh đã phá được khóa mật mã mang tên “Enigma” nổi tiếng của quân Đức. Khóa mật mã Enigma được một kỹ sư người Berlin tên là Arthur Scherbius tìm ra ban đầu nhằm bảo vệ các bí mật kinh doanh và được người Đức cho rằng, không có cách nào để giải được. Người giải được mã chỉ là người nắm được các vị trí được thay đổi liên tục của trục máy phát mật mã Enigma. Chuyên gia tình báo người Anh Phillip Knightley đã viết như sau trong quyển “Ngành gián điệp trong thế kỷ 20” về hệ thống mật mã Enigma: “Thiết bị phát là một bàn phím máy chữ, trên đó là dãy chữ cái và mỗi chữ cái có một bóng đèn đi kèm. Nếu người sử dụng ấn một phím nào đó thì người đó sẽ tạo ra một loạt các xung động điện.

Khi các xung động đó ngừng thì cũng là lúc một bóng đèn nào đó bật sáng. Ví dụ như lần đầu anh ta ấn phím chữ P thì bóng đèn trên chữ K sẽ bật sáng. Nhưng nếu anh ta ấn chữ P một lần nữa thì lần này chữ Q lại bật sáng. Cứ như vậy thiết bị mật mã biến một câu trọn vẹn thành một dãy các chữ cái có vẻ như vô nghĩa. Khi nhận tin người nhận chỉ cần đưa máy nhận vào một vị trí sao cho xung động điện được tạo ra giống như của máy phát, rồi ấn phím “viết lại” dòng tin. Quá trình được tạo ngược trở lại và các bóng đèn bật sáng sẽ tái tạo những dòng chữ ban đầu. Một người thứ ba chặn được tin và muốn giải mã thì phải cần máy mật mã Enigma và mã xung động điện được người phát và người thu sử dụng cho chính dòng tin đó”.

Mãi đến khi có được máy tính “Colossus” - chiếc máy tính điện tử đầu tiên trên thế giới - người Anh năm 1940 mới tìm ra mã số được thay đổi theo chu kỳ của Enigma. Nhờ đó quân đội đồng minh thu được những thông tin chính xác về các kế hoạch tấn công của đối phương. Tuy điều đó không bảo đảm được cho họ thắng lợi cuối cùng, nhưng cũng đã tác động lên những kế hoạch quân sự của họ. Ví dụ như năm 1943 bằng cách đó quân đội đồng minh đã đập tan hạm đội tàu ngầm của Đức Quốc xã đang dự định phong tỏa những tuyến đường biển quan trọng của

quân đồng minh trên biển Bắc Đại tây dương.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai nước Đức có hai cơ quan hoạt động tình báo: cơ quan phản gián dưới quyền của đô đốc Canaris, sau này bị xử tử hình tháng 4 năm 1945, và cơ quan an ninh. Cơ quan phản gián hồi đó trực thuộc quân đội, còn cơ quan an ninh nằm trong tay lực lượng SS - một cánh tay của đảng Quốc xã.

Nhiều truyền thuyết đã được thêu dệt về tình báo Đức trước và trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trước hết phải đề cập đến một nhận định hay được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhưng lại không đúng sự thật là nhờ công lao của gián điệp Đức nên ngay từ năm 1939 không quân Đức đã có thể sẵn sàng tham gia cuộc chiến tranh. Tuy mục tiêu chính của gián điệp Đức cũng là các thông tin về kinh tế và kỹ thuật quan trọng đối với chương trình vũ trang của Hítler và các điệp viên Đức cũng có thể lấy được các tài liệu về vũ khí quân trang từ nước ngoài, xong ngược lại với cái gọi là “truyền thuyết về kỳ tích của tình báo Đức” nhiều tài liệu loại đó đã được các công ty nước ngoài cung cấp cho Đức trong suốt cuộc chiến tranh. Ví dụ như theo một thỏa thuận mang tính chất các-ten (tập đoàn độc quyền) các công ty của Đức và Mỹ có thể trao đổi với nhau không hạn chế những phát minh mới. Đầu những năm ba mươi, tập đoàn hóa chất Dupont

của Mỹ đã trao đổi với các công ty Đức thông tin về sản xuất thuốc nổ. Sperry Gyroscope, một công ty khác của Mỹ, đã cho phép một công ty của Đức sản xuất thiết bị điều khiển bay tự động và thiết bị nghe trộm tại Đức theo thiết kế của Mỹ. Công ty Pratt & Whitney của Mỹ đã cung cấp cho Đức động cơ, cánh quạt máy bay và phụ tùng, cũng như trao cho công ty BMW của Đức những chi tiết về kết quả và dự định nghiên cứu khoa học của hãng. Công ty dầu lửa Standard Oil đã bán cho một đối tác Đức công nghệ sản xuất thuốc nổ mới và đến tận năm 1940, tức là chỉ một năm trước khi người Mỹ chính thức tham chiến, Bendix Aircraft vẫn còn cung cấp cho công ty Robert Bosch của Đức tài liệu thiết kế để sản xuất chế hòa khí cho động cơ máy bay và như vậy thậm chí đã phá vỡ lệnh phong tỏa của người Anh lúc bấy giờ đối với nước Đức Quốc xã

Nhưng không chỉ có Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã giúp đỡ nền công nghiệp chiến tranh của Hítler. Thụy Điển, một nước trung lập trong cuộc chiến tranh này, cũng có mối quan hệ thương mại chặt chẽ với Đức Quốc xã trong thời gian chiến tranh và đã cung cấp cho bộ máy chiến tranh của Hítler quặng sắt và, như tin lần đầu tiên được công bố năm 1997 thậm chí cả linh kiện cho bom bay V-2. Theo thủ tướng Anh Sôcxin hồi bấy giờ, trong năm 1944 bom bay V-2

của Đức đã cướp đi sinh mạng của hơn 2.700 người dân Anh quốc. Ngoài ra Thụy Điển còn cho phép quân đội Quốc xã qua lãnh thổ Thụy Điển để tiến vào nước Na Uy bị chiếm đóng. Như vậy không phải là những “chiến công” của điệp viên Đức, mà chính là những lợi ích kinh tế trong nhiều trường hợp đã cung cấp cho Đức Quốc xã những tài liệu quý giá, mà sau này “bộ máy tuyên truyền” đã thổi phồng lên như những chiến tích của tình báo Đức.

Trong một trường hợp khác Thụy Điển cũng đã hợp tác rất chặt chẽ với Hítler nhưng có vẻ như ngày nay họ đã quên đi vụ việc ngày đó: trong chiến tranh thế giới lần thứ hai Chính phủ Thụy Điển đã mua vàng được mang từ Đức sang. Đó là số vàng của Quốc xã đã cướp của người Do Thái. Đài truyền hình SVT của Thụy Điển và hãng thông tấn xã TT đã đưa tin về vụ việc này giữa tháng 4 năm 1997. Dường như Hội chữ thập đỏ quốc tế cũng đã hợp tác với Đức Quốc xã: đây là tổ chức quốc tế duy nhất được đến thăm các trại tập trung của bọn Quốc xã. Theo tài liệu do tờ “USA Today” công bố tháng 5 năm 1997 thì Hội chữ thập đỏ quốc tế hồi đó đã được thông tin rất rõ về những hoạt động mang tính chất diệt chủng của chế độ Quốc xã. Nhà lịch sử học Alan Kraut của trường đại học tổng hợp Oasinhton đã nói: “Hội chữ thập đỏ đã biết rất rõ sự thật,

nhưng đã không có một lời tuyên bố nào”. Chủ tịch Hội chữ thập đỏ quốc tế, ông Sommaruga, thừa nhận là có “sai sót”. Người ta đã không công bố tư liệu về những vụ giết người hàng loạt để có thể dễ dàng vào ra các trại tập trung và để tự biện minh cho vai trò “trung lập” của mình.

Những đánh giá sai lầm về khả năng chế tạo bom nguyên tử

Có lẽ tất cả các cơ quan tình báo trên thế giới đã rút ra được bài học cho mình qua sự kiện quan trọng nhất hành tinh xảy ra năm 1949. Ngày 29 tháng 4 năm 1949 một đám mây hình nấm khổng lồ xuất hiện trên bầu trời trong trẻo của Kazácxtan. Chỉ bốn năm sau khi người Mỹ cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên trên thế giới thì Liên Xô, trái lại với mọi nhận định, báo cáo của CIA, cũng đã trở thành một cường quốc hạt nhân. Tổng thống Mỹ Truman đã tin vào những báo cáo của CIA đến mức độ ngay cả những kết quả xét nghiệm nước mưa đầu tiên có chứa phóng xạ cũng không thuyết phục được ông. Hồi đó CIA đã bảo đảm với tổng thống là Liên Xô cần ít nhất từ 10 đến 15 năm mới chế tạo được bom nguyên tử. Đánh giá sai lầm này của CIA đã trở thành một bài học cực kỳ to lớn cho tất cả các cơ quan tình báo trên thế giới. Từ đó các cơ quan tình báo đã thay đổi hẳn cách viết báo cáo, sao

cho họ không bị ràng buộc vào một nhận định thật cụ thể nào! Nhưng khi đưa ra những báo cáo sai lầm thì họ biện minh bằng tình hình tài chính khó khăn và trang bị thiếu thốn của cơ quan.

Pavel Xudôplatôv, một vị tướng trước kia của KGB, đã viết như sau về quá trình chế tạo bom nguyên tử ở Liên Xô: “Tháng 12 năm 1943 Stalin ký một nghị định thành lập một ủy ban đặc biệt phụ trách việc sử dụng năng lượng nguyên tử phục vụ cho mục đích quân sự”. Theo ông thì “tất cả những cán bộ, nhân viên người Nga làm trong dự án nguyên tử này đều được ăn uống và chăm sóc y tế tốt hơn. Họ nhận được nhà ở và tem phiếu để mua hàng trong những cửa hàng đặc biệt. Đồng thời chúng tôi cũng đã tiến hành thành công những hoạt động tình báo. Chủ yếu là chúng tôi tìm cách đột nhập được vào khu vực Los Alamos, lò phản ứng hạt nhân ở Oak Ridge, Tennessee và các phòng thí nghiệm. Ngoài ra chúng tôi cố gắng cài người của chúng tôi vào các công ty đang thực hiện các đơn đặt hàng của Chính phủ”. Nếu tin vào Xudôplatôv thì chính Robert Oppenheimer, người được ca ngợi là “cha đẻ của quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ” hồi đó đã bí mật tạo điều kiện chuyển giao những kiến thức của ông cho Liên Xô.

Xudôplatôv còn cho biết: “Thông qua

Katherine chúng tôi đã có thể thuyết phục được Elizabeth Sarubina và Cheifetz Oppenheimer không đưa ra những tuyên bố nào chứng tỏ thiện cảm của họ đối với lực lượng cánh tả hoặc cộng sản, để FBI không chú ý đến họ... và như vậy Oppenheimer cùng với Fermi và Szilard đã góp phần vào việc đưa người của chúng tôi vào làm trợ lý trong ba phòng thí nghiệm ở Tennessee, Los Alamos và Chigago.... Các báo cáo của Oppenheimer và cộng sự về những tiến bộ trong dự án Manhátan (dự án nguyên tử) dưới dạng báo cáo miệng hoặc văn bản đã được bí mật chuyển đi, mặc dù các nhà khoa học biết được rằng, các tài liệu đó rút cục cũng được chuyển về Mátxcơva. Tổng cộng chúng tôi đã nhận được từ Oppenheimer 5 bản báo cáo loại mật về những tiến bộ đã đạt được trong quá trình chế tạo bom nguyên tử. Mười hai ngày trước khi quả bom đầu tiên được lắp đặt tại Los Alamos chúng tôi đã nhận được từ Oasinhton và cả từ New York bản mô tả thứ vũ khí mới này... Nói tóm lại là những tài liệu chúng tôi nhận được từ Mỹ và Anh có chất lượng và số lượng tuyệt vời đến mức chúng tôi có thể tự thực hiện được một dự án hạt nhân riêng của chúng tôi. Các báo cáo chi tiết đó chứa đựng những hướng dẫn cụ thể về thiết kế và vận hành một lò phản ứng hạt nhân, cũng như về phương pháp khai thác và làm giàu uran và

plutonium... Stalin đã sửng sốt trước những khả năng có thể có được nhờ quả bom nguyên tử... Fuchs đã thông báo cho chúng tôi là người Mỹ hàng tháng sản xuất 100 kg uran loại 235 và 20 kg plutonium. Thông tin này rất quan trọng vì qua đó chúng tôi có thể tính toán được số bom nguyên tử Mỹ hiện có. Qua đó chúng tôi đã có thể nhận định được rằng, cuối thập kỷ 40 đầu thập kỷ 50 người Mỹ chưa đủ lực để tiến hành một cuộc chiến tranh hạt nhân chống lại chúng tôi... Đầu thời kỳ chiến tranh lạnh Stalin thực thi một chính sách đối đầu cứng rắn với Mỹ. Stalin đã biết được rằng, ông ta không cần phải e ngại vũ khí hạt nhân của Mỹ, ít nhất là cho đến cuối thập kỷ 40”.

Người ta cho rằng dựa vào những thông tin này, trong những năm 1947 và 1948 Liên Xô đã tạo điều kiện cho phe cộng sản giành được thắng lợi ở Trung Quốc. Nếu tin vào những nhận định của Xudôplatôv thì chính Stalin đã cố tình tạo nên cuộc khủng hoảng ở Berlin nhằm giúp đỡ phe cộng sản ở Trung Quốc giành thắng lợi: trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc thì “năm 1948 Stalin đã dựng lên cuộc khủng hoảng ở Berlin bằng cách cô lập các khu vực do quân đội đồng minh phương Tây quản lý. Trên báo chí phương Tây hồi đó xuất hiện các bài báo, mà qua đó người ta có thể cho rằng, Truman và thủ tướng

Anh lúc bấy giờ là Attlee sẵn sàng sử dụng vũ khí hạt nhân để bảo vệ Berlin trước phe cộng sản. Nhưng chúng tôi thì lại biết rằng, người Mỹ không có đủ vũ khí hạt nhân để có thể dành được thắng lợi trong cả hai cuộc khủng hoảng. Vì Chính phủ Mỹ đã đánh giá quá cao mức độ nguy hiểm của cuộc khủng hoảng Berlin nên họ đã bỏ lỡ cơ hội dùng vũ khí hạt nhân đe dọa phe cộng sản Trung Hoa và qua đó hỗ trợ Quốc dân đảng. Stalin đã cố tình khiêu khích tạo nên cuộc khủng hoảng Berlin để đánh lạc hướng người Mỹ khỏi cuộc chiến tranh giành quyền lực một mất một còn ở Trung Quốc”.

Tháng 8 năm 1949 khi Liên Xô cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên của họ thì không chỉ tổng thống Mỹ Truman bị kinh ngạc. Chính Stalin cũng bị bất ngờ vì Mátxcova không thông báo gì về vụ thử vũ khí hạt nhân. Dựa trên tin do báo chí Mỹ đưa Stalin đã tin rằng, điệp viên Mỹ đã trà trộn vào và phá hoại thiết bị thử nghiệm hạt nhân của Liên Xô. Sau đó ở Liên Xô người ta đã tặng thưởng huân chương, tiền bạc và danh hiệu công dân danh dự cho tất cả những người tham gia dự án bí mật này. Ngoài ra họ còn được nhận đặc quyền đi tàu xe miễn phí đến hết đời và nhận được nhà ở. Con cái họ có thể theo học đại học mà không cần phải qua các kỳ thi chọn.

Một đánh giá sai lầm liên quan đến vụ này

mà cho đến ngày nay vẫn còn được các nhà viết sử Mỹ tiếp tục công nhận, đó là việc người Mỹ đã đánh giá quá cao vai trò của cái gọi là “cặp vợ chồng gián điệp nguyên tử” Julius và Ethel Rosenberg.

Xudôplatôv viết rằng: “Thật là nghịch lý khi các báo cáo của cơ quan phản gián Mỹ tạo nên ấn tượng là hai vợ chồng Rosenberg đóng vai trò then chốt trong việc chuyển giao bí mật nguyên tử cho Liên Xô. Thực tế họ chỉ đóng một vai trò không hề quan trọng. Họ không có quan hệ gì với mạng lưới điệp viên chuyên tìm hiểu bí mật hạt nhân... Vợ chồng Rosenberg là nạn nhân của cuộc chiến tranh lạnh... Trong cuộc chiến đó chúng tôi có bốn mạng lưới điệp viên ở Mỹ. Ba trong số đó hoạt động dưới sự điều khiển của cơ quan lãnh sự của chúng tôi ở San Francisco, của đại sứ quán ở Oasinhton và của công ty thương mại AMTORG ở New York. Mạng điệp viên thứ tư hoạt động dưới quyền Isak Akmerov, một điệp viên hàng đầu của chúng tôi... Theo cách nhìn nhận của giới tình báo thì dễ dàng nhận thấy là FBI đã không có khả năng phát hiện ra lưới điệp viên của chúng tôi. Các chuyên gia trong dự án Manháttan thì lại được chọn lọc một cách vội vàng do sức ép về thời gian và trong số đó có nhiều người nước ngoài. Do công tác tổ chức dự án chỉ kéo dài có một năm rưỡi nên FBI không có

đủ thời gian để xây dựng một hàng rào phản gián có năng lực trong đội ngũ những nhà khoa học tham gia dự án. Nếu FBI kịp thời cài được người của mình vào thì chính đó là những người có thể phát hiện ra những điệp viên ngấm của đối phương”.

Và như vậy câu chuyện về cặp vợ chồng Rosenberg làm gián điệp nguyên tử cho Liên Xô đã được thêu dệt nên, trong khi sự tham gia của người anh hùng dân tộc Robert Oppenheimer vào chu trình “chuyển giao công nghệ hạt nhân” của Mỹ cho Liên Xô thì lại bị im đi.

Còn nhiều vụ việc khác nữa mà trong đó các cơ quan tình báo đã tỏ ra vô dụng. Ví dụ như vụ vua Iran bị lật đổ đầu năm 1979. Trước khi xảy ra vụ này chỉ vài tuần lễ không chỉ CIA mà các cơ quan tình báo phương Tây khác đều báo cáo với Chính phủ của họ là không có một biểu hiện gì của một cuộc cách mạng ở Iran. Lần thứ hai kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai các cơ quan tình báo lại nhận được bài học là khi phân tích tình hình phải bao gồm cả việc đưa ra mọi khả năng khác nhau có thể xảy ra.

Vì thế phương pháp làm việc của các cơ quan tình báo càng ngày càng công phu hơn. Nếu trong những thế kỷ trước chỉ cần lấy thông tin từ những người buôn bán, những người dân di cư là đủ, thì nay phải có những nỗ lực cực kỳ to lớn

mới có thể lấy được những bí mật của các quốc gia khác. Điển hình là vụ “đường hầm Berlin”, một trong những chiến dịch đầy tham vọng nhất của cơ quan tình báo trong chiến tranh lạnh. “Chủ đầu tư” đường hầm này là CIA và MI-6 của người Anh. Từ một ngôi nhà được ngụy trang như là một trạm rada của Mỹ người ta cho đào một đường hầm dài 450m vào khu vực do Liên Xô quản lý cho tới tận một căn phòng mà ở đó đặt trung tâm điện thoại nối tổng hành dinh quân đội Liên Xô ở Đông Berlin với Mátxcơva.

Trong suốt một năm trời đường hầm này đã hoạt động phục vụ cho mục đích của nó, cho đến lúc bị phát hiện khi người Đông Đức tiến hành sửa chữa khu vực này. Trong cuốn hồi ký của mình, Peter Wright, một cựu sĩ quan cao cấp của MI-6 chịu trách nhiệm liên lạc với CIA, đã viết rằng, chiến dịch đã thành công vượt ngoài dự kiến và thu được vô số cuộc trao đổi điện thoại đến nỗi mãi đến 7 năm sau khi đường hầm bị phát hiện ở MI-6 người ta vẫn còn phải dịch những cuộc đối thoại đã ghi âm được.

Theo tờ “Thời báo New York” viết ngày 1 tháng 12 năm 1996 thì CIA đã mở rộng mạng lưới điệp viên của mình ở Ả rập Xê út để “tránh được những bất ngờ như vụ vua Iran bị lật đổ”. Sau vụ căn cứ quân sự của Mỹ ở Dhahran bị quân Hồi giáo cực đoan đánh bom, một tổ công

tác đặc biệt bao gồm toàn những chuyên gia đã được thành lập. Tuy nhiên vì thường thì không đủ tiền chỉ cho những chiến dịch như vậy, nên theo đề nghị của CIA từ cuối năm 1996 nhân viên nằm ở khu vực đó của BND đã giúp đỡ người Mỹ điều tra nguyên nhân sâu xa của vụ đánh bom. Trong chiến dịch chung này, các điệp viên của BND đóng vai “thương nhân” cũng được tung vào cuộc. “Không phải bên cạnh nhau, mà cùng nhau!” là ý tưởng cơ bản nhất trong những “liên doanh” mà ngày nay càng ngày càng trở nên khan hiếm này.

NSA và CIA giúp người Anh trong vụ quần đảo Manvinát

Càng ngày các cơ quan tình báo trên thế giới càng phải hoạt động trong tình trạng ngân sách bị cắt giảm. Trong nhiều trường hợp việc cắt giảm đó đã gây ra những thiệt hại không nhỏ. Khi Achentina chiếm quần đảo Manvinát tháng 4 năm 1982 thì Chính phủ tỏ ra bị bất ngờ. Trong khuôn khổ cắt giảm ngân sách trong thập kỷ 70 London cũng đã “giảm biên chế” đáng kể mạng lưới điệp viên của mình. Nhưng điều đó đã đem lại những thiệt hại vô cùng to lớn. Vì không được chuẩn bị trước nên cuộc chiến trên quần đảo Manvinát đã ngốn của Chính phủ hoàng gia 3 tỷ bảng Anh và làm 350 người thiệt mạng. Đó là chưa kể thiệt hại về người và của bên phía

Achentina. Trong khi đó chỉ cần chiêu nạp được một người trong bộ tổng tham mưu của Achentina làm việc cho người Anh thôi thì cũng tránh được cho London tổn thất bạc tỷ rồi. Chỉ cho việc đó có lẽ chỉ cần vài ngàn bảng là đủ.

Nick Barker cựu thuyền trưởng tàu nghiên cứu đại dương "Endurance" của Anh đã cảnh báo cho tình báo Anh về khả năng của một cuộc tấn công Manvinát ngay từ tháng 11 năm 1981 và tháng 1 năm 1982. Không hiểu sao thông tin này không được giới chóp bu coi là quan trọng. Tuy vậy cuối tháng 2 năm 1982 MI-6 cũng đã chính thức cảnh báo cho Chính phủ. Người ta đã coi nhẹ lời cảnh báo này. Chậm nhất là đến ngày 26 tháng 3 năm đó nhân viên của MI-6 ở Buênốt Airét cũng đã có trong tay thông tin tương tự, nhưng đã không chuyển tiếp đi kịp thời vì những sự bất đồng với đại sứ quán Anh và Bộ Ngoại giao hoàng gia. Chính vì thế báo cáo này mãi 5 ngày sau mới về được đến London. Tuy vậy cuộc chiến tranh Manvinát cũng có lợi cho cơ quan tình báo Anh, vì kể từ khi tòa đại sứ Mỹ ở Teheran bị chiếm đóng (1979 - 1981) thì nay mối quan hệ giữa người Mỹ và người Anh trong lĩnh vực tình báo lại được cải thiện và tăng cường (khi sứ quán Mỹ bị chiếm thì lúc đầu 6 nhân viên sứ quán Mỹ trốn thoát được và đến sứ quán Anh tìm chỗ trú chân. Tại đó họ đã bị người Anh từ chối và đuổi đi).

Trong cuộc chiến Manvinát, cơ quan tình báo hải quân Mỹ, NSA và CIA đã cung cấp cho người Anh những tin tức thu được qua những nhân viên ở Chilê và điệp ngầm trong Bộ Tổng tham mưu Achentina. Ngoài ra điệp viên Anh còn nhận được tên lửa đất đối không Stinger của Oasinhton. Tất nhiên có đi có lại: người Anh phải ủng hộ người Mỹ trong cuộc chiến tranh bí mật chống người Nga ở Ápganixtan.

Ápganixtan và tác dụng gây ông đập lưng ông của trường đào tạo quân khủng bố.

Càng ngày càng hay xảy ra tình trạng “những người bạn đồng hành” trước kia trong giới tình báo phương Tây một lúc nào đó lại trở thành kẻ thù của nhau. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong cuộc chiến tranh ở Ápganixtan. Cuộc chiến này là một dịp hiếm có cho người Mỹ không tốn nhiều công sức mà vẫn thu được vũ khí của khối Vácxava. Trong các “lò” vũ khí của Mỹ, Anh, Pháp và Đức vũ khí chiến lợi phẩm mang nhãn hiệu khối Vácxava được thử nghiệm để tìm ra chỗ yếu trong từng loại vũ khí. Nhưng trước hết Ápganixtan là một ví dụ điển hình về việc những học trò “ngoan” của tình báo phương Tây được đào tạo ngày hôm nay, nhưng chỉ ngày mai thôi đã có thể trở thành kẻ thù.

Quân của Mudschahedin được các cơ quan

tình báo phương Tây, chủ yếu là CIA và ISI (cơ quan tình báo Pakixtan) đào tạo, trang bị vũ khí và tài trợ. Quân đội này được huấn luyện để tiến hành “cuộc chiến tranh thần thánh” chống Liên Xô. Nhưng sau khi người Nga rút khỏi Ápganixtan thì những đứa con ngoan của CIA quay ra chống lại chính những người đã che chở và dạy dỗ chúng. Chúng đã sử dụng những kiến thức quân sự học được để phục vụ bọn khủng bố trên khắp thế giới.

Hồi đó đến trại huấn luyện của CIA là những nhóm người từ Ápganixtan, Pakixtan, từ những quốc gia Ả rập Hồi giáo, từ Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và thậm chí từ những đất nước Hồi giáo xa xôi như Philipin, Malaysia. Ở Ápganixtan cả ISI lẫn CIA đều cho qua chuyện làm ăn buôn bán thuốc phiện đầy lợi nhuận để lấy tiền chi cho cuộc chiến tranh này. Hậu quả là đến nay ma túy vẫn tràn ngập Tây Âu và vùng lãnh thổ trước kia của Liên Xô.

Quân đội Muschahedin được CIA và các đơn vị đặc biệt của quân đội Mỹ huấn luyện chiến tranh du kích. Trong trại huấn luyện “Perry” ở bang Virginia quân Muschahedin học cách xiết cổ người bằng một sợi dây thép, học sử dụng súng máy giảm thanh, cũng như học cách chế tạo bom và cách sử dụng bom để tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại. Ở Ôman và Ả rập Xê út

quân Muschahedin cũng được CIA và SAS (đơn vị đặc biệt của người Anh) huấn luyện trong những trại bí mật. Tuy nhiên sau khi quân đội Nga rút khỏi Ápganixtan cả CIA lẫn những đồng minh của CIA ở Ápganixtan (BND, Mossad, SIS của người Anh) đều không nhận ra sự cần thiết phải giải trừ quân bị tất cả đám lính đánh thuê người Hồi giáo trên toàn thế giới. Vì thế nên những “người Ápganixtan” gốc Palestin đã tổ chức ra nhóm cực đoan Hamas trên quê hương họ. Từ đó đến nay Hamas đã gây nên nhiều vụ khủng bố chống lại Ixrael.

Những “chiến binh” khác thì quay về Angiêri, Ai cập và Xudăng và huấn luyện lực lượng kế cận ở đó những kỹ thuật chém giết mà chúng đã học được từ CIA. Sau khi từ mặt trận trở về những người “Ápganixtan” gốc Gioócđani đã cho nổ tung một rạp chiếu phim và lập kế hoạch ám sát vua Hussein.

Những người “Ápganixtan” gốc Ai cập và Angiêri ngày nay trở thành thủ lĩnh của các phong trào Hồi giáo cực đoan GIA và Dschihad. Chúng cũng như người anh em của tên thủ phạm giết tổng thống Ai cập Sadat và các con trai của thủ lĩnh khét tiếng mù mắt Omar Abdel Rahman đã tham gia vụ đánh bom Trung tâm thương mại thế giới ở New York (1993), đều đã tham chiến ở Ápganixtan. Ở đó, bên cạnh việc được huấn

luyện quân sự, chúng còn nhập tâm các mục tiêu của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và giờ đây gây ra vô số các vụ khủng bố trên khắp thế giới nhằm áp đặt ý tưởng về thế giới Hồi giáo cực đoan ở khắp mọi nơi. Càng ngày những kẻ trước kia đã từng ủng hộ cuộc chiến ở Ápganixtan càng trở thành những nạn nhân của chính những chiến binh do họ đào tạo ở đó. Trong vụ đánh bom ở Ả rập Xê út năm 1995, năm người Mỹ đã thiệt mạng. Trong một vụ khác xảy ra ở Dhahran tháng 6 năm 1996, mười chín người Mỹ khác đã bị giết.

Thủ phạm của cả hai vụ này đều là các “cựu binh” Ápganixtan. Những “chiến binh Ápganixtan” - một sản phẩm của CIA - ngày nay đã trở thành một mắt xích quan trọng trong thế giới khủng bố của người Hồi giáo cực đoan.

Cuộc chiến tranh vùng Vịnh - một thắng lợi giả tạo

Cuộc chiến tranh xảy ra ở Cô-oét đã phơi bày một cách rõ ràng sự bất lực của các Chính phủ phương Tây khi đánh giá các báo cáo của cơ quan tình báo. Oasinhton đã bị bất ngờ không những trước những cuộc tấn công của Irắc, mà còn trước tiềm năng vũ khí ABC của đất nước này, mà cho đến trước khi cuộc chiến bùng nổ vẫn còn là một ẩn số. Căn cứ vào ảnh vệ tinh,

CIA đã báo cáo với tổng thống Bush về việc Irắc tập trung quân đội nhiều ngày trước cuộc tiến công vào Cô-ôét, nhưng Bush đã không coi trọng bản báo cáo này. Ngay từ năm 1977 cơ quan tình báo đối ngoại MI-6 của Anh đã báo cáo với Chính phủ hoàng gia về khả năng sản xuất vũ khí hóa học của Irắc. Nhưng có lẽ không ai đã quan tâm đến điều đó. Mãi đến năm 1987, khi các thử nghiệm nhằm sản xuất vũ khí nguyên tử của Saddam Hussein được CIA, Mossad và MI-6 đưa vào hồ sơ, thì người ta mới để ý đến chút ít, nhưng để rồi vụ việc đó lại bị rơi vào quên lãng. Người ta cho rằng, Saddam Hussein cần ít nhất 10 năm nữa để cho ra đời bom nguyên tử.

Một điều kỳ lạ nữa là “tính hay quên” của người Mỹ khi nói đến những khí tài quân sự được xuất khẩu công khai sang Irắc. Trong khi Cộng hòa Liên bang Đức bị bêu riếu trước công luận như là “kẻ tiếp tay cho Irắc” thì người ta không dả động gì đến các công ty sản xuất vũ khí của Mỹ làm ăn với Irắc. Điển hình là vụ Mỹ cung cấp cho Saddam Hussein máy hàn đặc chủng trong cuộc chiến tranh Iran - Irắc để Bátđả hàn vỏ tên lửa. Trước khi chuyển đến Irắc thiết bị hàn này được giao cho một công ty ở Đức chỉ để thay đổi diện thế sử dụng từ 110 von sang 220 von. Vậy mà trong khi công ty Đức này sau đó bị đưa ra tòa và bị báo chí Mỹ lôi ra trước vành móng ngựa

của dư luận, thì hãng sản xuất ra thiết bị hàn kia ở Mỹ không hề bị đụng chạm đến. Đây hoàn toàn không phải là một trường hợp cá biệt.

Cho tận đến tháng 5 năm 1990 đối với Lầu năm góc, Saddam Hussein vẫn được coi như là một nhà lãnh đạo như những nhà lãnh đạo khác. CIA, Mossad, MI-6 và tất nhiên cả BND cho đến thời điểm đó vẫn hợp tác bình thường và hữu hảo với cơ quan tình báo Iraq. Cũng như CIA, MI-6 qua những nguồn tin riêng, đã được báo cáo kịp thời về cuộc tiến công của Iraq. Tuy vậy những lời cảnh báo đã không được coi trọng đúng mức, vì hồi đó Saddam Hussein được coi như là một người bạn của phương Tây. Khi một điệp viên “đắt giá” của người Anh cài ở Oman báo cáo với đại sứ Anh về cuộc tiến công sắp xảy ra, thì nhà ngoại giao này xua tay: “Vô lý, chuyện vô vẩn”. Tuy vậy sau đó ít lâu vị đại sứ này được Nữ hoàng Anh phong phẩm tước vì những hành động anh hùng!

Chỉ cần một ngày sau khi Iraq tiến quân vào Cô-ôét thôi chính quyền Mỹ và Lầu năm góc đã biến Saddam Hussein từ một “người bạn của phương Tây” thành một “con quỷ vùng Trung Cận Đông có thể so sánh với Hítler”. Và để tạo nên một dư luận có lợi cho Cô-ôét ở Mỹ, chỉ ít ngày sau khi Iraq tiến quân vào Cô-ôét, CIA và cơ quan tình báo của Cô-ôét đã cho lăng xê nhiều

tin đồn lên báo chí, trong đó có tin quân lính Irắc vào các bệnh viện Cô-oét lôi trẻ sơ sinh ra khỏi lồng kính ném xuống đất. Trên những bức ảnh không rõ nét được các điệp viên dám “sẵn sàng hy sinh cả tính mạng” để đưa ra thế giới bên ngoài hồi đó người ta có thể nhìn thấy những cơ thể trẻ sơ sinh nằm trần trụi trên mặt đất. Thực chất đó chỉ là mấy con búp bê! Đa số báo chí trên thế giới lúc bấy giờ đều đưa tin và những hình ảnh “khủng khiếp” này trên trang nhất. Mãi đến ba năm sau khi cuộc chiến tranh vùng Vịnh kết thúc, dư luận mới được biết hãng quảng cáo Hill & Knowlton của Anh đã nhận được 10,8 triệu đô la cho vụ lừa bịp này.

CIA đã góp phần tích cực vào chiến dịch biến người Irắc thành “những kẻ man rợ mất hết tính người” và chuẩn bị tâm lý cho thế giới phương Tây trong cuộc chiến tranh chống Irắc.

Với chính sách này người ta cũng đã liên tục “cải chính” lại những thông tin về khả năng hạt nhân của Irắc. Tuy trong thực tế người ta hầu như không hề biết gì, nhưng vẫn dám nhận định là Irắc chỉ cần nhiều nhất hai năm nữa để tự sản xuất được bom nguyên tử. Ba tuần lễ sau “thời hạn” này được giảm xuống chỉ còn sáu tháng. Và đến tháng 10 năm 1991 thì “Irắc chỉ cần tối đa hai tháng” để sản xuất thứ vũ khí ngáo ộp này. Tất cả những trò lừa bịp đó chỉ phục vụ cho mục đích chuẩn bị về mặt tâm lý cho thế giới đối với

một cuộc chiến tranh. Sau khi chiến tranh vùng Vịnh kết thúc, ông Frank Bamaby giám đốc Viện nghiên cứu hòa bình ở Stöckhôm đã nhận xét là các nhận định của các cơ quan tình báo nhằm mục đích còn “hơn là tuyên truyền” Irắc cần ít nhất là từ năm đến mười năm nữa mới có thể tự sản xuất được bom nguyên tử.

Đặc biệt Lầu năm góc cũng đã lừa dối dư luận khi đưa ra nhận định rằng, ở Cô- oét có 250.000 quân tinh nhuệ Irắc đang sẵn sàng chờ chỉ để nghiền nát lính Mỹ. John McArthur, một phóng viên nổi tiếng của tờ “Thời báo Niu Oóc” và “Thời báo phố U- ôn” đã viết như sau: “cũng như câu chuyện về trẻ sơ sinh, nay những nhận định về tiềm lực con người to lớn đứng sau những yêu cầu về lãnh thổ của Saddam Hussein đã được hầu như tất cả các báo đăng tải. Chỉ tờ “Thời báo Xanh Petéc-bua” - một tờ báo trung lập có tên tuổi ở Florida - dám nghi ngờ số liệu do cơ quan tình báo đưa ra. Trong số ra ngày 6 tháng 1 năm 1991 tờ báo này dựa trên ảnh vệ tinh Liên Xô đã viết là không có căn cứ nào để kết luận là phía Irắc tập trung quân dày đặc trên phần lãnh thổ Cô-oét. Nhưng những thông tin giả như vậy có tác dụng như đổ thêm dầu vào lửa trong không khí căng thẳng hồi bấy giờ. Tạp chí Mỹ “Newsday” đã nhìn lại cuộc chiến như sau: “Cuối cùng thì quân đồng minh, khi đổ bộ xuống bằng máy bay lên thẳng, khi cưỡi xe tăng ào ạt xông lên trên sa mạc và khi ném bom từ những chiến đấu cơ hiện đại, đã chiến đấu chống lại một kẻ

thù vô hình. Người ta đã không tìm thấy ở đâu phần lớn số quân lính trong quân đội Irắc, mà như tin tình báo có đến nửa triệu đang đồn trú tại Cô-oét và miền Nam Irắc”. Bộ phận tuyên truyền của CIA đã hoạt động rất có hiệu quả, vì đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến dư luận thế giới bằng những “thông tin” như trên.

Ngay cả cái gọi là chiến thắng quân sự của người Mỹ được bộ máy tuyên truyền của Lầu năm góc rùm beng trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh đến nay cũng đã bị “chỉnh lý” lại. Cho dù được nhiều bức ảnh chụp từ máy bay của CNN quảng cáo trên khắp thế giới, nhưng trong cuộc chiến diễn ra trên mặt đất, lính Mỹ đã không phá hủy được dù chỉ là một bộ phóng tên lửa Scud của Irắc. Có thể dễ dàng nhận thấy vì sao: trong cuộc chiến tranh năm 1980-1988 người Mỹ đã hướng dẫn Irắc cách ngụy trang bộ phóng tên lửa Scud một cách hoàn hảo. Nhưng sự thật đó người ta lại không thể công bố cho khán giả truyền hình Mỹ đang đặt nhiều hy vọng vào khả năng của quân đội nhà được. Vì vậy người ta đã phóng tác ra câu chuyện về các chiến công và thêm thắt gia vị vào bằng các ảnh “thật” chụp từ vệ tinh.

Trắng trợn nhất là vụ ném bom khu hầm trú ẩn Amiriyah ở Bátđã. Trong vụ này hàng trăm dân thường đã bị giết hại. Hồi đó cả thế giới tin vào nhận định của tình báo Mỹ rằng khu hầm ngầm này là một hầm bí mật và là nơi trú ẩn của ban lãnh đạo Irắc.

Không có một chút sự thật nào trong nhận định này cả! Người ta đã dùng vũ khí hiện đại có độ chính xác cực kỳ cao để cố tình giết hại hàng trăm thường dân chỉ nhằm mục đích cho Saddam Hussein biết, người ta có thể giết chết ông ngay cả trong hầm ngầm, nếu người ta muốn.

Thất bại của cuộc đảo chính do CIA đạo diễn nhằm lật đổ Saddam Hussein tháng 6 năm 1996 là một đòn đau đối với chính quyền Mỹ. Đây là một trong những thất bại lớn nhất của CIA kể từ khi cơ quan tình báo hùng mạnh này được thành lập vào năm 1947. Tháng 1 năm 1996 Chính phủ Mỹ quyết định chi 6 triệu đô la cho một nhóm đối lập Irắc không mấy quan trọng. Nhóm này cần phải hợp tác với CIA để lật đổ Saddam Hussein. CIA đã chiêu nạp và trả lương hơn 1.000 người Cuốc ở miền Bắc Irắc. Tất nhiên điều đó không giấu được cơ quan tình báo của Saddam Hussein.

Tháng 6 năm 1996 người Irắc ra tay trước, kết quả là 800 người, trong đó có 80 sĩ quan, bị bắt giữ. Người Irắc đã gọi điện thoại cho đại diện CIA ở thủ đô Gioócđani và nhắc khéo: "Hãy thu dọn đồ đạc và cuốn xéo đi. Chúng ta đã được thông báo về từng bước đi của CIA". Tuy vậy CIA vẫn không chịu cho ngừng tay. Hai tháng sau Saddam Hussein cho quân đội áp sát vùng người Cuốc. CIA đã không báo cho các "bạn đồng hành" của mình về cuộc hành quân này. Kết quả là hơn 100 "chiến binh CIA người Cuốc" đã bị loại ra khỏi vòng chiến. Ngoài ra hàng ngàn người Cuốc

từng làm việc cho CIA phải di tản và xin tị nạn ở Mỹ. Cho đến ngày hôm nay CIA vẫn chưa lại sức sau đòn thất bại cay đắng này. Báo chí Anh, Mỹ đều nhận định rằng, chính quyền Mỹ ra lệnh mở chiến dịch này, nhằm lấy lại danh tiếng đã bị sút mẻ của CIA sau vụ gián điệp Aldrich Ames làm việc rất lâu năm cho người Nga mới bị phát hiện. Vậy mà chiến dịch với bao hy vọng này đã trở thành một thảm họa đối với CIA. Thêm vào đó chỉ riêng trong năm 1996 hơn 100 thường dân Irắc, trong đó có nhiều trẻ em, đã bị giết hại trong các cuộc đánh bom khủng bố của phe đối lập ở Irắc được thực hiện bằng tiền của CIA. Bằng các cuộc đánh bom vào rạp chiếu phim và tòa báo này, phe đối lập ở Irắc muốn chứng minh cho CIA biết rằng, họ vẫn đang hoạt động tích cực ở Irắc. Nhưng chưa bao giờ họ tìm được đường tiếp cận Saddam Hussein.

Làm sai lệch thông tin - một “đặc sản” của cơ quan tình báo

Tuyên truyền và bóp méo thông tin là hai phương pháp đã trở thành gốc rễ trong hoạt động của các cơ quan tình báo. Cũng như trong thế chiến lần thứ nhất, chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng không nhất thiết phải là một trang sử vẻ vang cho ngành tình báo, cho dù đã có những thành công nhất định trong lĩnh vực giải mật mã của đối phương. Nhiều truyền thuyết được “phát

minh” từ hồi đó đến nay vẫn còn ngự trị trong Bách khoa toàn thư của tất cả các nước, ví dụ như vụ Trân Châu cảng năm 1941 bị người Nhật “tiến công bất ngờ”. Trên thực tế tổng thống Rudoven đã được tin tình báo báo trước vài tuần lễ về việc các oanh tạc cơ Nhật Bản đang chuẩn bị tấn công hải cảng này. Tuy nhiên Rudoven đã ra lệnh giữ kín tin này, vì cuộc tiến công của Nhật sẽ là cớ để Oasinhton tham chiến!

Từ đó đến nay ở Mỹ còn xảy ra nhiều vụ khác nữa, mà trong đó chính quyền Mỹ tuy nhận được thông tin với nội dung hoàn toàn khác của giới tình báo, nhưng cố tình trình bày trước dân chúng Mỹ một bức tranh sai trái về những sự kiện xảy ra trên thế giới. Ví dụ gần đây nhất là vụ một chiếc máy bay hành khách của Hàn Quốc bị một chiến đấu cơ của Liên Xô bắn hạ tháng 8 năm 1983. Mãi đến ngày 3 tháng 9 năm 1996 người ta mới biết rằng, Oasinhton đã cố tình tạo dư luận sai về vụ bắn hạ máy bay làm 269 người thiệt mạng này, mặc dù cơ quan tình báo Mỹ đã báo cáo sự thật lên Chính phủ.

Người phụ trách trước kia bộ phận truyền hình của cơ quan giám sát thông tin Mỹ, ông Snyder, đã tiết lộ với tờ “Bưu điện Oasinhton” rằng, trái với những lời tuyên bố chính thức Chính phủ Mỹ đã căn cứ vào tin tức tình báo biết được việc viên phi công người Nga đã cho rằng

chiếc máy bay Hàn quốc là máy bay do thám, nên đã nổ súng.

Snyder còn cho biết, ông ta nhận được lệnh của Chính phủ Mỹ phải “sửa” lại đoạn băng về vụ này để nộp cho Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, sao cho Hội đồng Bảo an chỉ nghe được một phần của đoạn trao đổi đã ghi âm được. Với bức tranh đã bị cố ý bóp méo đi như vậy người ta muốn dựng lên hình ảnh một Liên Xô như là “một cường quốc mà không ai lường trước được, nên chỉ có thể đối phó lại bằng cách tăng cường vũ trang”.

Việc cố tình giữ thông tin lại cũng là một thủ đoạn của các cơ quan tình báo. Năm 1997, hơn một năm sau khi xảy ra sự cố, giới quân sự Mỹ mới thừa nhận là trong một cuộc tập trận ở gần Ôkinaoa đã cho “bắn nhầm” loại đạn chứa uran. Một phát ngôn viên quân sự cho biết là trong những đợt tập bắn đạn thật cuối năm 1995, đầu năm 1996, do “nhầm lẫn” nên 1520 viên đạn chứa uran đã được lắp lên loại máy bay AV.8B. Đạn chứa uran là loại đạn đặc chủng xuyên thủng lớp thép bảo vệ xe tăng.

Mỗi viên cỡ 22 mm bắn ra chứa 145 gam uran. Tay phát ngôn viên trên nói là “lấy làm tiếc” vì việc thông báo cho công luận bị chậm trễ. Thực ra chính CIA đã khuyến nghị với Chính phủ Mỹ giữ kín vụ bê bối này.

Tất nhiên không phải lúc nào các Chính phủ cũng nghe theo những khuyến nghị của cơ

quan tình báo. Trước khi cuộc chiến tranh bùng nổ ở Trung Cận Đông năm 1973 một điệp viên của Mossad đã báo về Ixrael là tổng thống Ai-cập Sadat sẵn sàng hy sinh mười ngàn binh sĩ Ai-cập để giải quyết vấn đề liên quan đến tương lai của bán đảo Sinai. Lúc đầu điệp viên này báo là cuộc tấn công chớp nhoáng của Ai-cập có thể xảy ra vào tháng 5 năm 1973. Ixrael báo động toàn quân đội, nhưng không có chuyện gì xảy ra. Các quốc gia Ả rập đã không tiến công vì dịp đó đang diễn ra cuộc gặp thượng đỉnh Xô Mỹ. Vài tuần lễ sau đó tay điệp viên này lại cảnh báo một lần nữa. Quân đội Ixrael lại bị đưa vào tình trạng báo động khẩn cấp. Nhưng lại một lần nữa không xảy ra một cuộc tấn công nào của phe Ả rập. Đến tháng 10 cùng năm đó, khi điệp viên này lại báo về cuộc tấn công có thể xảy ra thì ở Ixrael không một ai tin nữa. Đáng lẽ phải phản ứng kịp thời thì phía Ixrael lại nhận định rằng, các cuộc hành quân của phe Ả rập ven biên giới Ixrael chỉ là công tác chuẩn bị cho cuộc tập trận mùa thu thường kỳ mà thôi. Cuộc chiến bùng nổ đúng vào tháng 10 năm đó đã chứng tỏ năng lực đánh giá tình hình kém cỏi của Bộ trưởng Bộ quốc phòng và cơ quan tình báo Mossad của Ixrael lúc bấy giờ.

Với thời gian, cơ quan tình báo Mossad của Ixrael đã trở thành bậc thầy trong lĩnh vực bóp méo thông tin. Trong suốt hai mươi năm trời họ đã làm cho thế giới tin rằng, năm 1976 tại sân

bay Entebbe ở Uganda quân đội Ixrael và Mossad đã một mình thực hiện thành công một trong những chiến dịch giải thoát con tin lớn nhất trong lịch sử. Sau khi chiến tích lừng lẫy của người Ixrael được rêu rao suốt hơn hai thập kỷ đã trở thành truyền thuyết thì gần như người ta đã tin “truyền thuyết” này. Người Ixrael tô hồng chiến tích của họ ở chỗ họ đã “quên” không nhắc gì đến phần đóng góp to lớn của người Đức. Bên cạnh sự tham gia của BND thì trước hết phải nhắc đến Ulrich Wegener, người đã sáng lập nên đơn vị đặc nhiệm nổi tiếng GSG-9 của Đức. Chính ông đã mạo hiểm cả tính mạng đột nhập trước vào vùng nguy hiểm để tạo cơ sở cho chiến dịch giải thoát con tin thành công mỹ mãn và sau đó trực tiếp tham gia thực hiện chiến dịch. Năm 1996 trong phạm vi hẹp, cựu thủ tướng Ixrael Peres đã công nhận: “Vài ngày trước chiến dịch Wegener đã đến Uganda, trinh sát kỹ lưỡng khu vực sân bay và sau đó trực tiếp tham gia chiến dịch”. Các điệp viên BND ở Pullach cũng đã mạo hiểm rất nhiều trong vụ này. Tuy nhiên nếu nhấn mạnh đóng góp này của phía Đức trước công luận thì lại làm tổn hại đến danh tiếng của Mossad.

Và tất nhiên khi gặp sự cố thì các cơ quan tình báo đều tìm cách che đậy thất bại của mình, ví dụ như trong vụ Lockerbie. Từ ngày 08 tháng 12 năm 1988 các cơ quan tình báo đã nhận được đầy đủ thông tin chi tiết về một vụ âm mưu

khủng bố. Ngày 12 tháng 12 London nhận được thông báo về âm mưu khủng bố này. Vậy mà mãi đến ngày 23 tháng 12, tức là hai ngày sau khi vụ khủng bố xảy ra, thông tin này mới được chuyển tiếp đi ! Về phương diện bóp méo thông tin thì thú vị nhất là chiến thuật thay đổi hướng nghi vấn của cơ quan tình báo. Năm 1989 ông Cannistro đặc trách về chống khủng bố của CIA thông báo rằng, theo nhận định của cơ quan tình báo thì vụ Lockerbie đã được giải quyết xong. Kẻ giết đây là Iran và Xyri. Nhưng khi Saddam Hussein tháng 8 năm 1990 tấn công Cô-oét thì người ta lại cần Xyri đứng về phía quân đội đồng minh, đồng thời hy vọng Iran sẽ giữ vị trí trung lập trong khi cuộc chiến vùng Vịnh xảy ra. Vì thế từ đó đến nay người ta mặc nhiên “coi” Li-băng là nước giết đây cho vụ khủng bố Lockerbie!

Càng ngày các nhà báo càng phanh phui ra được nhiều vụ việc hơn, mà trong đó các cơ quan tình báo bằng cách đưa thông tin sai lệch muốn tác động lên tiến trình của lịch sử. Đầu những năm 80 họ lăng xê lên báo chí một câu chuyện về vụ các binh sĩ Cuba hãm hiếp phụ nữ Ăngôla, bị bắt, bị đưa ra tòa án binh và sau đó bị hành hình.

Hồi ấy hầu như các báo châu Âu đều đưa tin này kèm theo bức ảnh chụp đội hành quyết. Mãi đến năm 1985 John Stockwell, một cựu nhân viên bộ phận tuyên truyền của CIA mới thú nhận rằng, câu chuyện trên được bịa ra và bức ảnh chụp kèm theo là một bức ảnh ghép!

Nghệ thuật ám sát của các cơ quan tình báo

Peter Wright là một trong những số ít quan chức cao cấp tình báo phương Tây sau khi về hưu đã thừa nhận rằng, trong khi họ còn đang đương nhiệm cơ quan tình báo đã lập ra những kế hoạch giết người. Vào thời kỳ đầu cuộc khủng hoảng ở kênh đào Suez cơ quan phản gián MI-6 của London đã lập kế hoạch ám sát Thủ tướng Ai cập Nasser bằng hơi độc. Thủ tướng Anh lúc bấy giờ là Eden đã chuẩn y kế hoạch ám sát. Nhưng để thực hiện được kế hoạch đó, phải đưa được một lượng lớn khí độc vào hệ thống thông khí trong tổng hành dinh của Nasser và nếu thế nhiều người khác cũng sẽ trở thành nạn nhân. Chính vì thế nên kế hoạch này đã không được thực hiện. Tuy nhiên trong vụ này ít nhất MI-6 cũng đã cho ra đời một loại vũ khí ám sát khả dĩ sau này có thể là loại vũ khí mẫu mực cho điệp viên 007 trong điện ảnh: hộp đựng thuốc lá bắn ra những mũi tên tẩm thuốc độc! Peter Wright là một trong những “nhân chứng” đầu tiên được phép mục kích các cuộc thử nghiệm loại vũ khí mới này: người phụ trách phát minh là Tiến sĩ Ladell rút một điếu thuốc lá từ trong hộp ra, lập tức một mũi tên tẩm thuốc độc được phóng ra đâm trúng một con cừu thí nghiệm. Chỉ trong vài giây đồng hồ con cừu đã chết ngay. Tất nhiên

Peter Wright không cho biết là loại tên tẩm thuốc độc này, sau khi được “chuyển giao công nghệ” cho CIA, đã bao nhiêu lần được sử dụng vào các điệp vụ mờ ám.

Đa số các cơ quan tình báo không chùn bước trước bất cứ một phương pháp nào để hạ mục tiêu. Tuy nhiên chỉ rất ít những vụ ám sát đó được mọi người biết đến. Một trong những vũ khí nổi tiếng trong giới tình báo là một khẩu súng đặc biệt đã được KGB “cải biên” thành một cái ô đi mưa. Đối thủ chỉ cần dính một viên đạn “đặc chủng” nhỏ xíu được bắn ra từ chiếc ô này sẽ chết trong vòng 3 ngày. Loại “ô dù” này đã được sử dụng ở London, Paris trong thập kỷ trước, còn trong thập kỷ 90 này người ta mới chỉ phát hiện ra dấu vết của nó ở Thụy Sĩ.

Nhất là trong chiến tranh lạnh các điệp viên thường đem theo thuốc độc trong hành trang của họ. Một điệp ngầm của CIA khi bị Liên Xô bắt năm 1977 đã tự tử bằng thuốc độc trong trại giam. Nói chung các cơ quan tình báo đều có những “phòng thí nghiệm đặc biệt” chuyên nghiên cứu về độc dược.

Một trong những vụ điển hình nhất mà lại không vẻ vang gì thể hiện quan điểm không coi mạng người ra gì của các cơ quan mật vụ phương Tây là vụ các điệp viên của cơ quan phản gián Pháp DGSE dùng mìn điện từ đánh đắm con tàu

mang tên “Rainbow Warrior I” của tổ chức Hòa bình xanh tại cảng Auckland ở Niu Di Lân ngày 10 tháng 7 năm 1985. Trong vụ này một thành viên của tổ chức Hòa bình xanh đã thiệt mạng.

Cựu thủ trưởng cơ quan mật vụ Pháp Piene Marion đã từng đánh giá như sau về hoạt động của DGSE: “Thường xuyên tàn bạo, đôi khi quá mức bình thường khi chọn lựa các phương pháp thực hiện”. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của người Angiêri, cơ quan mật vụ đối ngoại Pháp đã giết hại hàng trăm người dân. Điệp viên của cơ quan này tự coi họ là “những người ưu tú”, vì cứ 500 người xin ra nhập đội quân này chỉ tối đa là 3 người được tuyển vào. Một thủ trưởng trước kia của DGSE, ông Claude Silberzahn cũng đã từng nhấn mạnh: “đôi khi chúng ta cũng phải làm bẩn bàn tay mình”.

Trong lĩnh vực này CIA cũng không phải là ngoại lệ. Cựu Tổng thống Công gô Patrice Lumumba, cũng như tên độc tài Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam và Rafael Trujillo ở Đônica cũng đều chết dưới tay CIA. Các nhà lãnh đạo khác thì gặp may hơn: cho đến nay nhiều lần Fidel Castro đã thoát hiểm, mặc dù CIA đã 8 lần lập kế hoạch ám sát ông. Sau khi người Mỹ thất bại trong vụ Vịnh Con lợn năm 1961, người ta ra lệnh cho CIA tìm cách làm cho Fidel Castro trở thành một nhân vật khôi hài trên chính trường.

Các chuyên gia của Langley gợi ý là tìm cách rắc vào giày của Fidel một chất gây rụng râu, để ông trước tiên sẽ mất bộ râu huyền thoại, sau sẽ mất đi lực hấp dẫn của mình. Tuy nhiên trên thực tế kế hoạch này cũng không thể thực hiện được. Năm 1954 CIA hỗ trợ cho một cuộc đảo chính quân sự ở Guatemala lật đổ ông Jacobo Arbenz, một tổng thống đã được bầu một cách tự do ở đất nước này. Sau đó đất nước này đã bị đẩy vào vực thẳm. Nhiều sĩ quan Guatemala hồi đó đã ăn lương của CIA. Và cho đến tận ngày nay CIA vẫn chi tiền cho người Guatemala để chính những người dân của đất nước này bị bắt cóc, tra tấn và giết hại. CIA trợ giúp cuộc đảo chính quân sự của tên độc tài người Daia là Mobutu năm 1965, cũng như chiến dịch tiến quân vào thủ đô Kinshasa của lãnh tụ quân nổi loạn Daia là Kabila. Sau khi chiếm được thủ đô Kinshasa, ngày 17 tháng 5 năm 1997 Kabila đã tự phong là Tổng thống của đất nước nay được đổi tên thành nước “Cộng hòa dân chủ Công gô”, tuy rằng trước đó, với hậu thuẫn của CIA Kabila đã đẩy hàng chục ngàn người tị nạn Ruanda vào chỗ chết đói.

Theo tin đưa ngày 15 tháng 3 năm 1997 của Robert von Lucius, một phóng viên thường trú lâu năm tại châu Phi của tờ Frankfurt thì “có những dấu hiệu chứng tỏ việc Kabila xuất hiện là một kế hoạch của CIA, vì chỉ trong một thời

gian ngắn số nhân viên CIA ở Kinshasa đã tăng từ 2 lên 15 người”. Nhưng theo quan điểm của người Pháp thì Daia-Công gô cũng nằm trong khu vực chịu sự ảnh hưởng của Pháp. Và như vậy các cơ quan mật vụ của Pháp và Mỹ đã hoạt động chống lại nhau. Bực dọc trước thái độ của Oasinhton nên mật vụ Pháp đã bí mật cung cấp vũ khí cho Mobutu thông qua một công ty mang tên Geolink. Ngay cả người Anh cũng cố gắng gây ảnh hưởng trong khu vực giàu khoáng sản này, nên đã huấn luyện quân sự cho lính của Kabila. Như vậy cuộc xung đột đầu năm 1997 ở Daia cũng đã trở thành một cuộc xung đột giữa các cơ quan mật vụ của Oasinhton, Paris và London. Kẻ thua cuộc chính trong vụ này là người Pháp, vì đã không gây được ảnh hưởng đối với Kabila và qua đó mất hẳn địa vị của mình tại Công gô và như vậy mất đặc quyền khai thác khoáng sản ở đây. Ngược lại ngay trong khi quân Kabila còn đang tiến về thủ đô Kinshasa thì các công ty khai mỏ của Mỹ đã nhận được đặc quyền khai thác mỏ đồng Shaba. Theo cách nhìn của người Mỹ thì họ đã đạt được mục đích chính: nguyên nhân duy nhất cho nỗ lực ủng hộ Kabila không phải là số phận của những người Daia đang chiến đấu một cách vô vọng chống lại chế độ Mobutu, mà là đặc quyền của Mỹ đối với tài nguyên của Daia. Cũng như nhà độc tài Mobutu, Kabila trong quá khứ chưa bao giờ là người bạn của nhân quyền cả !

Với Kabila người Mỹ cũng đã đạt được mục đích thứ hai: xây dựng được một vành đai phòng thủ chống lại lực lượng Hồi giáo cực đoan đang từ Xudan đe dọa lan sang các vùng còn lại của châu Phi. Và như vậy ngày nay một rào chắn thân Mỹ từ Kênia, Eritrea (một nước cộng hòa ở Đông Bắc Phi, được thành lập ngày 24 tháng 5 năm 1993 sau khi tách ra từ Etiopia), Etiopia, Uganda, Burundi, Ruanda đến Daia đã được thiết lập để ngăn chặn sự lan truyền của phong trào Hồi giáo trên châu lục nghèo đói nhất thế giới này.

Kỹ thuật tình báo hiện đại có tác dụng như thế nào, điều đó được thể hiện qua chiến dịch tấn công nhà riêng đại sứ Nhật Bản tại Lima thủ đô Pêru tháng 4 năm 1997.

Trong thời gian 4 tháng con tin bị giữ, cơ quan tình báo Hoa Kỳ đã giúp đỡ người Pêru biến tòa biệt thự bị 14 du kích Tupac-Amaru được trang bị đầy đủ, đã đặt mìn, thành một "biệt thự bằng kính trong suốt". Các micrôphôn cực nhỏ, thiết bị quang học và các chuyến bay thám thính của một máy bay do thám chuyên dụng đã thông báo cho bộ tư lệnh quân đặc nhiệm từng bước đi của quân du kích trong tòa nhà. Từ một máy bay của CIA, các vị trí đặt mìn và bom của quân du kích trong nhà và ngoài vườn đã được xác định. Nhờ thiết bị quang học lực lượng an ninh đã quan sát được toàn bộ tầng 2 tòa biệt thự. Các máy nghe trộm nhỏ xíu đã được gài vào các đồ vật được chuyển đến cho con

tin sử dụng như phích nước nóng, Kinh thánh và nạng cho người bị đau chân. Vì vậy trước khi tấn công vào tòa nhà người ta đã nắm được từng bước di chuyển của quân du kích. Sau đó quân đặc nhiệm Peru được CIA huấn luyện nhiều tuần lễ trong một tòa biệt thự được dựng giống y như tòa nhà của vị Đại sứ, chỉ cần vài phút đồng hồ là đã có thể hạ được 14 quân du kích và giải phóng con tin.

Một trong những trang sử đen tối nhất của cơ quan mật vụ Anh quốc là sự trợ giúp quân sự của họ đối với bè lũ diệt chủng Pôn Pốt. Từ 1985 đến 1989 tại Thái Lan và Malaysia 250 “chuyên gia” người Anh đã hướng dẫn các tay súng của quân diệt chủng cách sử dụng một số vũ khí hiện đại. Tuy trước Quốc hội Anh, cựu thủ tướng Thatcher đã phủ nhận sự dính líu của cơ quan mật vụ Anh quốc, nhưng tháng 6 năm 1991 cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Anh Hamilton đã phải thừa nhận sự giúp đỡ đào tạo quân sự của người Anh tại các căn cứ bí mật của Pôn Pốt.

Đôi khi con người còn được sử dụng như là những “con thử thí nghiệm” của cơ quan tình báo. Tờ “EI Mundo” của Tây Ban Nha tháng 9 năm 1996 đã đưa tin dựa trên những thông tin mật về vụ cơ quan tình báo Tây Ban Nha CESID đã dùng ba người ăn mày làm vật thử nghiệm tác dụng của chất gây mê. Theo tờ báo này thì các điệp viên của CESID đã bắt cóc ba người ăn mày này tại khu phố Malasana ở Madrid. Người ta đã

thử nghiệm tác dụng của một chất gây mê dự kiến áp dụng vào vụ bắt cóc thủ lĩnh tổ chức ly khai ETA của người Bascơ đang sống ở Pháp.

Đầu năm 1997 ông Momir Bulatovic, tổng thống Môngtênêgrô (một nước cộng hòa tách ra từ Nam Tư cũ) đã nổi cơn lôi đình trước cơ quan tình báo của nước ông. Trước công luận ông đã công khai phê phán cơ quan này về tội không tôn trọng hiến pháp và nhân quyền và đòi cách chức Vuksin Maras thủ lĩnh của cơ quan này. BND cũng duy trì một quan hệ mật thiết với cơ quan tình báo của Môngtênêgrô !

Tuy sinh sau đẻ muộn nhưng cơ quan mật vụ Mossad của Ixrael (thành lập năm 1951) xứng đáng được trao “kỷ lục về số lượng các vụ hạ độc thủ” trong hàng ngũ các cơ quan tình báo phương Tây. Tháng 10 năm 1995 thủ lĩnh tổ chức cực đoan Dschihad của người Palestin đã bị một điệp viên của Mossad hạ sát trước cửa một khách sạn ở Malta. Điệp viên của Mossad cũng đã tìm và trả thù những thành viên của tổ chức “Tháng chín đen tối” của người Palestin đã bắt cóc và hạ sát 9 người Do Thái tham gia Thế vận hội Muynich năm 1972. Bên cạnh các điệp vụ gây kinh hoàng người Palestin và thế giới Á-rập, Mossad còn để lại dấu vết của mình tại Mỹ, Anh, Pháp và Đức, khiến cho đôi khi các bậc đàn anh này cũng phải bực mình. Vụ điệp viên của Mossad tên là Pollard bị bắt ở Mỹ đã nổi tiếng trên thế giới. Năm 1987 Thủ tướng Anh

Thatcher đã phải ra lệnh trục xuất một lô cán bộ ngoại giao Ixrael. Các “nhà ngoại giao” này không những chỉ cung cấp hộ chiếu Anh giả, mà còn lập những kho vũ khí bí mật của Mossad chứa thuốc nổ và lựu đạn tại London. Những chiến dịch như vậy đã làm tổn hại đến thanh danh vốn dĩ nổi như sóng cồn của Mossad. Vậy mà vẫn chưa hết. Theo tổ chức “Ân xá quốc tế” thì cơ quan mật vụ Ixrael tra tấn tù nhân người Palestin “theo gợi ý của bác sĩ”. Ixrael là nhà nước duy nhất trên thế giới khuyến khích một cách chính thức các biện pháp tra tấn tù nhân của cơ quan mật vụ. Tháng 5 năm 1997 một báo cáo của UNO đã lên án cung cách làm việc này của Ixrael. Giáo sư Bent Sorensen, người tham gia lập bản báo cáo này, đã tuyên bố rằng, chính cựu tổng thống Ixrael Rabin khi còn là thủ tướng đã ra lệnh tra tấn khoảng 8.000 tù nhân người Palestin. Theo UNO thì trong vòng 10 năm qua ít nhất đã có 20 người Palestin bị chết dưới đòn tra tấn của cơ quan mật vụ Ixrael.

Lệnh bắt một công dân Iran

Một trong những cơ quan tình báo hoạt động mạnh mẽ ở châu Âu và không đếm xỉa gì đến luật pháp của nước chủ nhà là cơ quan mật vụ Vevak của Iran. Liên quan đến vụ án Mykonos ở Berlin thậm chí cơ quan công tố Đức tháng 3 năm 1996 đã ra lệnh bắt giữ đương kim Bộ trưởng Bộ nội vụ Iran Fallahian. Đây là một

bằng chứng có một không hai trong lịch sử nước Đức thể hiện việc các cơ quan mật vụ nước ngoài hoành hành như thế nào ở châu Âu. Sau đó 1 năm, năm 1997, cơ quan điều tra Đức cũng tiến hành khởi tố đương kim Bộ trưởng Bộ ngoại giao Iran Welajati. Chuyên gia về chính sách đối ngoại của đảng Dân chủ Xã hội Đức (SPD) ông Gunter Verheugen đã phê phán Chính phủ Bonn có quan hệ với cơ quan mật vụ Iran, mặc dù cơ quan này cũng phải chịu trách nhiệm về những vụ ám sát. Có lẽ Verheugen “quên” mất sự thật là các cơ quan đồng minh của chúng ta ở Oasinhton, London và Paris cũng tiến hành thủ tiêu các đối thủ như vậy nhưng “bí mật” hơn.

Bên cạnh Iran, cơ quan tình báo của Libi cũng hoạt động trên đất Đức. Sau gần 11 năm điều tra, đến tháng 02 năm 1997 cơ quan điều tra Berlin đã tìm ra thủ phạm vụ đánh bom vũ trường “La Belle” tháng 4 năm 1986 ở Berlin làm chết hai lính Mỹ, một người phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ và bị thương hơn 200 người khác. Cơ quan tình báo Libi đã ra lệnh tiến hành đánh bom vào vũ trường này, nơi mà đa số khách nhảy là lính Mỹ. Năm 1986 quan hệ Mỹ - Libi trở nên căng thẳng vì hồi đó Mỹ buộc tội Libi gây ra hai vụ khủng bố ở Rôm và Paris. Mỹ tuyên bố cấm vận thương mại đối với Libi và cho tàu chiến tập trận trước bờ biển Libi. Ngày 26 tháng 3 năm 1986 cơ quan tình báo Libi truyền lệnh của lãnh đạo Libi cho chi nhánh của mình ở Đông Berlin tấn công một

cơ sở của quân đội Mỹ. Lệnh được truyền đi bằng điện đài và BND đã thu được lệnh này, tuy nhiên trong lệnh không nói rõ thời gian và địa điểm tiến hành.

Tuy vậy trong khi UNO tiếp tục gia hạn lệnh cấm vận đối với Libi thì tháng 3 năm 1997 Giáo hoàng Johamles Paul đệ nhị lại chọc tức Mỹ bằng cách thiết lập quan hệ ngoại giao với Libi. Từ thời trung cổ Vatican đã duy trì được một cơ quan tình báo hoạt động vào loại có hiệu quả nhất trên thế giới. Trái lại với Oasinhton, từ nay Vatican có thể chính thức thu lượm được những thông tin chính xác về ý đồ của giới lãnh đạo Libi ở ngay chính thủ đô Tripolis. Sự liên quan, tham dự của nhà thờ, kể cả nhà thờ Tin lành, vào hoạt động tình báo có thể lấp kín nhiều quyền sách. Ngay BND cũng trả tiền “nhuận bút” cho các thông tin của Vaticăng. Tuy nhiên chỉ đôi khi các Đức cha mới chịu thừa nhận là có hoạt động cho cơ quan tình báo.

Ở Đức thì nhà thờ Tin lành bang Xắc xông đã đưa ra một quyết định ngày 15 tháng 4 năm 1997 ký ở Dresden cấm các tín đồ không được làm việc cho cơ quan tình báo. Đạo luật này của nhà thờ ghi rõ, việc sử dụng các phương tiện tình báo không phù hợp với chức năng của nhà thờ. Nếu tin vào lời kể của một số điệp viên Đức thì nhiều đại diện của nhà thờ có tên trong bảng lương của cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang và BND.

TỔ CHỨC CỦA GEHLEN

TIỀN THÂN CỦA CƠ QUAN TÌNH BÁO CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC BND

Trong cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1866 nước Phổ đã thành lập tại Bộ tổng tham mưu “Cơ quan thông tin trung ương”. Đây là một cơ quan của quân đội được đổi tên năm 1917 thành “Cục các lực lượng đặc biệt” và khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất bị giải tán theo quy định của Hiệp ước Vécxây. Nhưng chỉ sau đó một năm, vào năm 1919, trong quân đội một bộ phận mang tên “phản gián” lại được thành lập. Đến năm 1931 bộ phận này lại mang tên cũ “Lực lượng đặc biệt”.

Ngày 01 tháng 4 năm 1942 Reinhard Gehlen, sinh năm 1902 ở Erfurt, con trai của một sĩ quan Phổ, tiếp quản bộ phận “Lực lượng đặc biệt phương Đông”. Trong lịch sử gián điệp Gehlen là một nhân vật có một không hai. Sau khi phục vụ Hitle cho đến khi nước Đức đầu hàng năm 1945, Gehlen chuyển sang phục vụ cho chủ mới là người Mỹ. Khi Chính phủ đầu tiên của Cộng hòa Liên bang Đức được bầu với thủ tướng là Adenauer thì Gehlen trở thành thủ

trưởng đầu tiên của cơ quan tình báo Liên bang. Vậy mà Gehlen chưa bao giờ học qua một trường lớp đào tạo công tác tình báo nào. Bộ tham mưu xung quanh Gehlen bao gồm chính những sĩ quan 'đã phục vụ dưới thời Hitle. Tất cả những điều đó đã không thể thực hiện được, nếu không có sự trợ giúp của Mỹ với tư cách là "cha đỡ đầu" cho tổ chức của Gehlen.

Khi chế độ Quốc xã sụp đổ thì Gehlen đã kịp thời chôn giấu toàn bộ tài liệu lưu trữ được tại một vùng núi ở Baravia và nhờ đó chính Gehlen đã "thoát nạn" sau khi chiến tranh kết thúc. Tác giả Janusz Pielkiewicz đã viết như sau trong cuốn "Lịch sử gián điệp thế giới":

"Gehlen biết được rằng, vùng Nam Đức sẽ thuộc khu vực người Mỹ quản lý và đã cho bí mật vận chuyển toàn bộ tài liệu của lực lượng đặc biệt phương Đông chứa trong 50 chiếc hòm thép từ Bộ tổng tham mưu ở Máybach gần Zossen về Baravia. Trong khi hồng quân Liên Xô đang chuẩn bị khóa chặt Berlin, thì Gehlen đã cùng với người kế nhiệm là Wessel và một nhóm sĩ quan tham mưu trên đường đi tới vùng núi Anpơ. Cuộc hành quân chiến lược này kết thúc ở một khu vực gần hồ Spitzing. Tại đây toán người này trèo lên một sườn núi vào một khu mỏ cũ mang tên Elendsalmhutte. Nhóm sĩ quan đã trú ở khu vực hẻo lánh này và đợi quân Mỹ đến. Mỗi

12 ngày sau khi quân Đức đầu hàng, vào ngày chủ nhật 20 tháng 5 năm 1945, toán quân cảnh Mỹ đầu tiên mới tiến vào vùng này. Sau đó là thời kỳ trong trại tù binh. Khoảng một tháng rưỡi sau Gehlen tiếp cận được với người phụ trách tình báo cao nhất trong vùng quân quản của Mỹ, tướng Edwin Sibert. Sau cuộc tiếp xúc với tướng người Mỹ này đã nhận xét: “tướng quân, ông biết khá nhiều về người Nga”.

Gehlen đã không hề có ảo tưởng về kết cục của cuộc chiến tranh. Từ nhiều tháng trước đó ông ta đã biết rằng Đức sẽ thất bại trong cuộc chiến tranh này. Có lẽ Gehlen đã tự đặt ra câu hỏi cho ông ta: phải làm gì để vượt qua sự đầu hàng và xây dựng một tương lai mới. Câu trả lời nằm trong niềm tin của Gehlen là các cường quốc phương Tây sẽ sớm nhận ra thực chất kẻ thù của họ lại là Liên Xô bạn đồng minh của họ trong chiến tranh. Nếu như vậy thì họ đột nhiên phải trông vào một cái gì đó mà chỉ Gehlen có được: đó là chuyên môn, thông tin tình báo và lực lượng quân sự của Liên Xô, về những nhà lãnh đạo Liên Xô và những dự định của họ đối với phương Tây.

Sau khi bước đầu người Mỹ có được một sự nhìn nhận về những hiểu biết của Gehlen, ông ta được gửi về Oasinhton năm 1945 và năm 1946 bị thẩm vấn ở trung tâm thẩm vấn Fort Hunt (bang Virginia). Chính vào thời điểm này Stalin đã đi

một nước cờ người Mỹ không ngờ tới nhưng lại có lợi cho Gehlen: Mátxcơva hủy hiệp ước đã ký với các nước đồng minh về việc đến tháng 3 năm 1946 phải rút toàn bộ quân đội ra khỏi vùng bắc Iran. Ngược lại Mátxcơva còn điều thêm quân đến vùng này. Đột nhiên Oasinhton nhận ra rằng, Stalin không sẵn sàng thực hiện những điều đã cam kết và có thể sẽ đe dọa Tây Âu. Sau đó xảy ra hàng loạt các vụ va chạm mang tính chất khiêu khích ở châu Âu. Tuy vậy người Mỹ vẫn rất thiếu những thông tin về các ý đồ của Stalin. Họ không biết về mức độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội Liên Xô. Như vậy đột nhiên những hiểu biết của Gehlen trở nên cần thiết. Tháng 7 năm 1946 người ta gửi trả Gehlen từ Virginia về Đức và cho ông ta gặp lại các chiến hữu trong đội quân đặc biệt phương Đông trước kia. Cuối năm 1946 giữa Gehlen và cơ quan tình báo quân sự Hoa Kỳ đã đạt được thỏa thuận về việc nhận Gehlen và các cộng sự trước kia của ông ta vào làm cho cơ quan tình báo Mỹ. Đó chính là giờ phút khai sinh của "Tổ chức Gehlen". Thỏa thuận này bao gồm những chi tiết sau đây:

1. Sẽ thành lập một cơ quan tình báo Đức. Hướng hoạt động của cơ quan tình báo này là phía Đông và những công việc đang làm trước kia lại được tiếp tục trên tinh thần cũ.

2. Tổ chức Đức này hoạt động không phục vụ cho người Mỹ và không dưới quyền của người Mỹ, mà hợp tác với người Mỹ.

3. Tổ chức này hoạt động dưới sự lãnh đạo chỉ của người Đức. Lãnh đạo của cơ quan này sẽ nhận được nhiệm vụ do phía Mỹ giao chừng nào một Chính phủ mới của Đức chưa được thành lập.

4.. Tổ chức được Mỹ cấp ngân sách hoạt động. Để đổi lại tổ chức sẽ cung cấp toàn bộ những thông tin thu được cho người Mỹ.

5. Khi một Chính phủ thực sự có chủ quyền của Đức được thành lập thì Chính phủ này sẽ tự quyết định về việc có tiếp tục duy trì công việc hay không.

6. Nếu xảy ra tình trạng mà trong đó lợi ích của Mỹ và của Đức không phù hợp nhau thì tổ chức này có quyền tự quyết định việc bảo vệ lợi ích của Đức.

Trong thỏa thuận thì như vậy, nhưng trên thực tế ngay từ ngày đầu thành lập tổ chức của Gehlen đã hoàn toàn phụ thuộc vào người Mỹ. Cho nên người ta cũng không nên có ảo tưởng là tổ chức này không có một hoạt động nào khả dĩ có thể làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Đức. Chắc chắn trong những năm đầu mới thành lập Gehlen đã không có khả năng để từ chối những nhiệm vụ không có lợi cho Đức.

Gehlen đã đem lại cho tổ chức những phương pháp hoạt động, nhân viên và tin tức mới. Người Mỹ trả tiền - năm đầu tiên là 3,4 triệu đô la cho 50 nhân viên - và bố trí cho nhân viên của tổ chức một cuộc sống tương đối dễ chịu trên nước Đức bị chiến tranh tàn phá. Một quan chức cao cấp của CIA sau này đã nói: "Hồi đó phải như vậy. Bọn họ có hiểu biết về chuyên môn và có nhân sự để hoạt động, còn chúng ta thì đưa ra yêu cầu, cung cấp hậu cần và nhận được sản phẩm". Oasinhton muốn thu lượm những thông tin quân sự và vì thế điệp viên được gửi sang phía Đông để do thám tình hình chuyển quân của đối phương và thiết lập quan hệ với người địa phương.

Mary Ellen Reese, một nữ nhà báo Mỹ, đã viết như nhau trong quyển "Tướng Gehlen - Mối quan hệ với CIA" về những giai thoại trong thời kỳ trứng nước của tổ chức Gehlen:

"Thành phố Pötxdam nằm bên bờ Đông của hồ Glienick. Bờ bên kia thuộc khu vực các đồng minh phương Tây quản lý. Nổi hai bờ là một chiếc cầu do lính Nga kiểm soát. Việc di chuyển từ đầu cầu này sang đầu cầu bên kia đối với một điệp viên là mạo hiểm, vì sẽ bị giữ lại, hỏi han, phải trình giấy tờ và giải thích về mục đích chuyến đi. Vì thế người của Gehlen đã huấn luyện một con thiên nga thường bơi đi bơi lại

giữa hai bờ hồ và ăn bánh mì do lính Nga từ trên cầu ném xuống. Đám lính Nga không thể ngờ được rằng, dưới cánh con thiên nga được giấu những báo cáo mật gói kín trong túi ni lông”.

Trong cuốn sách này cũng có một đoạn mô tả về “Tổ chức Gehlen liên tục được mở rộng, vì thế luôn thiếu tiền. Kinh phí do quân đội Mỹ chu cấp như một chiếc chăn chiên hở đầu, hở chân người đắp. Vì thế chợ đen trở thành nguồn cung cấp tài chính chủ yếu cho tổ chức. Hệ thống tuần hàng nhu yếu phẩm hoạt động hữu hiệu trong một chu trình khép kín: Khi nhận được hàng của người Mỹ, tổ chức cho người đem ra bán ở chợ đen. Sau khi hàng họ được bán hết, cơ quan chống tệ nạn sẽ tịch thu số hàng hóa đó ngoài chợ đen với lý do hàng được tuần bất hợp pháp ra ngoài và chuyển lại số hàng đó cho chủ sở hữu ban đầu. Sau đó chính số hàng đó lại được đưa trở lại chợ đen. Trong thời kỳ mới thành lập, vòng quay đầy lợi nhuận này đã quyết định sự sống còn của tổ chức Gehlen”.

Chuyến trụ sở cơ quan về Pullach

Sau khi trụ sở cơ quan ở Oberursel trở nên quá chật chội, giữa năm 1947 người ta quyết định chuyển trụ sở về một lãnh địa cũ của Rudolf Hess (cựu Phó quốc trưởng của Hítler) ở Pullach. Cho đến nay đây vẫn là trụ sở của cơ quan tình

báo Đức. Những quy định về bảo mật đã làm cho xuất hiện ở đây một thị trấn độc lập có trường học, cửa hàng, vườn trẻ, mẫu giáo và bệnh xá riêng. Một quan chức lâu năm của BND, ông Waldemar Markwardt, đã viết trong hồi ký như sau về “biệt khu” BND: “Những tấm biển to lớn yêu cầu mọi người dừng lại không được đi tiếp vào khu vực của BND và khi trời tối thì phải tắt đèn pha xe ô tô, còn trong xe đèn phải được bật sáng. Đối với những người dân ở đây thì thế giới chỉ tồn tại cho tới hàng rào ngăn cách khu vực BND. Tuy nhiên vùng bên ngoài khu cấm này lại là nơi mang lại thu nhập “thực tế” cho nhân viên của Gehlen khi họ buôn bán thuốc lá lậu. Nếu một nhân viên nào bị quân cảnh bắt quả tang, thì cũng không hề gì, vì người đó chỉ cần đọc một số điện thoại đặc biệt cho quân cảnh là tai qua nạn khỏi!”

Trong thời gian đó, khi mà người Mỹ rất coi trọng “mối hiểm họa từ nước Nga”, thì tổ chức Gehlen đã cung cấp rất nhiều thông tin tác chiến quý báu cho người Mỹ. Năm 1947 thẩm quyền giám sát tổ chức Gehlen được chuyển từ phía quân đội sang CIA mới được thành lập. Gehlen là người theo chủ nghĩa chống cộng triệt để, vì thế trong thời kỳ chiến tranh lạnh Gehlen nổi lên như là một chuyên gia hàng đầu trong hoạt động gián điệp, đặc biệt là nhằm vào các quốc gia phía Đông. Lúc đầu nhân viên của Gehlen chỉ thẩm vấn những tù binh chiến tranh từ Nga trở về.

Sau này hoạt động của tổ chức lan rộng ra khắp vùng do người Nga quản lý.

Một bí mật còn được giữ kín đến ngày nay là việc Gehlen cung cấp thông tin không những chỉ cho người Mỹ, mà còn cho cả Vaticăng nữa. Gehlen đã nhiều lần đi công cán đến Rôm. Nhìn rộng ra thì hoạt động của nhà thờ Thiên chúa giáo như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt thế giới tình báo trong thời kỳ lịch sử cận đại của ngành gián điệp. Chính Rosenlehner (tên thật là Heirich Hellmaml), đại diện hiện nay của BND ở Oasinhton cũng đã kể với tác giả quyển sách này về những mối quan hệ của ông ta với Vaticăng. Thực ra Gehlen cũng chỉ hành động như các cơ quan tình báo khác: hướng sự chú ý vào Vaticăng. Khi Gehlen muốn tiếp kiến riêng Giáo hoàng Pius XII thì chỉ trong vòng một ngày cuộc gặp đã được thu xếp. Một người anh em họ của Gehlen, bí danh là Giovanni, là phụ tá cho đức cha tổng giám mục dòng tu Malteser. Bằng con đường này sự hợp tác giữa Đức quốc xã và Vaticăng đã được thiết lập. Ví dụ hàng tuần một nhân viên mật mã của Vaticăng được trả công 100 đô là (hồi đó là một món tiền cực kỳ to lớn) cho việc nhân viên này chuyển giao bản tóm tắt tất cả tin tức tình báo từ khắp nơi trên thế giới gửi về tòa thánh. Ngày nay, theo các quan chức ở Pullach, thì một số nhân viên của Vaticăng cũng có tên trong bảng lương của BND.

Khi chiến tranh kết thúc quân đội đồng minh tiếp quản ở Đức 7,5 triệu công nhân bị Hítler cưỡng bức từ gần một chục các quốc gia khác nhau sang lao động ở Đức và hàng vạn tù binh chiến tranh đang sắp chết đói. Tuy chỉ trong vòng ít tuần lễ khoảng hơn 3 triệu người Pháp, Italia, Hà Lan, Bỉ, Đan Mạch, Nam Tư và Ba Lan được đưa từ vùng do quân đội phương Tây quản lý về quê hương họ, nhưng năm 1952 khi nguồn tài chính do tổ chức quốc tế cứu giúp tị nạn cạn kiệt thì trong các trại ở Đức vẫn còn hàng chục vạn người. Chính những trại này là nguồn cung cấp nhân lực cho các đơn vị hoạt động gián điệp của người Mỹ. Oasinhton đã hứa sẽ chu cấp cho đám người này một cuộc sống “thiên đường”. Trong vòng hai năm người ta đã chiêu nạp được 5.000 người gốc Ucraina, Bạch Nga, Ba Lan, Lítôni và Látvia và đưa họ đến đào tạo ở Bad Wiessee và Kaufbeuren. Với sự hỗ trợ của Đức những đơn vị này trở thành hạt nhân của cái gọi là một “đạo quân của CIA”, mà sau này nổi tiếng trong cuộc chiến tranh Việt Nam dưới cái tên “Green Berets” (lính mũ nổi xanh).

Từ 1951 - 1957 Gehlen liên tục cử người sang Rumani, Ucraina và Tiệp Khắc để từ đó các điệp viên này gửi báo cáo về trung tâm bằng điện đài. Nhiều điệp viên thuộc loại này đã bị phát hiện và bắt giữ. Khoảng một nửa số điệp viên được đánh đi đã không trở về. Thắng lợi to lớn

cuối cùng của tổ chức Gehlen là chiến dịch tìm kiếm bài diễn văn Khorútxốp đọc tại Đại hội đảng cộng sản Liên Xô lần thứ 20 tổ chức hồi tháng 2 năm 1956 ở Mátxcova. Vì bài diễn văn này được đọc trước đại hội nhưng không được công bố, nên cả CIA lẫn người Anh đều không kiếm được văn bản, nên Gehlen đã được yêu cầu giúp đỡ. Chỉ trong vòng ít tuần lễ Gehlen, với sự giúp đỡ của Ixrael, đã tìm được bài diễn văn này. Hồi đó, việc Bộ ngoại giao Mỹ ngày 4 tháng 6 năm 1956 cho công bố toàn văn bài diễn văn của Khorútxốp là một sự kiện gây chấn động thế giới.

Những sự cố và tổ chức theo cơ cấu gia đình trị trong BND

Ngày 01 tháng 4 năm 1956 Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức (được thành lập năm 1949) đã chính thức tiếp quản tổ chức Gehlen với tên mới là “Cơ quan tình báo Liên bang (BND)”. Reinhard Gehlen, bí danh Tiến sĩ Schneider, trở thành vị chủ tịch đầu tiên của cơ quan này. Vì những “công lao” phục vụ CIA Gehlen, vào dịp nhậm chức, đã được người Mỹ thưởng 250.000 Mác. Ông ta đã dùng số tiền đó để tậu một tòa villa cách Pullach 15 km.

Với việc Chính phủ của thủ tướng Adenauer tiếp quản toàn bộ cơ quan tình báo đối ngoại vào hệ thống các cơ quan của Chính phủ Liên bang thì điều tiên đoán của ông trùm tình báo Đức khi chiến tranh kết thúc đã trở thành hiện thực. Giờ

đây Gehlen nắm 1245 người dưới quyền, trong đó 540 là viên chức nhà nước, 641 nhân viên và 64 công nhân. Ngân sách đầu tiên của BND là 23,1 triệu mác. Nhưng trên thực tế BND chi nhiều hơn. Chỉ trong vòng hai năm ngân sách của cơ quan này đã tăng gấp đôi. Vào thời kỳ đó các chi nhánh đầu tiên ở nước ngoài của BND cũng đã được thành lập ở các quốc gia châu Phi, Á và Mỹ La tinh.

Tấm áo choàng “sạch sẽ” của Gehlen bắt đầu bị vấy bẩn khi cơ quan tình báo “của riêng ông ta” càng ngày càng chịu sức ép từ giới chính trị. Viên tướng bảo thủ này đã tiến hành công tác tình báo dưới tư tưởng chống cộng. Đương nhiên là ngay cả những người Tây Đức cũng bị rơi vào thước ngắm của Gehlen, khi ông ta nghi ngờ họ có cảm tình với chủ nghĩa Mác. Vị chuyên gia say mê hoạt động tình báo hướng sang phía Đông này đã không có thì giờ để đọc kỹ hiến pháp! Vì Gehlen có mối quan hệ tốt với thủ tướng đương nhiệm Adenauer và văn phòng thủ tướng, nên cơ quan của ông ta vẫn được coi trọng khi số vụ trục trặc ngày càng tăng.

Heinz Felfe, một điệp viên của Cộng hoà dân chủ Đức làm việc tới 10 năm tại trung tâm Pullach. Thiệt hại mà điệp viên này gây ra cho BND và cho chính bản thân Gehlen còn lớn hơn tất cả những gì mà các thế lực chống đối lại ông ta gây ra. Sự thăng tiến đến chóng mặt của điệp viên này trong lòng cơ quan tình báo Tây Đức có

về như rất chính đáng: không một nhân viên BND nào đã phát hiện ra nhiều điệp viên của phe cộng sản như anh ta. Tuy nhiên trong khi Heinz Felfe “qua mặt” BND và người Mỹ thì anh ta cũng không quên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Bằng chiếc máy ảnh chuyên dụng nhãn hiệu Minox điệp viên này đã chụp hơn 15.000 bức ảnh các tài liệu tối mật và chuyển chúng sang phía Đông. Trong các thông tin được chuyển đi này ví dụ như có bản danh sách các điệp viên của Gehlen ở trong và ngoài nước, địa chỉ liên lạc của các điệp viên nằm vùng, các báo cáo nội bộ về các chiến dịch đang được tiến hành, các báo cáo về các chiến dịch nghe trộm, cũng như các báo cáo hàng tháng về công tác phản gián của BND. Vụ phát hiện điệp viên này không chỉ là một đòn giáng mạnh vào chính Gehlen. Sau này phía Đông đã trao trả 21 điệp viên phương Tây chỉ đổi lấy có một mình Heinzz Felfe!

Ngày 1 tháng 5 năm 1968 Gehlen về hưu. Người kế nhiệm của ông là Gerhard Wessel đã phải “chiến đấu” chống lại dư luận đang cho rằng, nhân viên của BND toàn là cựu quốc xã trước đây BND là một cơ quan tình báo điển hình trong công tác do thám Liên Xô và là một cơ quan đầy bê bối. Như vậy đây là lần thứ hai Wessel trở thành người kế nhiệm của Gehlen. Cách đây 23 năm ông ta đã từng là người kế nhiệm Gehlen đứng ra lãnh đạo “Lực lượng đặc

biệt phía Đông”, khi Gehlen chạy trốn về vùng núi Anpơ để ở đó cùng với đồng tài liệu quý giá đợi chiến tranh kết thúc và đợi người Mỹ.

Một phương thức làm việc do Gehlen áp dụng nay vẫn còn ảnh hưởng đến BND, đó là cơ cấu gia đình trị. Gehlen đã đưa con cái, anh em, họ hàng, bạn hữu - những chiến hữu trong đội quân SS trước kia - vào làm việc trong cơ quan tình báo “của riêng ông ta”. BND đã trung thành với nguyên tắc “bảo đảm truyền thống” này của tổ chức Gelen và vì thế đã tạo nên những ảnh hưởng không mấy tốt đẹp cho danh tiếng của BND. Ngoài ra Gehlen còn mắc sai lầm khi đút tiền cho báo giới để họ tạo nên một bức tranh sáng lạng về cơ quan của ông ta. Có lẽ ngay cả điều đó cũng đã không giúp được gì nhiều cho danh tiếng của Gehlen. Ngay cả Adenauer sau này trong hồi ký của mình cũng không viết một chữ nào về Gehlen.

Một trong những câu nói nổi tiếng của Gehlen hay được nhắc đến là câu ông ta thường khuyên bảo những người mới vào nghề: “Anh bạn trẻ ạ, anh phải nhớ rằng, một điệp viên giỏi là người không bao giờ viết lách về công việc, cơ quan của anh ta cả, nhất là không bao giờ viết hồi ký! Chính vì biết nhiều, nên anh ta sẽ đem theo những điều đó xuống mồ”. Tuy vậy chính Gehlen đã không làm theo nguyên tắc do ông ta đề ra và đã cho xuất bản 3 cuốn sách của mình. Chính những cuốn sách này đã cho người đọc

thấy rõ, những đánh giá, nhận định của Gehlen thường là thái quá, hoặc không chính xác. Trong cuốn sách đầu tiên Gehlen đã phải thừa nhận là ông ta đã nhận định tổng bí thư mới của đảng cộng sản Liên Xô là Sêlêpin chứ không phải là Brêgiônêp. Trong cuốn thứ hai Gehlen đã tiên đoán là Trung Quốc sẽ còn nằm trong hệ thống chủ nghĩa cộng sản do Liên Xô lãnh đạo đến năm 1980. Còn trong cuốn thứ ba, được xuất bản một năm sau khi Gehlen chết, thì ông ta còn dám tiên đoán là sau sự kiện Tiệp Khắc năm 1968 sẽ không bao giờ xảy ra một sự kiện tương tự trong thế giới cộng sản nữa. Otto Maetzke, một phóng viên chuyên viết về BND cho tờ "Frankfurter Allgemeine Zeitung" trong hơn một thập kỷ đã viết như sau: "Nếu một cơ quan tình báo muốn qua sự phân tích của họ tác động đến chính sách của Chính phủ - đôi khi việc đó là cần thiết - thì hàng ngũ lãnh đạo của cơ quan đó không được phép làm việc theo kiểu của ông già Gehlen".

Bức màn sắt và Bộ An ninh quốc gia Cộng hoà dân chủ Đức

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc Thủ tướng Anh Sôcsin đã nói đến "một tấm màn sắt" được trải suốt lục địa châu Âu. Đó là thời điểm bắt đầu của cuộc chiến tranh lạnh được tiến hành bằng vô vàn những chiến dịch đầy mạo hiểm của các cơ quan tình báo, cho đến khi chính sách hòa dịu được thực hiện giữa hai phe.

Hồi đó thành phố Berlin bị chia cắt, do 4 cường quốc quản lý và nằm trọn vẹn trong lãnh thổ Cộng hoà dân chủ Đức, đã trở thành trung tâm điểm của các hoạt động tình báo quốc tế. Trong khi tổ chức Gehlen hoạt động trên 3 khu vực của thành phố do các cường quốc phương Tây cai quản, thì ngày 08 tháng 02 năm 1950 Hội đồng bộ trưởng Cộng hoà dân chủ Đức thành lập Bộ An ninh quốc gia. Hai tuần lễ sau đó Bộ trưởng Bộ nội vụ bang Sachsen lúc bấy giờ là Wilhelm Zaisser được cử là Bộ trưởng đầu tiên. Bộ trưởng Bộ nội vụ Cộng hoà dân chủ Đức lúc đó là Carl Steinhoff đã viết như sau về sứ mệnh của Bộ An ninh quốc gia:

“Những nhiệm vụ chủ yếu của Bộ An ninh quốc gia là bảo vệ xí nghiệp nhà nước, hệ thống giao thông, và các nông trường quốc doanh trước sự phá hoại của các phần tử tội phạm, đấu tranh chống lại hoạt động phá hoại, gián điệp của các cơ quan, tổ chức thù địch, trấn áp bọn cướp bóc, bảo vệ sự phát triển dân chủ và nền kinh tế hòa bình, cũng như bảo đảm việc hoàn thành các kế hoạch phát triển kinh tế.” Cho đến giữa năm 1952 ngành an ninh Cộng hoà dân chủ Đức trên thực tế là do Liên Xô nắm. Từ khi thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Bộ An ninh quốc gia Cộng hoà dân chủ Đức hướng theo mô hình cơ quan Trêka của Liên Xô.

CHƯƠNG II

BÊN TRONG CƠ QUAN TÌNH BÁO CHLB-ĐỨC BND

TRƯỜNG ĐÀO TẠO ĐIỆP VIÊN

Không phải bất cứ điệp viên nào cũng có khả năng xoay sở trong mọi tình huống thực tế. Để có được “tay nghề giỏi” các điệp viên cũng cần phải được đào tạo. Vì vậy ngay từ năm 1956 “Trường BND” đã được thành lập. Hai trăm cán bộ, nhân viên, trong đó 50 giảng viên, có nhiệm vụ đào tạo các điệp viên Đức. Trong trung tâm ở Pullach và tại một khu trại có 200 giường ở Muyních có tất cả khoảng 200 của huấn luyện được tổ chức. Theo số liệu thống kê thì mỗi nhân viên BND hàng năm theo học 9,5 ngày một khóa học của BND. Trọng tâm của các khóa học là các ngón nghề tình báo: tiến hành các mối quan hệ nhằm lấy thông tin như thế nào? Quan sát, theo dõi như thế nào là đúng? Làm thế nào để không bị đối phương phát hiện, theo dõi? Nếu được cử đi đến những khu vực như Ả-rập thì lái xe ô tô tay lái nghịch, hoặc lái xe giữa một bầy la, lừa như

thế nào? Phải chụp ảnh bằng chiếc máy ảnh mini gắn trên ghim caravat hoặc khóa thắt lưng như thế nào để không bị phát hiện? Đặt rệp nghe trộm như thế nào?

Để cho điệp viên Đức không bị phát hiện ngay từ đầu chỉ bởi cung cách “quan chức Đức” của họ, các học viên phải học cách sao cho trong giao lưu quốc tế không bị ai để ý tới. Vì thế các của học nhảy, học cách cư xử (ví dụ như cách ăn món sao biển) cũng nằm trong chương trình. Tuy nhiên các của huấn luyện về tâm lý là trọng tâm. ở đây nguyên tắc là “nghe, nghe nữa, nghe mãi” Ví dụ phải trả lời câu hỏi: dưới những điều kiện nào một người sẽ phải nói ra những điều mà thực ra người đó không được phép nói ? Tất nhiên ở đây mỗi nhân viên của BND sẽ học cách lợi dụng triệt để những tính xấu của con người. Khẩu hiệu đề ra rất đơn giản: hãy nịnh đôi tượng! Hãy tỏ ra che chở cho anh ta? Hãy nói với đối tượng là thủ trưởng đánh giá anh ta quá thấp, thực ra thì anh ta phải là thủ trưởng mới đúng? Hãy làm sao cho đối tượng cảm thấy rằng, giá trị thực của anh ta không được môi trường (làm việc) xung quanh anh ta nhận thấy!

Theo các giảng viên của BND thì rất nhiều người khi được nịnh nọt, cảm dỗ thường sẵn sàng ít nhất là một lần cung cấp những tin tức bí mật. Và nếu người ta muốn biết thu nhập của đối

tượng là bao nhiêu thì không có gì là khó cả. Thường điệp viên của BND đã lấy lời quảng cáo “nhà của tôi, ô tô của tôi, ca nô của tôi” của quỹ tiết kiệm Đức làm “giáo cụ trực quan”. Theo khẩu hiệu này thì người ta chỉ cần kiên nhẫn khiêu khích đối tượng. Người ta gọi chiến thuật trò chuyện là “công tác xã hội” nhằm vớt được thông tin có giá trị mà nạn nhân không hề biết ? Các cuộc “trò chuyện” kiểu đó đều được tiến hành dựa trên bản chất con người là sẵn sàng giúp đỡ người khác. Nếu ai đó gọi điện thoại và nói rằng, anh ta mới vào làm việc tại công ty, hoặc tại một bộ phận khác trong cùng công ty, nhưng không tìm ra mã số cho máy tính của anh ta hoặc để vào mạng máy tính nội bộ, thì thường là người ta sẽ cung cấp ngay thông tin cần thiết cho anh ta. Cứ như vậy các điệp viên tương lai của Đức học những tính chất cơ bản của các cách cư xử trong giao tiếp, sao cho không lọt vào tầm ngắm của các đối thủ nước ngoài. Quan trọng trên hết đối với các điệp viên là các thông tin mang tính chất “hậu cung” cung cấp nguyên nhân sâu xa của các sự kiện. Tên tuổi, ảnh chụp và lý lịch ngắn của nhân viên một công ty có thể lấy được dễ nhất, ví dụ như qua tờ tạp chí nội bộ của công ty. Nếu nắm được các thông tin cơ bản này, thì người ta có thể tiếp tục tìm tòi một cách có định hướng hơn.

Phương pháp “vắt thông tin” này cũng được thử nghiệm trong thực tế. Một trong những bài tập được ưu thích là sau một khóa học, học viên được cử đến một nhà hàng với nhiệm vụ “vắt” được càng nhiều thông tin về đời tư của một vị khách lạ nào đó cũng đang ngồi trong cùng nhà hàng đó, nhưng phải làm sao cho chính vị khách đó không hề biết mình đang bị biến thành vật thử nghiệm. Trong khi tiến hành những buổi “thực tập” như vậy các học viên đều bị quay phim. Sau đó thì các dữ liệu thu được sẽ được kiểm tra. Chỉ những ai luôn tìm kiếm được thành công trong bài học “vắt chanh” này mới có cơ may trở thành một điệp viên có hạng của Cục tình báo tác chiến.

Tất nhiên trong trường đào tạo điệp viên này thì những học viên được dự định khi thành tài sẽ được điều sang các quốc gia Ả rập cũng được dạy là không được dùng tay trái để ăn vì người theo đạo Hồi quan niệm tay trái là cánh tay không trong sạch và khi ngồi không nên để người đối diện nhìn thấy lòng bàn chân mình. Những đặc thù văn hóa, tôn giáo trên thế giới và kiến thức về những điểm nóng thường xảy ra những bất ổn trên thế giới (như vùng Cận đông, Mỹ) sẽ góp phần hoàn thiện vốn hiểu biết của điệp viên Đức. Về lý thuyết thì sau khi kết thúc 200 của học người ta có thể sử dụng học viên một

cách đa năng.

Nhà trường truyền đạt cho điệp viên những kiến thức cơ bản chung nhất về hoạt động tình báo. Nhưng sự “mài dũa” cuối cùng trước khi nhận một nhiệm vụ cụ thể thì họ nhận được từ Cục I (Cục tình báo tác chiến). Tại đây họ mới nhận được những số điện thoại bí mật mà trong trường hợp khẩn cấp họ có thể liên lạc để yêu cầu giúp đỡ.

Tại đây họ cũng sẽ được học cách mở khóa cửa được điều khiển bằng mã số điện tử trong các khách sạn. Và cũng tại đây họ mới được cấp những giấy tờ tùy thân và biển kiểm soát xe “giả” và được phép sử dụng chúng khi thi hành công vụ - như các nhân viên của cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang và cơ quan phản gián quân đội - theo điều 8, khoản 2 của luật bảo vệ hiến pháp Liên bang. Dân thường mà sử dụng những giấy tờ giả đó bị phát hiện có thể bị phạt tù giam tới 2 năm hoặc ít nhất cũng bị phạt tiền theo điều 276 Bộ luật hình sự. Giấy tờ “ngụy trang” của điệp viên thì lại hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo đảm. Biển kiểm soát “giả” cấp cho xe ô tô công của điệp viên ít nhất có một lợi thế vô giá: khi các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các vụ vi phạm luật giao thông gặp phải ghi chú “BND” thì vụ điều tra sẽ bị đình lại ngay.

Sau khi trải qua các cửa đào tạo này thì

tinh thần của các điệp viên được coi là sắc sảo. Từ giờ phút này trở đi, khi lái xe ô tô họ sẽ thường xuyên nhìn vào gương hậu hơn để sớm nhận biết người theo dõi họ. Họ sẽ có khuynh hướng trà trộn ngay vào một đám đông khi bị đối phương đe dọa. Họ cũng đã học được thủ thuật “cắt đuôi” đối phương. Những phương pháp hay được sử dụng nhất ví dụ như là người cuối cùng lên một phương tiện giao thông công cộng xe buýt, xe điện ngầm... ngay trước khi phương tiện đó chuyển bánh. Hoặc nếu trong một siêu thị lớn thì họ sẽ là người cuối cùng chen lấn vào trong thang máy. Nếu ai muốn biết xem có bị theo dõi khi cho xe chạy trên xa lộ không thì phải hạn chế tốc độ xe ở mức 60km/giờ. Ai không tìm cách vượt thì có thể người đó là kẻ theo dõi. Điệp viên của Đông Đức trước kia học thủ thuật này ở trường đào tạo điệp viên đặt ở Belzig.

Vũ thuật lại không được giảng dạy ở Pullach. Một giảng viên của BND đã nói: “Chúng tôi không muốn đào tạo nên những Rambô và James Bonds (điệp viên 007). Người của chúng tôi phải được chuẩn bị tốt nhất về tinh thần và có thể thích ứng một cách hoàn hảo nhất với môi trường anh ta đang hoạt động”. Trường cũng không dạy cách sử dụng vũ khí nổ. Trong tổng số 6029 cán bộ, nhân viên của BND chỉ có 50 người làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ được trang bị

súng. Tuy nhiên người ta đang cân nhắc đến việc ít nhất cũng phải đưa chuyên ngành “chủ động phòng vệ” vào chương trình giảng dạy. Những của học về bắt chuyện, giao tiếp, thậm chí “tấn công” phải đẹp sẽ giúp học viên vượt qua được tâm lý rụt rè và trở nên trực tiếp hơn khi tiếp xúc với người khác.

Trong trường đào tạo của BND cũng có một bộ phận dịch thuật. Ở đây người ta có thể cung cấp dịch vụ đối với 15 ngôn ngữ (ví dụ như tiếng Tây Ban Nha, Italia, Ba Lan, Farsi...). Đối với những ngôn ngữ ít phổ cập, ví dụ như 400 ngôn ngữ địa phương khác nhau của người Nigeria, thì BND phải nhờ đến sự trợ giúp của những cơ quan khác. Chính trong bộ phận này người ta cũng đã phát minh thiết bị dịch thuật hiện đại nhất thế giới.

CÁC CỤC CHUYÊN MÔN CỦA BND

Gehlen, vị chủ tịch đầu tiên của BND, đã lãnh đạo theo phương thức thống trị và độc đoán tuyệt đối. Từ khi Gehlen về hưu năm 1968 đến nay đã có nhiều đổi thay trong nội bộ BND. Nhưng cho đến thời điểm đó ngay cả đến một cơ cấu tổ chức theo các cục, phòng... cũng không tồn tại trong BND. Mãi đến khi người kế nhiệm của Gehlen là Gerhard Wessel lên nhậm chức thì cơ cấu tổ chức mới được đưa vào. Hồi đó Wessel giao

cho Heinrich Rosenlehner (tên thật là Heinrich Hellmann) hiện đặc trách về các mối quan hệ giữa BND với các cơ quan tình báo Mỹ, đứng ra thành lập các cục chuyên môn. Rosenlehner đã chia BND thành các bộ phận thu thập thông tin, kỹ thuật, đánh giá thông tin và một cục phụ trách các vấn đề nhân sự, bảo vệ và hành chính. Chính Rosenlehner năm 1971 đứng ra nắm cục IVa phụ trách các lĩnh vực tổ chức hoạt động, kế hoạch, ngân sách, phòng thủ, tiếp nhận và đánh giá thông tin và kiêm nhiệm lãnh đạo cục "Gladio - tiếng Latinh có nghĩa là thanh kiếm", một đơn vị mà công luận Đức hầu như không được biết đến. Cục Gladio có nhiệm vụ hoạt động phá hoại sau lưng quân địch trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Gladio đã từng có ở Hannover và Berlin những căn cứ và tổ chức riêng. Hồi đó hoạt động của Gladio hoàn toàn nằm trong sự giám sát của quân đội đồng minh. Trong trường hợp chiến tranh bùng nổ thì theo kế hoạch, Gladio sẽ được chuyển đến Bồ Đào Nha. Năm 1981 công nhân lâm nghiệp khi làm việc trong rừng đã phát hiện ra 33 hầm chứa vũ khí tự động, vũ khí hóa học, 14.000 viên đạn, 509 súng chống tăng, 156 kg thuốc nổ, 230 dầu đạn và 258 lựu đạn. Hồi đó người ta cho rằng, kho vũ khí này là của nhóm cực hữu Lembke. Trên thực tế đây là một trong số nhiều kho vũ khí của

Gladio. Tháng 5 năm 1997 người ta còn tìm thấy trong một khu rừng ở Áo một kho vũ khí có lẽ do KGB trước đây lập để chống lại Gladio bao gồm thuốc nổ, ngòi nổ chậm, vũ khí chống tăng và đạn dược.

Đến đời chủ tịch Kinkel thì BND có thêm cục bảo vệ. Sau này bộ phận hậu cần kỹ thuật cũng được tách riêng ra. Ngày nay BND có tất cả 6 cục độc lập: tình báo tác chiến (Cục I), tình báo kỹ thuật (Cục II), đánh giá thông tin (Cục III), hành chính (Cục IV) bảo vệ (Cục V) và hậu cần kỹ thuật (Cục VI).

CỤC I - CỤC TÌNH BÁO TÁC CHIẾN

Nhân viên của cục I là các điệp viên nếu hiểu theo nghĩa kinh điển. Họ là những người mà chúng ta thường tưởng tượng như điệp viên 007, đeo kính râm, nay đây mai đó, sẵn sàng “hạ độc thủ” để bảo vệ quốc gia, liên tục bị kẻ thù theo dõi và chuyên đột nhập vào các văn phòng để lấy hồ sơ, tài liệu bí mật của đối phương. Trên thực tế thì người ta không phân biệt được một điệp viên Đức - về bề ngoài - với những người xung quanh anh ta. Cứ cho rằng ở BND cũng có loại điệp viên “thần tượng” của phái yếu hào hoa phong nhã, lúc nào cũng cầm một ly máctini trong tay đi, nhưng đa số những điệp viên thực thụ của Pullach thì lại có bề ngoài, tác phong rất

bình thường. 1.100 nhân viên của cục I làm việc theo một nguyên tắc của Mao Trạch Đông, có nghĩa nhất cử nhất động như một con cá dưới nước và không gây sự chú ý của người khác. Tuy nhiên nguyên tắc này Mao đề ra cho những người cách mạng chứ không cho điệp viên. Càng không gây chú ý, tầm thường bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu ! Khác với “trụ cột” thứ hai của BND - cục tình báo kỹ thuật - ở đây người ta chỉ làm việc với con người. Người bình thường sẽ gọi họ một cách đơn giản là “điệp viên”.

Nhưng người ta thu nạp một điệp viên như thế nào? Ở BND có những người chuyên làm việc này, còn gọi là “người tạo nguồn”. Họ có nhiệm vụ dẫn dắt người khác sao cho một lúc nào đó có thể sử dụng những người này như là những nguồn cung cấp thông tin. Không phải “nguồn” nào cũng biết việc mình bị sử dụng. Và không phải, nguồn nào cũng được sử dụng ngay. Đôi khi người ta để nguồn nằm yên hàng năm trời. Cánh chuyên môn gọi trạng thái này của nguồn là đang “ngủ”. Tùy theo tính chất công việc và lĩnh vực hoạt động, các chuyên gia “tạo nguồn” chiêu nạp những số lượng nguồn khác nhau. Nguồn có thể là quan chức một chính phủ nước ngoài, thư ký một nhà máy sản xuất vũ khí, hay đơn giản chỉ là người dân của một thành phố cảng ví dụ như sẽ thu thập thông tin từ cánh thủy thủ nước

ngoài lên nhậu nhẹt trên bờ để cung cấp cho người dẫn dắt nguồn.

Trong các thập kỷ trước BND đã cài được nhiều điệp viên vào các trung tâm chính trị trên thế giới. Theo các điệp viên của BND ở Oasinhton thì ví dụ như trong thập kỷ 60 người ta đã tranh thủ được một tùy tùng thân cận của tổng thống Mỹ Nixon. Cho đến bây giờ, khi nghĩ đến chiến tích này, những chuyên gia tạo nguồn của BND vẫn nhớ đến tiếng nút chai sâm banh nổ lộp độp khi ăn mừng! Ngày nay thì - như những người trong cuộc kể lại - BND không cài điệp viên nào trong nhà trắng, phủ thủ tướng Anh hoặc trong phủ tổng thống Pháp! Theo cục tình báo tác chiến thì: "Nếu những vụ như vậy lộ ra thì giới lãnh đạo chính trị Đức cũng phải đứng sau lưng ủng hộ chúng tôi. Mà điều đó thì không thể có được. Người ta muốn giặt chiếc áo nhưng lại không muốn làm ướt nó. Sáng sáng khi họp người ta kêu ầm lên: đây là một khu vực nóng bỏng mới trên thế giới, tại sao BND lại không báo cáo gì ? Nhưng đồng thời người ta cũng cắt giảm biên chế của BND và trông chờ chúng tôi với số lượng nhân viên tạo nguồn ít hơn nhưng lại thu nạp được nhiều nguồn có hiệu quả hơn!".

Bên cạnh thương nhân, nhà buôn vũ khí và nhân viên chính phủ, thì đối với tất cả các cơ

quan tình báo trên thế giới nhà báo cũng là mục tiêu để tạo nguồn. John Carre, người đã làm việc cho cơ quan tình báo Anh MI-6 từ năm 1960 - 1964, đã nhận xét rằng, các cơ quan tình báo Anh kiểm soát một phạm vi rộng lớn giới báo chí Anh quốc. Năm 1975 trong một cuộc điều trần trước thượng viện Mỹ ở Oasinhton người ta đã nhận định rằng, cứ hai nhà báo của một tờ nhật báo ở Anh thì có một người ăn lương của MI-6. Hãng thông tấn Reuters thì trong thập kỷ 50 đã thần thánh hóa điệp viên của hoàng gia bằng cách “xây dựng” nên những tập tiểu sử hấp dẫn về họ. Người ta sẽ phải ngạc nhiên nếu BND không sử dụng phương pháp như của MI-6 đối với nhà báo Đức.

Nếu trước đây người ta chiêu nạp một cách thành công nguồn thông tin chủ yếu là từ những người chạy khỏi Liên Xô hoặc các quốc gia thuộc Liên Xô cũ, thì ngày nay bên cạnh những người liên quan đến giới chính khách, BND đưa thêm những người xin tỵ nạn vào thước ngắm. Theo nguồn tin từ Pullach thì hồ sơ của những người này được “thanh lọc theo một catalô tiêu chuẩn”. Người Nga xin tỵ nạn cũng được nhân viên BND tra hỏi. Ở Pullach người ta coi trọng việc chỉ xác định “tên, lý do xin tỵ nạn và đơn vị quân đội khi phục vụ quân ngũ”. Những chi tiết này được khai tự nguyện và không ảnh hưởng

đến quá trình xét đơn xin tị nạn. Khi những người Nga xin tị nạn cho rằng, chính việc họ bị xét hỏi là nguyên nhân để họ được tị nạn ở Đức, vì nếu về nước họ bị án tử hình đe dọa, thì Pullach chỉ cười khẩy. Nhưng số người xin tị nạn trở thành nguồn cung cấp thông tin cho BND chỉ chiếm gần 2% tổng số “nguồn” của BND mà thôi.

Bên cạnh việc “quản lý” các điệp viên hiệu theo nghĩa kinh điển, BND còn duy trì quan hệ với các cơ quan tình báo khác trên thế giới. Những cơ quan này cũng là nguồn cung cấp thông tin. Nhưng một số nhân viên của BND tỏ ra e ngại sự hợp tác này. Một quan chức cao cấp của cục tình báo tác chiến cho biết: “Giữa các cơ quan tình báo của các nước khác nhau không tồn tại một quan hệ hữu nghị thực sự. Vấn đề là công việc, chuyện làm ăn, chứ không phải là tình cảm. Trên thực tế không có mối quan hệ kết nghĩa, mà chỉ là quan hệ dựa trên những lợi ích tương đồng. Tất nhiên người ta cũng gọi lại những mối liên minh lịch sử để lại, như người Ixrael thường hay nhắc lại những tội lỗi trong lịch sử của chúng ta hoặc hỏi chúng ta về một đất nước Ả rập nào đó. Người Pháp cũng thường nhắc nhở chúng ta về tình hữu nghị Pháp-Đức, nhưng trong chuyện làm ăn thì họ vô cùng cứng rắn.” Những suy nghĩ như vậy người ta cũng có thể nghe thấy ở các cục khác của BND.

Vì vậy người ta cũng không hề ngạc nhiên khi thấy BND hợp tác với những cơ quan tình báo vốn dĩ là kẻ thù của nhau, ví dụ như trong trường hợp Trung Quốc và Đài Loan. Với Đài Loan thì người ta đã hợp tác từ lâu, nhưng với cơ quan tình báo Trung Quốc thì mới từ năm 1996. Cùng với người Trung Hoa cộng sản, BND không những chỉ muốn đánh giá các nguồn kỹ thuật, mà còn muốn chiêu nạp những nguồn mới ở khu vực Đông và Nam Á. Điều này đã “đánh động” các quốc gia châu Á đang lo ngại theo dõi ý đồ bành trướng muốn trở thành một cường quốc của Trung Hoa lục địa. Tạp chí “Tám gương” đã viết như sau: “Từ lâu nay BND duy trì những vị trí theo dõi của mình đặt tại biên giới Trung Quốc giáp các quốc gia thuộc Liên Xô cũ”.

Người ta luôn cho rằng, khi lấy thông tin từ nhiều khu vực khác nhau trên thế giới, các cơ quan tình báo thường thỏa thuận ngầm với nhau. Người ta cho rằng, ở châu Phi thì người Pháp chỉ quan sát phần lục địa phía Tây nói tiếng Pháp và người Anh thì “quản” vùng phía Đông nói tiếng Anh. Trong khi đó người Italia chỉ quan tâm đến thuộc địa cũ của mình là Eritrea và Etiôpia, người Bỉ thì hướng sự chú ý vào Công gô còn BND thì đưa vùng đất Tây-Nam Phi thuộc Đức cũ (Namibia) vào thước ngắm. Tuy nhiên Pullach lại phủ nhận điều đó. Trên

thực tế đơn giản là các cơ quan tình báo không đơn thuần chia các khu vực ra để gây ảnh hưởng. Sự nghi kỵ lẫn nhau đã ngăn cản các cơ quan tình báo thực hiện những thỏa thuận ngầm như vậy. Đối với châu lục Đen, nơi mà theo quan điểm tình báo không mấy quan trọng, thì thuận lợi nhất là đưa ngay tổng thống các quốc gia đó vào bảng lương! Ở BND người ta tự hào là hồi đầu những năm 60 họ đã đạt được những thành công to lớn tại một quốc gia vùng Trung Phi nhờ việc đã tặng cho con trai vị tổng thống da đen ở đó một mô hình đường tàu hỏa. Ngày nay để đổi lấy thông tin thì bất cứ người châu Phi nào cũng đòi một vali chứa đầy đô la.

Có lẽ không có một nguồn cung cấp thông tin nào, vào lúc nhất định nào đó, lại không làm cho BND chú ý. Nhưng xếp hàng đầu trong danh sách đó là các nguyên thủ quốc gia và mục tiêu mà các nguyên thủ đó và chính phủ của họ theo đuổi. Các dự kiến trong lĩnh vực trang bị vũ khí (gián điệp quân sự) và các kế hoạch kinh tế quốc gia (gián điệp kinh tế) cũng được BND đặc biệt quan tâm.

Một nguyên tắc của cơ quan tình báo là lúc đầu chỉ cho nguồn cung cấp những thông tin, mà nguy cơ bị phát hiện khi thu thập nó là nhỏ nhất. Có nghĩa là lúc đầu chỉ tiếp cận với những

thông tin, tài liệu để ngỏ, công khai, để rồi sau đó tiến dần đến những tài liệu bán công khai (có nghĩa chỉ những người là thành viên của những bộ phận nhất định mới được tiếp cận). Đúng hàng thứ hai là thu thập tin tức tình báo bằng con đường kỹ thuật (Cục II - Tình báo kỹ thuật). Và chỉ nếu sau tất cả những bước trên không thu được đầy đủ các thông tin cần thiết, thì điệp viên- hiểu theo nghĩa kinh điển - của Cục tình báo tác chiến mới được giao nhiệm vụ trực tiếp ra tay thu thập thông tin. Nhưng ngày nay người ta còn cần gián điệp vào việc gì nữa ? Người ta có thể sử dụng ảnh vệ tinh và kết quả các chiến dịch nghe trộm cơ mà ?

Có thể nhận thấy được là điệp viên sẽ không bị thất nghiệp và không trở thành người thừa trong xã hội. Tuy cục tình báo kỹ thuật có thể quan sát từ không trung các hoạt động chuyển quân, hoạt động phá hủy các đầu đạn hạt nhân hay xây dựng các nhà máy, nhưng những phương tiện kỹ thuật đó không báo được cho BND biết những ý định dự kiến nào đang ẩn náu trong đầu, ví dụ như của tổng thống Saddam Hussein. Để làm được điều đó người ta vẫn phải sử dụng con người và tìm cách “cấy” được họ vào thật gần đối tượng theo dõi. Ví dụ như để tìm hiểu được những ý đồ và mục tiêu lâu dài của tổng thống Mỹ BND đã cài được một điệp viên

vào gần tổng thống Nixon và cũng chính vì lý do đó ngày nay BND đang cố gắng tìm cách tiếp cận trực tiếp ý đồ cách suy nghĩ của những người đóng vai trò quyết định tại các quốc gia quan trọng nhất trên thế giới. Ví dụ sau đây sẽ làm sáng tỏ sự cố gắng này.

Trước khi nổ ra cuộc chiến tranh vùng Vịnh ảnh chụp của vệ tinh Mỹ và tin tức tình báo thu được qua phân tích các hoạt động liên lạc điện đài của đối phương đã cảnh báo về nguy cơ một cuộc tiến công có thể xảy ra. Những bức ảnh vệ tinh đó được CIA trình lên tổng thống Bush. Tuy nhiên vì không cài được người vào gần Saddam Hussein, nên CIA không nắm được ý đồ trong thâm tâm của nhà lãnh đạo Irắc. Những bức ảnh vệ tinh chỉ là những ảnh chụp trong một khoảng khắc nào đó. Liệu đó có phải là một cuộc tập trận hay không ? Dù sao thì tổng thống Bush cũng đã tin là quân đội Irắc đang chuẩn bị đánh chiếm Cô-ôét.

Chiến dịch “từ trái tim”

Chỉ bằng hoạt động tình báo kỹ thuật thì hầu như không thể xác định được tình trạng sức khỏe của một nguyên thủ quốc gia. Tuy nhiên tình trạng sức khỏe của nguyên thủ nhiều khi lại hết sức quan trọng đối với những người có trách

nhệm đưa ra một quyết định nào đó. Một trong những ví dụ điển hình là bệnh tim của tổng thống Nga Enxin đã được giữ bí mật trong một thời gian dài. Không chỉ chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức muốn biết liệu bệnh của Enxin có chữa khỏi được không. Đối với công luận thì có thể đề nghị của thủ tướng Helmut Kohl cử một chuyên gia hàng đầu về tim mạch của Đức sang Nga tham gia phẫu thuật tim cho Enxin trước hết là một nghĩa cử. Nhưng đối với cơ quan tình báo Đức thì đây trước hết là một cơ hội qua chuyên gia tim mạch Đức (theo cách nói của BND là một “nguồn” quý báu) biết được bệnh tình của tổng thống Nga đến mức nào. BND hy vọng rằng, có thể “vắt” được thông tin từ nhà giải phẫu tim kia, cho dù ông ta biết hay không biết được là bị lợi dụng. Theo một số nhân viên BND thì mong muốn của phía Đức góp phần kéo dài tuổi thọ của Enxin chỉ đóng vai trò thứ yếu. Tuy nhiên trước công luận Pullach phải nhận sự thật này. Theo giới tình báo Đức thì một bản báo cáo của nhà giải phẫu tim người Đức ngay sau khi ca mổ được tiến hành về thực trạng sức khỏe của Enxin sẽ quý giá hơn bất cứ một hoạt động tình báo kỹ thuật nào. Trong mỗi liên quan này các chính phủ khác, trong đó có cả Oasinhton, cũng đề nghị được giúp đỡ. Ai cũng có thể nhận thấy rằng, không một chính khách nào chỉ vì nghĩa cử

muốn giúp đỡ Mátxcơva. Đằng sau nghĩa cử đó là sự tính toán chính trị sao cho thu được những thông tin chắc chắn nhất trả lời câu hỏi: người ta có thể còn tính đến vai trò của Enxin bao lâu nữa? Và bắt đầu từ khi nào người ta phải chú ý nhiều hơn đến người có thể kế vị Enxin.

Đã từ lâu BND theo dõi tình trạng sức khỏe của các nguyên thủ quốc gia quan trọng nhất trên thế giới. Nhân chuyến đi thăm Bonn của Brêgiênhép năm 1978 phòng vệ sinh trong lâu đài Petersberg, nơi nghỉ đêm của Brêgiênhép, đã được các chuyên gia BND “sửa sang” lại, sao cho thu được chất thải từ đó ra. Sau đó mẫu phân sẽ được phân tích để tìm ra bệnh tật của vị thượng khách. Ngày nay đối với các cơ quan tình báo ở tất cả các nước thì đây là một phương pháp hoàn toàn bình thường khi có các cuộc viếng thăm cấp cao và cũng vì thế một số nguyên thủ quốc gia khi viếng thăm nước khác lại mang theo một nhà vệ sinh lưu động !

Sử dụng các chi nhánh để thả mồi câu cá

Trước xảy ra những biến động chính trị lớn ở châu Âu, Cục I của BND hướng hoạt động của mình vào các nước Đông Âu. Ngày nay thì Thủ tướng Liên bang, văn phòng Tổng thống và các Bộ đòi hỏi được cơ quan tình báo đối ngoại

thông báo những tin tức sốt dẻo nhất về khắp mọi khu vực trên thế giới. Một quan chức lãnh đạo Cục I đã nói: “Khi sáng sớm mai một cuộc khủng hoảng nổ ra ở một nơi nào đó trên thế giới thì chúng tôi phải biết trước sự kiện đó rồi”.

Bên cạnh hoạt động tình báo hướng sang các nước Đông Âu - ưu tiên số 1 - thì trước đây khu vực Cận Đông là trọng tâm thứ hai. Tương ứng với việc chọn lọc trọng tâm, ở Pullach người ta cũng phân chia lực lượng. Tuy trong thời kỳ chiến tranh lạnh BND cũng đã có một mạng lưới chi nhánh bao trùm khắp thế giới, nhưng những chi nhánh chính thức đó, ví dụ như ở Singapor, Hongkong hay Rio de Janeiro, không phải chủ yếu để thu thập thông tin ở Singapor, Hongkong hay Rio de Janeiro. Các nhân viên của BND so sánh hệ thống này như là “hệ thống lưới câu được rải khắp nơi”. Các chi nhánh này hầu như không được nguy trang gì cả, sao cho để cả những người ngoại đạo cũng có thể nhận thấy đây là những chi nhánh của cơ quan tình báo! Bằng cách đó Pullach muốn tạo điều kiện cho những nhà ngoại giao bất mãn của các nước phía Đông tiếp xúc với BND và nếu có thể thì BND sẽ chiêu nạp họ. Các điệp viên sắc sảo của cơ quan an ninh quốc gia Cộng hoà dân chủ Đức tất nhiên biết ngay rằng, cái gọi là “văn phòng thương mại” hoặc “tù viên quân sự” của Cộng

hoà Liên bang Đức thực chất là gì. Những nhân viên lâu năm của Cục I cho biết, việc không ngụy trang hoặc chỉ ngụy trang một cách sơ sài các chi nhánh của BND là “đúng theo nhiệm vụ đã đặt ra”. Ngày nay cũng không khác gì những năm trước đây. Hiện nay người ta vẫn có thể mục kích được một mạng lưới 81 chi nhánh của BND ở khắp nơi trên thế giới như là “những lưỡi câu được ngụy trang một cách sơ sài, nhằm mồi mọc những công dân của nước khác - những nguồn cung cấp thông tin trong tương lai - cắn câu”. Bất kể những công dân đó đến từ nước Đông Âu nào, BND quan tâm đến việc chiêu nạp họ từ một địa điểm cách xa nước họ hàng vạn dặm, để rồi sau này khi về nước họ sẽ trở thành nguồn cung cấp thông tin. Đây không phải là đặc thù chỉ của BND. Người Anh, người Pháp và người Mỹ cũng làm như vậy. Các chi nhánh của cơ quan tình báo còn mang tính chất “văn phòng đại diện” của cơ quan tình báo đó, để tại đây có thể thống nhất với cơ quan tình báo nước chủ nhà về các hoạt động phối thuộc. Đôi khi một văn phòng đại diện chỉ được mở cho một chiến dịch nhất định. Ông Rosenlehner, đại diện của BND ở Oasinhton, đã kể về một văn phòng đại diện như vậy của BND trước kia ở Têhêran.

Một nhân vật cao cấp của BND, người đã từng đứng đầu nhiều chi nhánh khác nhau của

BND ở nước ngoài, nói: “Áp lực ngày nay buộc chúng tôi phải thành công trong công việc là cực kỳ lớn. Nhưng công tác thiết lập các mối quan hệ tình báo không những chỉ tốn tiền, mà còn cần nhiều thời gian. Nhưng những chính phủ, quốc hội được bầu theo nhiệm kỳ thì lại không có nhiều thời gian. Bởi vì ví dụ như khi các thành viên của ủy ban kiểm tra của quốc hội hiểu được tính đặc thù trong công tác tình báo của chúng tôi, thì nhiệm kỳ của họ thường lại kết thúc và chúng tôi lại phải bắt đầu từ đầu với những thành viên mới toanh vừa trúng cử”.

Những mối nguy hiểm đe dọa nghề gián điệp

Hoạt động gián điệp ngày càng nguy hiểm hơn. Tuy từ thập kỷ 50 đến nay vẫn tồn tại một luật lệ - mà chỉ bị vi phạm trong một số ít vụ việc- là điệp viên của các cơ quan tình báo khác nhau không thủ tiêu lẫn nhau. Trong những thập kỷ qua không có trường hợp “Missing in action” (điệp viên bị mất tích) nào - trong hàng ngũ BND. Tất nhiên cũng xảy ra trường hợp điệp viên của BND bị bắt, đưa ra tòa và thậm chí xử tử hình ở các nước Đông Âu, nhưng không bao giờ có trường hợp ví dụ như KGB cố tình khử điệp viên của BND. Nhưng ở Pullach người ta

cho rằng, thực tế đó có thể sẽ sớm bị thay đổi. Với các lĩnh vực phạm tội mới như ma túy, buôn lậu vũ khí, tội phạm có tổ chức, thì BND sẽ đứng trước những mối nguy hiểm từ trước tới nay chưa từng có. Vì người của BND không chỉ còn phải “làm việc” với những điệp viên “nhà nước” của những quốc gia khác, là những người dù sao cũng hoạt động theo những luật lệ tối thiểu mà còn phải đối đầu với bọn gangster hoạt động xuyên quốc gia một cách có tổ chức và vì vậy chúng đặc biệt nguy hiểm. Ngày nay ai lọt được vào mạng lưới buôn ma túy toàn cầu của người Columbia hoặc vào hệ thống buôn chất phóng xạ plutonium của người Nga, thì tính mạng của người đó luôn luôn bị đe dọa. Cho đến nay vẫn chưa một chiếc xe ô tô công nào của BND bị đánh bom. Nhưng vấn đề chỉ là thời gian, cho đến một lúc nào đó lãnh đạo Cục tình báo tác chiến sẽ phải đối đầu với những trường hợp như vậy.

Ngày nay điệp viên của BND buộc phải sử dụng giới tội phạm làm nguồn cung cấp tin tức. Nếu không có các mối quan hệ đó BND sẽ không hoàn thành được những nhiệm vụ mới. Nhưng chính những mối quan hệ đó lại có thể đẩy cả hai bên vào những hoàn cảnh éo le. Nếu một đường dây buôn bán ma túy hoặc vũ khí bị phát hiện thì tất cả những thành viên nào của đường dây đó đã từng có quan hệ với người của BND sẽ sẵn

sàng khai trước tòa là họ bị người của BND xúi giục hoặc ít nhất là họ đã hành động với sự đồng ý của Pullach? Và ai mà biết được liệu một “chuyên gia tạo nguồn” nào đó lại chẳng khuyến khích “tiềm năng” tội phạm nằm sẵn trong nguồn ? Vụ án Berge Balanian cho thấy những lời khai của đương sự trước tòa có thể khác nhau đến chừng nào.

Berge Balanian là một người Libăng mang hộ chiếu Đức, được một chuyên gia tạo nguồn của BND tháng 9 năm 1992 tiếp xúc và đề cập đến việc làm ăn của Balanian.

Hồi đó Balanian đang làm việc cho công ty SIM của Bỉ. Các cơ quan tình báo phương Tây phát hiện ra công ty này liên quan đến việc cung cấp bất hợp pháp thiết bị cho chương trình sản xuất vũ khí hủy diệt của Libi. Trong 9 lần trao đổi với một điệp viên của BND, Balanian chỉ đề cập đến tình hình chung của Libi, nhưng không hề nói gì về những hoạt động của anh ta ở đó. BND thì lại nói rằng, hồi đó họ không biết Balanian đã thông qua công ty sản xuất hòm thư “Balanias” của anh ta để làm giả giấy tờ xuất khẩu và mua tại Đức những thiết bị điều khiển bằng máy tính và linh kiện cho hệ thống sản xuất khí độc của Libi. Theo BND thì Balanian đã chơi trò hai mặt: một mặt anh ta nhận làm nguồn cung cấp thông tin cho BND, mặt khác

anh ta lại giấu kín chuyện làm ăn thực sự của mình. Tháng 8 năm 1996 khi chuyện làm ăn phi pháp của anh ta bị phát hiện, Balanian về Libanon và nói là anh ta đã thỏa thuận với BND về các chuyến cung cấp thiết bị bất hợp pháp cho Libi trong suốt 4 năm qua. Tất nhiên BND đã phủ nhận điều đó. Vậy thì ai đã nói ra sự thật? Việc ở Pullach người ta vã mồ hôi vì vụ này cũng dễ hiểu thôi. Người ta có thể thoát ra khỏi vụ này như thế nào mà không bị thiệt hại gì? Cuối cùng thì trong một thông cáo báo chí dài 19 trang giấy BND đã thừa nhận mối quan hệ với Balanian, tuy nhiên không công nhận là có liên quan trực tiếp đến những vụ cung cấp thiết bị bất hợp pháp.

Có những vụ việc khác, mà trong đó người ta cho rằng BND đã ủng hộ cung cách hoạt động của giới tội phạm. Trong cuộc chiến tranh Iran - Irắc, khi theo quan điểm của Bonn và Pullach, Saddam Hussein vẫn còn là một đối tác đàm phán chấp nhận được, thì BND đã để cho Irắc không những nhận được những dung dịch môi trường cần thiết để sản xuất vũ khí sinh hóa, mà còn cả thiết bị phun lắp ráp trên máy bay không người lái để thực hiện những chiến dịch phun hóa chất độc lên lãnh thổ của đối phương. Chuyện này thì ở Pullach ngày nay không ai còn có thể nhớ lại được nữa, tuy rằng UNO có đầy đủ

tài liệu để chứng minh! Nếu những tài liệu này được công bố thì chắc Pullach sẽ tuyên bố là họ tuy có quan hệ với những kẻ chuyên buôn bán cái chết, song BND không khuyến khích cung cách hoạt động của chúng.

Nhưng ngày nay các điệp viên của cục tình báo tác chiến còn phải đối mặt với những mối hiểm nguy khác nữa. Họ tự hỏi nhau, ngày nay họ còn có thể bằng cách nào chiêu nạp được đối tượng nữa? Trước đây thì mọi việc đơn giản hơn nhiều. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh thì vấn đề tư tưởng luôn luôn là một sự hỗ trợ đắc lực khi phải lý giải mục đích. Các điệp viên của KGB luôn lý giải bằng tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Còn điệp viên phương Tây đối phó lại bằng những thành tựu của nền dân chủ. Nhưng ngày nay người ta chắc chắn không thể thuyết phục được giới tội phạm rửa tiền cực kỳ giàu có bằng những lý giải mang tính chất tư tưởng như vậy. Trong một thế giới ngày càng mang nặng tính chất vật chất như hiện nay thì BND thường phải “nhường bước” ví dụ như cho đám thủ lĩnh các băng buôn lậu ma túy khi chiêu nạp điệp viên hoặc tạo nguồn cung cấp thông tin. Ở Pullach người ta phát biểu như sau: “Đôi khi BND có cơ hội làm cho những nguồn nằm sẵn trong các băng, đảng buôn bán vật liệu hạt nhân, ma túy, vũ khí... phản bội lại đồng bọn, nếu người ta hứa

hẹn được với chúng một điều mà chúng không thể mua được bằng tiền, cho dù hợp pháp hay bất hợp pháp: ví dụ như cho tỵ nạn ở Đức! Tuy nhiên việc xét duyệt đơn xin tỵ nạn lại không nằm trong tay BND. Việc chính phủ Liên bang phải xem xét lại vấn đề này, có thể là không công khai, có lẽ chỉ là vấn đề thời gian.

Một thủ quỹ là kẻ cướp nhà băng

Có lẽ càng ngày khía cạnh tài chính trong lĩnh vực gián điệp cổ điển càng chiếm một vai trò quan trọng hơn. Những “chuyên gia tạo nguồn” của Cục tình báo tác chiến có thể tự chi những khoản tiền rất lớn để thiết lập những mối quan hệ nhằm thu thập tin tức. Những người phê phán cung cách làm việc của BND cho rằng, những chuyên gia tạo nguồn có thể làm giàu rất nhanh. Nếu ai làm công tác tạo nguồn trong 5 năm mà chưa trả hết nợ tiền tậu nhà thì có cái gì đó không ổn trong anh ta. Theo BND thì nhận định trên là thái quá, vì trong hàng ngũ nhân viên, quan chức của BND hầu như không ai bị kiểm tra gắt gao bằng những người tạo nguồn. Trước khi nhận tiền họ phải trình danh sách những thông tin họ nhận được từ nguồn. Đồng thời những người tạo nguồn phải đề xuất với người phụ trách lĩnh vực đó số lượng tiền thưởng hoặc hiện vật cho nguồn ứng với những thông tin

do nguồn cung cấp. Thông thường sự hào phóng tài chính nhằm khuyến khích nguồn cung cấp thêm những thông tin mới. Theo BND thì đối với những loại nguồn sắp bị cắt chỉ cần cấp kinh phí một cách hạn hẹp thôi. Khi nhận tiền nguồn phải ký biên nhận để tránh việc các chuyên gia tạo nguồn tư túi. Theo BND thì một chuyên gia tạo nguồn chỉ có thể biển thủ, nếu anh ta bịa ra nguồn và đứng ra ký nhận tiền. Nhưng điều này chỉ có thể trôi chảy nếu chuyên gia tạo nguồn đó kiểm được thông tin tương ứng phục vụ công việc. Chẳng nào trong Cục tình báo tác chiến không tồn tại một quỹ đen, thì có lẽ công tác kiểm soát phần nào vẫn được bảo đảm.

Tất nhiên ở Pullach người ta thừa nhận “có những vụ việc mà tiền bạc bị biển thủ”. Nhưng tin đồn về việc chuyên gia tạo nguồn rút túi đến hàng chục triệu thì BND phủ nhận. Tuy ngân sách hàng năm của BND (1997) là 722 triệu mác, nhưng tất cả các khoản chi đều được các cán bộ giám sát công tác chi thu kiểm tra. Vì thế người ta không dễ dàng gì rút túi số tiền hàng chục triệu. Trước đây những nhân viên BND gặp khó khăn về tài chính đã chọn con đường trực tiếp và ngắn nhất để lấy được tiền: năm 1996 một nhân viên giám sát chi thu của BND đã hai lần cướp nhà băng trong ngày anh ta được nghỉ! Sau đó, người ta kể lại rằng, Bộ

trưởng quốc vụ Schmidbauer đã mả mai ở Pullach: “Tôi đã không biết trước được cách xin ngân sách theo kiểu này của anh.”

Một ví dụ nữa cũng cần phải được đề cập đến để mọi người tự suy nghĩ: Khi ngân hàng Thương mại Đức bị khám xét liên quan đến những vụ trốn thuế người ta đã tìm thấy những tài khoản vô chủ, hoặc nói cách khác những tài khoản không có chủ. Cơ quan điều tra đã xác minh được rằng, một số nhân viên BND đội tên giả là chủ những tài khoản đó. Nhưng công luận đã không bao giờ được biết về vụ những tài khoản vô chủ với nhiều triệu mác này. Phải chăng người ta sợ rằng, nếu vụ này bị đưa ra xét xử thì những bí mật của các điệp viên BND sẽ bị bật mí? Trong một cuộc trao đổi riêng, một nhân viên BND đã giải thích cách Cục I ngày nay có thể “để riêng” ra những khoản tiền lớn như thế nào: “Sau khoảng 10 năm công tác một chuyên gia tạo nguồn sẽ nhận ra rằng, với số lương lậu ít ỏi anh ta sẽ chẳng làm được gì nên hồn. Khi đó anh ta sẽ đề nghị với nguồn của anh ta một giao kèo. Ví dụ như: nguồn ký nhận khoản tiền bồi dưỡng 3 triệu mác, nhưng chỉ nhận được 2 triệu. Chỗ còn lại chúng ta chia đôi.” Ông Heribert Hellenhroich, tuy chỉ giữ chức giám đốc BND có một tháng (tháng 8 năm 1985), đã muốn triệt phá cách làm tiền này. Hồi đó, như lời ông ta nói,

vị giám đốc này muốn “dọn sạch cái chuồng lợn đi” (ý nói Cục I) . Tuy nhiên Hillenbroich đã không có đủ thời gian để làm việc đó.

Việc ngân sách của BND ngày càng mỏng đi đã làm cho các nhà chiến lược của Cục tình báo tác chiến đau đầu. Trong những cuộc trao đổi riêng, nhân viên Cục này đã lo ngại rằng, họ sẽ dùng cách gì đây để tạo nên những nguồn thông tin trong những lĩnh vực tác chiến mới của BND là chống tội phạm ma túy và rửa tiền, khi mà những nguồn này có thu nhập gấp nhiều lần thu nhập của quan chức BND. Với những khoản tiền nhỏ nhoi trước kia như trong thời kỳ chiến tranh lạnh thì ngày nay sẽ không thu được kết quả. Lũ tay chân của các trùm buôn lậu ma túy quốc tế hoặc những đối tượng trong giới buôn vũ khí, rửa tiền đều đang bơi trong tiền bạc. Càng ngày môi nguy cơ nhân viên của BND, Cục điều tra Liên bang và cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang lại trở thành “mồi” cho chính bọn tội phạm dùng tiền dụ dỗ, chiêu nạp sẽ càng lớn.

Có phải đánh thuế đối với thu nhập của điệp viên hay không ?

Những lo toan đang dần vặt các điệp viên của Cục I. Đôi khi họ cũng phải tung tiền ra cho chính công dân Đức để thu thập được thông tin

quan trọng từ nước ngoài. Một ví dụ về khuynh hướng này là vụ nhà máy sản xuất khí độc ở thành phố Tarhuna (Libăng). Bằng vệ tinh và tình báo điện đài người ta có thể theo dõi được dự kiến xây dựng thêm một nhà máy sản xuất khí độc của ban lãnh đạo Libăng. Thế nhưng bên trong đường hầm dài 300 mét trong lòng một dãy núi đá vôi là cái gì thì vệ tinh cũng chịu. Như vậy phải tạo ra một nguồn trong nội bộ nhà máy. Vì thế người ta đã tiếp xúc với một kỹ sư người Đức đang làm việc trong đó và người này nhận tiền để cung cấp nhiều cuộn phim màu chụp đường hầm. Lần đầu tiên BND có thể nhận diện kỹ càng lớp gạch gốm ốp thành hầm và hệ thống dẫn không khí vào và ra khỏi đường hầm. Đó là những dấu hiệu chứng tỏ sự tồn tại của nhà máy sản xuất khí độc. Đáng lẽ người ta phải biết ơn nguồn này. Nhưng một vấn đề khác đã nảy sinh: đáng lẽ viên kỹ sư người Đức kia phải đóng thuế theo đúng quy định cho khoản tiền mà anh ta nhận được từ BND. Nhưng đối với sở thuế anh ta sẽ kê khai khoản tiền “bồi dưỡng” này của BND vào mục nào? Vì thế anh ta đã “cho qua”, còn sở thuế thì phản ứng bằng việc phạt tiền. Tất nhiên là nguồn này đã trở nên “khô cạn”. Ở Pullach người ta tự hỏi, tại sao những khoản “tiền thưởng” của BND lại phải khai một cách công khai và bị đánh thuế.

Người ta cho rằng, tay nhân viên thuế vụ xử lý vụ việc này có thể cộng tác với một thế lực khác và sẽ khai ra anh chàng kỹ sư. Một điệp viên đã nói: “Cách tư duy mang đặc tính của người Phổ này không phục vụ gì cho việc giữ bí mật một chiến dịch”.

BND và các bộ liên quan của chính phủ Bonn đã đau đầu từ nhiều năm nay trước câu hỏi: lương của điệp viên có bị đánh thuế không ? Hoặc những điệp viên, như trường hợp Gehlen, đã từng phục vụ dưới thời Hítler nay có được CHLB-Đức tiếp tục trả lương hay không ? Ví dụ như trường hợp Hans Eppler, sinh năm 1914 tại Alexandria, năm 1941 được cơ quan phản gián quân đội Quốc xã chiêu mộ. Như vậy hợp đồng Eppler ký hồi đó chỉ có thể bị chính cơ quan phản gián của quân đội quốc xã hủy bỏ. Năm 1972 Eppler nói: “Nhưng cơ quan phản gián quân đội đã không bào giờ làm điều đó.” Vì vậy tay cựu điệp viên này đã gửi một lá thư về Bonn cùng bản sao toàn bộ hợp đồng đã ký nhưng không bị hủy bỏ với Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc xã với một yêu cầu “rất giản đơn” là đòi truy lĩnh 300.000 mác tiền lương! Là một điệp viên giỏi tiếng Ả rập nên trong chiến tranh Eppler được giao nhiệm vụ thiết lập ở Cairô một trạm điện đài bí mật để cung cấp những thông tin mới nhất về đối phương cho tập đoàn quân “Những con cáo

sa mạc” của thống chế Rommel. Theo hợp đồng thì hàng tháng Eppler sẽ nhận được 500 mác. Eppler bị bắt và bị xử tử hình. Nhưng vì được sinh ra trên đất Ả rập, nên Eppler đã không bị hành hình. Trong hợp đồng của Eppler có điều khoản quy định “giữ im lặng cho đến chết”. Tuy nhiên sau này Eppler lại đọc được quyển hồi ký do chính Gehlen, sếp cũ của y viết. Trong đó ông trùm tình báo của cả hai chế độ lại bóc bạch một cách hết sức tự nhiên những bí mật nghề nghiệp cho bàn dân thiên hạ. Thế là Eppler không cảm thấy bị ràng buộc bởi nghĩa vụ giữ bí mật nữa và ngày 02 tháng 11 năm 1971 trong một lá đơn gửi Bộ Nội vụ Liên bang Eppler đã trình bày rõ nhiệm vụ của mình và đòi chính phủ cho truy lĩnh lương.

Những vụ tranh cãi về lương bổng trả cho điệp viên có lẽ chỉ có ở Đức. Các cơ quan tình báo của các quốc gia khác khi hoạt động được phép rộng tay hơn. Ví dụ như CIA luôn luôn đạt được những “trường hợp ngoại lệ” trái với quy định của luật pháp Mỹ. Công tác thu thập thông tin mật của Cục tình báo tác chiến phụ thuộc nhiều vào việc bảo vệ nguồn cung cấp thông tin. Nhưng trái lại với những nước khác, trong các phiên tòa hình sự ở Đức người ta không cần biết đến việc phải bảo vệ nguồn. Nếu một chuyên gia tạo nguồn nào đó phải ra khai báo trước tòa, thì coi

như là người đó đã bị BND cho nghỉ vĩnh viễn chuyên môn và may mắn chỉ được giao cho những công việc hành chính đơn thuần. Ủy ban kiểm tra của quốc hội với nhiệm vụ giám sát hoạt động của cơ quan tình báo cũng bằng cung cách làm việc bất cẩn luôn luôn góp phần vào việc hủy hoại các nguồn của BND. Ở Pullach người ta cho rằng “Các Cục trưởng của BND không còn tin vào việc các ông nghị thành viên ủy ban kiểm tra sẽ giữ bí mật nữa. Những người mới được bầu vào ủy ban này lúc đầu thường lợi dụng cung cách làm việc bất cẩn để tạo dựng lợi thế cho chính bản thân họ. Ngày nay sự hăng say trong công tác của Cục I đã giảm đi một cách đáng kể, vì nguy cơ đe dọa nguồn của họ ngày càng to lớn.” Không phải sự tồn tại của cái ủy ban kiểm tra này làm BND bực mình, mà chủ yếu là cách thức mỗ xê thông tin sao cho có lợi cho từng đảng phái mà từng người trong ủy ban là thành viên.

Có lẽ các thành viên của ủy ban kiểm tra không biết được họ đã gây ra những hậu quả gì bằng cung cách làm việc bất cẩn của họ. Ví dụ gần đây nhất là vụ bê bối plutonium. Đầu năm 1997 bằng sự trợ giúp của một bản báo cáo mật của CIA ông Bộ trưởng quốc vụ Schmidbauer, người ở Phủ thủ tướng phụ trách công tác điều phối hoạt động tình báo, đã thoát được lời buộc tội rằng BND đã tự dàn dựng cú buôn bán

plutonium này. Ngay sau khi Schmidbauer đọc một phần bản báo cáo mật này tại cuộc họp kín của ủy ban điều tra, một trong số những người tham gia cuộc họp đã loan báo ngay cho báo chí và qua đó làm cho cả thế giới biết được nội dung của bản báo cáo đó. Từ đó đến nay BND cố giành giật lại lòng tin của CIA, vì sau vụ đó dường như CIA không cung cấp tài liệu mật cho Pullach nữa. CIA e rằng, những tài liệu họ đã tốn nhiều sức người, sức của thu thập được một lúc nào đó sẽ được in trên các báo Đức.

Sống chết mặc bay

Không còn nghi ngờ gì nữa, đôi khi BND cảm thấy bị chính phủ Liên bang bỏ rơi. Pullach thường xuyên phê phán các điều luật của Đức. Pullach cho rằng, trong khi ở hầu hết các quốc gia trên thế giới nhân viên của cơ quan tình báo hoạt động tác chiến đều được pháp luật cho phép hoạt động tương đối tự do thì các điệp viên Đức lại bị bộ máy tư pháp Đức gò ép. Nếu một điệp viên Anh trong khi đang tiến hành trình sát một vụ ma túy ở nước ngoài nhận được một mẫu heroin thì anh ta được phép nhận mẫu đó và mang về trung tâm ở trong nước để phân tích. Nếu một việc như vậy xảy ra với đồng nghiệp người Đức thì khác hẳn: anh ta phải tìm mọi cách từ chối mẫu hàng đó. Bởi vì nếu ví dụ như ở

Đức khi đang trên đường đi đến Pullach cảnh sát giao thông ngẫu nhiên kiểm tra và phát hiện ra một lượng heroin dù nhỏ đến đâu đi chăng nữa, thì chứng minh thư do BND cấp khi đó cũng không giúp được gì cho anh ta nữa. Trong mọi trường hợp, cho dù để ngăn chặn những hiểm họa đang đe dọa, điệp viên Đức cũng không được phép vận chuyển plutonium, ma túy và vũ khí. Điều luật này biến các điệp viên của Pullach thành trò cười trước mặt các đồng nghiệp khác. Vì vậy BND đã đệ trình một danh sách các điều luật của Đức lên Bộ trưởng phủ thủ tướng, mà theo quan điểm của BND là cần phải sửa đổi. Tuy nhiên Pullach không nhận được trả lời. Thậm chí Phủ thủ tướng cũng không xác nhận là đã nhận được đề nghị này chưa? Xét trên khía cạnh đối nội thì đây là một đề tài rất nhạy cảm ở Đức.

Thậm chí đôi khi các quy định của pháp luật làm cho các điệp viên của BND phát điên lên. Điển hình là vụ cơ quan công tố Hamburg năm 1991 điều tra BND liên quan đến một chuyến cung cấp xe tăng cho Ixrael. Mục tiêu của cơ quan công tố không phải là bản hợp đồng bí mật cung cấp trang bị quân sự cho Ixrael - chính phủ Liên bang đã từ lâu biết việc này, mà là hoạt động vận chuyển "bất hợp pháp" các thiết bị quân sự này của BND trong nước Đức đến hải

cảng Hamburg. Theo luật Đức BND không được phép vận chuyển vũ khí trong nước Đức!

Theo BND thì hệ thống pháp luật được xây dựng dựa trên quá khứ không mấy vẻ vang gì của nước Đức này gây nguy hiểm cho cả tính mạng của những người cung cấp thông tin, chuyên gia tạo nguồn và điệp viên. Ví dụ điển hình là vụ liên quan đến xe tăng T-72 của Nga. Tất cả các cơ quan tình báo phương Tây hồi đó đều rất muốn có được mẫu lớp vỏ thép của loại xe tăng này. Tuy nhiên chỉ BND là thành công. Nhưng ở biên giới Đức thì BND đã phải gọi điện cho Bộ quốc phòng Đức yêu cầu giúp đỡ, vì luật pháp không cho phép BND đưa chiếc xe tăng đó vào lãnh thổ Đức. Nhưng qua đó vô hình chung có thêm nhiều người khác biết được thông tin về sự kiện này. Theo BND thì đây là một tình thế bất lợi, vì nguồn cung cấp chiếc xe tăng này có thể bị nguy hiểm, mà thực ra thì nguồn còn cần phải cung cấp thêm những tài liệu khác nữa. Vì thế để bảo vệ nguồn người ta thường giữ bí mật ngay cả đối với chính phủ Liên bang khi tiến hành những chiến dịch như vậy.

CỤC II - CỤC TÌNH BÁO KỸ THUẬT

Không có một Cục nào trong BND lại được che chắn kỹ càng như Cục tình báo kỹ thuật. 1450 nhân viên của cục này không thích để

người khác biết được công việc của mình. Họ được mệnh danh là những “thợ săn siêu hạng” của BND. Phạm vi nhiệm vụ của họ là: Thu thập thông tin, xử lý thông tin và giải mã thông tin. Cho đến khi Liên Xô tan rã thì định hướng duy nhất của cục này là các nước thành viên của Hiệp ước Vácxava. Tuy ngày nay các trung tâm nhận tin ở Bad Aibling hoặc bên cạnh câu lạc bộ chơi gôn ở Schoningen vẫn theo dõi các lực lượng vũ trang Nga, nhưng càng ngày người ta càng đòi hỏi từ các tay “thợ săn siêu hạng” những thông tin về các loại hình tội phạm như rửa tiền, ma túy, hoạt động đầu cơ trong kinh tế. Phương pháp được áp dụng ở đây không phải là phương pháp tình báo quân sự, hay nói rõ ra rằng, đó là các hoạt động nghe trộm điện thoại, thu các thông tin được truyền bằng fax hay bằng các đường truyền dữ liệu khác. Khó khăn lớn nhất hiện nay của Cục tình báo kỹ thuật là số lượng thông tin to lớn đang ngày càng tăng. Một chuyên gia nghe trộm của BND đã thừa nhận là: “họ đang bị thông tin dè bẹp!”. Tuy nhiên hoàn toàn có khả năng kỹ thuật để xác định một cách chính xác, thông tin nào cần được giữ bí mật, còn thông tin nào có thể được công bố một cách chọn lọc. Ở Pullach người ta được trang bị một cách tốt nhất cho các hoạt động như phá khóa mật mã,

nghe trộm... Ở đây người ta biết nhiều điều hơn là người ta thường thừa nhận, vì trang bị kỹ thuật cho các “thợ săn siêu hạng” là cực kỳ tinh xảo.

Các chuyên gia kỹ thuật của BND là những người rất tinh tường. Họ biết cách thông qua thiết bị viba nghe trộm ngay cả điện thoại di động, thậm chí còn đơn giản hơn cả việc nghe trộm máy điện thoại cố định. Ví dụ như tất cả các cuộc thoại trên máy di động ở Thổ Nhĩ Kỳ đều bị nghe trộm. Cảnh sát đã lắp đặt thiết bị nghe trộm ngay từ năm 1996 ở các tổng đài điện thoại. Điều gì người Thổ làm được thì cũng không khó khăn gì đối với BND. Mà họ cũng không phải vất vả thuyết phục ngành bưu điện, không phải gửi đơn từ lên cơ quan công tố. Nhân viên của BND luôn luôn phải bật cười khi đọc các dòng quảng cáo của các công ty thiết bị điện thoại là máy điện thoại di động của công ty họ bảo đảm “không thể bị nghe trộm”. Trên thực tế mỗi một người khi gọi điện thoại ra nước ngoài đều có nguy cơ bị BND nghe trộm. Ai có điện thoại di động thì không nhất thiết phải gọi điện thoại, mà chỉ cần hòa mạng thôi là đã đủ để BND “quan tâm” tới rồi.

Cho đến năm 2005 thì sẽ có khoảng 35% người Đức có một máy điện thoại di động (đầu năm 1997 chỉ 6%). Từ năm 1999 thông qua vệ

tinh người ta có thể từ bất cứ nơi nào trên thế giới gọi điện thoại di động cho bất cứ một ai có máy. Hệ thống vệ tinh mới này là hệ thống vệ tinh Iridium bao gồm 66 vệ tinh riêng rẽ bay quanh trái đất ở độ cao 780km. Các vệ tinh này được bố trí sao cho có thể phủ sóng bất cứ góc ngách nào của trái đất. Khi đó có thể gọi điện thoại cho bất cứ một ai tham gia mạng Iridium ở bất cứ vị trí nào trên thế giới với cùng một số gọi. BND cũng “mừng lây” vì như vậy có thể nghe trộm và xác định vị trí của những người tham gia cuộc thoại được! Ngay cả khi một máy điện thoại di động trong trạng thái nghỉ, không được sử dụng, người ta vẫn có thể xác định vị trí của máy đó trên thế giới - với sai số tối đa là 1000 mét. Tất nhiên khả năng kỹ thuật này được cơ quan tình báo, cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang và cảnh sát lợi dụng triệt để. Qua đó người ta có thể lập nên một bức tranh về quỹ đạo hoạt động, di chuyển của các công dân Đức: ví dụ nếu ai đó mang theo điện thoại di động trong người khi đi xe ô tô phạm luật ở một vùng phía Bắc Đức, nhưng lại khai là vào ngày giờ đó đang ở một địa điểm khác thì sẽ bị phát hiện ngay. Mọi hoạt động di chuyển của các máy điện thoại di động đã hòa mạng đều được ghi lại và lưu trữ hai năm.

Khi điệp viên của BND hoạt động trong lòng địch, như ở nước ngoài chẳng hạn, thì chỉ cần

một thiết bị xách tay mô phỏng một trạm điện đài là có thể xác định được vị trí điện thoại di động của đối tượng cần tìm. Thực ra thiết bị mô phỏng này thường được sử dụng để kiểm tra kỹ thuật điện thoại di động, nhưng người ta cũng có thể dùng nó để “kích” điện thoại di động phát ra tín hiệu nhưng lại không đổ chuông. Khi tín hiệu được phát ra thì một loại ăng ten hoạt động theo nguyên tắc giao thoa sẽ được sử dụng để định vị điện thoại di động đã phát ra tín hiệu. Khi đã xác định được vị trí của chủ nhân chiếc máy thì điệp viên của Cục tình báo tác chiến sẽ được tung vào cuộc để bám sát đối tượng.

Chỉ rất ít người biết rằng, người ta chỉ cần bấm vào một số nút nhất định trên điện thoại di động thì có thể nghe được hết các cuộc đàm thoại trên máy di động của hàng xóm! Đây là một bí mật đã được BND tiết lộ. Về kỹ thuật thì những người ngoại đạo có thể tưởng tượng một máy điện thoại di động như là một sự kết hợp giữa một điện đài và một máy vi tính tí hon. Một số loại điện thoại di động còn có thể được sử dụng như là một scanner hoạt động vô tuyến. Nhiều loại điện thoại di động còn có trong máy một giao diện không được ghi chú trong catalô của máy. Qua giao diện này người ta có thể từ xa dùng máy tính điều khiển điện thoại di động. Như vậy BND không những có thể xác định được vị trí máy, mà

còn có thể từ xa bật công tắc micrôphôn của máy mà chủ máy không biết, ví dụ như khi chiếc máy đó được đặt trên bàn làm việc, để nghe trộm những cuộc trao đổi hoặc các động tĩnh khác xảy ra quanh khu vực chiếc máy điện thoại di động đó. Ngày nay khi muốn theo dõi phạm vi di chuyển của ai, người ta không phải gắn rập vào trong và bên ngoài xe ô tô của người đó nữa, nếu đối tượng mang máy điện thoại di động theo người. Tất cả các cơ quan tình báo lớn trên thế giới đều biết kỹ xảo này. Tuy nhiên ai cũng giấu giếm điều đó. Có lẽ thiết bị theo dõi mới nhất và đầy chất “giật gân” của BND là video camera chỉ nhỏ bằng đầu que diêm. “Que diêm” này được gắn vào ô tô của đối tượng bị theo dõi, ống kính được hướng về hướng xe đang chạy. Trong khi xe chạy “que diêm” sẽ quay phim và truyền bằng hồng ngoại về trung tâm hình ảnh mẫu của chuyến đi. Ngày nay khi phải truyền hình ảnh các cơ quan tình báo không gặp khó khăn bởi những thiết bị công kênh và dễ lộ nữa. Máy móc, thiết bị ngày càng trở nên nhỏ bé hơn.

Thường thì ngay cả thành viên nội các cũng không biết những khả năng kỹ thuật đã được cơ quan tình báo sử dụng từ nhiều năm nay. Tsutomu Shimomura, một chuyên gia máy tính đã từng làm việc cho cơ quan tình báo kỹ thuật NSA của Mỹ, đã viết như sau trong một quyển

sách của ông ta được xuất bản năm 1996: “Năm 1992 đã phải giải trình trước một ủy ban điều tra của quốc hội về những tính chất ít người biết tới của điện thoại di động. Sau khi vị chủ tịch ủy ban này bảo đảm quyền miễn trừ cho tôi, tôi lấy ra một máy điện thoại di động còn mới, thậm chí các chi tiết máy chưa được lắp ráp lại với nhau của hãng AT&T. Sau khi lắp tôi ấn một số phím trên máy. Ngay sau đó có thể nghe được mọi cuộc trao đổi diễn ra trên các máy điện thoại di động khác trong tòa nhà quốc hội”.

Ở Đức cũng không khác gì. Trong những cuộc trao đổi riêng với nhân viên kỹ thuật của hãng Ericsson và chuyên gia của Siemens họ đều đã khẳng định như vậy. Có lẽ còn có nhiều khả năng khác có thể điều khiển điện thoại di động từ xa nữa. Ví dụ như người ta có thể từ một khoảng cách khá xa thay đổi phong chữ hiển thị trên điện thoại di động của một người khác. Như vậy một người Đức đang xài điện thoại di động với phong chữ hiển thị trên máy là tiếng Đức sẽ không hiểu vì sao khi các chữ hiển thị trên máy của mình đột nhiên biến thành tiếng Pháp, rồi một lúc sau lại thành tiếng Anh?

Ngay cả thiết bị điện thoại ISDN được công ty điện thoại Telekom của Đức hao tiền tốn của quảng cáo cũng có thể bị tác động từ xa. Theo Telekom thì hệ thống điện thoại này sử dụng

công nghệ cao, vì thế nhanh, mạnh và an toàn. Hàng triệu khách hàng Đức, trong đó có nhiều nhà doanh nghiệp đã tin vào lời quảng cáo này. Trên thực tế người ta có thể từ bất cứ vị trí nào trên thế giới “kích” công tắc điện thoại di động ISDN để nghe trộm mà chủ máy không hề biết.

Những cú chơi khăm của điệp viên

Tuy nhiên không chỉ điện thoại di động và hệ thống điện thoại ISDN tạo điều kiện cho cơ quan tình báo nghe trộm một cách dễ dàng. Điệp viên còn có thể đột nhập vào trung tâm điều khiển của các công ty điện thoại và gây rối ở đó. Điển hình là vụ Kevin Poulsen, một chuyên gia lập trình của trung tâm tin học Silicon Valley ở Mỹ đã bị xét xử năm 1994 vì anh ta đã bằng phương pháp điện toán đột nhập vào trung tâm điều khiển của công ty điện thoại Pacific Bell để tác động đến những cuộc thi của hai đài phát thanh ở Los Angeles sao cho có lợi cho anh ta. Anh ta đã tác động lên trung tâm điều khiển của Pacific Bell sao cho anh ta luôn là người gọi điện thoại thứ 100, 200, 300... đến cuộc thi và vì thế khả năng trúng thưởng sẽ rất cao. Những gì Kevin Poulsen làm được thì BND cũng đã thực hiện được từ lâu, ít nhất về mặt lý thuyết. Họ biết cách cho các cú phon “đi vòng vèo”, có nghĩa là thực hiện cú phon không qua trung tâm điều

khiển của công ty điện thoại. Kỹ xảo này ví dụ như được áp dụng khi họ muốn đổi tượng nghĩ rằng họ gọi điện thoại từ Hồng Kông, nhưng trên thực tế họ đang ngồi ở Pullach để thực hiện cú phân. Chuyên gia Cục tình báo kỹ thuật của BND tất nhiên cũng biết cách lợi dụng thời kỳ quá độ từ điện thoại hệ xung điện chuyển sang hệ số để gọi điện thoại miễn phí !

Trong giới tình báo người ta thường nhắc đến vụ hai nhân viên Cục tình báo kỹ thuật của BND đã hoạt động như những con “phăng teo”. Họ đã lấy một vụ việc có thật xảy ra ở Mỹ để “làm gương” và “lén” vào đường dây chuyên giải đáp thông tin của công ty điện thoại Anh và giở trò nghịch ngợm. Ví dụ như khi có khách hàng hỏi số điện thoại của một thuê bao nào đó thì được trả lời: “số máy ông cần là 7-3-1-0 và 0,5. Quý ông có biết quay số 0,5 như thế nào không?”. Trong một trường hợp khác họ đã nổi tin hiệu của một máy điện thoại công cộng hoạt động bằng tiền xu vào một thuê bao tư nhân, nên cứ mỗi lần chủ máy nhắc máy lên định gọi thì trong ống nghe lại vang lên một câu nhắc nhở: “đề nghị ném 20 xu vào máy”. Về nguyên tắc thì các điệp viên tương lai không học những trò tình nghịch đó trong các giờ học ở Cục II. Nhưng mặt khác trong nghề nghiệp điều quan trọng là họ phải biết cách làm sao giữ cho một số điện thoại bất

kỳ lúc nào cũng báo “máy bận” hoặc các dữ liệu được truyền đi từ một máy nào đó sẽ bị truyền “sai địa chỉ”.

Hệ thống máy tính nhận biết ngôn ngữ và tiếng nói

Nhân viên Cục II coi những kỹ xảo về kỹ thuật của họ như là một lĩnh vực thiêng liêng. Để bảo vệ báu vật này họ sẵn sàng áp dụng mọi biện pháp, kể cả nói dối và bóp méo thông tin. Ví dụ như họ khẳng định một cách nghiêm túc rằng, hiện nay trong lĩnh vực tình báo vô tuyến không một cơ quan tình báo nào trên thế giới có máy tính với chương trình nhận biết ngôn ngữ và giọng nói khả dĩ có thể tự động làm việc theo lệnh được phát ra bằng lời nói. Trên thực tế từ hơn một thập kỷ nay cơ quan tình báo kỹ thuật NSA của Mỹ đã sử dụng các máy tính có khả năng nhận biết tiếng nói khi theo dõi các cuộc đàm thoại bằng điện thoại.

Ngày nay các chương trình phần mềm nhận biết tiếng nói được áp dụng rộng rãi trong dân sự, như các ngành luật, y học... Ví dụ như những chương trình phần mềm nhận biết tiếng nói hoàn chỉnh của IBM hoặc Dragon được bán rộng rãi với giá khoảng 3.000 Mác. IBM quảng cáo các phần mềm của họ như sau: “Bạn chỉ cần đọc bài

bạn định viết là máy sẽ tự viết, chứ bạn không còn phải ngồi gõ lên bàn phím nữa”. Trong số ra tháng 6 năm 1997 tạp chí chuyên ngành “DM” viết: “Tuy chương trình Smart 2.5 chỉ bao gồm 10.000 từ cơ bản, nhưng chương trình này có khả năng phối hợp các từ thành những cụm từ và tạo nên một dạng từ điển nhận biết được tới 120.000 từ và cụm từ”. Theo những người trong cuộc thì các chương trình nhận biết tiếng nói còn xác định chính xác được các từ ngữ được phát âm giống nhau nhờ chức năng phân tích ngữ cảnh trong từng câu của chương trình. Ngày nay đã xuất hiện những máy điện thoại cố định hoặc di động hoạt động theo lệnh phát ra bằng lời nói. Nếu những thế hệ đầu tiên của các loại máy này lúc đầu chỉ nhận biết được tiếng nói của chủ máy, thì các máy thế hệ mới hiện nay có thể nhận biết được tiếng nói bất kể của ai. Không ai có thể nghĩ rằng sự phát triển công nghệ này lại “quên” cơ quan tình báo Đức !

Vậy mà ở Cục tình báo kỹ thuật người ta dùng mọi cách để gây ấn tượng là họ rất lạc hậu về kỹ thuật. Ví dụ như người ta kể rằng, hiện nay bộ phận tình báo vô tuyến vẫn làm việc theo phương pháp cổ điển của người Trung Hoa: mỗi ca trực có khoảng 50 nhân viên chỉ chuyên miệt mài theo dõi các cuộc trao đổi bằng điện thoại! Những nhân viên đáng thương này có lẽ không

bao giờ đọc tạp chí chuyên ngành cả, nếu không họ đã biết rằng suốt từ năm 1995 đến nay chỉ cần gọi điện thoại đến Viện nghiên cứu Philips ở Aachen theo số máy 0241-604020 là bất cứ một người ngoại đạo nào cũng được giải thích cặn kẽ về máy tính với chương trình nhận biết tiếng nói. Người ta không nên tự phủ nhận khả năng của mình quá lâu như vậy. Máy tính nhận biết tiếng nói của Philip có thể nhận biết được cả ngôn ngữ phổ thông và giọng nói của từng địa phương. Philips và Siemens là hai công ty tiên phong trong lĩnh vực nhận biết tiếng nói.

Tất nhiên cuối cùng thì con người cũng vẫn phải tự nghe những tài liệu ghi âm được. Để hàng ngày nghe lại được chỉ một nửa số lượng những cuộc điện thoại gọi từ nước ngoài vào Đức thôi thì BND thực ra phải cần tới khoảng 30.000 nhân viên mỗi ca. Nhưng trên thực tế các cuộc thoại ghi âm đã được máy tính nhận biết tiếng nói chọn lọc trước. Như vậy 50 nhân viên của bộ phận này ở Pullach cuối cùng chỉ phải nghe lại những băng ghi âm, mà trong đó có các từ ngữ đã được chọn lọc trước trong một danh mục liên quan đến các lĩnh vực ma túy, buôn lậu vũ khí, dầu cơ tiền tệ hoặc khủng bố. Tất nhiên danh mục những từ ngữ máy tính phải lưu ý được giữ tuyệt đối bí mật và khi cần sẽ được bổ sung. Danh mục đó bao gồm những từ ngữ ví dụ như

“Mostazarin” - tên một tổ chức của Iran tham gia vào việc cung cấp vũ khí cho đất nước Hồi giáo này, hoặc “Solntsevskaya” - tên một nhóm mafia Nga chuyên buôn lậu ma túy, hoặc “Sun Yee On!!” - một tổ chức Tam hoàng của người Hoa, cũng như “Stinger” - một loại tên lửa đất đối không hiện đại, hoặc “SU 27”. Khi một trong số những từ ngữ loại này được đề cập đến trong một cuộc trao đổi điện thoại, thì lập tức máy tính sẽ “chọn lọc” ngay.

Sự phát triển về công nghệ này gây khó khăn ví dụ như cho giới báo chí. Hầu như các báo lớn, cũng như truyền hình và đài phát thanh đều có phóng viên thường trú ở nước ngoài. Trong những cuộc trao đổi điện thoại với tòa soạn ở trong nước khi họ làm những phóng sự đặc biệt không tránh khỏi có những từ ngữ lọt vào “sổ đen” của BND và làm cho các máy tính nhận biết tiếng nói của cơ quan tình báo phải “dỏng tai” lên nghe và như vậy nhà báo đã trở thành những nạn nhân đầu tiên bị cơ quan mật vụ để ý tới. Và như vậy khi họ viết về những đề tài như buôn lậu ma túy, vũ khí hoặc rửa tiền thì nguyên tắc giữ bí mật của tòa soạn đã không được bảo đảm ngay từ đầu.

Để theo dõi các cuộc liên lạc bằng điện thoại BND phải hợp tác với công ty điện thoại Telekom của Đức và các công ty điện thoại khác. Cũng

như ở các nước khác BND phải trả tiền cho “dịch vụ” này của các công ty điện thoại. Ví dụ như người ta biết được rằng, chính phủ hoàng gia Anh trả cho công ty điện thoại tư nhân Telekom của Anh hàng năm 10 triệu bảng để giám sát các cuộc thoại. Theo Stephen Doml, một chuyên gia tình báo Anh, thì đây là “một chuyện làm ăn rất có lãi”.

Tại Đức thì từ tháng 12 năm 1994 BND được phép nghe trộm và ghi âm các cuộc điện thoại với nước ngoài để phát hiện ra những dấu vết nghi vấn liên quan đến các loại tội phạm buôn lậu ma túy, vũ khí, làm tiền giả hoặc khủng bố. Tuy nhiên BND thực hiện công tác tình báo này không chỉ khi có nghi vấn, mà bất cứ người nào thực hiện một cuộc trao đổi điện thoại với nước ngoài đều rơi vào lưới nghe trộm của BND. Từ năm 1996 các cơ quan an ninh, trong đó có BND, được phép tra cứu bất cứ lúc nào hồ sơ của các thuê bao. Những chi tiết khác nhau như vậy có thể giúp các cơ quan an ninh tạo được một bức tranh toàn cảnh về những mối quan tâm và hoạt động của đối tượng bị theo dõi.

Hoạt động của cơ quan tình báo trên mạng Internet

Có lẽ rất ít người biết được những hoạt động bí mật của BND trên mạng Internet.. Một nhân

viên của Cục tình báo kỹ thuật thừa nhận như sau: “Ai làm việc trong Internet cần phải biết rằng, người đó sẽ trở nên trong suốt và dễ bị tấn công”.

Internet được tìm ra hoàn toàn không phải để đưa con người trên hành tinh này xích lại gần nhau. Sự ra đời mà ít người biết đến của Internet chính là dựa trên những yêu cầu của giới quân sự và tình báo. Thực ra đây là một hệ thống thông tin quân sự và tình báo để chống lại một cuộc chiến tranh hạt nhân. Đầu thập kỷ sáu mươi một số nhà khoa học người Mỹ đã tìm cách thiết lập một hệ thống viễn thông sao cho ngay cả khi một số điểm nhận và truyền tin trên mạng bị vũ khí hạt nhân phá hủy thì hệ thống vẫn có thể hoạt động được. Paul Baran, một nhà khoa học của công ty Rand Corporation, đã phát minh ra một mạng máy tính có khả năng khi một số điểm trên mạng bị phá hủy thì sẽ tự động truyền thông tin, số liệu đi vòng qua các điểm bị phá hủy đó. Đến cuối những năm sáu mươi cơ quan nghiên cứu công nghệ tiên tiến ARPA của Lầu năm góc đã chi tiền để thiết lập thử một mạng thông tin như vậy.

Từ đó đến nay mạng Internet sơ khai đã phát triển đến mức độ người ta không thể kiểm soát nổi: từ 2 ngõ vào khai thác hệ thống của ARPA lúc đầu, đến nay đã có hơn 20 triệu ngõ

vào truy cập mạng Internet được khoảng 62 triệu người hàng ngày sử dụng. Tuy vậy vai trò giám sát trên khía cạnh quân sự và tình báo thì vẫn được giữ nguyên. Trong khi các chính phủ còn đang tranh luận về các điều kiện pháp lý của Internet thì các cơ quan tình báo lớn đã sử dụng nó vào mục đích hoạt động gián điệp Online (hoạt động gián điệp trên mạng Internet).

Tất nhiên ở BND không ai muốn đi sâu vào chi tiết, nhưng các chuyên gia của Cục tình báo kỹ thuật cũng phải thừa nhận rằng, họ có thể “sục sạo” vào ngân hàng dữ liệu của tất cả những ai sử dụng Internet mà họ không hề biết.

Điệp viên Internet

Ở Pullach người ta nói đến công dụng của những máy chuyên truy tìm trong Internet, như Alta Vista, Yahoo hay Infoseek. Khi ai đó vào truy cập trong mạng thì những thiết bị này cũng đồng thời hút ngay những dữ liệu do người truy cập mạng đưa vào và nạp vào một “kho lưu trữ” đã được số hóa.

Có lẽ hiện nay mọi người vẫn còn cảm thấy mới lạ hoặc xa vời, nhưng nghề điệp viên Internet chắc chắn có một tương lai ứng dụng trong cuộc sống dân sự. Ví dụ như cuối thế kỷ này, đầu thế kỷ sau, một ông Mỵr nào đó xin

vào làm việc ở công ty X. Lập tức công ty này sẽ cho điệp viên Internet của họ - dưới dạng những máy truy tìm trong Internet - lập một hình ảnh mô tả các tính cách, đặc điểm ... của người xin việc. Hình ảnh này sẽ được lập tùy theo mức độ hoạt động của ông Muiơ trên mạng Internet và để lộ "chân tướng" của ông ta: là đảng viên của đảng nào, những sở thích về tình dục, hoặc ông Muiơ có xem những chuyên mục bị cấm trong Internet không. Nói tóm lại về phương diện kỹ thuật người ta có khả năng tạo nên một hình ảnh Internet mô tả một con người từ lâu rồi. Ông Heimich Kersten thuộc cơ quan bảo vệ an toàn trong công nghệ thông tin của Liên bang đã phải nói: "Càng ngày các máy tính cá nhân được nối mạng (Internet hay nội bộ) càng trở nên không an toàn, vì ngay cả các chuyên gia cũng không có khả năng để phát hiện và ngăn chặn tình trạng máy tính cá nhân bị điều khiển từ bên ngoài".

Tuy nhiên nhân viên BND lại thường phủ nhận là ở Pullach người ta có thể chặn và làm thay đổi mọi dữ liệu điện tử được truyền đi. Cục tình báo kỹ thuật được chuyên môn hóa để có thể đọc được hết các bức thư điện tử được gửi đi thông qua ví dụ như mạng dịch vụ của công ty Compuserve hoặc America Online. Vì thế khi gửi thư điện tử cần phải cân nhắc kỹ lưỡng. Tuy nhiên khi người ta coi thư điện tử là một hình

thức thay thế cho thư tín thông thường, nhưng trên thực tế thư điện tử được gửi đi như một chiếc bưu ảnh để ngỏ và vì vậy tại bất cứ một điểm tiếp nối nào trên mạng cũng có thể bị đọc trộm hoặc thay đổi nội dung được.

Người ta đã nhiều lần thành công khi theo dõi các cuộc trao đổi thư điện tử trên mạng, ví dụ gần đây nhất là vụ Timo F., một kẻ tống tiền các sân bay đã bị bắt tháng 4 năm 1997 sau khi chiến dịch theo dõi các hoạt động trên mạng Internet của y được tiến hành một cách công phu. Kẻ tống tiền 25 tuổi này đã đe dọa 15 sân bay Đức là sẽ cho một chiếc máy bay mô hình, đựng thuốc nổ, đâm vào một chiếc máy bay hành khách đang chuẩn bị cất cánh. Trong một bức thư điện tử gửi đi hồi tháng 3 năm 1997 y đã đòi hơn 50 triệu mác.

Cẩn thận, cơ quan mật vụ sẽ đọc trộm thư!

Có lẽ chỉ ít năm nữa thôi thì thư từ hay bưu ảnh được gửi đi bằng đường bưu điện thông thường sẽ được người nhận coi như là một sự hồi tưởng về quá khứ, vì thư điện tử sẽ dần dần thay thế hoàn toàn thư tín bưu điện. Để ngăn cản người khác đọc được thư điện tử thì người gửi có thể sử dụng ví dụ như hệ mã số "Pretty Good

Privacy” (PGP). Người ta quảng cáo rằng đây là hệ mã số có độ chắc chắn rất cao, có nghĩa là ngay cả một máy tính siêu hạng cũng cần đến vài tuần lễ mới giải được một mã số PGP. Tuy nhiên có một chi tiết khác lại đóng vai trò quyết định ở đây: Cục tình báo kỹ thuật của BND, cũng như các cơ quan tình báo phương Tây khác, đều khẳng định rằng, tác giả của các mã số PGP lại là cơ quan tình báo Mỹ (NSA hoặc CIA). Ở Pullach người ta tin chắc rằng, mọi cơ quan tình báo Mỹ có đầy đủ chìa khóa giải mã các chương trình mã số như dạng PGP. Một chuyên gia kỹ thuật BND đã nói: “Người Mỹ rất khoái khi thấy người khác tin vào những chuyện vớ vẩn như độ an toàn của mã số PGP”. Ngay cả một chuyên gia về lĩnh vực tình báo trong Phủ thủ tướng cũng nhấn mạnh: “Người ta không được phép tin vào những chương trình mã số của người Mỹ. Người ta cần phải nhớ rằng, NSA ngay từ đầu đã có chìa khóa giải mã cho những chương trình này rồi”. Tuy nhiên hiện nay mã PGP vẫn được các cơ quan nhà nước của Đức sử dụng và vẫn được coi như là một phương pháp có độ an toàn cao. Các quan chức Liên hiệp quốc (như cơ quan UNSCOM ở Irắc) vẫn sử dụng hệ này và cho rằng không ai có thể đọc trộm được thư điện tử của họ.

Một số quốc gia, như Pháp và Nga, thậm chí

còn cấm mã hóa những thông tin cá nhân, có nghĩa là cấm sử dụng PGP để mã hóa thông tin cá nhân. Tại Mỹ người ta đang cố gắng, sao cho chỉ cho phép những phương pháp mã số hoạt động phục vụ cho các cơ quan nhà nước giải mã các thông tin bị mã hóa. Tại Mỹ, theo một sắc lệnh của tổng thống Clinton, các cơ quan chính phủ có quyền giám sát mọi người dân trao đổi với nhau trên mạng điện tử.

Liệu trong tương lai gần việc mã hóa các thông tin tư nhân có bị cấm ở Đức không, còn phụ thuộc và kết quả cuộc đối đầu giữa một bên là cơ quan an ninh, Bộ nội vụ Liên bang với Bộ kinh tế và Bộ khoa học Liên bang. Trong khi BND, cơ quan cảnh sát và Bộ nội vụ đòi phải dùng một đạo luật cấm ngay việc mã hóa các dữ liệu thông tin, thì Bộ kinh tế và Bộ khoa học lại cho rằng, làm như vậy thì môi trường đầu tư kinh tế ở Đức sẽ bị đe dọa. Ngày 24 tháng 3 năm 1997 Gunter Rexrodt, Bộ trưởng Bộ kinh tế Liên bang đã nói như sau với tác giả cuốn sách này: “Những người bạn Mỹ tìm cách tác động để chúng ta không có phản ứng gì, hoặc họ sẽ cung cấp cho chúng ta các mã số chuẩn. Nhưng tôi không đồng ý với cách làm đó. Dù sao thì vẫn phải tồn tại những lĩnh vực như dữ liệu cá nhân hoặc trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp không luôn luôn bị người khác giám sát, những

người mà trong suốt 50 năm qua đã xây dựng một mạng lưới gián điệp trên đất nước chúng ta.” Bộ trưởng Rexrodt đã không nề hà gì và gọi đích danh cung cách làm ăn của người Mỹ là những người cho rằng ở Đức họ vẫn hoạt động như trong thời kỳ “quân quản” của quân đội đồng minh và vì thế có quyền giám sát hệ thống truyền thông để qua đó tiến hành hoạt động gián điệp công nghiệp. Bộ trưởng Rexrodt đã nhấn mạnh: “Sự ngang ngạnh của người Mỹ trong lĩnh vực này đã tới sát giới hạn mà người ta có thể chịu đựng được”. Khi tác giả kể với Bộ trưởng Rexrodt về việc người Mỹ can thiệp vào điện thoại của tác giả để nghe trộm những cuộc trao đổi riêng của tác giả trong phòng làm việc của mình thì Bộ trưởng Rexrodt hoàn toàn bị bất ngờ và hỏi lại: “Liệu họ có làm như vậy đối với những cuộc chuyện trò riêng tư của tôi ở nhà hay không?”. Khi tác giả cuốn sách này trả lời là có thì Rexrodt thở dài và nổi giận nói: “Thật không thể tin được là họ có thể làm được tất cả”.

Andy Muller-Maghnun, một chuyên gia máy tính ở Hamburg đã viết như sau cho tác giả cuốn sách này: “Chậm nhất là sau khi các quy định về xuất khẩu công nghệ mã hóa bị Mỹ xiết chặt lại hồi tháng 12 năm 1996 thì ai cũng có thể nhận thấy được, vấn đề chủ yếu ở đây là gián điệp công nghiệp. Các cơ quan tình báo Mỹ, trước hết là cơ

quan tình báo kỹ thuật NSA, muốn thâm nhập vào ngân hàng dữ liệu được lưu trong tất cả các máy tính, cho dù máy tính đó được đặt ở đâu. Vì thế chính phủ Mỹ cấm công ty Mỹ xuất khẩu các công nghệ cao phục vụ cho việc mã hóa dữ liệu. Người ta cũng rất quan tâm đến việc sao cho NSA có trong tay các phương tiện kỹ thuật và nắm được các kiến thức cần thiết để giải được các loại mã số”.

Quan điểm của ông Geiger, giám đốc BND thì rất rõ ràng: “Việc bảo vệ hệ thống liên lạc của tư nhân, trong các lĩnh vực ngân hàng và thương mại phải được tăng cường bằng phương pháp mã hóa nhằm chống lại những can thiệp từ bên ngoài là rất cần thiết. Tôi nói điều đó với tư cách là người ủng hộ nguyên tắc bảo vệ dữ liệu. Đương nhiên cũng như trong các lĩnh vực khác, trong những trường hợp đặc biệt các cơ quan chức năng của nhà nước đồng thời phải có khả năng tiếp cận được các thông tin, dữ liệu”.

Đối với giáo sư Helmut Reimer, chủ tịch một tổ chức đại diện cho lợi ích của những nhà sản xuất và người sử dụng các chương trình mã hóa, nếu đạo luật về mã hóa được thông qua và có hiệu lực ở Đức thì “điều đó sẽ như là một phát súng bắn vào lò lửa đang cháy. Đằng sau sự kiện này có bàn tay của người Mỹ vì họ rất quan tâm đến thị trường phần mềm đang bùng nổ trong

lĩnh vực mã hóa”. Người gây áp lực chủ yếu đối với chính phủ Bonn là David Aaron, đại sứ Mỹ tại tổ chức OECD của các nước công nghiệp phát triển. David Aaron đồng thời cũng là đại sứ đặc biệt của Oasinhton về vấn đề mã hóa và chịu trách nhiệm điều phối một chiến dịch của Mỹ trên toàn châu Âu nhằm mục đích điều tiết chặt chẽ hơn thị trường chương trình mã hóa. Phía bị thiệt hại ở đây sẽ là các công ty Đức như Utimaco Safeware AG hoặc Kryptokom, là những công ty có tiêu chuẩn về độ an toàn cao hơn các công ty Mỹ và thuộc số ít nhà sản xuất hiện nay trên thế giới sử dụng những phương thức mã hóa chưa bị các cơ quan tình báo và gián điệp công nghiệp lớn trên thế giới giải mã được. Một đạo luật như vậy sẽ không gây thêm trở ngại cho giới tội phạm, nhưng lại buộc giới doanh nghiệp phải truyền những thông tin mật đi trong tình trạng những dữ liệu đó chỉ được bảo vệ một cách sơ sài.

CỤC III- CỐT LÕI CỦA HOẠT ĐỘNG TÌNH BÁO: CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN, SỰ KIỆN

Tám trăm cán bộ, nhân viên của Cục III có thể cảm thấy hạnh phúc vì được làm việc trong khu nhà mới nhất trên lãnh địa của BND. Tại đây các thông tin, dữ kiện được Cục tình báo kỹ thuật (Cục II) và Cục tình báo tác chiến (Cục I) thu được sẽ cùng được xử lý, phân tích và đánh

giá với những tài liệu thông thường khác (như báo chí chẳng hạn). Cơ sở quan trọng nhất cho công tác của một chuyên gia đánh giá thông tin là kế hoạch dài hạn do một ủy ban điều phối (với các thành viên là đại diện Bộ ngoại giao, Bộ quốc phòng, Bộ nội vụ và Bộ nghiên cứu khoa học) dưới sự lãnh đạo của Phủ thủ tướng đưa ra từ 4 đến 5 năm một lần. Thực ra thì các kế hoạch dài hạn và từng ngày của BND được giữ bí mật. Nhưng nếu quan sát tám bản đồ thế giới của BND, mà trong đó các quốc gia được xếp thứ hạng ưu tiên trong hoạt động tình báo được thể hiện với những màu khác nhau, thì có thể đoán được những trọng tâm khu vực của các chuyên gia đánh giá thông tin.

Những quốc gia nào ngày nay là trung tâm điểm đối với điệp viên Đức? Màu đỏ trên tám bản đồ đánh dấu sự ưu tiên số 1, có nghĩa là thể hiện nhu cầu tình báo cao nhất. BND đánh dấu những nước sau đây màu đỏ: Nga, Iran, Irắc, Xyri, các nước thuộc Nam Tư cũ và Anbani. Các chuyên gia đánh giá lập nhiều báo cáo nhất về các quốc gia này. Những báo cáo gần đây nhất mang tên ví dụ như “Nước Nga - hạm đội biển Bắc: Lực lượng chính trong phòng ngự hải quân” hoặc “Iran: tình hình chính trị đối nội và đối ngoại” mang ký hiệu AN34D-05 17/96VS-NFD (VS-NFD có nghĩa là: tài liệu nội bộ, chỉ sử dụng

cho mục đích công vụ). Bên cạnh những bản báo cáo tuy được giữ gìn một cách cẩn trọng nhưng thực ra chỉ được xếp vào hạng “thường thường bậc trung” này còn có những báo cáo được ghi ký hiệu “VS-vertr”, có nghĩa là tài liệu nội bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp, ví dụ như về tình hình buôn lậu vũ khí thông thường. Bậc cao nhất là các báo cáo có ghi chú “Mật” hoặc “Tối mật”, ví dụ như báo cáo “Kho vũ khí hóa học Pochev nằm ở miền Tây nước Nga”, “Xe đặc chủng của Nga để chuyên chở vũ khí hóa học”, hoặc “Khu công nghiệp quốc phòng mới của Iran ở Sharifabad”.

Những nước xếp hạng thứ hai được đánh dấu màu da cam: Trung Quốc, Angiêri, Liby, Ai cập, Xuđăng, Angôla, Nam Phi, Ả rập Xê út, Ixrael, Ấn Độ, Pakixtan và Tátgikixtan. Theo kế hoạch dài hạn thì các chuyên gia đánh giá ít quan tâm hơn đến những quốc gia được tô màu vàng: Ápganixtan, Zaire, Dimbabuê, Ba Lan, Séc, Rumani, Bungari, Etxtônia, Látvia và Létônia. Xếp loại 4 là các quốc gia hầu như không được quan tâm ví dụ như các nước Tây Âu. Màu xanh lá cây là các quốc gia không được quan tâm, ví dụ như Úc.

Tuy nhiên các cuộc khủng hoảng thì khó dự đoán trước được xảy ở đâu và khi nào, vì vậy các chuyên gia đánh giá, bên cạnh việc tuân thủ kế hoạch dài hạn, cũng phải để mắt tới các quốc gia

màu xanh lá cây. Nếu ngày mai một chiếc máy bay Đức bị bắt cóc đi Canbena (Úc) thì các chuyên gia đánh giá cũng phải sẵn sàng trình bày và trả lời các câu hỏi của Phủ thủ tướng về đất nước này. Tuy vậy phạm vi công tác của chuyên gia đánh giá là hạn chế. Trong chuyến đi thăm một số nước Đông Phi (Uganda, Etiôpia và Eritrea) đầu năm 1996 của Tổng thống Liên bang Roman Herzog ông đã phải trải qua một cơn sợ hãi khi đến thăm nhà thờ Lalibela nằm trên một ngọn núi ở Etiôpia vì đường băng cho chiếc chuyên cơ Transall của ông hạ cánh quá ngắn.

Khi đó cơn sấm sét không dội xuống đầu các chuyên gia đánh giá của BND. Tuy người của Bộ quốc phòng đã đến Lalibela xem xét đường băng vài tuần lễ trước cuộc viếng thăm, nhưng đã không kiểm tra lại ngay trước khi đoàn đến. Chính vì vậy họ đã không nhận thấy là người Etiôpia trong thời gian qua đã rút ngắn đường băng và vì thế suýt nữa thì đã xảy ra một thảm họa khi máy bay chở Tổng thống hạ cánh.

Trung tâm thông tin tư liệu (LIZ) được khánh thành mùa thu năm 1996 là trái tim của Cục đánh giá thông tin. Chiếc màn hình khổng lồ với 5 chiếc đồng hồ thế giới làm người ta liên tưởng đến một trung tâm hội nghị hơn là tới trung tâm thông tin tư liệu của một cơ quan tình

báo. Từ đây mỗi liên lạc trực tiếp được thiết lập với tất cả 81 chi nhánh của BND ở nước ngoài. Ngoài ra còn có đường dây liên lạc với Thủ thủ tướng, Bộ ngoại giao, Bộ nội vụ và Cục thông tin Bộ quốc phòng. Các nhân viên của LIZ phải chia ca làm việc để bảo đảm trực 24/24, vì bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra một cuộc khủng hoảng và khi đó Thủ thủ tướng sẽ đòi hỏi những thông tin cô đọng nhưng đầy đủ nhất của BND. Từ đây đúng 7 giờ 45 phút hàng ngày người ta báo cáo với Schmidbauer, Bộ trưởng quốc vụ Thủ thủ tướng phụ trách công tác điều phối hoạt động tình báo, về tình hình thời sự buổi sáng trên thế giới. Tại đây hàng ngày các cục trưởng của 6 Cục họp giao ban từ 10 giờ 30 đến 11 giờ 30 và cũng từ đây đúng 14 giờ 30 báo cáo ngày của BND được gửi đến Thủ thủ tướng và các Bộ.

Đầu năm 1997 tờ “Sự thật” của Nga cho đăng “Bản báo cáo của BND về tình hình sức khỏe của Tổng thống Enxin”. Thủ thủ tướng muốn biết ngay là bản báo cáo đó có đúng sự thật không. Chuyên gia xử lý việc này của LIZ đã trả lời là tình trạng sức khỏe của Enxin được Pullach đánh giá đúng là: “rất đáng bi quan”. Cuối tháng 6 năm 1996 Enxin bị một cơn nhồi máu cơ tim. Tuy nhiên ngay từ hồi đó, thông qua nguồn từ trong điện Kremlin, BND đã biết được cơ tim của Enxin đang có vấn đề nghiêm trọng và

vì vậy một cuộc phẫu thuật sau này cũng sẽ không bảo đảm hồi phục sức khỏe cho Enxin 100%. Tháng 1 năm 1997, sau cuộc phẫu thuật, Enxin bị nhồi máu cơ tim một lần nữa, nhưng tin phổ biến cho giới thông tin đại chúng là “Tổng thống bị viêm phổi”. Vì thế không những Phủ thủ tướng, mà ngay cả giới lãnh đạo cao nhất điện Kremlin, cũng không biết chắc được về tương lai của bộ máy lãnh đạo nước Nga. Các cơ quan tình báo phương Tây nhận thấy rằng, điện Kremlin không đưa ra bản kế hoạch làm việc trong 3 tháng tới như thông lệ nữa. Ở BND thì người ta cho rằng, tướng Lebed, trong thời gian trung hạn, có lẽ là nhân vật có cơ may nhất trong cuộc tranh chấp quyền lực ở Mátxcova. Và vì thế tháng 2 năm 1997 Lebed được các chính khách Bonn sẵn đón trong chuyến sang thăm Đức của ông ta. Tất nhiên BND cũng không thể nói được một cách chắc chắn 100% là liệu Enxin có sống được hơn 12 tháng nữa không hoặc ít nhất những người xung quanh Enxin có tiếp tục giữ mãi được bí mật về tình hình sức khỏe của Tổng thống trước người dân Nga không. Tuy nhiên ít nhất BND cũng đã cung cấp những gợi ý cụ thể, đối với ai trong số các vị khách đến thăm Bonn người ta nên bắt tay một cách hữu nghị hơn.

Những tin tức được các chuyên gia đánh giá tổng hợp lại không những chỉ chứa đựng kết quả

các báo cáo của điệp viên Đức và của Cục tình báo kỹ thuật. Ít nhất 90% lượng thông tin BND lấy được từ những nguồn công khai, trước hết từ báo chí: khoảng 15 triệu báo cáo như vậy trong 1 năm! Nguồn điệp viên hàng năm chỉ cung cấp có khoảng 80.000 tin. Ngoài ra hàng năm còn có khoảng 12.000 báo cáo của các đại sứ quán và các báo cáo khác của ngân hàng, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức nhà thờ cũng như số báo cáo nhận được từ 200 cơ quan tình báo đối tác khác trên thế giới.

Khi đọc các bản báo cáo mật gửi đến thì chuyên gia đánh giá thông tin luôn gặp phải những sự việc hầu như không thể tin được. Ví dụ như sự kiện dưới đây xảy ra sau khi dư luận xã hội tranh luận về kế hoạch đánh chìm dàn khoan "Brent Spar" của tập đoàn dầu khí Shell đã tạo điều kiện cho các đối thủ của Shell mở thêm một chiến dịch nữa chống lại Shell và làm cho dân chúng phản đối gay gắt và bao vây các cây xăng của Shell: một người Nigieria ty nạn nhận định rằng, vì khai thác dầu ở quê hương anh ta nên Shell đã biến đồng bằng sông Niger thành một địa ngục trần gian. Nước ngọt ở đó bị ô nhiễm dầu. Nghề cá truyền thống không còn tồn tại được nữa. Đất đai bị ô nhiễm dầu nặng nề. Thêm vào đó bọn trùm tập đoàn Shell còn cho ám sát những người Nigieria đối lập! Việc thủ lĩnh phe

đôi lập Ken Saro-Wiwa bị hành hình cũng là do bàn tay của Shell! Những tin tức này được lăngxê nhiều lần lên báo đến mức độ trở thành một sự thật không ai có thể nghi ngờ được nữa. Mãi đến khi đại diện của 5 tờ báo lớn vào loại nhất nước Đức đi thăm khu khai thác dầu khí ở Nam Nigêria tháng 10 năm 1996 về cho đăng bài phủ nhận tin tức về nạn ô nhiễm môi trường thì các Bộ của Bonn mới hỏi BND và đề nghị cho ý kiến. BND đã trả lời là: “BND không có những thông tin gì về việc Shell đã biến Nigêria thành một địa ngục trần gian cả”.

Ngoài ra Cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang và BND đều biết rằng, trước khi nổ ra chiến dịch chống Shell chính cựu thủ lĩnh phong trào chống lại Shell ở Đức của người Nigêria là Peter Emorinken-Donatus đã viết thư xin tiền Shell để anh ta thực hiện chiến dịch quảng cáo cho Shell và những thành tích của tập đoàn này tại Nigêria, nhưng Shell đã không chi tiền. Trên thực tế ngày 21 và 30 tháng 8 năm 1995 Donatu đã đề nghị Shell AG Hamburg là “nhà tài trợ chính” cho một buổi hòa nhạc nhân dịp “Tuần lễ Nigêria” và đóng góp 27.875 mác. Trong bức thư viết ngày 21 tháng 8 năm 1995 có đoạn: “Thay mặt phong trào dân chủ Nigêria tôi xin thông báo với công ty là chúng tôi đã quyết định cử công ty ra làm nhà tài trợ chính cho buổi hòa

nhạc của chúng tôi”. Donatus đã kết thúc bức thư như sau: “Có thể tự công ty có đề nghị về việc chúng tôi nên quảng cáo như thế nào để có hiệu quả nhất cho các bên tham gia”. Trong một bức thư khác có đoạn: “Chúng tôi cần Shell và Shell cần chúng tôi! Danh tiếng đã bị rạn nứt của Shell trong lòng người dân Nigêria cần phải được cải thiện lại... Sức ép chính trị của giới cầm quyền quân sự Nigêria không thể là một đòi hỏi đối với Shell được”. Sau đó thì dự toán 27.875 mác được gửi đến một lần nữa. Tuy nhiên Shell không chi một xu nào. Chỉ vài ngày trước đó Donatus còn hô hào: “Đoàn kết với Shell và nhân dân Nigêria”, thì nay trong chốc lát y đã biến thành người ty nạn tiến hành chiến dịch chống Shell và viết như sau trong tờ nhật báo “Taz”: “Ai mua sản phẩm của Shell thì người đó cướp đi máu của người dân Nigêria” và cũng trong tờ báo này Donatus đã biến Shell thành “Lũ tội phạm và đến một ngày nào đó chúng ta bắt bọn tội phạm này phải đền tội!”. Tuy biết rõ sự việc, nhưng cơ quan tình báo Đức không được phép công bố cho dư luận xã hội những sự thật kiểu như trong vụ Donatus và có nghĩa vụ phải giữ im lặng.

Một du thuyền Mỹ cho Saddam Hussein

Các chuyên gia đánh giá thông tin cũng

phải im lặng khi các nước đồng minh của Đức xử sự như những con thò hai mặt, ví dụ như sự ủng hộ họ dành cho tổng thống Irắc Saddam Hussein. Trong khi CIA liên tục cho lảng xê lên trang nhất báo chí Mỹ những bài viết về sự tham gia của các công ty Đức trong chương trình tăng cường vũ trang của Irắc và qua đó muốn loại môi trường đầu tư Đức ra khỏi cuộc cạnh tranh giành đầu tư nước ngoài, thì các điệp viên Đức, cũng với những thông tin tương tự về các công ty Mỹ, lại phải hoài công gõ mãi những chiếc cửa không mở và vì thế tin tức họ thu được đã không được công bố. Năm 1984 BND đã thông báo cho CIA về việc một công ty kinh doanh lúa mì của Mỹ ở Nashville bang Tennessee đã xuất khẩu sang Irắc bán thành phẩm phục vụ cho việc sản xuất hơi độc. Theo BND thì tuy Ai Hadaad, người chủ trì phi vụ nhập khẩu này phía Irắc, đã được CIA yêu cầu dừng hoạt động kinh doanh này lại, nhưng vụ này đã được giữ kín trước công luận Mỹ rất lâu. Đây không phải là một trường hợp ngẫu nhiên. BND cho rằng: "CIA đã giả điếc. Người ta chỉ là bạn đồng hành với nhau chừng nào cùng theo đuổi một lợi ích. Trong vụ này rất tiếc lại không phải như vậy. Ngược lại, người Mỹ đã tìm mọi cách để bêu riếu các công ty Đức trước công luận".

Liên quan đến “quan hệ đôi tác” này trong giới tình báo phương Tây người ta lưu truyền một “câu chuyện tiểu lâm” về “sự hỗ trợ” của người Mỹ dành cho các đôi tác. Vì từ khi xảy ra cuộc chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ không duy trì quan hệ ngoại giao với Irắc nữa, nên đại sứ quán Ba Lan tại đó đại diện cho quyền lợi của Oasinhton. Theo nguồn tin của giới tình báo thì đã từ lâu có ít nhất là ba nhân viên cao cấp của CIA trà trộn trong số cán bộ ngoại giao của Ba Lan. Sẽ không có gì đáng nói về điều đó nếu họ không nhận được một nhiệm vụ tương đối lạ lùng. Nhiệm vụ của họ không phải là tiến hành hoạt động gián điệp chống Saddam Hussein. Để làm việc này đã có các nhân viên CIA trong đội gìn giữ hòa bình UNSCOM hoạt động dưới quyền của nhà ngoại giao Thụy Điển Rolf Ekeus. Các cán bộ ngoại giao Ba Lan “giả” này thực ra có nhiệm vụ ký kết các hợp đồng bí mật với Saddam Hussein, sao cho thế giới bên ngoài không thể biết được. Một ví dụ là hợp đồng đóng một chiếc du thuyền hiện đại, mà theo giới tình báo phương Tây, được đóng tại một xưởng đóng tàu của Mỹ dành riêng cho Saddam Hussein. Giá trị của hợp đồng là 230 triệu đô la. Theo các điệp viên của BND hoạt động ở vùng Vịnh thì số tiền này Hợp chủng quốc Hoa kỳ nhận được từ tài khoản đang bị phong tỏa của Irắc mở tại Mỹ sau

khi lệnh cấm vận bị bãi bỏ. Chiếc du thuyền cũ của Saddam Hussein do Đan Mạch đóng đã bị chính người Mỹ đánh đắm khi cuộc chiến tranh Cô-ôét nổ ra được vài ngày. Thông qua các nhân viên CIA giả danh là cán bộ ngoại giao trong đại sứ quán Ba Lan thì hợp đồng trực vớt chiếc du thuyền này tại khu vực Basra năm 1996 đã được giao cho một công ty Mỹ đóng tại Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất! Tất nhiên khi chuyện chiếc du thuyền của Saddam Hussein được đóng tại Mỹ lộ ra thì người ta phủ nhận điều này. Thậm chí ngay cả xưởng đóng tàu nói trên ở Mỹ cũng không biết được sản phẩm của họ được cung cấp cho ai. Một nhân viên của một cơ quan tình báo phương Tây đã nói như sau: “Đây là một ví dụ rõ ràng chứng tỏ việc công chúng bị chính phủ xỏ mũi như thế nào. Một mặt người ta công khai coi một chính phủ là kẻ thù, còn mặt khác người ta lại tìm mọi cách để nhận được những hợp đồng béo bở từ chính đất nước thù địch đó. Mọi người sẽ thấy rằng, sau khi lệnh cấm vận bị bãi bỏ thì rất nhiều công ty Mỹ sẽ nhận được những hợp đồng to lớn xây dựng lại hệ thống hạ tầng cơ sở đã bị tàn phá của Irắc. Tất nhiên ngày nay mối quan hệ Mỹ - Irắc trong thương mại đã tốt trở lại, ngay cả khi các thương nhân Mỹ vào khách sạn Al Rasheed ở Bátđá phải dẫm lên chân dung cượng tổng thống Hoa Kỳ Bush được

trang trí dưới dạng mosaik ngay trên lối vào khách sạn. Tiền là trên hết!”. Các chuyên gia đánh giá thông tin của BND lưu giữ nhiều tư liệu, mà nếu công bố thì sẽ làm nhiều quốc gia mất thể diện.

Kho lưu trữ vũ khí

Nằm dưới trung tâm thông tin tư liệu ở Pullach là kho sưu tầm vũ khí của BND. Bộ sưu tầm được khóa kín trong cửa thép này bao gồm những thiết bị quân sự BND thu được trong những chiến dịch được thực hiện ở nước ngoài và ngày nay phục vụ các chuyên gia đánh giá thông tin như là những “giáo cụ trực quan”. Tại đây người ta có thể nhận thấy rằng, trong quá khứ chủ yếu BND đã hoạt động tình báo ở phía Đông. Từ cuộc chiến tranh 6 ngày năm 1967 thì Ixrael cũng cung cấp cho BND những vũ khí Liên Xô thu được để BND giám định. BND đáp lại bằng cách cung cấp vũ khí mới của Liên Xô thu được trong cuộc chiến tranh Ápganixtan. Sau khi quân đội nhân dân Cộng hoà dân chủ Đức không tồn tại nữa thì BND lại cung cấp cho Ixrael phương tiện quân sự của quân đội nhân dân Cộng hoà dân chủ Đức. Đa số các hiện vật trưng bày tại đây là do BND tự tìm kiếm được ở Đông Âu trước kia. Trong số đó có thiết bị cảnh báo khí

độc AVJ-1 của Hungaria, các thế hệ tên lửa đất đối không từ SAM-1 đến SAM-9, đầu ngắm dẫn đường của tên lửa đất đối không 9M31 Strela, lớp bọc thép phía trước của máy bay lên thẳng Hind, tên lửa phòng không cầm tay Strela-2M, Strela-3M và IGLA-1M, thiết bị đo khoảng cách bằng tia laser LPR-1, các loại kính ngắm quang học, đèn pha hồng ngoại, súng đại liên của máy bay lên thẳng Mi-24 và một bộ sưu tầm rất phong phú các loại vũ khí cá nhân có xuất xứ từ phía Đông. Trong số các hiện vật được cất giữ ở đây duy chỉ có khẩu Makarov-M-9 li có hai ống giảm thanh là làm người xem liên tưởng đến hoạt động tình báo mà thôi.

Tại đây các nhân viên Cục I có thể tìm thấy khá đầy đủ các “giáo cụ trực quan” đối với những loại vũ khí thường được giới buôn lậu vũ khí buôn bán, trao đổi. Tại đây có cả loại tên lửa chống tăng SHMEL PRO-A của Nga mà ngay cả những người không qua đào tạo cũng có thể dễ dàng sử dụng được. Tất nhiên ở Pullach người ta cũng biết Nga là nước xuất khẩu vũ khí lớn nhất trên thế giới, vì bên cạnh khối lượng thương mại thống kê được còn có ít nhất 10% trên tổng số đó là các vụ buôn bán vũ khí trôi nổi, không được thống kê.

Trong kho vũ khí này còn có trưng bày cả loại bom đặc biệt người Nga đã đưa ra sử dụng

khi giải quyết cuộc xung đột ở Chécchênia và một phần lớp vỏ bọc thép của xe tăng T-72. Thậm chí cả một chiếc SU-20 cũng có mặt ở đây. Với sự giúp đỡ của cơ quan tình báo Ai Cập, BND đã “bắt cóc” được chiếc máy bay này từ một căn cứ quân sự của người Ai Cập hồi những năm thập kỷ tám mươi.

Tuy vậy BND chưa bao giờ sở hữu được một chiếc máy bay loại MIG-29 cả. Tất nhiên từ sau khi quân đội nhân dân Cộng hoà dân chủ Đức không tồn tại nữa thì nhu cầu này cũng mất đi. Ngày nay những chiếc MIG-29 của Đông Đức trước kia được các đơn vị không quân phương Tây vùng Địa trung hải sử dụng làm máy bay huấn luyện trong không chiến.

Vì nhân viên của kho vũ khí cũng phải giữ bí mật nên họ không được phép công bố với công luận những điều họ biết về một loại bom đã được Liên Xô sử dụng trong cuộc chiến tranh ở ápganixtan. Hồi đó dư luận phương Tây âm ỉ lên vì cái gọi là “bom đồ chơi” của Liên Xô ném xuống Ápganixtan nhằm mục đích giết hại trẻ em. Qua các nhân viên của mình ở Ápganixtan, cơ quan tình báo Đức đã nhanh chóng tìm ra sự thật. Đây là loại mìn lá PFM-1. Mỗi một “lá mìn” như vậy được bọc trong một lớp vỏ nhựa màu xanh lá cây nặng 64 gam và chứa 37 gam thuốc nổ lỏng. Để tránh cho loại mìn này không phát nổ ngay trên

không chúng được lắp thêm cánh nhỏ để có thể bay ổn định theo hình xoay tròn khi rơi xuống đất. Chính vì thế nên chúng trông giống như những con bướm. Và theo BND thì các “công trình sư” phương Tây đã cố tình biến loại mìn lá này thành “bom đồ chơi” chuyên giết hại trẻ em.

Đánh giá tin tức thu được từ vệ tinh

Càng ngày yêu cầu đặt ra đối với các chuyên gia đánh giá tin tức từ vệ tinh càng cao hơn. Ngày nay phòng 33E ở Pullach có tất cả 22 cán bộ, nhân viên chịu trách nhiệm quan sát các điểm nóng trên toàn thế giới bằng ảnh vệ tinh mua được của các nước khác. Từ năm 1960 vệ tinh tình báo đã bắt đầu giám sát mọi ngõ ngách trên trái đất này. Nếu năm 1960 người ta chỉ có thể nhận thấy trên ảnh chụp từ vệ tinh Discover của Mỹ một sân bay ở Xibêri những vật thể có kích thước tối thiểu là 13 mét, thì kỹ thuật chụp ảnh vệ tinh ngày nay đã tiến bộ một cách đáng kể. Ảnh vệ tinh đã cung cấp ví dụ như những thông tin về tình hình buôn bán vũ khí trên bán đảo Bancăng và về vụ thảm sát do người Sécbi gây ra ở thành phố Srêbrênica. Trên bức ảnh đầu tiên người ta có thể nhận ra khoảng 600 người bị tập trung tại một cánh đồng. Vài ngày sau, trong bức ảnh thứ hai, số người trên biến mất và trong ảnh còn nhận thấy dấu vết đất bị đào lấp ở gần

đấy. Tất cả mọi dấu hiệu đều cho thấy, có thể số người trên đã bị chôn chung trong một hố. Ngày nay ảnh vệ tinh được sử dụng hầu như trong tất cả các lĩnh vực.

Phim do vệ tinh Landsat-TM của Mỹ chụp ở độ cao 700 km có thể được in ra ảnh có dải phổ gồm 256 gam màu khác nhau. Một bức ảnh chưa qua xử lý trông giống như một tấm thảm màu xám loang lổ. Khi được xử lý bằng máy tính các dữ liệu mới thể hiện ví dụ như khối lượng chất diệp lục có trong lá cây trên một cánh đồng và người xem có thể nhận biết được cánh đồng trên ảnh có được gieo trồng hay không. Thậm chí qua ảnh vệ tinh người ta còn có thể nhận thấy loại cây cối mọc trên một khu vực có đặc trưng cho khu vực đó không.

Vì Đức không có vệ tinh tình báo riêng nên phải mua tài liệu ảnh từ những công ty chủ yếu là của Mỹ và Nga. Theo các chuyên gia của Pullach thì hiện nay ảnh vệ tinh của Nga có chất lượng tốt nhất. Năm 1998 Nga sẽ tung ra thị trường tự do ảnh vệ tinh với độ phân giải thấp hơn 50 cm. Tuy nhiên BND vẫn hy vọng rằng, cùng với người Pháp hợp tác thực hiện dự án Helios và có được một vệ tinh riêng của mình. Chỉ có như vậy người ta mới không sợ bị lừa hoặc thậm chí không nhận được ảnh của người Nga và người Mỹ khi có những cuộc khủng hoảng xảy ra.

Về kỹ thuật thì hiện nay ở Đức người ta có đầy đủ khả năng để sản xuất một vệ tinh tình báo riêng. Tuy nhiên vệ tinh này chỉ có thể cung cấp những ảnh “chất lượng” thuộc loại có thể mua không khó khăn gì trên thị trường tự do. Theo mức độ kỹ thuật hiện nay thì Đức chỉ sản xuất được vệ tinh với ảnh chụp có độ phân giải từ 2,5 mét. Vì thế không ai theo đuổi kế hoạch này một cách nghiêm túc.

Trong khi người Pháp hơn hẳn người Đức trong lĩnh vực kỹ thuật vệ tinh chụp ảnh thì Đức lại vượt trội hơn Pháp trong kỹ thuật vệ tinh rada. Những vệ tinh rada này có thể cung cấp dữ liệu chất lượng cao ngay cả trong thời tiết xấu (trời nhiều mây...). Bằng vệ tinh rada người ta có thể phát hiện các nhà máy sản xuất vũ khí hạt nhân hay hóa học. Một thế hệ mới của vệ tinh chụp ảnh có trang bị bộ phận cảm ứng như thiết bị quang học trong đêm tối sẽ cung cấp những ảnh chất lượng cao chụp trong đêm tối. Dự án chung giữa Pháp và Đức theo kế hoạch kéo dài đến năm 2007 và với ngân sách là khoảng 10 tỷ mắc. Nhưng cho đến nay dự án vẫn chưa nhận được một xu nào.

Bên cạnh các cường quốc chỉ có một số ít quốc gia phóng thành công vệ tinh có tuổi thọ cao. Vì thế nhiều quốc gia châu Âu đã từ bỏ tham vọng này. Nước Anh tuy không có một vệ tinh

nào, nhưng so với các nước châu Âu khác lại có một lợi thế vô giá: London được người Mỹ ưu tiên hơn BND khi cung cấp ảnh vệ tinh và là quốc gia duy nhất nhận được những bức ảnh có độ phân giải cao nhất mà khả năng kỹ thuật cho phép. Tất nhiên sự hợp tác giữa MI-5, MI-6, SAS với người Mỹ là một sự hợp tác đặc biệt. Ví dụ như trong vụ thợ mỏ Anh tổng bãi công năm 1984 thì các điệp viên của Anh và Mỹ cũng phối thuộc nghe trộm điện thoại trên cả châu Âu. Cơ quan tình báo kỹ thuật NSA của Mỹ cung cấp hàng ngày cho Thủ tướng Anh Thatcher chủ yếu là những tin tức liên quan đến thủ lĩnh công đoàn Arthur Scargill. Trong chiến dịch mang mật danh "Get Scargill" người ta trước hết muốn tìm ra liệu Mátxcova có chuyển tiền giúp đỡ những người tham gia bãi công hay không. Với sự trợ giúp của chi nhánh của mình ở Đức, NSA đã giải mã được những thông tin được trao đổi giữa các ngân hàng Liên Xô và thông báo tin tức nhận được cho bà Thatcher.

Chất lượng công tác phân tích, đánh giá thông tin thu được từ vệ tinh của Đức được các nước khác đánh giá cao. Sau chiến dịch phát hiện ra vụ Libya xây dựng nhà máy sản xuất khí độc ở Tarhuna thì nay ở Pullach người ta đang lo ngại theo dõi chương trình sản xuất vũ khí ABC của Iran. Không chỉ Đức, mà cả các chính phủ

Mỹ và Nga đều không thông báo cho dư luận những chi tiết họ biết về chương trình sản xuất vũ khí hủy diệt của Iran. Tuy chính phủ Iran đã ký công ước cấm vũ khí hóa học (chưa phê chuẩn), nhưng theo tin tức của BND thì Teheran vẫn bí mật theo đuổi chương trình sản xuất loại vũ khí này. Về việc này BND đã thường xuyên báo cáo với Thủ tướng và Bộ ngoại giao.

Ngày nay Nga và Mỹ có vệ tinh chụp ảnh với độ phân giải là 30 cm. Theo người ta nói thì những bức ảnh có chất lượng như vậy người Mỹ không cung cấp cho BND - một đồng minh rất gần gũi của họ. Theo quan điểm của NSA và CIA thì BND chỉ cần ảnh vệ tinh với độ phân giải khoảng 10 mét là đủ. Với loại ảnh đó thì người ta thậm chí không thể phân biệt được xe tăng và xe ô tô. Chính vì vậy mà BND ngày càng mua nhiều hơn ảnh vệ tinh trên thị trường dân sự của người Nga. Từ giữa năm 1996 đại diện của BND ở Oasinhton tiến hành đàm phán với người Mỹ để nhận được ảnh vệ tinh có độ phân giải 1 mét. Đến nay vẫn chưa có kết quả.

Thiên nhiên đã đặt ra những giới hạn cho sự phát triển của kỹ thuật. Theo nhận thức hiện nay của các nhà khoa học thì xét về khía cạnh vật lý học không bao giờ có thể chụp được ảnh vệ tinh có độ phân giải cao hơn 20 cm. Vì thế việc người Mỹ tuyên truyền là từ vũ trụ có thể nhận

ra biển số của một chiếc xe ô tô hoặc thậm chí cả những dòng chữ in trên một lon nước ngọt chỉ là điều bịa đặt. Trên thực tế những loại chuyện thần thoại như vậy lại hay được công luận tin. Với những vệ tinh tốt nhất người ta có thể phân biệt được xe tăng với ô tô và với độ phân giải cao nhất may ra nhận biết được xe tăng đó của nước nào. Nhưng đó cũng đã là giới hạn rồi. Cuộc chiến tranh Cô-oét cho chúng ta thấy một ví dụ điển hình. Quân đồng minh cho 12 vệ tinh quân sự tốt nhất của họ vào quỹ đạo hoạt động. Tuy nhiên cuốn sách giới thiệu về hoạt động gián điệp do thám của Anh thì viết như sau: “Tuy vệ tinh nhận thấy sự di chuyển hàng loạt của binh lính và xe bọc thép, nhưng qua vệ tinh người ta đã không thể xác định được phiên hiệu các đơn vị, không phỏng đoán được số lượng binh lính và cũng không thể nhận xét được gì về tinh thần binh lính”.

Nhưng về mặt kỹ thuật thì có thể dùng vệ tinh nghe trộm các cuộc trao đổi bằng đường vô tuyến như điện thoại di động hoặc điện thoại đã chiến chẳng hạn. Theo BND thì cơ quan tình báo kỹ thuật của Mỹ duy trì trên không trung nhiều ăngten parabol có đường kính hàng trăm mét (tương ứng với một sân bóng đá). Vì BND không thể thực hiện được thứ kỹ thuật tốn kém này, nên họ nghe trộm các cuộc thoại trên mạng di động bằng phương pháp vi ba định hướng.

Một nhiệm vụ quan trọng của công tác tình báo vệ tinh là kịp thời cảnh báo. Bằng cách đó người muốn xác minh thu được thông tin về giai đoạn xuất phát và đích của tên lửa được phóng đi, hoặc những vụ thử hạt nhân trên mặt đất. Tuy nhiên hệ thống vệ tinh như vậy vẫn hay trục trặc. Ví dụ như năm 1994 Irắc vẫn thành công trong việc giữ bí mật 6 lần phóng thử tên lửa, cho dù bị vệ tinh giám sát từ trên không và các thanh tra UNSCOM theo dõi dưới mặt đất. Mãi đến khi phía Irắc trao cho các quan chức Liên hợp quốc một băng video quay vụ phóng tên lửa này thì New York mới biết là cần phải nâng cấp hệ thống vệ tinh canh phòng ở khu vực này. Không như ở Đức, ở Mỹ người ta còn có thể nhận được những vệ tinh khí tượng của quân đội đã qua sử dụng. Những vệ tinh này, cùng với những vệ tinh có chức năng trắc địa bản đồ, cung cấp những dữ liệu quan trọng về tọa độ của tên lửa. Cho đến nay chúng ta chỉ thấy “vệ tinh sát thủ” trong các bộ phim khoa học viễn tưởng chuyên tiêu diệt các vệ tinh đối phương. Tuy nhiên ngay từ thập kỷ 70 Liên Xô đã sản xuất được một vệ tinh sát thủ như vậy có khả năng từ khoảng cách 1 km phá hủy vệ tinh đối phương.

Báo cáo của cơ quan tình báo đến tay các cấp trong chính phủ như thế nào

Ông Thủ tướng Liên bang sẽ bị quá sức nếu

phải đọc dù chỉ là một phần rất nhỏ các văn bản báo cáo được gửi đi từ Pullach. Vì thế gần như toàn bộ số báo cáo của BND chỉ được gửi đến cấp vụ. Lãnh đạo cấp vụ của các bộ đọc và so sánh với các báo cáo của Bộ ngoại giao và các cơ quan khác để lập báo cáo riêng trình bộ trưởng của họ. Vì thế cũng dễ hiểu rằng, các bộ trưởng Đức không thể biết được thông tin riêng rẽ nào có gốc gác từ BND. Thủ tướng chỉ được báo cáo miêng những tin tức tình báo mới nhất (mà cũng chỉ trong những trường hợp đặc biệt cần thiết). Cũng như các Bộ trưởng và Tổng thống, Thủ tướng cũng không biết được trong số những thông tin ông nhận được thông tin nào do một điệp viên Đức cung cấp. Có lẽ Đức là quốc gia duy nhất trên thế giới, mà ban lãnh đạo không được cơ quan tình báo đối ngoại báo cáo trực tiếp.

Ở Anh chẳng hạn, Thủ tướng và các thành viên nội các nhận được những bản báo cáo riêng của các cơ quan tình báo. Ở đó các thành viên của ban lãnh đạo được báo cáo liên tục và cụ thể các tin tức tình báo. Hàng ngày ủy ban điều phối công tác tình báo (JIC) lập một bản báo cáo, sao ra 150 bản, buộc bằng dây đỏ và gửi đến những nhân vật theo một danh sách chọn lọc từ trước. Tất cả các Bộ trưởng và Nữ hoàng nhận trực tiếp bản báo cáo này. Sau khi dùng xong các bản báo cáo này được gửi trả về JIC để hủy. Người ta đồn

rằng, vì rất chăm đọc báo cáo tình báo nên Nữ hoàng nắm sát nguyên nhân sâu xa gây ra những sự kiện trên thế giới hơn tất cả các bộ trưởng. Ở Anh, hoàng tộc không nằm trong tầm theo dõi của các cơ quan tình báo. Chỉ khi nào thành viên Hoàng tộc ra nước ngoài thì các điệp viên mới bí mật bám gót để bảo vệ họ.

Ở Đức thì báo cáo của BND chỉ là “tài liệu thô” phục vụ cho quan chức cấp vụ lập báo cáo riêng của họ. Không những chỉ Thủ tướng Helmut Kohl, mà cả những người tiền nhiệm của ông thông thường không bao giờ tham dự cuộc họp “giao ban” vào thứ ba hàng tuần ở Phủ thủ tướng của ba cơ quan tình báo Đức (tình báo đối ngoại BND, bảo vệ hiến pháp Liên bang BFV và an ninh quân đội MAD). Đã từ lâu người ta phê phán ông Kohl là như vậy đã xúc phạm đến BND. Tuy nhiên một quan chức Phủ thủ tướng lại nói: “Việc của Thủ tướng không phải là quan tâm đến từng bí mật. Thông thường khi được báo cáo thì Thủ tướng cũng như các Bộ trưởng đều không biết thông tin nào đến từ BND”.

Chắc chắn một trong những nguyên nhân dẫn đến sự “thâm hụt” về thông tin này của giới lãnh đạo là trung tâm BND nằm xa Phủ thủ tướng và văn phòng các Bộ. Mùa thu năm 1996 khi biết tin cơ quan tình báo Pháp - đã từ lâu nằm ngay gần văn phòng Thủ tướng Pháp - phải

chuyển ra một khu ngoại ô cách xa tới 12 km, thì thủ trưởng cơ quan này đã phải thốt lên: “Không thể thế được. Địa điểm này cách xa văn phòng chính phủ quá” và thẳng thừng từ chối văn phòng làm việc mới. Nếu so sánh thì khoảng cách giữa trụ sở BND với chính phủ ở Bonn là 700 km.

Cho dù cố gắng đến đâu nhưng BND vẫn không tránh được tình trạng các báo cáo không được đọc và bị quẳng vào két sắt. Một trong những ví dụ không lấy gì làm đẹp mắt cho lắm là vụ Liby lần đầu tiên cho xây dựng nhà máy sản xuất hơi độc Rabta. Tuy BND đã báo cáo với Phủ thủ tướng và Bộ ngoại giao từ ngày 5 tháng 12 năm 1984 những dấu hiệu về việc Liby xây dựng nhà máy khí độc, nhưng đến khi tờ “New York Times” trong số ra ngày 1 tháng 1 năm 1989 lần đầu tiên đưa tin về mối quan hệ của công ty hóa chất Đức Imhausen với Liby thì ở Bonn người ta tuyên bố rằng, mãi đến khi sang thăm Mỹ ngày 15 tháng 1 năm 1988 ông Kohl mới được người Mỹ thông báo về vụ xây dựng nhà máy khí độc. Vụ này không khó xử đối với BND, nhưng lại khó xử đối với những trợ lý của Thủ tướng đã không kịp thời báo cáo những thông tin của BND lên Thủ tướng. Như vậy bản báo cáo đầu tiên của BND về nhà máy sản xuất khí độc Rabta đã nằm “lưu kho” trong một két sắt ở Bonn! Mỗi khi các quan chức Phủ thủ tướng cố gắng lục lại hồ sơ thì “trí nhớ” của các chính khách ở Bonn lại được cải

thiện. Từ năm 1985 BND đã đưa nhà doanh nghiệp Jurgen Hippenstiel-Imhausen và những vụ làm ăn của ông ta vào kính ngắm. Trong bản báo cáo ngày 22 tháng 6 năm 1987 của BND trình lên Phủ thủ tướng có đoạn viết: "Theo tin tức của một cơ quan đối tác thì nhà máy sản xuất khí độc ở Rabta sắp sửa hoàn thành. Khả năng sản xuất của nhà máy này được ước đoán là khoảng 1 đến 3 tấn Xarin mỗi ngày". Qua phân tích ảnh vệ tinh BND đã khẳng định tin này. Tháng 2 năm 1988 đại sứ Đức ở Liby báo về: "Những người Đức môi giới và cả công ty Đức" tham gia vào việc xây dựng nhà máy này. Theo đó thì Phủ thủ tướng và Bộ ngoại giao đã biết tất cả, nhưng không hành động gì. Từ tháng 3 năm 1988 trở đi hàng tuần những tin tức mới nhất về Rabta đã được gửi đến Bonn. Tuy nhiên mọi thông tin này đã bị chìm đi trong cái cối xay khổng lồ của bộ máy hành chính quan liêu Đức. Đến khi tờ "New York Times" cho đăng tin về sự liên quan của doanh nghiệp Đức trong vụ này thì nước Đức đã trở thành trung tâm chú ý của dư luận thế giới. Mãi đến nhiều năm sau và 8 tháng trời sau khi trao đổi thông tin với CIA thì các nhân viên điều tra mới tới khám xét công ty hóa chất Imhausen bên bờ sông Lahr. Trong vụ này Thủ tướng đã không đứng ra bảo vệ BND trước những đợt công kích của dư luận về vai trò của cơ quan tình báo đối ngoại Đức xảy ra sau đó. Ông đã để mặc cho BND chịu ướt dưới mưa! Cho đến

nay quan chức, nhân viên ở Pullach chưa quên thái độ hồi đó của Thủ tướng Đức.

CỤC IV - BỘ PHẬN HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

Trong cơ cấu cơ quan thì bộ phận hành chính được gọi là Cục IV có 750 cán bộ, nhân viên, bao gồm nhân viên văn phòng, thợ sửa chữa, y tế, một người đặc trách về vấn đề môi trường, lưu trữ và người làm vườn. Cục này cũng nhận được một nhiệm vụ không lấy gì làm dễ chịu cho lắm là giải thích cho các điệp viên Đức hiểu thế nào là một nhà nước đang “giảm chi” và giảm biên chế của cơ quan xuống còn khoảng 6.000 người. Người ta cũng đã biết được rằng, đến năm 2000 thì tổng số quan chức, nhân viên của cơ quan sẽ bị rút xuống còn bao nhiêu. Riêng Cục IV thì sẽ phải giảm biên chế từ 750 xuống còn 610 người vào năm 2000. “Nạn nhân” đầu tiên sẽ là phòng quản lý xây dựng. Công việc mà phòng này vốn dĩ vẫn làm sẽ được chuyển giao cho cơ quan quản lý xây dựng của bang Baravia. Ở Pullach người ta nhìn nhận sự thay đổi này với nhiều nỗi lo ngại. Nếu “nhà thần chính” - trong trường hợp này là cơ quan quản lý xây dựng của bang - lại ủy thác cho một nhà thầu phụ khác từ phía Đông sang sửa chữa, xây dựng trong khu vực trụ sở BND thì các chuyên gia phụ trách Cục bảo vệ sợ nhất là gặp phải thứ “xi măng được pha

trộn theo mác Trung Quốc!” - có nghĩa là cứ mỗi túi xi măng có 5 chú rệp ở trong!

Công việc của xưởng cơ khí đã được chuyển giao doanh nghiệp tư nhân. Đã không gặp khó khăn gì trong công tác bảo dưỡng xe ô tô công của cơ quan. Kể cả các xe ô tô bọc thép của Giám đốc BND và các Phó Giám đốc cũng được bảo dưỡng ở ngoài cơ quan. Cũng đã trả lời được câu hỏi, ai là người sẽ sửa chữa những chiếc xe đặc chủng của điệp viên được trang bị kỹ thuật tinh xảo, tốn kém từ bánh xe đến mũi xe. Các camera và micrôphôn cơ động gắn ở badôxốc xe cũng như những ngăn cất giấu bí mật trong xe để giúp chủ nhân dễ dàng vượt qua biên giới đều được coi là những thành phần kết cấu xe do cơ quan tự thiết kế và có tác dụng bảo vệ người sử dụng xe. Cho nên điều dễ hiểu là những thiết bị đặc chủng này đều được tháo ra trước mỗi khi xe phải vào xưởng. Ở Pullach không có loại biển kiểm soát xe được điều khiển từ xa để thay đổi biển số như trong phim điệp viên 007. Người ta nói rằng thử nghiệm đã cho thấy biển số xe bằng nam châm phù hợp hơn so với loại của tài tử 007.

Cục hành chính cũng giám sát ngân sách bảo hiểm y tế của toàn cơ quan. Không ai hiểu vì sao ngân sách y tế của BND lại nằm trong hệ thống ngân sách bảo hiểm y tế của Bộ giao thông Liên bang. Vì lý do kinh phí người ta đang cân nhắc ủy thác bảo hiểm y tế của các điệp viên Đức nằm vùng ở nước ngoài cho hãng bảo hiểm tư

nhân, như trường hợp đối với xe ô tô công. Nhưng nếu thế điều gì sẽ xảy ra, nếu một điệp ngầm của đối phương được cài vào hăng tư nhân đó và “hút” được số liệu về điệp viên của chúng ta.

Bộ phận tiêu tốn nhiều nhân lực nhất của Cục hành chính là phòng vận chuyển văn thư. Khoảng hơn 100 nhân viên phải bảo đảm liên lạc văn thư với hơn 80 chi nhánh của BND ở nước ngoài và nhiều chi nhánh khác ở trong nước. Cho đến nay thì BND cùng dùng chung mạng lưới túi thư với Bộ ngoại giao. Ví dụ như thứ năm hàng tuần một nhân viên túi thư của Bộ ngoại giao bay từ Teheran (chi nhánh của BND ở đây tạm thời đóng cửa từ tháng 3 năm 1996) qua Frankfurt đến Bonn và chuyển túi thư được gắn xi gửi cho BND đến chi nhánh của BND tại Bonn.

Cục hành chính là bộ phận hay va chạm nhất với những từ ngữ kỳ lạ diễn đạt những quy định bảo mật. Về nguyên tắc tất cả những gì được viết ra dưới bất cứ hình thức nào trong cơ quan BND và trong giờ làm việc đều được bảo mật và được ghi chú “mật, chỉ sử dụng cho công vụ” hoặc “mật, chỉ sử dụng nội bộ”, thậm chí “tối mật”. Khi bộ phận báo chí của BND nhận được những bản tin của báo chí hoặc các hãng thông tấn xã thì các bản tin ấy được đánh dấu để chia cho các bộ phận chức năng khác trong cơ quan. Chậm nhất là đến giai đoạn này các bản tin có thể mua tự do bên ngoài hàng rào trung tâm

BND sẽ trở thành tài liệu “mật”. Một nhà báo khi đến thăm BND lại dám đọc một bản tin của hãng thông tấn xã Đức DPA gửi bằng đường Telex đến thì sẽ gặp rắc rối, mặc dù đồng thời trong giây phút đó bản tin này của DPA được gửi đi khắp nơi trên thế giới và được phát trên sóng phát thanh. Ngay cả những quy định mang tính chất hành chính ví dụ như làm vệ sinh xe ô tô công và rèm cửa cũng được coi là “mật”. Ngày nay người ta không thể hiểu được những quy định bảo mật ấy nữa. Có những quan chức của BND đã trở nên “nghiện” những chuyện vặt vãnh không quan trọng ấy.

Cách đây ít năm tác phong phục tùng mệnh lệnh đến thành thực của nhân viên BND đã dẫn đến một câu chuyện nực cười sau đây: Một nhân viên bí mật soạn ra một chỉ thị quy định tất cả điệp viên khi đi lại trong lãnh địa BND không được phép ngửa mặt lên trời, nếu không các vệ tinh đối phương sẽ chụp được ảnh khuôn mặt và vì thế có thể lật tẩy được họ. Không biết được là bao nhiêu nhân viên BND đã ngỡ ngạch tin vào trò đùa cợt này. Tuy rằng ngay cả những vệ tinh siêu việt nhất hiện nay cũng chưa thể nhận dạng được mặt người vì độ phân giải còn hạn chế của nó, nhưng cũng phải mất khá nhiều thời gian những người sống trong một môi trường “bề quan, tỏa cảng” như ở BND mới hiểu được điều đó. Có lẽ mỗi lo lắng lớn nhất sẽ còn theo đuổi Cục hành chính trong một thời gian dài là chủ

trường giảm biên chế. Sau khi bức tường ngăn cách Đông-Tây bị dỡ bỏ thì 40% số nhân viên đã bị xếp đi làm việc khác. Những kỹ thuật viên trước kia chuyên nghe trộm điện thoại qua lại hai bên đường biên giới Cộng hoà dân chủ Đức và Cộng hoà Liên bang Đức thì “thất nghiệp” ngay lập tức, tuy rằng người ta không thể sa thải họ được. Theo một nhân viên BND thì số nhân viên này chỉ biết tiếng Đức và tiếng địa phương vùng Xắc-xông! Ngoại trừ cơ quan tình báo đối ngoại DGSE của Pháp mới tuyển thêm 1000 nhân viên cho hoạt động tình báo công nghiệp ra, còn các cơ quan tình báo phương Tây khác đều có cùng một khó khăn như BND. Ngay CIA cũng phải thải hồi hàng ngàn nhân viên. Ở London bảng lương của MI-6 cũng bị rút ngắn đi.

Chỉ riêng trong bộ phận tổng đài điện thoại của BND thôi thì sau khi đưa một thiết bị tổng đài mới vào hoạt động từ tháng 12 năm 1996 đã có 15 nhân viên bị “thất nghiệp”. Tuy nhiên người ta không thể sa thải những người mang trong mình nhiều điều bí mật này được.

Trong những thập kỷ trước thì rất khó khăn, nhưng ngày nay BND có thể dễ dàng tuyển chuyên gia từ thị trường tự do vào làm cho BND. Tuy mức lương khởi điểm 1800 mác không phải là hấp dẫn và ngay lương tháng của Tổng giám đốc BND cũng chỉ ở mức 15.000 mác, vẫn có nhiều ứng cử viên hơn trước kia. Đầu năm 1997, BND nhận được đơn xin việc của 1.300 người cho

15 chỉ tiêu biên chế cán bộ trung cấp. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh người ta thường dùng những tổ chức giả danh để chiêu nạp cộng tác viên, ví dụ như “Tổ chức nghiên cứu các vấn đề thời đại” có trụ sở tại quận Bad Godesberg ở Bonn. Tổ chức này tiến hành những hội thảo cho sinh viên.

Qua những cuộc hội thảo kéo dài từ 2 - 3 tuần về đề tài “Quan hệ Đông-Tây” người ta tìm hiểu được quan điểm chính trị của từng sinh viên. Những điều kiện hấp dẫn như 20 mác tiền tiêu vặt mỗi ngày, ăn ngủ miễn phí trong một khách sạn, được thanh toán tiền tàu xe và quà tặng sách báo, đã thu hút hàng trăm sinh viên tham dự những hội thảo như vậy trong kỳ nghỉ hè hoặc nghỉ đông. Chỉ những ai tham gia tất cả các cửa học và có quan điểm thích hợp với nghề gián điệp thì mới được mời lên tầng hai trụ sở của tổ chức này. Tại đây người ta dẫn ứng cử viên đến trước một giá sách đựng toàn sách về thế giới tình báo và yêu cầu họ đọc để “tìm hiểu về lĩnh vực này”. Người ta không biết được có bao nhiêu sinh viên như vậy đã được BND vào hồ sơ và có lẽ vẫn được coi là những “điệp viên tiềm ẩn” để khi cần BND có thể tiếp xúc trở lại và sử dụng được.

Chuẩn bị chuyển cơ quan về Berlin

Vì chính phủ Liên bang sẽ chuyển về Berlin nên thời gian qua vai trò của bộ phận liên quan

trực thuộc Cục hành chính đã nên trở quan trọng hơn. Cho dù các cơ quan của chính phủ sẽ chuyển đi, nhưng vì lý do “kinh phí” nên BND sẽ vẫn ở lại Pullach đến năm 2005. Tuy nhiên Cục hành chính cũng đã chuẩn bị phương án cho việc chuyển toàn bộ 3.500 quan chức, nhân viên BND đến Berlin. Một cuộc di chuyển toàn bộ như vậy tiêu tốn khoảng 400 đến 500 triệu mác. Tuy nhiên ở Pullach người ta cũng ý thức được là ngân sách Liên bang trong tương lai gần sẽ không có tiền để thực hiện cuộc di chuyển to lớn này, vì thế người ta phải tự tích góp dần kinh phí di chuyển từ tổng ngân sách hoạt động 700 triệu mác nhà nước chi cho BND. Thậm chí có nhân viên BND còn đề xuất sáng kiến mở một kiốt bán hàng lưu niệm trước cổng vào trung tâm và tin rằng những thứ hàng linh tinh như mũ, cốc- biểu tượng hoặc những dòng chữ về BND và hoạt động của nó sẽ được bán rất chạy, nhất là cho những ai tò mò và lại chưa biết gì về cơ quan tình báo đối ngoại của Đức. Số lời lãi thu được từ loại hình hoạt động mới này sẽ được bổ sung vào kinh phí di chuyển cơ quan. Tuy nhiên cũng như tất cả các cơ quan nhà nước khác, BND không được phép tiến hành kinh doanh kiếm lời.

Theo chỉ thị thì trong năm 2000 phải chuyển 55 người của Cục III (đánh giá thông tin) đến Berlin. Vì ở địa điểm mới cũng cần phải có một trung tâm in ấn, nên một số kỹ thuật viên của Cục VI cũng phải đi Berlin. Còn

theo những người lập kế hoạch di chuyển thì cho tới khi chuyển xong toàn bộ cơ quan về Berlin, Tổng giám đốc BND phải có hai phòng làm việc chính thức: một ở Berlin và một ở Pullach. Đối với Tổng giám đốc việc di chuyển sẽ đơn giản hơn, vì ông vốn dĩ vẫn có một phòng làm việc nằm trong chi nhánh của BND với 25 quan chức, nhân viên ở Berlin. Tại thủ đô trụ sở BND phải được bố trí gần với “khách hàng” - Thủ tướng và các bộ - hơn. Trước mắt đến năm 2000 phải chuyển khoảng 1.000 quan chức, nhân viên thuộc các bộ phận đánh giá thông tin, tình báo kỹ thuật, vận chuyển văn thư và thư ký đến chi nhánh của BND ở khu Dahlem thuộc Berlin. Theo những người đương nhiệm Pullach thì đến năm 2015 sẽ không còn một dấu vết nào của cơ quan BND ở đây nữa.

CỤC V - CỤC BẢO VỆ

Theo luật quy định về hoạt động của BND thì cơ quan tình báo đối ngoại Đức phải tự chịu trách nhiệm bảo vệ mình. Cục V - Cục Bảo vệ có tất cả 330 cán bộ, nhân viên, trong đó 80 người chuyên làm nhiệm vụ canh gác. Không chỉ riêng Cục trưởng phải thường xuyên đối đầu với câu hỏi, liệu sau khi bức tường ngăn cách Đông-Tây sụp đổ thì BND còn bị đe dọa nữa không? Nhưng các điệp viên Đức cho rằng, ngày nay họ bị đe

dọa nhiều hơn bao giờ hết. Trong các cuộc trao đổi họ nói rằng, hiện nay cơ quan tình báo vẫn tiếp tục tìm cách khuyến khích công dân nước khác bán bí mật quốc gia. Nhưng ngày nay không chỉ các quốc gia “nằm trong sổ đen của BND” mà cả những kẻ giết dây giới tội phạm có tổ chức cũng thực hiện các biện pháp ngăn chặn đối với BND. Rõ ràng là ở Pullach người ta cho rằng bản thân BND cũng là một nạn nhân bị các loại đối phương do thám. Phó cục trưởng Cục bảo vệ cho biết: “Đối phương của chúng tôi là Nga, Cộng đồng các quốc gia độc lập, Angiêri, Liby và các giới tội phạm có tổ chức. Nhất là người Nga vẫn rất có hiệu quả trong công tác ngăn chặn của họ. Người Nga vẫn tiếp tục tìm cách cài người vào BND và Cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang”.

Ngày nay có lẽ những nguyên nhân làm cho con người phản bội mang tính vật chất nhiều hơn là tính lý tưởng. Một nguyên nhân khác làm cho người ta làm việc cho cơ quan tình báo đối phương là sự chán nản. Có lẽ chính vì vậy mà ông Geiger, tổng giám đốc BND, đã muốn trước tiên phải nâng cao ý thức của nhân viên thuộc cấp. Có lẽ ông nhớ tới vụ một nhân viên BND sau những biến động ở châu Âu đã chỉ vì chán chường mà trở thành một nguồn cung cấp thông tin cho cơ quan tình báo Ba Lan. Người Ba Lan

đã hầu như không phải trả xu nào cho vụ phản bội này.

Dưới con mắt của những người làm công tác bảo vệ trong cơ quan tình báo thì sau khi bức tường ngăn cách Đông-Tây sụp đổ, những nguy cơ đe dọa cơ quan họ đã thay đổi về cơ bản. Nếu trước kia chỉ duy nhất các cơ quan tình báo phía Đông là đối thủ của họ, thì nay họ vấp phải mạng lưới ngăn chặn hầu như không thể thấu suốt được của giới tội phạm có tổ chức, buôn lậu vũ khí và nguyên liệu hạt nhân. Thay thế vào một loại đối thủ trước kia thì nay họ có nhiều đối thủ khác nhau. Tuy nhiên người ta ý thức chắc chắn được rằng, ngày nay không có một cơ quan tình báo nào đối với BND nguy hiểm bằng cơ quan An ninh quốc gia của Cộng hoà dân chủ Đức trước kia, cả về mặt chất lượng lẫn số lượng.

Công tác chọn người được tiến hành như thế nào? Theo “Luật thẩm tra an ninh” thì mỗi một nhân viên trước khi được tuyển vào làm việc đều được soi xét kỹ lưỡng mọi yếu điểm mang tính chất an ninh. Người ta thu thập những thông tin này không những từ chính những người cùng tham gia thi chọn, mà còn từ các cơ quan nhà nước khác. Nguyên tắc là: “Về cơ bản chúng tôi sẽ không tuyển những người mà chúng tôi nhận thấy có những mạo hiểm nhất định về mặt an ninh trên khía cạnh chuyên môn hoặc bản tính

con người". Ví dụ như trước đây thì đồng tính luyến ái được coi là nguyên nhân tuyệt đối để không được tuyển chọn. Người ta cho rằng, người đồng tính luyến ái dễ bị gây sức ép hơn. Ngày nay thì không ai biết có bao nhiêu người đồng tính luyến ái đang làm việc cho BND, nhưng có lẽ đồng tính luyến ái ngày nay không còn là một nguyên nhân ngăn cản việc được tuyển vào làm cho BND nữa. Duy chỉ có bộ phận tuyển mộ nguồn của Cục tình báo tác chiến (Cục I) vẫn coi người đồng tính luyến ái là những người vô tác dụng mà thôi.

Cứ 10 năm một lần phạm vi quan hệ cá nhân của các nhân viên BND phải trải qua một cuộc thẩm tra. Bên cạnh đó 5 năm một lần hồ sơ của từng người bị kiểm tra, mà trong đó các yếu tố cá nhân rất được chú ý như các vấn đề tâm lý, có nghiện rượu bia không, hoặc có nợ nần gì không. Việc một nhân viên BND cưới một phụ nữ nước ngoài cũng được coi là một yếu tố mạo hiểm đối với nghề nghiệp. Nhân viên BND cần tránh quan hệ cá nhân với công dân của các nước như Iran, Nga, Ba Lan, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Liby, Irắc, Trung Quốc hay Ucraina. Năm 1997 trong số 6.000 nhân viên cơ quan tình báo Đức 10 người không có chứng chỉ về độ an toàn. Có nghĩa là họ đã bị tước chứng nhận này. Hiện nay những người đó chỉ còn có thể làm những công

việc hành chính đơn giản. Tất cả các nhân viên đều có thể bị cấm đến những nước mà người ta cho rằng ở đó tiềm ẩn những yếu tố mạo hiểm.

Đã từ lâu rồi người ta theo dõi một cách đầy hứng thú Cộng hoà Hồi giáo Iran tìm cách cài người vào BND. Luôn có những người hoặc cha, hoặc mẹ là người Iran đến xin làm cộng tác viên cho BND. Tất nhiên nếu chỉ vì vậy thì đây không phải là nguyên nhân ngăn cản việc tuyển mộ. Nhưng nếu ngay từ buổi tiếp xúc đầu tiên đối tượng đã muốn có ngay những tài liệu bí mật rồi thì không cần phải tiếp xúc tiếp nữa.

Về cơ bản thì Cục bảo vệ tìm mọi cách “che chắn” cơ quan tình báo sao cho trong trường hợp đối phương cấy được người vào BND thì thiệt hại là ở mức nhỏ nhất. Cho đến thập kỷ 60 người ta vẫn làm việc theo một hệ thống được gọi là “nguyên tắc che chắn”. Mỗi người chỉ nên biết những gì bắt buộc cần thiết cho công việc trực tiếp của người đó mà thôi. Ngày nay yêu cầu công khai hoá hoạt động của cơ quan tình báo đối ngược lại với nguyên tắc nêu trên. Ví dụ như Cục III (Cục đánh giá thông tin) đã thay thế nguyên tắc che chắn bằng nguyên tắc “Đánh giá phối thuộc”. Có nghĩa là ngày nay các nhân viên đánh giá thông tin chỉ có nghĩa vụ che chắn đối với Cục tình báo tác chiến (Cục I) và nguồn của cục này mà thôi. Nhân viên đánh giá không cần phải

biết ví dụ như là một thông tin nhất định nào đó do ai cung cấp, để nguồn không bị lộ. Ngày nay một điệp viên của đối phương cài trong Cục III của BND có thể biết được vị trí một nguồn nào đó của BND, ví dụ ở Bộ ngoại giao Nga chẳng hạn, nhưng không thể biết được nguồn đó là ai.

Mật danh và những lý lịch giả

Từ khi yêu cầu của dư luận đòi công khai hơn hoạt động của cơ quan tình báo ngày càng gây được tác dụng đối với ủy ban kiểm tra của Quốc hội và Chính phủ Liên bang thì nhân viên BND không sao có thể hiểu nổi, tại sao họ vẫn phải tiếp tục che chắn ngay trong chính nội bộ của mình. Cục bảo vệ vẫn tiếp tục để ý đến việc ví dụ như làm sao để nhân viên Cục I và nhân viên Cục II không trao đổi với nhau về công việc của họ. Trước đây thậm chí nhân viên hai Cục này còn không được quan hệ với nhau. Việc này nay tuy đã được thay đổi, nhưng những quan hệ đó vẫn phải được báo cáo lên Cục bảo vệ.

Cơ quan tình báo càng rõ ràng hơn, thông suốt hơn bao nhiêu trước dư luận thì nguy cơ bị phản bội cũng lớn hơn bấy nhiêu. Vì vậy tất cả các Cục trong BND đều tranh luận theo hướng trái ngược nhau về đề tài mật danh và lý lịch giả. Những cơ quan tình báo khác như CIA hoặc SIS (của người Anh) chẳng hạn chỉ sử dụng mật

danh trong thời gian thực hiện một chiến dịch. Theo một nhân viên BND thì: “Đa số các cơ quan tình báo không có mật danh lâu dài cho nhân viên của mình”. Theo quan điểm hiện nay của Cục bảo vệ thì: “Nếu bỏ hoàn toàn mật danh thì chúng ta sẽ làm cho những đối phương tiềm tàng dễ phát hiện ra chúng ta hơn. Và như vậy thì tên thật của tất cả các nhân viên sẽ đều được nêu trong danh mục điện thoại nội bộ của BND hoặc trong danh sách nhân sự, kèm theo lĩnh vực công tác của từng người. Khi đó chỉ cần gõ quyển danh bạ điện thoại của vùng Pullach là đối phương có thể nhanh chóng tìm ra địa chỉ của một nhân viên BND và cử người theo dõi anh ta”.

Tại tất cả các chi nhánh của Cục tình báo kỹ thuật (Cục II) và Cục hậu cần kỹ thuật (Cục IV) quy định về mật danh đã bị bãi bỏ năm 1996. Ngày nay Cục trưởng và Phó Cục trưởng cũng không phải dùng mật danh nữa. Người ta đang cân nhắc để cho nhân viên các cục làm việc dưới tên thật của mình. Tất cả các thủ trưởng của BND kể từ khi Kinkel lên nắm quyền năm 1979 đều đã ủng hộ dự kiến bỏ quy định dùng mật danh trong hai tuần lễ đầu tiên. Tuy nhiên càng nắm quyền lâu hơn họ lại càng tin vào ý nghĩa của quy định này. Người ta cũng xử lý như vậy đối với những lý lịch giả do Cục bảo vệ lập nên. Nhiều nhân viên BND cảm thấy an toàn hơn dưới một mật danh và lý lịch giả. Ví dụ như

trong Cục bảo vệ một nhân viên chỉ làm duy nhất một việc là tạo nên những lý lịch giả cho các điệp viên chuyên trách. Lý lịch giả có nhiệm vụ làm sao cho người ngoại đạo ngay từ lần tiếp xúc đầu tiên không thể biết được người tiếp chuyện mình làm việc cho ai. Loại lý lịch giả hay được ưu chuộng nhất là lý lịch nhân viên cơ quan quản lý tài sản Liên bang, sở tài chính, hoặc làm việc tại một công ty “ma” của BND, như công ty Alcon chẳng hạn. Trên thực tế khi nhân viên BND ngủ đêm tại khách sạn “Limmerhof” thì họ sẽ đăng ký là nhân viên của công ty Alcon. Tất nhiên nhân viên khách sạn cũng biết Alcon thực chất là ai, nhưng họ không phổ biến điều đó ra ngoài.

Loại lý lịch giả như trên khác biệt so với lý lịch giả được lập cho nhân viên Cục tình báo tác chiến. Theo lý thuyết thì loại lý lịch này do 10 nhân viên Cục I lập cho từng chiến dịch. Nhưng trên thực tế thì hầu như không một điệp viên Đức nào sử dụng loại lý lịch được sản xuất hàng loạt đó, mà mỗi người tự thuê dệt cho mình một trang sử riêng. Từ năm 1996 người ta đang tranh luận là có nên bỏ quy định phải sử dụng lý lịch giả hay không, tất nhiên ngoại trừ Cục tình báo tác chiến. Nhưng nếu như vậy thì nhân viên Cục III sẽ không bao giờ được chuyển sang Cục I làm công tác tác chiến nữa vì trước đó họ đã được phép công khai việc họ công tác tại BND.

Ngày nay không còn ai bị cấm kể sự thật về

cơ quan của họ với vợ, chồng, người thân nữa. Tuy nhiên 50 - 60% nhân viên BND vẫn kể với những người thân của họ là họ đang làm việc cho cơ quan quản lý tài sản Liên bang! Một nữ nhân viên trẻ tuổi của BND trong buổi đi nháy cuối tuần chắc chắn sẽ gây sự chú ý, nếu cô ta công khai thừa nhận mình làm việc cho BND. Nhưng Cục bảo vệ thì cảnh báo trước những bước đi như vậy: không loại trừ khả năng một thành viên của giới buôn lậu ma túy, hoặc một tổ chức tội phạm, có mặt tại đó sẽ trút căm tức lên đầu người nữ nhân viên BND này. Trong những trường hợp như vậy thì một bản lý lịch giả sẽ tạo cho người ta cảm giác an toàn hơn.

Có lẽ mối lo ngại lớn nhất của Cục bảo vệ là việc phương tiện kỹ thuật ngày càng được sử dụng nhiều hơn để hoạt động do thám. Vì thế BND tiếp tục hợp tác chặt chẽ với một cơ quan khác của Chính phủ Bonn: Cơ quan an toàn trong lĩnh vực kỹ thuật thông tin (BSI). Cơ quan có cái tên gọi phiền phức này được tách ra năm 1989 từ một cơ quan của BND mang tên "Trung tâm mật mã" và nay chuyên giúp đỡ tư nhân cũng như cơ quan nhà nước trong lĩnh vực an toàn tin học.

CỤC HẬU CẦN KỸ THUẬT - CỤC VI

Cục hậu cần kỹ thuật là lò phát minh, sáng chế của cơ quan tình báo. Cục này tự cho rằng là

một dạng “công ty dịch vụ” của BND và có tất cả 800 cán bộ, nhân viên. Đến năm 2000 dự kiến số nhân viên sẽ giảm xuống còn 700 người. Trong số 86 cán bộ có trình độ từ đại học trở lên của cục có 20 nhà toán học, 31 kỹ sư điện, 25 nhà khoa học tự nhiên (ví dụ như vật lý), 9 người tốt nghiệp các ngành khác (như chế tạo máy chẳng hạn) và 1 từ quân đội. Với cơ cấu như vậy Cục VI không hề giống như những chuyện giật gân về những lò phát minh, sáng chế bí hiểm, như người ta vẫn thấy trong các phim về điệp viên 007, chuyên sản xuất mực viết bí mật, ô tô bay hoặc vũ khí giấu trong đồng hồ đeo tay.

Phim ảnh và thực tế khác nhau như thế nào người ta có thể thấy được khi đến thăm phòng thí nghiệm của 4 nhà hoá học đang làm việc ở Cục VI. Nơi mà trước kia người ta chế ra những loại mực viết bí mật, thì nay đang tiến hành các phân tích về môi trường. Người ta cũng cần đến các nhà hoá học, khi chỉ cần một lượng mẫu cực kỳ nhỏ bé vẫn phải phát hiện ra ví dụ như một chiếc tàu vượt đại dương chuyên chở gì. Từ nhiều thập kỷ nay các nhà hoá học của Pullach không chế ra những cách viết chữ bí mật nữa, vì cũng như tại các cơ quan tình báo phương Tây khác, phương pháp này đã từ lâu không được sử dụng. Điện tử đã thay thế các phương pháp viết chữ bí mật bằng nước tiểu và nước tro

thường được sử dụng trước kia. Ngày nay mực bí mật chế ra từ nước tẩy cũng chỉ còn được phạm nhân sử dụng trong tù. Trong các nhà tù hỗn hợp nước tẩy là nước vẫn rất hay được dùng để biến một lá thư bình thường gửi cho người thân thành phương tiện cung cấp thông tin: khi nước tẩy khô thì sẽ không còn nhìn thấy các chữ viết nữa. Người nhận chỉ cần nhúng lá thư vào nước là các dòng chữ lại hiện lên. Giám thị các trại giam tất nhiên cũng biết được phương pháp viết trên nilông hay được phạm nhân và bọn khủng bố sử dụng. Người viết thư đặt vào giữa hai tờ giấy một túi nilông. Khi viết lên tờ trên thì đồng thời chữ viết cũng hằn lên tờ thứ hai. Chất làm mềm có trong nilông chứa một hợp chất vô hình sẽ dính lên tờ sau. Bất cứ khi nào muốn đọc lá thư chỉ cần rắc lên tờ giấy thứ hai một ít bột có từ tính (như trong phương pháp lấy dấu vân tay) là các dòng chữ sẽ hiện lên.

Ngày nay steganografie là phương pháp thần kỳ để bí mật truyền thông tin. Steganografie là nghệ thuật giấu thông tin cực kỳ kín đáo trong đĩa mềm, đĩa CD, đĩa catset, sao cho người sử dụng các phương tiện này không hề biết. Các thông tin quan trọng có thể dễ dàng được giấu trong hình ảnh hoặc các đĩa từ âm nhạc. Cho dù tò mò đến đâu thì người ngoại đạo cũng chỉ nghe thấy nhạc hay nhìn thấy một bức

tranh mà thôi. Hiện nay BND đang dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực này. Ví dụ như nhiệm vụ được giao là sửa một bức tranh vẽ một nhà thờ ở Baravia sao cho những thông tin mật được giấu trong tháp chuông nhà thờ. Sau đó bức tranh được truyền đi bằng máy tính hoặc fax. Vấn đề ở đây là phải sửa lại các bit truyền dữ liệu sao cho chỉ khi quan sát tháp chuông dưới một ống kính có độ phân giải cao mới có thể đọc được thông tin viết trong đó. Thêm vào đó thông thường các thông tin này lại còn được mã hoá.

Ngay cả cái gọi là “các công cụ vận chuyển” ngày nay cũng đã thuộc về quá khứ. Trong toàn bộ cơ quan BND chỉ có vắn vắn 2 thợ kỹ thuật thỉnh thoảng lắp ráp các camera cực nhỏ vào trong tuýp thuốc đánh răng hoặc cài vào gím caravat, hoặc tạo những khoảng rỗng dưới đế giày để giấu phim ảnh. Chỉ còn một vài nước sử dụng “công cụ vận chuyển” như trên cho các điệp viên mà thôi, như Iran, Bắc Triều Tiên, hoặc một số nước châu Phi, vì ở đó không có các công cụ vận chuyển khác.

Ngày nay 60% khối lượng công việc của Cục hậu cần kỹ thuật là mảng kỹ thuật tin học (ví dụ như thiết bị steganografie), 30% dành cho công tác hỗ trợ truyền và nhận tin (ví dụ như lắp đặt ăngten cho bộ phận nhận tin) và 10% còn lại là các công việc liên quan đến tranh, ảnh, biểu đồ (ví dụ như kỹ thuật in, tráng, phóng ảnh, lập bản

đồ...). Các “kỹ xảo tình báo” cổ điển như lập hòm thư bí mật trong một chiếc đồng hồ treo tường... chỉ chiếm không đầy 2% khối lượng công việc của Cục. Thậm chí người ta còn cân nhắc sẽ bỏ toàn bộ phần công việc này, vì ngày nay đối với đại đa số các cơ quan tình báo thì các kỹ xảo này chỉ còn mang tính chất hồi tưởng mà thôi. Các tay thợ lành nghề của BND trước kia chuyên chế ra những công cụ vận chuyển tình báo thì nay đành phải làm những công việc không mấy hấp dẫn khác, như chạm, khắc những đồ lưu niệm cho các quan chức cao cấp của BND. Không phải là người ta hoàn toàn không nghĩ đến những công cụ này nữa, nhưng có lẽ không có một công cụ, thiết bị phục vụ cho hoạt động tình báo nào lại không được thị trường tự do sản xuất và chào bán. Chỉ trong những trường hợp ngoại lệ, như thiết bị steganografie, thì BND mới đầu tư toàn bộ cho quá trình tìm kiếm, phát minh, còn không thì họ mua trực tiếp từ các nhà sản xuất.

Với tốc độ 40 mêga/giây thì trung tâm máy tính của bộ phận kỹ thuật cũng không phải là một trung tâm lớn. Các chi nhánh trong nước của BND đều được nối mạng với trung tâm, còn các chi nhánh ở nước ngoài của BND thì không, mà chỉ được nối mạng qua các máy vi tính cá nhân mà thôi. Liên lạc với các chi nhánh quan trọng nhất ở nước ngoài được duy trì, như với Oasinhton bằng vệ tinh, với Brúcxen bằng điện tín. BND không sợ hệ thống liên lạc của mình bị

dò rỉ, vì hệ này hoạt động riêng rẽ, không liên quan gì đến hệ công cộng. Không những thế BND còn không cần phải thiết lập cái gọi là “hàng rào lửa”. Hàng rào lửa chỉ cần thiết đối với những cơ quan, doanh nghiệp sợ người khác thông qua mạng Internet xâm nhập vào ngân hàng dữ liệu của họ mà thôi. Một nhân viên của Cục VI nói rằng: “Ngay cả hàng rào lửa chúng tôi cũng không tin. Khi sử dụng nó cũng phải hết sức thận trọng”. Chúng ta đều biết vụ năm 1996 một chuyên gia phá mã lạ mặt đã thâm nhập vào mạng máy tính của CIA và lưu dòng chữ “*Cục ngu ngốc trung ương*” (một cách diễn giải khác trong tiếng Anh của chữ viết tắt CIA) vào tất cả các máy tính của CIA để trêu chọc cơ quan tình báo khổng lồ này. Chính vì thế mà BND không cho các máy tính nội bộ hoà mạng Internet. Chỉ một số ít máy tính được hoà mạng Internet, nhưng đó là “những điểm chết” - có nghĩa là nếu có thâm nhập được vào thì đối phương cũng không lấy được gì ở những điểm đó. Hoạt động của những kẻ đột nhập (hacker) ngày càng tăng. Theo báo cáo của Bộ quốc phòng Mỹ đệ trình lên Quốc hội, thì “chỉ riêng trong năm 1995 đã có hơn 250.000 cuộc tấn công của “những kẻ đột nhập” vào mạng trao đổi thông tin của Lầu năm góc. Số lượng các cuộc đột nhập có chiều hướng tăng dần. Một cuộc thử nghiệm với những chương trình thông dụng của giới đột nhập cho

thấy khoảng 65% các cuộc đột nhập là thành công!”.

Một nhiệm vụ nữa là Cục VI phải lắp đặt máy tính cho 4.000 cán bộ, nhân viên của BND. Kinh phí năm 1997 cho việc đó là 10 triệu mác. Ngoài ra Cục hậu cần kỹ thuật phải duy trì 250 kênh thông tin, liên lạc với Bộ quốc phòng, Phủ thủ tướng, các chi nhánh trong, ngoài nước của BND, các cơ quan tình báo nước khác và chi nhánh của họ ở Đức, cũng như với một số cộng tác viên của BND. Công ty bưu chính viễn thông Telekom xây dựng cho BND một đường cáp quang 64k để bảo đảm liên lạc giữa Pullach và Bonn. Tin tức được mã hóa ở Pullach và được giải mã ở Bonn. Khó khăn lớn nhất hiện nay của Cục hậu cần kỹ thuật là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ: Cục vừa mới đặt hàng tại một nhà sản xuất xong, ví dụ như thiết bị hoạt động gián điệp chẳng hạn, thì một công ty của nước khác đã cho xuất xưởng ngay một thiết bị để “khắc tinh”.

ỦY BAN KIỂM TRA CỦA QUỐC HỘI PKK

Bộ máy cầm quyền nào cũng đều phải tạo ra cho mình những cơ cấu kiểm tra, giám sát. Vì ở Đức cũng có một cơ cấu như vậy nên cơ quan tình báo đối ngoại của Đức không thể muốn làm gì cũng được. Một uỷ ban PKK của Quốc hội chuyên giám sát hoạt động của BND. Sau khi được thành lập năm 1978 thì có lẽ PKK đã trở thành

ủy ban được chọn lọc nhất trong số các ủy ban của Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức. Các cuộc họp của ủy ban này, về nội dung, địa điểm, thời gian, trước kia đều được giữ bí mật tuyệt đối. Đến nay không khí đã được nói lỏng ra một chút. Ít nhất thì thời gian và địa điểm các cuộc họp không còn là điều bí mật đối với các nhà báo nữa. Thậm chí có vị sau khi dự họp xong còn kêu ca là họ chỉ được thông báo những tin tức đã được công bố trước công luận từ lâu rồi.

Trong điều luật có hiệu lực từ tháng 3 năm 1992 quy định về chức năng của PKK có đoạn như sau: “Về hoạt động của cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang, cơ quan phản gián quân đội và cơ quan tình báo Liên bang thì Chính phủ Liên bang chịu sự giám sát của Ủy ban kiểm tra Quốc hội PKK”. Ủy ban này phải được thông báo đầy đủ về hoạt động chung và về những hoạt động quan trọng của các cơ quan nói trên. Từ khi đạo luật trên ra đời, PKK có khả năng tìm hiểu những kế hoạch kinh tế của các cơ quan tình báo của Chính phủ Liên bang. Có một phần trong đạo luật này cho đến nay vẫn còn được các bên liên quan tranh cãi. Đó là quyền bất khả xâm phạm và quyền miễn trừ đối với các hoạt động tổ tụng của nghị sĩ Quốc hội. Cho đến nay những quyền này chỉ được áp dụng hạn chế trong quan hệ thư tín của nghị sĩ Liên bang và các bang.

PKK có tất cả 9 thành viên được Quốc hội bầu ra. Cho đến tháng 1 năm 1995 PKK chỉ có 8 thành viên là đại diện của các đảng Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo, Liên minh Xã hội Thiên chúa giáo, Dân chủ xã hội và Dân chủ tự do. Ngày 26 tháng 1 năm 1995 lần đầu tiên Quốc hội bầu thêm một đại diện đảng Xanh vào PKK. Và chính vị đại diện đầu tiên của đảng Xanh trong PKK này lại đề nghị giải tán các cơ quan tình báo của Đức!

Cứ mỗi lần xảy ra những vụ trục trặc của BND thì người ta lại hồi hộp chờ đợi bản báo cáo nhận xét, luận tội của PKK. Tuy nhiên chỉ rất ít trường hợp PKK phải chỉ trích BND. Trong tất cả những vụ trục trặc xảy ra trong những năm qua PKK chưa lần nào chứng minh được những sai lầm lớn của BND, cho dù đó là phi vụ cung cấp vũ khí cho Ixrael dưới vỏ bọc “xuất khẩu máy nông nghiệp” hay là những cuộc gặp gỡ giữa người điều phối hoạt động tình báo tại Phủ thủ tướng là Bộ trưởng Quốc vụ Schmidbauer với Bộ trưởng phụ trách công tác tình báo Iran Fallahian. Ai cũng biết sau này đã có lệnh bắt giữ chính Fallahian do công tố viên Liên bang Nehm ký. PKK cho rằng, các cuộc tiếp xúc như vậy “phục vụ cho mục đích nhân đạo và PKK ủng hộ những nỗ lực như vậy của Chính phủ Liên bang!”.

Tất nhiên BND không chỉ chịu sự giám sát của PKK. Tham gia vào công tác giám sát hoạt động của cơ quan tình báo Liên bang còn có các cơ quan khác như cơ quan bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ quan Kiểm toán Liên bang và giới thông tin đại chúng. Tuy nhiên theo hiến pháp thì PKK là cơ quan giám sát cao nhất đối với hoạt động của BND.

NHỮNG VỤ KINH DOANH VŨ KHÍ CỦA BND

Những vụ việc kinh doanh vũ khí của điệp viên Đức trước kia đã chứng tỏ vai trò cần thiết của ủy ban kiểm tra Quốc hội PKK đối với hoạt động của BND. Trong thập kỷ 60 và 70, BND nổi tiếng không những bằng những hoạt động tình báo tác chiến ở phía Đông, mà còn bằng những phi vụ xuất khẩu vũ khí chủ yếu là sang các nước châu Phi và Cận Đông. Để ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô được tạo nên bởi sự trợ giúp hào phóng về quân sự cho các nước đang phát triển, Chính phủ Liên bang đã cung cấp vũ khí cho các nước Ấn Độ, Pakixtan và Iran và Ả rập Xê út thông qua công ty Merex. Khi thực hiện các chiến dịch bí mật và bất hợp pháp này Bộ giao thông Liên bang đã cung cấp tàu thủy làm phương tiện vận chuyển, còn Bộ quốc phòng thì

cung cấp phi công. Được sự uỷ quyền của công ty Merex các phi công Đức đã chuyên chở 89 chiếc máy bay phản lực sang Iran, để rồi từ đó chuyển tiếp sang Pakixtan. Thậm chí khi thực hiện phi vụ này các phi công quân sự Đức còn mang trong túi một lệnh hành quân của NATO.

Công ty Merex không chỉ cung cấp cho thế giới thứ ba máy bay chiến đấu, mà còn cả súng đại bác, súng máy, súng chống tăng, và mìn lấy ra từ các kho quân khí của quân đội Đức. Sự hợp tác giữa Merex và BND chặt chẽ đến mức, trong các năm từ 1965 đến 1967 các thư ký của Merex hàng tuần hai lần phải sao chụp lại thư từ gửi đến công ty và gửi chuyển đến BND.

Năm 1966 khi Bộ quốc phòng dự định tiến hành điều tra vụ một sĩ quan ăn đứt lót của giới buôn lậu vũ khí thì BND đã làm cho vụ này không được công bố ra ngoài! Và khi những viên chức “ngoại đạo” của Bộ kinh tế định tiến hành thanh tra công ty Merex năm 1967-1968, vì công ty này định lẩn trốn trách nhiệm xin cấp phép khi xuất khẩu máy bay sang Ấn Độ, thì BND đã can thiệp ngay. BND yêu cầu không được tiếp tục “quấy rầy” Merex nữa! Cuối cùng vụ này được kết thúc bằng hình thức phạt tiền hành chính. Mãi đến 10 năm sau những vụ việc kinh doanh vũ khí của BND thời bấy giờ mới bị lộ ra ánh sáng. Trong cáo trạng những vi phạm luật

ngoại thương trong những vụ cung cấp vũ khí sau đây đã được vạch ra:

1. Pháo các loại, tên lửa, súng máy, mìn, súng chống tăng và trang thiết bị quân sự khác trị giá tổng cộng 4,4 triệu đô la được xuất sang Ả Rập Xê út. Hợp đồng cung cấp được ký ngày 25 tháng 6 năm 1965.

2. Đạn dùng trong bộ binh trị giá 560.000 đô la được cung cấp cho Ả Rập Xê út. Hợp đồng ký ngày 28 tháng 7 năm 1965.

3. Máy bay loại Seahawk kèm phụ tùng trị giá 3,5 triệu đô la được chở sang Ấn Độ. Hợp đồng ký ngày 2 tháng 9 năm 1965.

4. Đạn nhiều cỡ khác nhau trị giá 7,26 triệu đô la cho Pakixtan. Hợp đồng ký ngày 22 tháng 10 năm 1965.

5. Máy bay chiến đấu loại F86 kèm phụ tùng trị giá 10 triệu đô la được cung cấp cho Pakixtan. Hợp đồng ký ngày 24 tháng 11 năm 1965. Trên giấy tờ xuất khẩu do cơ quan giám sát xuất khẩu Liên bang cấp lại đề địa chỉ nơi nhận là Iran !

6. Đạn được trị giá 286.000 đô la cho Pakixtan. Hợp đồng ký ngày 6 tháng 3 năm 1966.

7. Đạn được, phụ tùng súng chống tăng và các loại quân khí khác trị giá 344.000 đô la cho Ả Rập Xê út. Hợp đồng ký ngày 1 tháng 9 năm

1966.

8. Máy bay, 19 tuốc bin và 107 khẩu súng lắp trên máy bay trị giá 755.000 đô la cho Ấn Độ. Hợp đồng ký ngày 2 tháng 9 năm 1966.

Nếu lưu ý là, một ngôi nhà chứa được 10 gia đình lúc bấy giờ ở Đức trị giá có khoảng 100.000 mác, thì mới tưởng tượng nổi số tiền liên quan đến kinh doanh vũ khí đối với thời điểm lúc bấy giờ lớn khủng khiếp như thế nào. Tuy nhiên cũng phải nhận thấy rằng, danh mục các chủng loại vũ khí nêu trên chỉ là một phần rất nhỏ bé trong tổng số phi vụ kinh doanh vũ khí BND đã thực hiện trong thập kỷ 60 và 70 mà thôi. Rất nhiều những phi vụ tương tự còn chìm trong bóng tối. Năm 1975 Toà án Bonn đã tuyên bố những bị can trong vụ Merex vô tội vì lý do “mọi hoạt động bị coi là phạm pháp đều được các quan chức nhà nước và cơ quan tình báo Liên bang cho phép và cùng thực hiện”.

Nhưng nguyên nhân sâu xa của những phi vụ kinh doanh vũ khí bí mật thời bấy giờ là gì ? Hồi đó một số nước vùng Cận Đông và Trung Đông yêu cầu Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức cung cấp vũ khí dư thừa trong các kho quân khí của quân đội Đức. Mặt khác các nước này cũng báo cho Bonn biết về ý định cung cấp vũ khí của Liên Xô. Để tránh tình trạng các quốc gia này, khi đã bị phụ thuộc ít nhiều về quân sự có

thể sẽ bị lệ thuộc Liên Xô về chính trị, Bonn đã quyết định ra tay giúp đỡ. Và sau khi đã “hội ý” với Chính phủ Mỹ, Bonn đã cung cấp vũ khí cho các nước nói trên. Nhưng trên thực tế lợi ích có giá trị to lớn hơn trong những vụ kinh doanh vũ khí hồi đó lại nằm ở chỗ Chính phủ Bonn muốn biến đồng vũ khí dư thừa trong quân đội thành tiền! Mặt khác qua những phi vụ cung cấp vũ khí như vậy BND đã thiết lập được những nguồn cung cấp thông tin mới. Sau này số hồ sơ về những nhân vật chớp bu trong Chính phủ liên quan đến kinh doanh vũ khí thời bấy giờ đã ngẫu nhiên bị cháy trong một vụ hỏa hoạn! Có thể nói, về phương diện chính trị, những phi vụ cung cấp vũ khí lúc bấy giờ đã đi ngược lại chính sách hoà dịu do nguyên Bộ trưởng bộ Ngoại giao Willi Brandt đề ra. Theo ông Wessel, cựu tổng giám đốc BND thì, những vụ cung cấp vũ khí Đức đã liên quan trực tiếp đến những biến cố sau đây trên chính trường thế giới lúc bấy giờ:

1. Nigeria từ năm 1967 đến 1970 đã trở thành nơi xảy ra cuộc nội chiến đẫm máu cướp đi sinh mạng của 2 triệu người. Người Đức đã cung cấp đạn dược và súng máy loại G-3 cho cả hai phe tham chiến;

2. Dimbabuê với giới cầm quyền da trắng thiểu số trong cuộc chiến phân biệt chủng tộc tàn

bạo, tuy Đức đã phê chuẩn lệnh trừng phạt của UNO năm 1966.

3. Nam Phi với chính quyền Apathei lúc bấy giờ;

4. Gioócdani, trong cuộc chiến với Ixrael. Đức đã cung cấp vũ khí cho cả hai bên.

Thậm chí BND còn cung cấp cho Trung Quốc một mẫu uran với hy vọng là có thể sẽ bán được 20 tấn uran cho Bắc Kinh, tuy sau khi thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên vào năm 1964 Trung Quốc đã trở thành một cường quốc hạt nhân.

Không phải lúc nào BND cũng thực hiện công chuyện kinh doanh vũ khí của mình thông qua những công ty trá hình. Cũng có trường hợp vũ khí được BND cung cấp thẳng cho khách hàng. Theo các quan chức của UNSCOM (Ủy ban của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm phá huỷ vũ khí huỷ diệt của Irắc) thì trong cuộc chiến tranh Iran - Irắc (1980 - 1988) khi Tổng thống Saddam Hussein còn là “một người bạn của phương Tây”, BND đã gợi ý giới quân sự Irắc về thiện chí của BND sẵn sàng “giúp đỡ” Irắc tiến hành các thí nghiệm kỹ thuật gien và sản xuất vũ khí sinh học. Tất nhiên BND đã chính thức phủ nhận tin này, còn một số nhân viên BND thì viện cớ rằng, bằng những đề nghị “giúp đỡ” kiểu đó BND muốn thâm nhập vào ngành sản xuất vũ khí của

Irắc! Vấn đề là họ chỉ muốn chiếm được lòng tin của phía Irắc, chứ không hề muốn giúp đỡ người Irắc sản xuất bom B. Một ví dụ khác là cho đến nay BND vẫn chưa trả lời được dư luận đối với những lời chỉ trích là đầu những năm 80 BND đã cung cấp cho Myanmar hầu như tất cả những thiết bị cần thiết để xây dựng các nhà máy sản xuất vũ khí và đạn dược.

Một điều chắc chắn là BND không phải là cơ quan tình báo duy nhất trên thế giới tiến hành những phi vụ kinh doanh vũ khí bí mật. Ví dụ như năm 1994 Tổng thống Clinton đã đồng ý để Iran bí mật cung cấp vũ khí cho quân đội Bosnia và như vậy đã vi phạm lệnh cấm vận vũ khí của Liên hợp quốc. Croatia và Thổ Nhĩ Kỳ hồi đó đều đồng tình với việc cung cấp vũ khí cho Chính phủ Bosnia. Trên thực tế việc kinh doanh này còn được "chia đều" cho nước khác: một số vũ khí được chuyên chở bằng máy bay Nga từ Teheran sang Bosnia. Cho đến tháng 1 năm 1996 hàng ngàn tấn vũ khí hạng nhẹ như súng máy, súng cối và tên lửa chống tăng đã được chuyển bằng con đường này đến Bosnia, mặc dù như vậy Oasinhton không những đã vi phạm lệnh cấm vận của UNO, mà còn đi ngược lại ngay cả chính sách cô lập hoá Iran của chính Oasinhton.

CHƯƠNG III

NHỮNG BÍ MẬT NẪM TRONG TAY CƠ QUAN TÌNH BÁO CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC BND

Buôn bán vũ khí quốc tế

Kể từ khi bức tường Đông-Tây sụp đổ, BND được trao những lĩnh vực công tác mới. Đặc biệt công tác theo dõi hoạt động buôn bán vũ khí quốc tế ngày nay đã trở thành một trong những lĩnh vực hoạt động quan trọng nhất của BND. Trong các năm qua những kẻ khủng bố và lũ tội phạm nguy hiểm hầu như không gặp khó khăn để tìm kiếm được những chủng loại vũ khí chúng mong muốn. Nhất là tình hình buôn bán vũ khí vùng Cận Đông - biên giới phía Nam của khối NATO - làm Chính phủ Liên bang lo lắng. Vì thế Chính phủ đã giao cho BND nhiệm vụ báo cáo đầy đủ về tình hình buôn bán vũ khí ở khu vực này. Từ đó các chuyên gia đánh giá thông tin của Pullach thường xuyên lập báo cáo tổng hợp những tin tức quan trọng nhất thu được về khu vực này.

Ai đã đọc trong một Bộ của Chính phủ Bonn bản báo cáo mang ký hiệu AN 32B-0468/96 của

BND “Phân tích tình hình buôn bán vũ khí thông thường tại khu vực Trung Cận Đông” (tháng 6 năm 1996), thì lúc đầu sẽ có nhận xét, BND cũng không biết gì hơn các báo ra hàng ngày. Trong phần đầu bản báo cáo chỉ trình bày cho người đọc tình hình chính trị, quân sự chung của khu vực này, ví dụ như sự ổn định nội bộ của các quốc gia trong khu vực được đánh giá là “luôn luôn bị những nguy cơ tiềm ẩn đe dọa”, hoặc việc các quốc gia ở đây được trang bị thêm tên lửa, máy bay tầm xa và vũ khí giết người hàng loạt sẽ đe dọa các nước thành viên NATO nằm ven đường biên phía Nam của khối. Khi đọc những dòng chung chung đó thì người đọc gần như là muốn quăng bản báo cáo vào ngăn kéo. Người ta sẽ tự hỏi, phải chăng BND không có gì hấp dẫn hơn để báo cáo hay sao. Nhưng chậm nhất là khi đọc đến phần trình bày về Cộng hòa Hồi giáo Iran thì người ta sẽ cảm thấy kinh ngạc đến nghẹt thở. Phần báo cáo về Iran là một ví dụ về những kết quả tình báo tuyệt vời của điệp viên Đức khi hoạt động ở nước ngoài.

Chương trình bí mật chạy đua vũ trang của Iran

Tuy BND đã rút chi nhánh của mình từ đầu năm 1996, nhưng có vẻ như BND vẫn được báo cáo rất đầy đủ về những sự kiện xảy ra ở Iran.

Người ta ngày càng quan tâm theo dõi việc Iran vẫn tiếp tục thực hiện chương trình tăng cường vũ trang đầy tham vọng, mặc cho tình hình tài chính và kinh tế đang gặp nhiều khó khăn. Ý định nổi lên như là một cường quốc lãnh đạo vùng Vịnh của Iran vẫn không thay đổi. Tuy nhiên chương trình tăng cường và mở rộng nền công nghiệp chiến tranh của Iran vẫn còn nằm trong giai đoạn khởi đầu và chịu ảnh hưởng của những khó khăn kinh tế.

BND nhận định rằng: “Những vũ khí chiến thuật - chiến lược B và C, cũng như sự cố gắng trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân phải được coi là công cụ gây sức ép chính trị và răn đe quân sự. Như vậy những vũ khí này cũng bù đắp những thiếu hụt chung về khả năng quân sự, nếu xét về khía cạnh vũ khí thông thường”.

Theo BND thì cũng như các nước khác trong khu vực, Iran tìm cách che giấu khoản chi ngân sách cho mục đích tăng cường vũ trang. Theo số liệu của BND thì khoản thực chi cho ngân sách quốc phòng của Iran năm 1995 lên tới từ 3 đến 3,5 tỷ đô la. Khoản thực chi này bao gồm khoản chi chính thức của ngân sách 1,25 tỷ đô la, khoảng 1 tỷ đô la tiền quyên góp của các tổ chức tôn giáo và số tiền lãi của các cơ sở sản xuất vũ khí, cộng với 1 tỷ đô la được trích trực tiếp ra từ nguồn xuất khẩu dầu mỏ. Tuy còn nợ nước ngoài

nhiều và thiếu ngoại tệ, nhưng theo các cơ quan tình báo phương Tây thì sẽ không có chuyện cắt giảm chương trình tăng cường vũ trang của Iran.

Trong quá khứ Iran ít khi xuất hiện trên chính trường như là một quốc gia xuất khẩu vũ khí. Tuy nhiên theo tin tức của BND thì vũ khí bộ binh và tên lửa đất đối không của Iran được xuất với khối lượng nhỏ sang Ápganixtan, Xrilanca, Xudan và cho tổ chức Hizbullah gốc Xích ở miền Nam Libăng. Theo BND thì trọng tâm trong các nỗ lực nhập khẩu vũ khí của Iran là các hệ thống vũ khí hiện đại, đặc biệt để trang bị cho lực lượng không quân và hải quân. Nguồn cung cấp chính cho Iran vẫn là Nga, tiếp theo là Ba Lan, Trung Quốc, Ucraina và Bắc Triều Tiên. Việc cung cấp vũ khí hầu như được thực hiện trong khuôn khổ trao đổi thương mại nhà nước. Về không quân, Iran quan tâm đến các loại máy bay được trang bị vũ khí tầm xa như MIG-29, MIG-31, TU-22-M, SU-24 của Nga và SU-25 của Gêoócgia. Về hải quân thì trước tiên phải nhập từ Trung Quốc tàu cao tốc và tàu phóng lôi đã bị Trung Quốc loại bỏ không sử dụng nữa. Các điệp viên Đức còn phát hiện được rằng, về bộ binh Iran đang tiếp tục cố gắng nhập xe tăng T-72 từ Nga, Ucraina và Ba Lan, vì theo các chuyên gia BND thì xe tăng Zulfiqar của Iran vẫn chưa đủ "độ chín" để đưa vào sản xuất hàng loạt.

Quân đội Iran còn đặc biệt quan tâm đến việc mua các loại tên lửa. kèm bộ phóng. BND nhận định rằng: “Theo tin tức tình báo thì Ucraina đã cung cấp những thành phần cho hai hệ thống phòng không, có lẽ là loại SA-10. Bộ phóng loại AT-5 cùng với loại tên lửa phù hợp, cũng như tên lửa không đối đất AS-10, AS-12 và AS- 14 trang bị cho MIG-29 thì được Nga cung cấp. Tàu chiến cao tốc loại Houdong, tên lửa chống các mục tiêu trên biển loại C-801 và C-802 đến từ Trung Quốc, còn bộ phóng cho tên lửa đất đối đất, tên lửa Scud-C được nhập từ Bắc Triều Tiên. Tin tức tình báo chưa được xác định còn cho biết Iran có thể mua máy bay có nguồn gốc từ Nga”.

Cách đây không lâu Ixrael bày tỏ sẵn sàng giúp đỡ Ucraina hiện đại hóa các hệ thống vũ khí của mình. Tuy nhiên sự sẵn sàng này của Ixrael bị ràng buộc bởi một yêu cầu chính trị: Kiép phải ngừng trao đổi thương mại với Iran. Người ta có thể hồi hộp chờ xem Tổng thống Kútschma và người phụ trách an ninh quốc gia của Ucraina là ông Vladimia Gócbulin sẽ phản ứng như thế nào. Ở Iran thì, theo tin tức của BND, hiện nay các thương nhân vũ khí của Kiép đang tiến hành tiếp xúc cho một kế hoạch cung cấp máy bay cho Iran. Iran bán tên lửa và thành phần của tàu ngầm cho Libi. Còn Xudan thì nhận được vũ khí

bộ binh của Iran.

Người ta cũng biết được rằng, khi không thể mua trực tiếp một cách hợp pháp các hệ thống vũ khí lớn từ các nước chuyên xuất khẩu vũ khí, Iran thường dùng những nước thứ ba như những nơi trung chuyển để che giấu nơi sử dụng cuối cùng những hệ thống vũ khí đó. Được xếp vào loại “không mua một cách hợp pháp được” ví dụ như các loại súng bộ binh hiện đại chủ yếu được sản xuất ở các nước phương Tây. Người ta biết được rằng, trong tờ chứng nhận về nơi sử dụng cuối cùng những loại “hàng cấm” đó tuy có ghi Thụy Điển, Canada, Malaysia, Hongkong hoặc Indonesia nhưng thực chất hàng được chuyển đến Iran. Việc cung cấp phụ tùng thay thế mới cho các hệ thống vũ khí có xuất xứ từ phương Tây chủ yếu được tiến hành thông qua các nước Tây Âu và Đông Nam Á. Theo BND thì tham gia vào cuộc “truy lùng nguồn vũ khí này” ngoài Tổ chức công nghiệp quốc phòng của Iran (DIO), Tổng cục hậu cần Bộ Quốc phòng Iran (MODSAFL) và Quỹ tôn giáo Mostazafin ra còn có các công ty giả danh, bọn buôn lậu vũ khí quốc tế và viên chức ngoại giao của Iran. Việc thanh toán các đợt hàng nhập khẩu này thường được thực hiện dưới hình thức mở thư tín dụng tại các tài khoản của Ngân hàng Iran và các nước phương Tây ở Singapor, Pháp, Anh và Đức.

Để các ngân hàng phương Tây tuy tham gia

vào quá trình thanh, quyết toán các đợt nhập xuất vũ khí bất hợp pháp này nhưng không biết được những hoạt động tìm kiếm vũ khí, việc chuyển tiền được thực hiện qua nhiều ngân hàng trung gian. Đối với những loại hàng “độc” hay linh kiện điện tử thì nhiều khi việc mua bán được thực hiện trực tiếp và thanh toán bằng tiền mặt. Theo tin tức tình báo của BND thì: “Sau khi thỏa thuận được về hình thức thanh toán thông qua nước thứ ba thì hàng được các hãng hàng không của Iran (Iran Air và Iranian Asseman Airlines) vận chuyển về Iran”.

Để không phụ thuộc vào nhập khẩu vũ khí, bên cạnh việc mua sắm này Chính phủ Iran cũng xúc tiến mở rộng nền công nghiệp vũ trang trong nước. Tuy nhiên theo kết quả tình báo của các điệp viên Đức thì cho đến nay Iran chỉ có khả năng tự sản xuất một số ít chủng loại vũ khí mà thôi, ví dụ như súng bộ binh (G-3 và MG- 3), hoặc vũ khí chống tăng theo mẫu của Nga và Trung Quốc. Ngoài ra Iran còn tự sản xuất được hỏa tiễn cho dàn phóng BM-21 của Nga. Trong những lĩnh vực còn lại thì Iran phụ thuộc vào các chuyên gia nước ngoài, ví dụ như sản xuất xe tăng (Nga), tên lửa đất đối đất (Bắc Triều Tiên) và tên lửa đất đối không (Bắc Triều Tiên, Trung Quốc).

Đối với nhiều chủng loại vũ khí khác thì Iran hợp tác với các nước khác để nâng cao năng

lực sản xuất của mình, ví dụ như súng máy và súng ngắn (Trung Quốc), đạn dùng cho máy bay (Irắc), xe bọc thép (Trung Quốc, Nam Phi và Braxin). Đối với dự kiến sản xuất máy bay thì Iran đang tìm cách hợp tác với Nga (MIG-31), Trung Quốc (MIG-29) và Ấn Độ (MIG-29 và trực thăng). Đối với các hệ thống phòng không thì Iran đang tham gia sản xuất một số loại tên lửa của Trung Quốc, đặc biệt là trong dự án cải tiến tên lửa SA-10. Ngoài ra Iran còn đàm phán với Nga để nhận được quyền sản xuất tên lửa SS-25. Đối với các máy móc sản xuất, thiết bị, phụ tùng không mua hợp pháp được thì thường được nhập qua các nước thứ ba như Indonesia, Malaysia hoặc Singapor. Thường thì mục đích sử dụng trong quân sự của những máy móc này không được thể hiện rõ ràng trong giấy tờ vận chuyển. Chỉ khi nào những máy móc, thiết bị đó có thể dùng cho cả dân sự lẫn quân sự và nơi nhận là một trong những tổ chức hậu cần quân sự của Iran, cũng như việc mua bán được thực hiện qua một nước thứ ba thì BND mới có cơ sở để xác định mối quan hệ của những máy móc, thiết bị đó với nền công nghiệp vũ trang của Iran.

Sản xuất khí độc

Những báo cáo mang tính chất cảnh báo của BND gửi Phủ thủ tướng chứng tỏ BND được thông báo khá đầy đủ về những nỗ lực bí mật tăng cường vũ trang của Iran. Chính vì những

báo cáo đó mà Chính phủ đã kịp thời ngăn cản một số công ty Đức giúp đỡ dự án xây dựng một nhà máy sản xuất khí độc ở Iran. Từ tháng 10 năm 1987 Công ty Lurgi ở Frankfurt tư vấn cho Iran hoàn tất các hồ sơ gọi thầu xây dựng một nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Sau khi được cải tạo một cách phù hợp thì một nhà máy sản xuất thuốc trừ sâu như vậy cũng có thể sản xuất khí độc. Công ty xây lắp thiết bị toàn bộ ở Frankfurt này đã gần như nắm được bản hợp đồng trong tay. Tuy nhiên năm 1989 Công ty Lurgi đã phải rút lui dưới áp lực của Chính phủ Liên bang. Tuy nhiên theo BND thì Iran vẫn tiếp tục theo đuổi dự án này. Họ muốn xây dựng một hệ thống sản xuất chất bảo vệ thực vật có chứa phốt pho hữu cơ là một loại thuốc diệt sâu bọ ít nguy hiểm. Tuy nhiên để tổng hợp được loại thuốc trừ sâu này cần phải có các hóa chất khác là tiền chất trong quy trình sản xuất khí độc tác dụng lên hệ thần kinh. Iran chủ yếu muốn sản xuất loại khí độc VX nguy hiểm hơn nhiều so với các loại khí độc Senfgas hay Tabun vì VX khó bay hơi hơn. Các loại khí độc như Senfgas, Phosgen và Hydrogenzyanid (còn gọi là Zyklon B được bọn Quốc xã sử dụng trong các buồng hơi ngạt) đã được thu gom tương đối nhiều.

Ngày 21 tháng 7 năm 1994 BND báo cáo với Phủ thủ tướng như: “Một công-xoóc- xium gồm

các Công ty Tata Consulting Enngineers, Traek và Rallis India xây dựng ở Iran một dây chuyền sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Alachlor và Butachlor. Để lắp đặt thiết bị tổng hợp thì phải có những thành phần thiết bị không do Ấn Độ sản xuất là những thành phần cũng có thể được sử dụng để lắp đặt thiết bị sản xuất khí độc, như lò phản ứng có tráng lớp sơn mài và thiết bị trao đổi nhiệt bằng graphít. Côngxoóc-xium này đã tìm cách “đi đường vòng” để đặt mua ở một số nước châu Âu khác. Chính thế, BND đề nghị các cơ quan chức năng, khi phát hiện có sự mua bán vận chuyển các thành phần thiết bị trên, phải kiểm tra kỹ càng địa chỉ cuối cùng của lô hàng, cũng như phải xác minh xem các công ty Ấn Độ có tham gia như là những công ty môi giới hay không”.

Ngày 31 tháng 1 năm 1995 tờ nhật báo “The Indian Express” ở Boay cho đăng trên trang nhất bài về việc Ấn Độ giúp đỡ Iran xây dựng một nhà máy sản xuất khí độc. Sau đó thì Công ty Transpek Industry của Ấn Độ đã nhận là năm 1991 có ký hợp đồng xây dựng ở Iran một nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Nhà máy đã được xây dựng ở Arak, một khu vực cách Teheran 350 km về phía Tây Nam. Transpek nêu rõ cuộc cạnh tranh vất vả của công ty với những đối thủ khác để trúng thầu hợp đồng này

và phủ nhận những điều tờ nhật báo nói trên phanh phui. Trong một công văn gửi BND về vụ này CIA đã viết: “Đúng là người Ấn Độ đã trúng thầu và loại ra khỏi vòng chiến nhiều đối thủ cạnh tranh khác, nhưng điều mà Transpek không nhận thấy được là đa số Chính phủ phương Tây đã cấm các công ty của nước mình tham gia đấu thầu, mặc dù các công ty đó có đầy đủ khả năng để thực hiện hợp đồng”. Theo CIA thì sự kiểm tra của nhà chức trách Ấn Độ đối với các lô hàng xuất khẩu liên quan đến dự án này chỉ là một “trò cười”. Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức cũng đã không cấp giấy phép xuất khẩu sang Ấn Độ và Iran đối với những sản phẩm liên quan đến dự án này.

Trong công văn nói trên CIA cũng đã đưa ra một danh sách các công ty châu Âu có khả năng chuyển đổi hệ thống dây chuyền sản xuất thuốc bảo vệ thực vật sang sản xuất khí độc. Điều thú vị ở đây là vai trò của nước Thụy Sĩ trung lập. CIA viết như sau: “Trong bản danh sách gửi kèm theo đây thì các công ty Thụy Sĩ đóng một vai trò đặc biệt. Các công ty chế tạo và lắp đặt thiết bị Thụy Sĩ đã làm cho các chuyên gia phương Tây phải chú ý đến vì họ muốn làm ăn với các nước vùng Trung Đông liên quan đến những hoạt động khủng bố. Công ty Thụy Sĩ liên quan đến các chương trình tăng cường vũ trang của cả Iran

lẫn Irắc”. Chính vì vậy mà CIA đã cho theo dõi và nghe trộm các cuộc trao đổi điện thoại của các Công ty Thụy Sĩ như Biazzi S.A., Buhler và Kuni. Theo bản danh sách do CIA cung cấp, BND đã tiến hành nghe trộm các Công ty Đức Draiswerke (ở Mamlheim), Công ty chế tạo máy Loedige (ở Paderbom), Pfaudler Werke (ở Schwertzingen), Kalenhom Kalprotct (ở Vetelschloss), Eisenmaml KG (ở Holzgerlingen), Công ty Elktrometallurgie (ở Numberg) và Kerachemie (ở Siershan). CIA cũng đã cho theo dõi chi nhánh Công ty Draiswerke ở Mỹ.

Đi mua sắm ở Đức

BND và CIA ngó người ra khi tờ nhật báo Frankfurt đăng tin ngày 6 tháng 2 năm 1996 về ý đồ của Iran muốn mua toàn bộ công ty chế tạo máy Sket ở Magdurg. Đây là công ty chế tạo máy lớn nhất Đông Đức. Iran định mua không những nhà máy cán thép, mà cả nhà máy sản xuất các loại cáp và dây dẫn điện, cũng như hệ thống điều khiển điện tử của Sket. Vì vậy cơ quan tình báo cho rằng, Iran chủ yếu muốn sử dụng việc mua bán này vào mục đích quân sự. Trong bản báo cáo đầu năm 1997 gửi Phủ thủ tướng, BND đã nhận định là Công ty Sket đang bị đe dọa phá sản và vì vậy đối với Iran, Sket là một phương tiện “không mấy tốn kém” để Iran thực hiện mục

tiêu chiến lược. Theo BND thì Hossein Mhludschì, Bộ trưởng Bộ mỏ và luyện kim Iran cũng đã được giao nhiệm vụ mua bán các thiết bị quân sự chiến lược khi tiến hành đàm phán với Thủ hiến Bang Sachsen-Anhalt ông Hoppner và Bộ trưởng Bộ kinh tế Liên bang Rexrodt.

Nhưng Iran không chỉ muốn mua có Sket. Bên cạnh việc tham gia vào khu công nghệ Magdeburg nhằm mục đích hoạt động gián điệp quân sự và công nghiệp, Iran còn muốn mua công ty sản xuất động cơ chạy diesel DMS của Đông Đức.

Nếu nhìn vào những hoạt động tích cực trước kia của DIO, văn phòng chuyên hoạt động kinh doanh mua bán vũ khí của Iran đặt ở Dusseldorf, thì không ai sẽ lấy làm ngạc nhiên khi thấy nhiều công ty Iran đặt ở Đức bị các cơ quan chức năng của Đức giám sát, theo dõi một cách công khai. Trước tiên phải kể đến các chi nhánh tại Đức của cái gọi là "Quỹ Mostazafin". Mọi cuộc điện thoại gọi ra nước ngoài của tổ chức này đều bị BND nghe trộm.

Ngôi nhà số 21 phố Graf Adolf ở Dusseldorf đã nhiều lần trở thành mục tiêu của các điệp viên Đức. Đây là trụ sở của Công ty Iran mang tên Roshd Industrie Produkt được thành lập năm 1988. Cơ quan tình báo Đức đã phát hiện ra rằng, công ty này cũng thuộc "Quỹ Mustazafin".

Quỹ này thực chất là một trong những tập đoàn lớn nhất Iran và cũng tham gia vào việc cung cấp vũ khí, khí tài quân sự cho Iran. Các điệp viên Đức cảm thấy doanh số của Công ty Roshd tăng một cách đáng ngờ: năm 1992 mới có 1,3 triệu mác, năm 1993 là 5,1 triệu mác, thì năm 1995 đã leo lên đến 12 triệu mác. Vì công ty không có kho tàng và chỉ có vốn vện 5 nhân viên, nên người ta quyết định đưa công ty này vào thước ngắm. Và đây là kết quả điều tra ngắn gọn của BND: “Công ty Roshd chỉ phục vụ cho chương trình tăng cường vũ trang của Iran”. Cả công ty đã bị giải tán là công ty xuất nhập khẩu Vena cũng bị BND theo dõi. Công ty này hoạt động ở Dusseldorf từ 1987 đến 1994. Vena cũng thuộc “Quỹ Mostazafin”.

Cho đến nay người ta vẫn không biết được chi tiết cụ thể về những kết quả điều tra của BND và hải quan Đức, nhưng sự hiện diện ngày càng nhiều của các công ty Iran ở Đức bị nghi là tham gia mua vũ khí cho Iran đã làm cho Chính phủ thủ tướng cũng sửng sốt. Điều người Iran nhận thấy ngay là sự nguy trang cầu thả của các điệp viên Đức khi tiến hành theo dõi. Ví dụ như khi tiến hành quan sát một chi nhánh của một công ty Iran ở Dusseldorf tháng 12 năm 1996 điệp viên của BND đã đóng giả là nhân viên quản lý công viên thành phố và rà đi soát lại khu

vực bãi cỏ đại đã bị khô héo từ lâu nằm trước trụ sở của công ty. Theo người Iran cho biết thì cánh điệp viên Đức kia thậm chí vẫn tiếp tục công việc “vườn tược” của họ ngay cả khi tuyết xuống đã phủ kín tất cả.

Chính phủ Liên bang thì cố gắng cấm xuất khẩu hàng hóa sang Iran. Đầu năm 1997 Chính phủ đã lập một ban đặc biệt mang tên “bộ phận điều phối Iran” đặt trong Cục điều tra Hải quan ở Koeln. Tại đây trong một ngân hàng dữ liệu ban này đã lập hơn 120 điểm lưu ý mang tính chất cảnh báo. Hiện nay Cục điều tra Hải quan đang điều tra 10 trường hợp bị nghi ngờ xuất khẩu bất hợp pháp sang Iran.

Tên lửa Scud

BND có nhiệm vụ phải ngăn chặn các công ty Đức xuất khẩu những linh kiện, thành phần, kể cả qua nước thứ ba, cho chương trình sản xuất tên lửa của Iran. Trong báo cáo của BND ghi rõ: Trong quá trình sản xuất tên lửa đất đối đất tầm xa Iran đeo đuổi hai mục tiêu song song: một mặt là công nghệ nhiên liệu lỏng trong tên lửa Scud của Bắc Triều Tiên, mặt khác là mục tiêu tự sản xuất tên lửa theo công nghệ nhiên liệu rắn của Iran. Ngoài ra hiện nay Iran đang tìm cách cải tiến để nâng cao tầm bắn của tên lửa chống các mục tiêu trên biển HY-2. Cũng như Irắc trước

kia, Iran cũng phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài. Iran đặc biệt quan tâm đến máy công cụ, nguyên liệu cho khí cụ bay, trang thiết bị nhằm sản xuất và kiểm định các thiết bị định vị, dẫn đường, cũng như các tuốc bin khí.

Theo tin tình báo của BND thì dự án phát triển nhất hiện nay của Iran là dự án tên lửa Scud. Sau khi thử nghiệm sản xuất dập khuôn tên lửa Scud-B bị thất bại giữa thập kỷ tám mươi, Iran đã liên hệ với Bắc Triều Tiên để chuyển giao công nghệ. Theo hợp đồng thì Bắc Triều Tiên cung cấp tên lửa Scud-B với tầm bắn 300 - 500 km và sau này là tên lửa No Dong được sản xuất dựa trên công nghệ Scud nhưng có tầm bắn trên 1.000 km. Ít nhất Iran đã mua được 3 tên lửa Al-Hussein của Irắc do một số tướng lĩnh Irắc bất mãn bán năm 1991. Người ta đã thành lập một khu vực quân sự ở Isfahan để giám định chất lượng của tên lửa Irắc và tên lửa Scud tự sản xuất được. Theo tin tình báo Ixrael thì mùa hè năm 1996, Iran đã nhận được từ Nga toàn bộ hồ sơ, tài liệu thiết kế của tên lửa Nga R-12 với tầm bắn 2.000 km. Tuy độ chính xác của loại tên lửa này còn hạn chế (sai số tối đa 1,5 km), nhưng nó lại có thể mang đầu đạn hạt nhân. Năm 1994 Boris Enxin đã hứa với Mỹ là không cung cấp công nghệ quốc phòng cho Iran. Từ đó đến nay

Tổng thống Nga đã nhiều lần không giữ lời hứa này, nhất là trong lĩnh vực công nghệ hạt nhân.

Theo tin tình báo của BND thì chương trình tự sản xuất tên lửa Scud của Iran được chia làm ba bước. Giai đoạn thứ nhất là việc lắp ráp tên lửa từ những mảnh linh kiện lớn được nhập về. Trong giai đoạn thứ hai tên lửa được lắp ráp từ những linh kiện riêng rẽ. Trong giai đoạn này cũng có thể lắp vào sản phẩm những linh kiện được sản xuất trong nước. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn tự sản xuất hoàn chỉnh tên lửa và không phụ thuộc vào linh kiện nhập. Trong khuôn khổ kế hoạch này các cơ sở hạ tầng cần thiết đã được xây dựng và công tác tìm kiếm thiết bị và vật liệu thô cũng đã được tiến hành. Theo báo cáo của BND thì giai đoạn hai kết thúc vào năm 1994. Năm 1997 Teheran đã bước vào giai đoạn tự sản xuất được tên lửa.

Iran tìm kiếm thiết bị, nguyên liệu thô từ nhiều nước khác nhau cho cả hai loại tên lửa: nhiên liệu lỏng và nhiên liệu rắn. Các đơn vị Iran được cử ra nước ngoài “mua hàng” là các viện nghiên cứu khoa học, nhà máy và các tổ chức nhà nước như SHIG, SHBIG và SBIG (các công ty nhà nước). Địa điểm đặt các khâu sản xuất tên lửa Scud theo BND là Parchin, Khonamabad, Isfahan, Maschhad, Semnan, Schiraz và vùng ngoại ô phía Đông của Teheran.

Các tổ chức, công ty của Iran có trụ sở ở Đức cũng đã tìm cách thuyết phục các công ty Đức giúp đỡ người Iran thực hiện dự án này. Cùng với các cơ quan hữu quan khác của Liên bang, BND đã tìm cách ngăn chặn Iran thực hiện được ý đồ của họ. Phủ thủ tướng đã giao cho BND nhiệm vụ ngăn chặn sao cho trong tương lai gần Cộng hoà Liên bang Đức không nằm trong tầm bắn của tên lửa Iran.

Khu vực cấm Sharifabad

Theo tin tình báo của BND thì ở Parchin, một vùng cách thủ đô Teheran 30 km về phía Đông Nam, ngay từ năm 1975 vua Iran đã cho xây dựng một cơ sở sản xuất vũ khí Parchin nằm giữa một thung lũng rộng vài trăm cây số vuông. Toàn bộ thung lũng là khu vực cấm của quân đội. Nếu trước kia vua Iran chỉ cho xây dựng ở đây một nhà máy sản xuất đạn và một xưởng sản xuất thuốc nổ, thì những người hậu bối của ông ta khi cuộc chiến tranh Iran-Irắc bùng nổ đã biến nơi đây thành một trung tâm sản xuất vũ khí bí mật. Theo những tin tức mới nhất của BND thì trong khu vực dài 8 km và rộng 2 km này có nhiều nhà máy sản xuất đạn dược và chất nổ, một nhà máy sản xuất phốtpho, một khu khai thác phốtpho, một lò luyện phốtpho và một dây chuyền nạp nhiên liệu cho tên lửa. Tuy nhiên

Parchin chỉ là một trong nhiều cơ sở sản xuất vũ khí của Iran.

Fazel A., thường được gọi là “nguồn nhân chứng B” trong vụ án Mykonos ở Berlin đã từng là sĩ quan an ninh cho đến năm 1995 ở Parchin. Ngày 19 tháng 4 năm 1997 tại Berlin chính anh ta đã khẳng định với tác giả quyển sách này là ở Parchin tên lửa Scud cũng được lắp ráp từ những thành phần được các trung tâm vũ khí khác ở Damavand và phía Đông Teheran sản xuất. Theo Fazel A. thì ở một số phòng thí nghiệm tại Parchin có người nước ngoài làm việc, trong đó có khoảng từ 8 đến 10 kỹ sư người Italia. Trong EU Italia là bạn hàng lớn thứ hai của Iran. Trong khu vực được canh phòng cẩn mật bằng ba lớp bảo vệ này Fazel A. cũng chỉ phát hiện ra người Italia vì họ được chở đi làm hàng ngày bằng minibús và vì thế phải qua lại vọng gác hàng ngày. Tại Parchin còn có một phòng thí nghiệm làm giàu quặng uran.

Cách Parchin vài cây số về phía Đông Nam là làng Sharifabad. Bằng cách phân tích ảnh vệ tinh BND đã phát hiện ra ở đây một trung tâm sản xuất cực kỳ bí mật khác của Teheran chuyên sản xuất thiết bị dẫn đường tên lửa Scud. BND đã báo tin này cho người Mỹ và Israel. Cho đến nay các cơ quan tình báo phương Tây đều cho rằng, Iran ít nhất vẫn phải mua bộ phận định

hướng này của tên lửa Scud ở nước ngoài. Nhờ phân tích ảnh vệ tinh và tin tức bộ phận tình báo tác chiến thu được BND đã chứng minh Iran sản xuất được bộ phận đặc biệt quan trọng này của tên lửa Scud ở Sharifabad. Tuy vậy BND vẫn không biết được Iran tiếp nhận công nghệ này từ đâu. Người ta phỏng đoán rằng, các kỹ thuật viên Iran đã được đào tạo tại Trung Quốc. Ngoài ra ở Pullach người ta còn biết được rằng, cho đến tháng 3 năm 1997 - Iran đã sáu lần bí mật tìm cách mua máy móc sản xuất thiết bị dẫn đường này ở Đức. Ví dụ như Iran đã dùng các công ty trá hình ở Singapor và Braxin để tiếp cận Công ty SKF. Tuy nhiên SKF, công ty này đã từng chế tạo thiết bị định hướng cho máy bay phản lực “con ma”, đã đủ cảnh giác để không cắn câu.

Nếu chỉ dựa vào hoạt động tình báo kỹ thuật thì về lâu về dài không thể ngăn chặn được những hoạt động tương tự nhằm tìm cách mua sắm thiết bị “đặc chủng” được. Một nhân viên BND đã nói: “Người ta không thể ngăn chặn được việc sản xuất vũ khí ABC. Người ta chỉ có thể làm chậm lại quá trình này và biến chuyện mua sắm thiết bị thành một trò chơi cực kỳ tốn kém đối với những nước muốn vào cuộc mà thôi”. Sự việc đã xảy ra như vậy đối với nhà máy sản xuất khí độc thứ hai của Libi ở Tarhuna. Đáng lẽ nhà máy này phải được đưa vào hoạt động từ lâu,

nhưng vì những nỗ lực điều tra của BND nên phía Libi vẫn gặp phải những khó khăn rất to lớn trong quá trình tìm kiếm những thành phần còn thiếu của nhà máy đó.

Nhờ vào ảnh vệ tinh BND thường xuyên có những phát hiện mới như gần đây nhất ở Iran. Tại đây BND đã theo dõi một kho đạn dược của Iran ở vùng Kabud Gonbad và nhất là trung tâm công nghệ hạt nhân cách Thành phố Isfahan 12 cây số về phía Đông Nam. Theo tin tình báo của BND thì mặc dù được cơ quan nguyên tử năng quốc tế IAEA thường xuyên tiến hành thanh sát, người ta vẫn đang tìm cách chế tạo vũ khí hạt nhân vẫn ở đây. Khu vực thử nghiệm này nằm phía Bắc tuyến đường sắt nối Esfahania với Hasanabad và được xây dựng trong một đường hầm nằm dưới sườn một quả núi. Để thu được những thông tin về hoạt động thử nghiệm vũ khí hạt nhân của Iran, các nhân viên Cục I đã phải thường xuyên chất lọc những tin tức thu được từ những “nguồn” ở Iran. Những quan chức cao cấp nhưng bất mãn của Iran thường xuyên cung cấp cho BND cả những thông tin về hoạt động sản xuất vũ khí hóa học của Iran ở Abyek cách Teheran 30 cây số về phía Tây.

Về chương trình sản xuất vũ khí hóa học này của Iran thì Pullach đã được thông báo từ năm 1986. Cho đến nay Iran đã có một cơ sở vũ

khí hóa học bao-gồm khoảng 400 tấn. Chính tổ chức DIO của Iran ở Dusseldorf đã lo chạy hoá chất cho chương trình sản xuất khí độc của Iran. Tháng 6 năm 1989 tờ "New York Times" đưa tin, trong một bữa ăn trưa ở Oasinhton Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ lúc bấy giờ là Baker đã thông báo cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Đức đương thời Genscher là DIO là đầu mối vận chuyển Thionylchlorid từ Ấn Độ về Iran.

Những chuyên gia đánh giá tin tức của BND ngày nay chủ yếu quan tâm đến việc xác minh xem có còn những vũ khí hóa học nào được Iran cho bí mật sản xuất ở các nước phương Tây không. Từ khi khối Đông Âu sụp đổ, hàng ngàn chuyên gia trong lĩnh vực vũ khí hóa học của Nga bị thất nghiệp. Không ai biết được liệu họ có tham gia sản xuất những vũ khí hóa học mới còn khủng khiếp hơn những chủng loại người ta đã biết được không. Theo nhận định chung thì từ thập kỷ 50 đến nay các phòng thí nghiệm hóa học trên toàn thế giới không đưa ra loại vũ khí hóa học mới nào nữa.

Nhà máy sản xuất bánh mỳ ở Teheran

Các cơ quan tình báo phương Tây đều có chung một nhận định là Iran đang tiến hành chương trình sản xuất vũ khí sinh học. BND biết được rằng Teheran cải tiến tên lửa SAM-7 của

Nga và trang bị cho loại tên lửa này bộ phận tìm mục tiêu do Iran tự sản xuất. Chương trình sản xuất tên lửa Scud của Iran bị BND theo dõi, ví dụ như tại một nhà máy nằm ở cửa ngõ phía Đông của Teheran. Lúc đầu người ta tưởng chừng như là những tấm titan mua ở Nhật, Nga và Trung Quốc được hàn ở đây thành vỏ tên lửa Scud-B và Scud-C. Sản phẩm titan dạng tấm mỏng có thể mua được công khai ở nhiều nơi, kể cả ở Đức. Để tránh cho các công ty Đức sau này có thể bị buộc tội giúp đỡ chương trình tăng cường vũ trang của Iran, từ lâu nay BND đã đề nghị các doanh nghiệp Đức cảnh giác khi cung cấp tấm titan hoặc tấm hợp kim chrom-nickel cho Iran. Những tấm kim loại như vậy ở Đức cũng được dùng để xây dựng các nhà máy sữa hoặc bánh mỳ. Trong quá khứ BND biết được rằng, Teheran cũng đã đặt những công ty chuyên sản xuất thiết bị cho nhà máy sữa và bánh mỳ những tấm kim loại titan và hợp kim chrom-nickel và đề địa chỉ nơi nhận là “Nhà máy bánh mỳ Teheran”. Tuy nhiên ngày nay người ta đã nhận ra mưu mẹo của người Iran.

Theo các chuyên gia thì quan trọng hơn nguyên liệu titan và hợp kim chrom-nickel dạng tấm mỏng là toàn bộ thiết bị nhào, trộn bột của một nhà máy bánh mỳ. Thiết bị này được tất cả các nước thuộc thế giới thứ ba ưa chuộng vì chứa

đựng một bí mật bên trong: máy nhào trộn bột bánh mì của Đức được các nước này, trong đó có cả Iran, Irắc, Xyri và Libi sử dụng để nhào trộn nhiên liệu rắn cho tên lửa và sản xuất vũ khí sinh học. Để làm được việc đó người ta thậm chí không phải thay đổi đến một con ốc trong máy, mà chỉ cần tạo thêm một khoảng chân không trên thùng chứa. Điều này các nhà chế tạo tên lửa của Đức, các quan chức Bộ Kinh tế Liên bang và các nhà sản xuất máy trộn bột đều biết và tuy loại máy này có tên trong danh sách bị kiểm tra gắt gao khi xuất khẩu, nhưng có lẽ bằng cách khai sai địa chỉ nhận hàng cuối cùng thứ máy móc quý giá này vẫn được chuyển đến những quốc gia “có vấn đề” như Iran. Tương tự như vậy cũng đã xảy ra với máy “tách dầu-sữa”, loại máy thường được sử dụng trong các nhà máy sữa. Một khối lượng lớn loại máy này đã được xuất từ Đức sang Iran và Irắc, tuy người ta biết rằng, các nước này không có nhiều bò sữa đến thế. Trên thực tế một bộ phận lớn của máy tách dầu-sữa gần như có thiết kế giống như buồng đốt của tên lửa Scud. Khi nhập về người ta chỉ cần thay đổi một vài mối hàn, mà ngay cả loại máy hàn đó cũng được nhập từ Đức với lý do “để hàn xô đựng mật ong”. Tất nhiên BND nắm được những nguyên cớ sâu xa đó.

Chính vì vậy mà một số bộ phận trong máy

nhào bột đã được đưa vào danh mục chịu sự kiểm tra gắt gao khi xuất khẩu theo quy định 2B952. Tuy nhiên theo luật sư Harald Roth, một chuyên gia về công tác kiểm tra hàng xuất khẩu, thì: “Quy định 2B952 chỉ là một quy định mang tính chất quốc gia và vì thế chỉ được áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Đức sang Irắc, Iran, Libi, Bắc Triều Tiên và Xyri mà thôi. Các nhà nhập khẩu từ tất cả các nước khác đều có thể nhập thoải mái loại máy trộn bột này mà không cần giấy phép”.

Các chuyên gia BND cũng nhận thấy một điều là suốt 5 năm qua trong tất cả các bản fax, telex được gửi đi, hoặc trong các cuộc trao đổi bằng điện thoại của các tổ chức tìm kiếm nguồn vũ khí của Iran không bao giờ chữ “tên lửa” được nhắc đến cả. Có một điều cho đến nay vẫn làm cho các điệp viên đối ngoại của Đức bức mình: người ta cho rằng, BND đã cung cấp cho Iran hai hệ thống máy tính và hiện nay Iran đang sử dụng hai hệ thống đó để kiểm tra việc xuất nhập cảnh ở cửa khẩu. Theo một quan chức cao cấp của BND phụ trách khu vực Trung Đông hồi bấy giờ thì trên thực tế theo một nguyện vọng cá nhân của Phó tổng giám đốc cơ quan tình báo Iran, BND đã tặng cho ông ta một chiếc máy tính cá nhân hồi đầu những năm 90. Nhưng vì lưu ý đến “trật tự cấp bậc” nên BND cũng phải tặng

cho trùm cơ quan tình báo Iran hồi đó là Bộ trưởng Fallahian một chiếc máy tính trị giá 3.500 mác, tuy rằng ông này không hề yêu cầu.

Vũ khí Mỹ cho Saddam Hussein

Irắc cũng theo đuổi một chương trình bí mật tăng cường vũ trang. Theo tin tức tình báo của BND thì tháng 02 năm 1996 một phái đoàn quân sự Irắc đã sang thăm Mátxcơva để đàm phán về việc mua bán vũ khí. Trong đoàn có cả đại diện của ngành công nghiệp quốc phòng và quân chủng không quân. Irắc tập trung quan tâm đến việc mua máy bay MIG và tên lửa phòng không của Nga.

Cho đến trước khi nghị quyết số 661 của Liên hợp quốc có hiệu lực vào ngày 6 tháng 12 năm 1990 thì Nga là nước cung cấp vũ khí lớn nhất cho Irắc. Hàng năm Mátxcơva xuất khẩu số lượng vũ khí sang Irắc trị giá khoảng 1 tỷ đô la. Nhưng từ đó đến nay BND không phát hiện được thêm những vụ Nga cung cấp các hệ thống vũ khí toàn bộ cho Irắc nữa. Pullach chỉ thu được những thông tin riêng rẽ không chính xác về việc cung cấp phụ tùng, linh kiện đơn chiếc của Nga cho Irắc thông qua các công ty buôn bán vũ khí ở Rumani, Gioócđani và Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất mà thôi.

Nhưng một chi tiết sau đây trong một bản

báo cáo của BND lại gây sự chú ý của người đọc: “Công ty thương mại Shaher Trading ở Sanaa (Yemen) đã chào bán cho Irắc những vũ khí sau đây của Pakixtan có xuất xứ từ Mỹ và có thể cung cấp được từ tháng 2 năm 1996: tên lửa không đối không AIM-9I, tên lửa Sidewinder, tên lửa chống tàu Harpoon AGM-84 và vũ khí chống tăng. Nhưng trên thực tế mãi tới đầu năm 1996 Pakixtan mới nhận được từ Mỹ một phần trong số chủng loại vũ khí nêu trên. Căn cứ trên tình hình tham nhũng rất nặng nề ở Pakixtan Công ty Shaher đã cho rằng, có thể mua thứ hàng hóa quân sự này hoàn toàn dễ dàng ở Pakixtan. Hai bên đã gặp gỡ đàm phán từ ngày 27 tháng 11 đến 10 tháng 12 năm 1995 tại Sanaa. Mối quan hệ làm ăn giữa Công ty Shaher và Irắc đã được một thương nhân của Irắc hoạt động ở London đến cuối tháng 10 năm 1995 tên là Khamis Khalaf môi giới. Theo tin tức nhận được trong tháng 11 năm 1995 thì Irắc cũng đã đàm phán với Công ty Engesa của Braxin về việc công ty này cung cấp 364 xe bọc thép loại Cascavel EE-9 và 148 xe bọc thép chở quân loại Urutu EE-11. Nhưng theo các nguồn tin khác thì từ năm 1991 các thủ tục để phá sản Công ty Engesa đã được tiến hành và tài sản của công ty đã bị tịch thu để giao cho quân đội Braxin. Ngoài ra Irắc còn đàm phán với Braxin về tiếp nhận

công nghệ của tên lửa không đối không MAA-5”.

Như vậy ngay cả khi các quy định cấm vận của UNO là rất nghiêm ngặt, Saddam Hussein vẫn có thể tìm kiếm được những loại vũ khí mới nhất của Mỹ. Chắc CIA ở Langley biết rõ thực tế này.

Nâng cao sức mạnh chiến đấu theo kiểu Ixrael

Khi thời kỳ chiến tranh lạnh kết thúc thì các công ty sản xuất vũ khí của Ixrael rơi vào tình trạng bi đát. Tại Pullach người ta quan tâm theo dõi xem ngành công nghiệp quốc phòng chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Ixrael sẽ xoay sở ra sao trước những biến động chính trị ở Nam Phi và khuynh hướng cắt giảm ngân sách quân sự trên toàn thế giới. Cuộc cạnh tranh gay gắt về giá cả trên thị trường buôn bán vũ khí đã bị thu hẹp lại này đã gây thiệt hại to lớn cho các công ty Ixrael. Chính vì thế ngành công nghiệp vũ khí của Ixrael đã phải phụ thuộc rất nhiều vào chế độ bao cấp của nhà nước. Nhưng trong những năm tới Chính phủ Ixrael đặt hi vọng nhiều vào những hợp đồng bạc tỷ trong lĩnh vực nâng cao sức mạnh chiến đấu và hiện đại hóa máy bay. Trọng tâm là hiện đại hóa những chủng loại vũ khí có xuất xứ từ phía Đông. Trong lĩnh vực này Ixrael có lợi thế so với những đối thủ cạnh tranh

khác vì có kinh nghiệm lâu năm trong việc đưa công nghệ phương Tây vào vũ khí do phương Đông sản xuất. Vũ khí này do các đối thủ cũ của Ixrael trong chiến tranh (Xyri, Ai cập) thu được và một phần được quân đội Ixrael tiếp quản. Ngày nay Ixrael chào bán những chương trình hiện đại hóa máy bay MIG-21 (Ixrael đặt tên là MIG-21-200) và xe tăng T-54/55, cũng như T-72. Với những chương trình này người ta hi vọng sẽ có khách hàng từ vùng Trung- và Đông Nam Âu, cũng như các nước thuộc thế giới thứ ba là những quốc gia được trang bị bằng vũ khí Nga, nhưng không đủ tiền để mua và bảo dưỡng những chủng loại vũ khí mới. Ixrael đã ký với Thổ Nhĩ Kỳ một hợp đồng hiện đại hóa máy bay Con ma F-4 do Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất. Trong một báo cáo mới đây của BND có đoạn viết: “Một hiệp định hợp tác với Trung Quốc quy định việc Ixrael chuyển giao công nghệ máy bay chiến đấu (của loại Lavi) cho máy bay chiến đấu loại XJ-10 của Trung Quốc. Chắc chắn Mỹ rất quan tâm đến việc sao cho công nghệ cao có nguồn gốc từ Mỹ không được tái xuất khẩu nếu chưa được Mỹ cho phép”.

Hamah - Lò sản xuất vũ khí của Xyri

Xyri đã một thời bị chê trách vì mối quan hệ gần gũi với thế giới khủng bố và trở thành một

đối tác của phương Tây từ thời chiến tranh vùng Vịnh, có lẽ cũng đang theo đuổi một chính sách tăng cường vũ trang. Sau khi viện trợ quân sự của Liên Xô (cũ) bị cắt giảm, Damascus đã phải nhìn nhận rằng, Xyri sẽ không duy trì được nhịp độ trong cuộc chạy đua vũ trang với Ixrael. Theo nhận định của BND thì sự thiếu thốn phụ tùng, nhất là đối với những thiết bị lớn, đã làm suy giảm sức sẵn sàng chiến đấu của quân đội Xyri. Phần lớn món nợ nước ngoài của Xyri (khoảng 12 tỷ đô la) nảy sinh từ việc nhập vũ khí, khí tài của Liên Xô cũ. Nhưng từ năm 1992 đến nay Xyri đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Theo tin tức của BND thì năm 1995 Xyri đã đề nghị thanh toán 1 tỷ đô la, trong khi Mátxcơva đòi trả 3 tỷ. Trong một bản báo cáo của BND có đoạn như sau: "Tuy nhiên tháng 4 năm 1996 một phái đoàn cao cấp của Xyri đã đi Mátxcơva để đàm phán tiếp về việc Nga cung cấp vũ khí".

Ở Pullach người ta tin rằng, Mátxcơva sẽ cung cấp cho Xyri mọi loại vũ khí, nếu Damascus muốn mua và có ngoại tệ để thanh toán. BND cho biết: "Nga sẵn sàng bán cả hệ thống phòng không SA-10. Tuy nhiên mối quan tâm hiện nay của Xyri chủ yếu là phụ tùng thay thế cho những chủng loại vũ khí Xyri đã nhập trước kia". Chi nhánh của BND ở Damascus đánh giá số lượng vũ khí Xyri mua của Mátxcơva năm 1995 trị giá

khoảng 30 triệu đô la, chủ yếu là phụ tùng thay thế.

Giữa Xyri và Pakixtsan cũng tồn tại một quan hệ hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực vũ khí. Mỗi quan hệ này được bắt đầu năm 1994 với việc Pakixtan cung cấp miễn phí cho Xyri 6 máy bay huấn luyện một động cơ loại MUSHAK và được tăng cường bằng chuyến viếng thăm Xyri của Thủ tướng Bhutto tháng 4 năm 1996. Một kết quả đạt được trong chuyến đi thăm này là việc Pakixtan cung cấp cho Xyri 15 máy bay huấn luyện cùng loại thông qua một khoản tín dụng dài hạn.

Trong những hoạt động phối thuộc với Mossad, BND đặc biệt theo sát chương trình xây dựng một nền công nghiệp sản xuất tên lửa của Xyri. Chi nhánh của BND ở Damaskus đã báo cáo như sau: "Trọng tâm những nỗ lực tăng cường vũ trang của Xyri là đưa vào sử dụng một thế hệ tên lửa đất đối đất cơ động mới có tầm bắn xa hơn, cũng như hiện đại hóa lực lượng phòng không bằng cách nâng cao tác dụng của tên lửa phòng không. Mục tiêu đặt ra không chỉ là việc có loại tên lửa đó, mà còn là xây dựng khả năng tự chế tạo và sản xuất những tên lửa này. Để thực hiện được mục tiêu đó Xyri đi song song hai hướng: một mặt theo đuổi công nghệ nhiên liệu lỏng trong tên lửa Scud của Bắc Triều Tiên, mặt

khác theo đuổi công nghệ nhiên liệu rắn có thể là của Trung Quốc. Sau khi không nhận được tên lửa loại SS- 23 và M-9 từ Liên Xô cũ và Trung Quốc, giới lãnh đạo quân sự Xyri đã bắt đầu từ năm 1988 chương trình cải tiến tên lửa Scud-B của Liên Xô (tầm bắn 300 km, trọng lượng hữu ích 1000 kg). Có lẽ chương trình này đã không mấy thành công. Người ta biết được rằng, mùa thu năm 1989 Xyri đã tiến hành đàm phán với Bắc Triều Tiên về công nghệ tên lửa Scud-C của Bắc Triều Tiên (tầm bắn 500 km, trọng lượng hữu ích 770 kg). Dự án mang mật danh 99 này được chia làm ba giai đoạn và sẽ giúp Xyri tự sản xuất được tên lửa Scud-C. Chương trình này cũng bao gồm cả việc xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cũng như tìm mua máy móc và nguyên liệu thô.

Giai đoạn đầu bao gồm việc cung cấp tên lửa cũng như lắp ráp tên lửa từ những mảnh chi tiết lớn (SKD). Trong giai đoạn hai tên lửa được lắp ráp từ những chi tiết riêng rẽ (CKD). Trong giai đoạn này có thể đưa vào thành phần lắp ráp những chi tiết được sản xuất trong nước. Giai đoạn ba là giai đoạn tự sản xuất (TPS). Mục tiêu đặt ra là tên lửa được sản xuất trong nước không phụ thuộc vào việc nhập khẩu các chi tiết.

Theo đánh giá của chi nhánh BND ở Damaskus thì hiện nay Xyri đang ở vào bước bắt

đầu của giai đoạn ba. Tháng 4 năm 1994 động cơ tên lửa đã được chạy thử lần đầu tiên. Cuộc thử nghiệm này và vụ bắn thử tên lửa ngày 12 tháng 6 cùng năm với tầm bắn 475 km được tính vào giai đoạn CKD. Đầu năm 1997 Xyri bước vào giai đoạn tự sản xuất. Người ta cho rằng, Xyri vẫn phải nhập thiết bị điều khiển và định hướng cho tên lửa.

So với các cơ quan tình báo khác BND được thông báo kỹ càng hơn về những nhà máy sản xuất vũ khí bí mật của Xyri. Trong một báo cáo gửi Phủ thủ tướng BND viết: “Trung tâm của dự án 99 là một vùng có tên gọi là Hamah nằm gần Buraq”. Đây là khu vực thử nghiệm động cơ tên lửa do Bắc Triều Tiên cung cấp. Trong một nhà máy sản xuất đạn dược cũ tên lửa sẽ được lắp ráp lại. Nằm trong khu vực Hamah này còn có hai cơ sở nằm dưới lòng đất là nơi sau này tên lửa sẽ được chế tạo và lắp ráp hoàn chỉnh.

Ngoài ra Xyri còn đang thực hiện dự án công nghệ nhiên liệu rắn cho tên lửa mang mã số “702”. Liên quan đến dự án này BND thông báo là “từ năm 1986 Xyri đã có quan hệ với Trung Quốc”. Đây là một chương trình dài hạn. Tương tự như trong dự án tên lửa Scud, trong chương trình này Xyri cũng xây dựng những cơ sở sản xuất. Trung Quốc là nước cung cấp chính cho

Xyri thiết bị và nguyên liệu để lắp ráp hỏa tiễn. Đầu tiên là loại hỏa tiễn cỡ nhỏ như 122-MM.

Theo tin tình báo của BND thì địa điểm lắp ráp hỏa tiễn loại nhỏ là ở vùng As Safiah và gần Hamah. Trong một bản báo cáo còn có đoạn viết: “Cần phải đề cập đến mối liên hệ với chương trình tên lửa Scud của Iran. Iran cũng nhận được những thành phần cần thiết cho chương trình sản xuất Scud-C từ Bắc Triều Tiên và Trung Quốc. Đồng thời một chương trình tên lửa dùng nhiên liệu rắn cũng được song song tiến hành. Theo tin nhận được thì Xyri đã thỏa thuận với Iran về việc cung cấp nguyên liệu cho việc sản xuất nhiên liệu lỏng dùng cho tên lửa, một số hóa chất và các thiết bị định hướng, dẫn đường trị giá khoảng 80 triệu đô la”.

Vũ khí cho phe Hồi giáo cực đoan Hamas

Người ta ngạc nhiên là BND cũng được cung cấp thông tin đầy đủ về Hibullah, một nhóm Hồi giáo cực đoan chịu ảnh hưởng từ Iran. Có lẽ bản báo cáo của chi nhánh BND ở Ixrael cũng giống như của chi nhánh ở Damaskus về nội dung sau: “Đầu tháng 4 năm 1996 nhóm Hizbullah đã nhận được 30 tên lửa chống tăng kiểu Nga từ Xudăng. Số vũ khí này được chuyển bằng đường biển qua Xyri đến Libăng. Ngay cuối năm 1995 phe Hizbullah cũng đã mua được tên lửa chống

tăng kiểu Nga từ Hungari. Số tên lửa này đã được vận chuyển bằng đường biển về Beirút. Một thông tin gần đây cho biết, số tên lửa mới được sử dụng để chống lại Ixrael có nguồn gốc từ Iran. Ngoài ra tháng 1 năm 1996 một số loại vũ khí khác (trong đó có cả hỏa tiễn Cachiusa, súng cối, thuốc nổ và đạn dược) được chuyển qua Xyri đến tay phe Hizbullah. Người ta nói rằng, chuyển vận chuyển vũ khí đó được người của quân đội Xyri và Iran bảo vệ. Có những tin tức cho rằng, từ giữa năm 1994 phe Hizbullah được Xyri cung cấp vũ khí do Liên Xô cũ sản xuất. Ngoài ra Iran vẫn tiếp tục cung cấp vũ khí cho phe Hizbullah qua cảng hàng không Damaskus”.

Hàng triệu viên đạn cho phong trào Hồi giáo cực đoan Hamas

BND cũng nắm được thông tin chính xác về mối quan hệ của Iran với phong trào Hồi giáo cực đoan Hamas. Theo tin tức của BND thì ngay từ năm 1994 Iran đã cung cấp cho Hamas đầu đạn hỏa tiễn loại GRAD dùng cho dàn phóng BM-21 của Nga. Tuy Hamas không có trong tay loại dàn phóng này, nhưng BND cũng biết rằng thay đổi một chút loại hỏa tiễn này là có thể phóng chúng đi được trên một dàn phóng đơn giản. Iran trợ giúp Hamas mỗi năm 4 triệu đô la, cho cả mục đích chính trị lẫn quân sự. Tháng 8 năm 1995

Iran đã có kế hoạch cung cấp súng AK cho Hamas. Vào thời điểm này Công ty Farsad của Iran đã ký với Công ty Shaher Trading của Yemen một hợp đồng trị giá 13 triệu đô la về việc cung cấp 27.000 khẩu AK và 1,2 triệu viên đạn. Số vũ này có xuất xứ từ Cộng hòa Séc hoặc Cộng hòa Xlôvác và được vận chuyển bằng đường biển đến Iran. Ít nhất là một phần của số vũ khí này đã được chuyển tiếp cho Hamas.

Thị trường tiêu thụ Đông Âu

Trong các báo cáo của BND về tình hình buôn bán vũ khí ở Trung và Đông Nam Âu có thể thấy rõ một điều là dường như người ta quan sát các quốc gia này dưới góc độ coi họ như những thị trường tiêu thụ-tiềm tàng cho nền công nghiệp sản xuất vũ khí vốn dĩ phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu của châu Âu. Trong một bản báo cáo của BND đề ngày 9 tháng 12 năm 1996 có mã số AN 32B-10 40/96 các nước Trung và Đông Nam Âu được coi là khu vực có nhiều hứa hẹn về những hợp đồng cung cấp vũ khí nếu nhìn nhận trên góc độ của tình hình tồi tệ chung trên thị trường mua bán vũ khí thế giới hiện nay. Bản báo cáo này viết tiếp: “Theo sự nhìn nhận của phương Tây thì các nước này vì khả năng Đông tiến của NATO đã trở thành những thị trường tương lai đầy tiềm năng, vì cho đến nay họ chỉ được trang

bị bằng vũ khí có nguồn gốc từ phía Đông, mà việc gia nhập NATO đòi hỏi các hệ thống vũ khí của họ phải hòa nhập và thích hợp với các tiêu chuẩn của NATO”.

Tình hình nền công nghiệp sản xuất vũ khí của Ba Lan

Từ khoảng 80 công ty sản xuất các sản phẩm quân sự dạo cuối thập kỷ 80, đến nay ở Ba Lan chỉ còn khoảng 30 công ty hoạt động trong lĩnh vực này. Theo tin tức của các điệp viên Đức thì ngay cả các công ty này hiện nay cũng chỉ sản xuất cầm chừng - khoảng 25 - 30% công suất. Số cán bộ, công nhân giảm từ 200.000 xuống còn khoảng 80.000 người. BND báo cáo như sau: “Chịu trách nhiệm xuất khẩu vũ khí ở Ba Lan chủ yếu là các công ty kinh doanh vũ khí CENZIN, NAT và PEZETEL. NAT do nhà nước thành lập năm 1993 có doanh số 50 triệu đô la hàng năm. Doanh số hàng năm của CENZIN là khoảng 100 triệu đô la. NAT chịu sự quản lý của cơ quan bảo vệ nhà nước UOP, còn CENZIN chịu ảnh hưởng lớn nhất từ cơ quan tình báo quân đội WSL. Một tập đoàn xuất khẩu vũ khí khác cũng chịu ảnh hưởng của WSL là tập đoàn PROFUS. Theo tin tức tình báo thì thậm chí doanh số của PROFUS còn lớn hơn nhiều so với CENZIN. Tuy nhiên các công ty này còn tham gia vào những

hoạt động xuất khẩu vũ khí mang tính chất quốc tế, nên không có những số liệu chính xác về doanh số của họ”.

Nhưng nhìn chung thì thành công của Ba Lan trong lĩnh vực xuất khẩu vũ khí là hạn chế. Căn cứ vào một hiệp định ký năm 1994 đã được sửa đổi nhiều lần, năm 1995 Ba Lan cung cấp cho Iran 34 xe tăng T-72 đã qua sử dụng. Đầu năm 1996 Ba Lan cung cấp tiếp 72 xe tăng T-72 đã qua sử dụng cho Iran. Ngoài ra năm 1995 Campuchia nhập của Ba Lan 70 xe tăng T-54/55 đã qua sử dụng trị giá 2 triệu đô la. Còn Ai Cập thì nhận được máy bay trực thăng. Vũ khí của Ba Lan cũng được xuất sang Indonêsi-a, Ấn Độ và Yemen. Theo tin tức BND nhận được thì kế hoạch Ba Lan cung cấp 120 PT-91 TWARDY cho Malaysia và cùng với Ixrael thực hiện chương trình hiện đại hóa xe tăng cho Ấn Độ thì BND chưa được thực hiện.

Bắc Triều Tiên

Có những bản báo cáo của BND chứa đựng nội dung hấp dẫn như cuốn tiểu thuyết trinh thám, ví dụ như bản báo cáo “Phân tích hoạt động kinh doanh vũ khí thông thường của Bắc Triều Tiên và Trung Quốc” đề ngày 1 tháng 10 năm 1996, ký hiệu AN 32B-0800-96.

Điều làm người đọc rất ngạc nhiên là BND thu được rất nhiều thông tin về một trong số những quốc gia được “che chắn” kỹ nhất hiện nay trên thế giới. Nền công nghiệp sản xuất vũ khí của Bắc Triều Tiên với trọng tâm là vũ khí hạng nhẹ và đạn dược được thành lập từ đầu thập kỷ 60 và tạo điều kiện cho đất nước này có thể tự đáp ứng được nhu cầu nội địa vào đầu những năm 70. Bên cạnh vũ khí hạng nhẹ, Bắc Triều Tiên còn sản xuất xe bọc thép, xe phục vụ cho hải quân và tên lửa. Trong lĩnh vực chế tạo máy bay thì sự hợp tác với Nga được tăng cường từ năm 1993.

Theo tin tức của BND thì trong lĩnh vực chế tạo khí cụ bay Bắc Triều Tiên đã cải tiến thành công những công nghệ sẵn có với sự trợ giúp của nước ngoài theo phương châm “tài chính của Iran và kỹ thuật của Nga”. Dựa trên tên lửa Scud-B do Ai Cập cung cấp (tầm bắn 300 km, trọng lượng hữu ích 1.000 kg) Bắc Triều Tiên bắt tay xây dựng một nền công nghiệp tên lửa nội địa từ giữa thập kỷ 80. Lúc đầu tên lửa được sản xuất dập khuôn. Sau này tên lửa được cải tiến và tăng sức mạnh chiến đấu. Trên cơ sở công nghệ tên lửa Scud sẵn có, Bắc Triều Tiên đã cho ra đời Scud-C (tầm bắn 500 km, trọng lượng hữu ích 770 kg) và tên lửa No Dong (tầm bắn 1050 km, trọng lượng hữu ích 1.000 kg). Theo tin tức BND

nhận được thì cho đến nay Iran vẫn chưa được cung cấp tên lửa No Dong. Người ta cho rằng, quá trình chế tạo loại tên lửa này vẫn chưa kết thúc. Theo đánh giá của nhân viên BND ở Xơ-un thì: “Bắc Triều Tiên đặc biệt gặp khó khăn khi chế tạo bộ phận định hướng và điều khiển cho No Dong. Lần bắn thử tháng 5 năm 1993 chỉ được thực hiện với tầm bắn khoảng 500 km mà thôi”.

Bắc Triều Tiên không những chỉ giúp đỡ Xyri, mà cả Iran sản xuất tên lửa Scud-C bằng cách cung cấp nguyên liệu, máy móc và các thành phần cần thiết của tên lửa. Libi cũng quan tâm đến công nghệ Scud. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có hoạt động cung cấp tên lửa nào được thực hiện giữa hai nước.

Tuy có những thành công nhất định trong công nghệ sản xuất khí cụ bay, nhưng nền công nghiệp quốc phòng của Bắc Triều Tiên nhìn chung vẫn đứng trước những khó khăn to lớn. ở đây vẫn còn thiếu những tiềm năng về khoa học và kỹ thuật Vì không có một nền sản xuất điện tử cơ bản và thiếu ngoại tệ một cách gay gắt nên kế hoạch hiện đại hóa toàn bộ nền công nghiệp quốc phòng của Bắc Triều Tiên sẽ không thể thực hiện được. Hoạt động kinh doanh vũ khí của Bình Nhưỡng có lẽ là nguồn cung cấp ngoại tệ quan trọng nhất cho nền kinh tế Bắc Triều Tiên. Bắc Triều Tiên xuất khẩu vũ khí và công

nghe quốc phòng chỉ vì lý do kinh tế chứ không vì lý do chính trị.

Trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Bắc Triều Tiên từ 1990 đến cuối 1995 (khoảng 6,44 tỷ đô la) xuất khẩu vũ khí và công nghệ quốc phòng chiếm khoảng 4,7% (khoảng 300 triệu đô la). Trong thập kỷ trước, từ 1980 đến 1989 giá trị xuất khẩu vũ khí của Bắc Triều Tiên (sang các nước thế giới thứ ba) là khoảng 2,5 tỷ đô la.

Khách hàng chính của Bắc Triều Tiên vẫn không thay đổi từ thập kỷ 80 đến nay. Vũ khí của Bình Nhưỡng chủ yếu được xuất sang các quốc gia khu vực Trung Cận Đông. Khối lượng xuất khẩu sang châu Á và châu Phi chỉ chiếm một phần nhỏ. Theo BND thì sau khi Liên Xô sụp đổ, Bắc Triều Tiên ngày càng tham gia tích cực hơn vào việc môi giới cho các phi vụ xuất khẩu vũ khí, khí tài từ các nước thuộc Liên Xô cũ. Ngoài ra đôi khi vũ khí của nước khác cũng được xuất “ủy thác” qua đại diện thương mại hoặc ngoại giao của Bắc Triều Tiên ở nước ngoài.

Khách hàng quan trọng nhất của Bắc Triều Tiên là Iran. Cho đến nay, bên cạnh các loại vũ khí khác Teheran đã nhận được từ Bình Nhưỡng từ 75 đến 100 tên lửa đất đối đất Scud-B và khoảng 60 Scud-C với 12 bộ phóng và 3 xe vận chuyển. Theo tin tình báo của BND thì năm 1995 Bắc Triều Tiên đã cung cấp cho Iran ít nhất là 2

tàu ngầm mini để phần nào trừ đi số nợ mua dầu hỏa Iran khoảng 200 triệu đô la. Trong những năm thập kỷ 90 tổng kim ngạch xuất khẩu vũ khí của Bắc Triều Tiên sang Iran trị giá khoảng 130 triệu đô la. Những tin tức về việc năm 1995 Iran nhận thêm tên lửa đất đối đất Scud-C và một số lượng lớn tên lửa đất đối không SA- 10 của Bắc Triều Tiên đến nay vẫn chưa được BND xác nhận.

Xyri là khách hàng quan trọng thứ hai của Bắc Triều Tiên trong những năm 90. Trong khoảng thời gian này Xyri đã nhập vũ khí của Bắc Triều Tiên trị giá khoảng 60 triệu đô la. Bên cạnh các loại vũ khí, khí tài khác Xyri đã nhập 60 tên lửa đất đối đất Scud-C kèm theo 8 bộ phóng. Trong tổng số 60 tên lửa đó thì 20 quả được cung cấp hoàn toàn, còn 40 quả còn lại được cung cấp dưới dạng thành phần (SKD) và được Xyri lắp ráp với sự trợ giúp của Bắc Triều Tiên.

Tháng 8 năm 1994 Bắc Triều Tiên đã ký với Libi một hợp đồng cung cấp 12 tên lửa đất đối đất Scud-C. Một phần trong hợp đồng này được Libi thanh toán bằng dầu hỏa. Để tránh tai tiếng địa chủ nước nhận được ghi trong hợp đồng lại là Daia. Tuy nhiên cho đến nay BND vẫn chưa xác định được một chuyển cung cấp tên lửa nào, cho dù trực tiếp hay gián tiếp, từ Bắc Triều Tiên cho Libi.

Tháng 8 năm 1995 Bắc Triều Tiên đã ký với Ai Cập một hợp đồng cung cấp ít nhất 15 xe chuyên dụng vận chuyển tên lửa loại MAZ-543 trị giá 1,6 triệu đô la. Loại xe đa chức năng này có thể được dùng chuyên chở và làm bộ phóng tên lửa Scud, cũng như biến đổi thành dàn phóng hỏa tiễn SMERCH. Loại xe này Bắc Triều Tiên nhập từ Bêlôruksia. Hợp đồng này liên quan đến một thỏa thuận giữa Bình Nhưỡng và Cairô về việc hiện đại hóa và tiếp tục phát triển về mặt kỹ thuật tên lửa đất đối đất Scud-B của Ai Cập. Bắc Triều Tiên còn giúp đỡ Ai Cập bảo dưỡng và nâng cao sức mạnh chiến đấu của 70 máy bay loại F-7. Người của BND ở Cairô báo cáo như sau: “Theo tin tình báo thì Bình Nhưỡng sẵn sàng chỉ tính tiền nguyên liệu cho 40 chiếc máy bay đầu tiên và không lấy tiền công”. Ngoài ra cho đến năm 1995 Bắc Triều Tiên còn cung cấp cho Ai Cập pháo 130 mm và súng cối 60 mm.

Sau Trung Cận Đông thì châu Á là khu vực khách hàng quan trọng thứ hai của Bắc Triều Tiên. Trong khu vực này vũ khí, khí tài Bắc Triều Tiên chủ yếu được xuất sang Myanma, Campuchia và Thái Lan trong những năm 90. Chủng loại vũ khí được xuất sang khu vực này chủ yếu là vũ khí bộ binh và đạn được trị giá khoảng 50 triệu đô la. Các điệp viên Đức cũng theo dõi các cuộc đàm phán của các công ty Bắc Triều Tiên với Việt Nam, Bangladesh, Pakixtan,

Sri Lanka và Ấn Độ. Đối tượng của các cuộc đàm phán này thường là khối lượng nhỏ vũ khí bộ binh, phụ tùng thay thế hoặc các thiết bị đã qua sử dụng xuất xứ từ các quốc gia thuộc Liên Xô cũ. Tháng 11 năm 1994 Bình Nhưỡng đã ký với Việt Nam một hợp đồng cung cấp phụ tùng và đạn dược đổi lấy gạo. Gần đây phương thức kinh doanh đổi vũ khí lấy lương thực này của Bình Nhưỡng cũng được thực thi với các nước châu Á khác, ví dụ như dự kiến cung cấp tàu phóng lôi cho Pakixtan và máy bay trực thăng cho Sri Lanka. Năm 1996 Thái Lan cũng đã đổi gạo lấy vũ khí của Bắc Triều Tiên.

Chính sách xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc

Chính sách xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc trong những thập kỷ qua đã có những thay đổi cơ bản. Trong thập kỷ 60 và 70 Trung Quốc xuất khẩu vũ khí chủ yếu vì những tính toán chính trị và tư tưởng. Tuy nhiên kể từ khi bắt đầu chính sách cải cách vào cuối những năm 70 thì những cân nhắc mang tính thương mại đã được đặt lên hàng đầu và từ đó quyết định hoạt động xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc.

Năm 1994 Trung Quốc xuất khẩu vũ khí sang Trung Cận Đông trị giá 120 triệu đô la. Năm 1995 khoảng 110 triệu đô la. Khách hàng chính của Trung Quốc năm 1994 là Iran đã nhập

5 tàu chiến cao tốc trang bị tên lửa loại Hudong và 2 bộ phóng cho tên lửa chống mục tiêu trên biển loại C-801 tổng trị giá 95 triệu đô la. Năm 1994 Trung Quốc còn cung cấp cho Tuynidi 3 tàu chiến cao tốc loại Thượng Hải trị giá 23 triệu đô la. Theo tin tình báo của BND thì xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc sang Iran năm 1995 tạm thời rút xuống còn 18 triệu đô la bao gồm 10 tên lửa chống mục tiêu trên biển C-801 và 350 tên lửa chống tăng có điều khiển loại Red Anow 73.

Pullach còn báo cáo: “Năm 1996 Teheran nhập từ Bắc Kinh vũ khí, khí tài trị giá 80 triệu đô la, trong đó có 5 tàu chiến cao tốc loại Hudong và ít nhất 3 bộ phóng cho tên lửa chống mục tiêu trên biển C-802 kèm theo 60 quả tên lửa. Hiện nay đang tồn tại những hợp đồng giữa Teheran và Bắc Kinh về việc cung cấp tiếp tục tên lửa C-802 trang bị cho tàu chiến cao tốc loại Hudong cũng như cung cấp thủy lôi cho Iran. Ngoài ra từ năm 1995 hai nước tiến hành đàm phán về việc cung cấp tiếp 15 tàu chiến cao tốc trang bị tên lửa loại Hudong, cũng như 30 tàu phóng lôi đã qua sử dụng loại P-4 và P-6. Có thể cho rằng, xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc sang Iran ít nhất cũng sẽ vẫn giữ được ở mức 100 triệu đô la mỗi năm”.

Khách hàng chính của Trung Quốc trong năm 1995 là Xudăng, chủ yếu nhập một khối lượng lớn đạn dược và các loại hàng hóa quân sự

khác trị giá 45 triệu đô la. Cũng trong năm 1995 Yemen nhập vũ khí, khí tài từ Trung Quốc trị giá 40 triệu đô la, trong đó có 3 tàu chiến cao tốc trang bị tên lửa loại Huangfeng. Năm 1996 Xudăng nhập máy bay trực thăng và đại bác của Trung Quốc. Tại châu Phi thì khách hàng của Trung Quốc chủ yếu mua với số lượng nhỏ và thanh toán dưới hình thức ghi nợ. Tổng kim ngạch xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc sang châu Phi năm 1994 trị giá 19 triệu đô la, năm 1995 là 15 triệu đô la. Khách hàng châu Phi là các nước Etiopia, Burundi, Môritania, Eritrea, Dămbia, Dimbabuê, Sát và Daia.

Các điệp viên Đức rất quan tâm theo dõi những nỗ lực của Trung Quốc tìm mua 2 hàng không mẫu hạm. Tuy nhiên những cuộc đàm phán mua lại hàng không mẫu hạm đã qua sử dụng của Nga, Ucraina, Mỹ và Pháp cho đến nay vẫn chưa đem lại kết quả. Ở Pullach người ta cho rằng: “Từ đầu năm 1995 Trung Quốc cũng đàm phán với công ty đóng tàu Bazan của Tây Ban Nha, tuy cả hai phía cho đến nay đã nhiều lần phủ nhận tin này. Tổng số tiền Trung Quốc dự kiến để mua hai hàng không mẫu hạm loại nhỏ là khoảng 1 tỷ đô la”.

Vụ “Waalhaven”

Chiến dịch sau đây cho thấy cơ quan tình báo Đức cũng phối thuộc với các cơ quan tình báo

khác theo dõi những đợt vận chuyển vũ khí từ Đức. Ngày 12 tháng 12 năm 1992 một tàu vận tải của Extonia mang tên “Waalhaven” đến nhận nhiều container đựng trong hòm gỗ tại cảng Hamburg. Hồi đó ông Rolf Zabel, đội trưởng đội Hải quan Hamburg vẫn chưa được trang bị máy soi container cầm tay. Không ai có khả năng để kiểm tra khối lượng rất lớn hàng hóa container được bốc, dỡ hàng ngày tại cảng. Người ta chỉ còn trông chờ vào phương pháp kiểm tra điểm và sự đúng đắn của vận đơn. Mới trông thì hàng hóa của tàu “Waalhaven” đơn giản như mọi tàu khác: máy khoan, ốc vít... Có nghĩa là không có loại hàng nào khả dĩ làm hải quan phải chú ý.

Sau khi ăn hàng xong, tàu “Waalhaven” chạy tiếp tới cảng Antwerpen ở Bỉ và không để lại một chút nghi ngờ gì. Hàng hóa tàu “Waalhaven” nhận tiếp ở đây là các linh kiện bằng kim loại gửi cho một nhà máy ô tô ở Bình Nhưỡng. Hàng định dự kiến cập cảng Nam Po ở Bắc Triều Tiên. Tại Antwerpen cũng không ai ghi nhận điều gì khác lạ cả và không ai biết rằng, BND và Mossad đã đưa con tàu trọng tải 4.000 tấn này vào thuốc ngấm. Ngay từ năm 1990, BND đã biết Xyri và Bắc Triều Tiên đã ký một hợp đồng nhằm xây dựng một nhà máy sản xuất tên lửa Scud ở Xyri. Hợp đồng mang số hiệu “SC-8991” này được trung tướng Sami Akel đại

diện phía Xyri ký. Trong khi kiểm tra định kỳ liên lạc bằng fax được gửi đi nước ngoài từ Đức năm 1992 Mossad đã gặp lại số hiệu hợp đồng này. Không phải tất cả lô hàng hóa sau này phát hiện trên tàu “Waalhaven” đều là sản phẩm của Đức. Số hàng hóa trị giá 7 triệu đô la này một phần có nguồn gốc từ Nga và Séc.

Có lẽ một lúc nào đó, sau khi “Waathaven” đã cập bến, người Ixrael mới tìm ra được những bằng chứng giấy tờ khẳng định mối nghi ngờ của họ là đích cuối cùng của “Waalhaven” là Xyri và tàu sẽ mang đến Xyri những thành phần, linh kiện phục vụ cho kế hoạch tên lửa Scud của Xyri. Ngày 21 tháng 12 đại sứ quán Ixrael ở Bonn đã thông báo cho Phủ thủ tướng về chuyến hàng đặc biệt này. Nhưng trong thời gian chuẩn bị lễ Giáng sinh thì guồng máy làm việc ở Bonn chạy chậm hơn bình thường.

Vì thế mãi đến mấy ngày sau, vào đúng ngày 25 tháng 12, lực lượng hải quân của Italia mới bắt được “Waalhaven” ngoài khơi đảo Xixilian và dẫn về cảng Augusta. Trong vụ này cần nêu cao cung cách làm việc của người điều phối hoạt động tình báo tại Phủ thủ tướng là Bộ trưởng Quốc vụ Schmidbauer. Trong khi Bộ Kinh tế Liên bang án binh bất động và định cho qua chuyến hàng này, thì Schmidbauer đã dám khẳng định ngay với phía Ixrael sự ủng hộ hoàn

toàn của ông trong vụ này, mặc dù quyết định này của Schmidbauer có thể gây ảnh hưởng xấu tới tương lai chính trị của ông.

Một chiếc máy bay riêng đã chở ngay sang Italia một người của BND, ba đại diện Bộ Quốc phòng Liên bang, một điệp viên Mossad và một đại diện của CIA. Hơn một tuần lễ sau nhóm tình báo hỗn hợp này mới được phép xem xét lô hàng đã được bốc dỡ lên khỏi tàu và xếp vào trong kho. Tuy nhiên họ chỉ được phép kiểm tra những chiếc hòm gỗ được bốc lên "Waalhaven" từ cảng Hamburg. Những thùng hàng có xuất xứ từ Đức nhưng được bốc lên từ cảng Antwerpen của Bỉ thì không bị kiểm tra.

Các chuyên gia đã cực kỳ ngạc nhiên khi mở lô hàng được gửi từ Hamburg ra: trong thùng là máy móc, thiết bị của Công ty Leifeld vùng Ahlen, mà cơ quan công tố Đức đã điều tra có liên quan đến những phi vụ cung cấp thiết bị cho chương trình sản xuất tên lửa Scud của Irắc. Các chuyên gia đã nhanh chóng tìm ra địa chỉ cuối cùng của lô hàng này: "Waalhaven" dự định dỡ hàng tại cảng Latakia ở Syri.

Vì báo chí Sizilian đã đánh hơi thấy chuyện công tác của ba cơ quan tình báo tại một hải cảng không lấy gì làm to lớn như Augusta này, nên Chính phủ Liên bang thấy cần phải đưa ra một lời tuyên bố. Người phát ngôn viên của Chính

phủ Bonn lúc bấy giờ, ông Schafer, đã đánh lừa công chúng Đức bằng cách tuyên bố, chuyển hàng này được gửi cho “một nhà máy ô tô ở Bình Nhưỡng”. Có lẽ không ai - kể cả ông Schafer - nghĩ đến việc là ở Bình Nhưỡng không có một nhà máy sản xuất ô tô nào! Tuy Bắc Triều Tin có một nhà máy ô tô vận tải, nhưng ở đó chủ yếu chỉ sản xuất xe vận tải quân sự. Ngay cả việc nếu đưa nhà máy sản xuất xe tải quân sự này ra làm địa chỉ nhận hàng thì cũng trái với quy định xuất khẩu của Đức. Vụ “Waathaven” là một ví dụ điển hình minh họa điều mà lẽ ra nhà chức trách Đức phải tránh ngay từ đầu: người Bắc Triều Tiên đến Bonn, rút ra một bức ảnh chụp loại xe du lịch Mercedes 190 và nói là họ có ý định “bắt chước” sản xuất loại xe này ở Bình Nhưỡng. Các chuyên gia của Bộ Kinh tế Liên bang đã sa bẫy. Những vụ việc tương tự như vậy cũng đã nhiều lần xảy ra.

Những máy móc của Công ty Ahlen, mà theo BND, Mossad và CIA để phục vụ cho chương trình tên lửa Scud của Xyri, đã được Hải quân Đức chuyển về Đức. Trong một cuộc họp báo sau đó, phát ngôn viên của Chính phủ Bonn là ông Schafer đã thề thốt là Chính phủ Liên bang kiên quyết ngăn cản các công ty phương Tây hỗ trợ chương trình tên lửa của Xy ri. Tuy nhiên Chính phủ Bonn đã không quyết tâm đến

mức độ như vậy, vì những thùng hàng có xuất xứ từ Đức, nhưng được bốc lên tàu từ cảng Antwerpen, thì lại được chuyển đến Xyri mà không hề bị cản trở.

Đến nay thì người ta đã biết được rằng, trong vụ “Waalhaven” tin tức Chính phủ Liên bang cung cấp cho công chúng chủ yếu là tin giả. Vị phát ngôn viên của Bonn còn tuyên bố “hàng hóa có xuất xứ từ nhiều nước châu Âu”. Tất nhiên là có hàng của “Bỉ” trên tàu, nhưng lại được sản xuất tại Đức! Trong vụ này Schafer đã cố tình làm dư luận không tập trung chú ý vào Đức bằng cách tung hỏa mù là những kẻ đạo diễn vụ kinh doanh tên lửa này nằm ở đâu đó bên Thụy Sĩ. Trong buổi họp báo Schafer đã khen ngợi sự hợp tác của Công ty tàu biển Extonia, nhưng “quên” không cảm ơn nỗ lực của BND, Mossad và CIA. BND đã “buộc” phải tự khen mình: trong một bản tổng kết nội bộ những thành công BND đạt được từ đầu những năm 90 đến nay có đoạn viết: “Bằng hoạt động của mình BND đã nhiều lần ngăn chặn thành công không cho Irắc, Iran hoặc Libi nhận được những nguyên, vật liệu cơ bản phục vụ cho chương trình sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, ví dụ như trong vụ Waalhaven năm 1992”. Tuy nhiên BND cũng phải thừa nhận rằng, vụ vận chuyển máy móc, linh kiện sản xuất tên lửa bị phát hiện đạo

mùa đông năm 1992-1993 chỉ là đỉnh của một núi băng ngầm khổng lồ. “Chúng tôi chỉ có thể tìm cách làm chậm lại chương trình chế tạo tên lửa của Xyri, Nhưng cho dù có sự trợ giúp của các cơ quan tình báo khác, về lâu dài chúng tôi cũng không thể ngăn cản được tiến trình này”.

Trợ giúp Ixrael

Sự hợp tác chặt chẽ giữa BND với các cơ quan tình báo được thể hiện trong vụ viên phi công Ron Arad người Ixrael. Dù cho Ixrael và Cộng hòa Hồi giáo Iran duy trì một mối quan hệ chính thức mang tính chất thù địch, nhưng đã từ lâu hai nước này vẫn có những cuộc tiếp xúc bí mật ở Bonn. Với sự có mặt của Bộ trưởng Quốc vụ phụ trách công tác tình báo Schmidbauer, đại diện Iran, Ixrael và Xyri đã tiến hành nhiều vòng đàm phán về số phận của viên phi công Ixrael Ron Arad. Máy bay của viên phi công này bị rơi ngày 16 tháng 10 năm 1986 gần Sidon ở miền Nam Libăng, còn bản thân anh ta nhảy dù thoát ra được. Theo giới tình báo Đức thì đến tháng 2 năm 1995 cuộc đàm phán đã bước vào giai đoạn quyết định. Schmidbauer, người cũng đã thành công khi môi giới giữa Ixrael và Libăng, đã khéo léo lái cuộc đàm phán. Trong khi đàm phán phía Ixrael và phía Iran ngồi ở hai phòng khác nhau và không trao đổi trực tiếp với nhau,

mà người Đức làm nhiệm vụ trung gian. Cho dù các bên đã rất nỗ lực, xong cho đến nay số phận của Ron Arad, người ở Ixrael đã được phong là anh hùng dân tộc, vẫn chưa được giải quyết. Trong những tuyên bố chính thức Tel Aviv và Oasinhton đã chỉ trích Chính phủ Đức "quá gần gũi" với Chính phủ Iran, tuy rằng Bonn và BND trong quá khứ đã nhiều lần giữ vai trò môi giới giữa Ixrael - Iran và Mỹ - Iran. Cũng chính vì mục đích này, năm 1989 - người ta cho rằng dưới sức ép của Mỹ - BND đã lập lại mối quan hệ với cơ quan tình báo Iran. Từ đó đến nay Schmidbauer đứng ra làm trung gian cho Mỹ ví dụ như trong các cuộc đàm phán với Iran về việc thả những người Mỹ bị phía Iran bắt giữ. Đối với Iran thì Schmidbauer đã bằng mối quan hệ này thỏa thuận được việc trao đổi con tin với tổ chức Hồi giáo cực đoan Hizbullah của Iran. Ngoài ra một điều bí mật nữa mà ai cũng biết là Ixrael nhận được từ BND tất cả những bản báo cáo do các đại sứ quán Đức gửi về Bộ Ngoại giao Đức.

Chiến công tình báo ở Tarhuna

Một trong những thành tích lớn nhất được dư luận biết đến là việc sớm phát hiện ra dự án xây dựng một nhà máy sản xuất khí độc thứ hai của Libi. Sau vụ bê bối về việc các công ty Đức cung cấp thiết bị cho Libi xây dựng nhà máy sản

xuất khí độc ở Rabta thì danh dự quốc tế của Đức bị suy giảm nặng nề. Ngày 16 tháng 3 năm 1993 tác giả cuốn sách này đã cho đăng trên tờ “Frankfurter Allgemein Zeitung” bài viết về dự án xây dựng nhà máy sản xuất khí độc thứ hai của Libi. Vài ngày trước đó người ta đã cung cấp cho tác giả một bản báo cáo mật về việc này. Bài báo này đã làm thế giới sửng sốt. Nguyên nhân dẫn đến vụ cố tình bật mí này có lẽ là phản ứng bức bối của Phủ thủ tướng Đức đối với lời tuyên bố của cựu phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ Snyder, người cách đó khoảng một tháng vì lý do đối nội đã buộc tội các công ty Đức lần thứ hai lại cung cấp thiết bị cho nhà máy sản xuất khí độc của Libi. Thế nhưng chính BND đã phát hiện ra nhà máy mới của Libi ở Tarhuna. Và điều đầu tiên người Mỹ làm sau khi nhận được bản báo cáo này của BND là công khai buộc tội người Đức!

Trong thời gian sau đó người Mỹ cũng đã xử sự một cách thiếu trung thực. Đáng lẽ phải ca ngợi sự hợp tác của BND thì tháng 2 năm 1996 cựu giám đốc CIA Deutch lại cho công bố “những phát hiện” về nhà máy sản xuất khí độc mới của Libi với sự tham gia của Đức. Tất nhiên tờ “New York Times” vô ngay lấy tin này và cho đăng lên trang nhất. Nhưng người ta đã không hề đưa tin rằng việc điều tra các công ty Đức liên quan đến

vụ này đã bị đình chỉ từ lâu. Các công ty này đã chứng minh được rằng, họ đã bị các công ty giả danh đánh lừa về địa chỉ cuối cùng nhận sản phẩm của công ty họ. Vì trí nhớ của con người có giới hạn, nên có thể cho rằng, đến một lúc nào đó người Mỹ sẽ lại cho ra lò những phát hiện mới tương tự về việc Công ty Đức tham gia cung cấp thiết bị cho nhà máy thứ hai sản xuất khí độc của Libi với mục đích làm thiệt hại các Công ty Đức trên thị trường xuất khẩu.

Trong một báo cáo nội bộ của BND hồi tháng 6 năm 1995 có đoạn viết: “Những thí nghiệm của Libi nhằm sản xuất vũ khí C và địa điểm sản xuất đã bị phát hiện sớm (năm 1978) ở Rabta, Turhuna và Sheba”. Nhiều công ty từ Thụy Sĩ, Nhật Bản, Italia, Đan Mạch, Áo, Anh, Pháp và Ba Lan năm 1993 đã nằm trong danh sách bị nghi ngờ giúp đỡ Libi xây dựng nhà máy sản xuất khí độc thứ hai. Nhà máy này nằm ở Tarhuna và người ta cho rằng đây là hệ thống sản xuất khí độc lớn nhất thế giới thứ ba. Tuy ngày 15 tháng 4 năm 1992 UNO đã ra nghị quyết cấm vận, nhưng có lẽ Libi không gặp khó khăn gì để tìm mua ở nước ngoài các thiết bị cho nhà máy sản xuất khí độc thứ hai này. Nhà máy này được xây dựng cùng thời gian với nhà máy thứ nhất ở Rabta. Từ giữa năm 1990 đã theo dõi công việc xây dựng được tiến hành trên một khu

vực gần Thành phố Tarhtma cách Thủ đô Tripolis 65 cây số về phía Nam. Tại đây người ta đã xây dựng hai hệ thống đường hầm song song dài khoảng 150 mét ven một sườn núi đá vôi. Một năm sau người ta đã tiến hành lắp ráp các thiết bị của hệ thống sản xuất khí độc trong đường hầm. Nằm trên hai đường hầm này là hai khu vực xây dựng mỗi khu vực dài 500 mét. Tuy nhiên theo phân tích ảnh vệ tinh thì đây không phải là sân bay. Vì trong hội nghị quốc tế về vũ khí hóa học tháng 1 năm 1993 ở Paris Libi đã không ký Công ước Liên hiệp quốc về cấm vũ khí hóa học, nên các vệ tinh của Pháp, Nga, và Trung Quốc đã cung cấp ảnh vệ tinh về công trường xây dựng này. Phía Libi vẫn khẳng định rằng, hệ thống đường hầm này là một phần trong công trình "Sông lớn" - một công trình đầy tham vọng tốn kém 25 tỷ đô la nhằm tưới nước cho vùng sa mạc khô cằn bằng chính nguồn nước lấy từ sa mạc Xahara. Trong công trình được nhà lãnh đạo Gadafi của Libi coi là "kỳ quan thứ tám" của thế giới này nước mạch trong lòng sa mạc Xahara sẽ được dẫn trong hai đường ống dài 1.900 cây số tới các đô thị nằm ven biển.

Hồi đó có hai công ty Thụy Sĩ sẵn sàng hợp tác trực tiếp với Libi trong dự án nhà máy khí độc mới. Khi một trong hai công ty này cung cấp thiết bị dẫn khí và hút khí riêng rẽ cho đường

hầm thì lẽ ra người Thụy Sĩ phải hiểu ngay rằng, đây là một công trình xây dựng, lắp ráp thiết bị hóa học. Bên cạnh hệ thống thông khí này, năm 1992 một công ty Thụy Sĩ khác từ châu Á đã cung cấp cho Libi thiết bị khử ô nhiễm, bảo vệ và bảo động hiện đại.

Nhưng cũng như trong vụ nhà máy thứ nhất, đa số thiết bị được cung cấp từ 4 công ty Thái Lan và hai công ty ma ở Singapor và Hongkong. Công ty W & M ở Chiềng Mai cũng đã kéo một công ty Đức vào cuộc, mặc dù công ty này không hề biết. Chính vì thế Công ty Westfalia-Becorit của Đức - thông qua Công ty W & M - đã cung cấp cho công trình nhà máy khí độc này hai máy đào đường hầm. Theo BND thì đây là một ví dụ điển hình về những phương pháp Libi áp dụng nhằm sử dụng công nghệ cao của phương Tây cho mục đích quân sự của họ.

Ngày 18 tháng 5 năm 1990 lần đầu tiên Công ty W & M gửi điện cho Công ty Westfalia-Becorit hỏi về máy đào, xúc trong khai thác mỏ. Khi công ty Đức hỏi về mục đích và địa điểm sử dụng máy thì S. Wirote, giám đốc công ty Thái Lan đã trả lời: "Máy sẽ được sử dụng tại Libi để đào đường giao thông trong lòng núi. Tổng cộng là ba đường ngầm rộng 9 mét, cao 6 mét và mỗi đường dài 200 - 300 mét. Điều kiện địa chất là đá vôi, đá silicat với khoảng 25% thành phần

thạch anh, áp lực nén 50 - 60 megapascal". Ông Conrad, đại diện của Westfalia-Becorit cho biết: "Những chỉ số kỹ thuật được Công ty Thái Lan cung cấp là những chỉ số thông thường ứng với các công trình xây dựng đường ô tô hai làn. Cho nên không có lý do gì để nghi ngờ cả". Ngày 19 tháng 9 năm 1990 hợp đồng cung cấp máy đào đường hầm loại WAV-170 trị giá 2 triệu mác đã được ký. Tháng 8 năm 1991 Công ty Đức đã thông qua Công ty Thái Lan cung cấp cho Libi thêm một máy đào loại Luchs-H trị giá 1,5 triệu mác.

Vào thời điểm đó Công ty Thái Lan W & M đã trở thành đại lý bán hàng của Công ty Đức cho khu vực châu Á và Libi. Bằng máy này người ta có thể đào được đường hầm cao 7,20 mét và rộng 6,70 mét trong lòng núi đá. Khi cung cấp hai chiếc máy này nhà sản xuất cũng đã khai báo với Hải quan Đức là hàng được chuyển đến Libi.

Công ty Thái Lan đảm nhiệm việc đưa vào vận hành và sửa chữa khi hỏng hóc. Mãi đến khi chuyển phụ tùng thay thế đầu tiên được cung cấp vào năm 1992 thì nhà chức trách Đức mới nghi ngờ. Cơ quan công tố Thành phố Bochum tiến hành điều tra Công ty Westfalia-Becorit vi phạm quy định ngoại thương của Đức, vì những sản phẩm được công ty cung cấp có thể được sử

dụng không những trong dân sự, mà còn cả trong quân sự. Nhưng công tố viên Bieniossek đã nhanh chóng phát hiện ra là Westfalia-Becorit cũng không rõ mục đích sử dụng đích thực của các loại máy móc này là gì. Cuộc điều tra đến đây đã bị đình chỉ.

Sau đó thì Chính phủ Libi tìm cách liên hệ với Westfalia-Becorit thông qua các công ty ma khác ở nước ngoài để mua phụ tùng. Nhưng từ đó đến nay công ty này đã không cung cấp một chuyến hàng nào nữa, nếu không có bằng chứng bằng văn bản là máy của công ty không được sử dụng vào mục đích quân sự.

Liên quan đến vụ nhà máy sản xuất khí độc người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ còn nêu tên hai công ty khác của Đức, mặc dù cơ quan công tố không tiến hành điều tra họ. Công ty Turbofilter ở Essen cung cấp kèm theo máy đào hầm của Westfalia-Becorit một thiết bị hút bụi trị giá 180.000 mác. Công ty Korfinaml ở Witten cung cấp hai quạt gió cực lớn với giá 100.000 mác mỗi chiếc. Theo cơ quan công tố Đức, thì trong vụ nhà máy sản xuất khí độc thứ hai này, các công ty Đức, khác với nhiều công ty nước ngoài khác, đã không biết được rằng, sản phẩm của họ được sử dụng để xây dựng một nhà máy sản xuất khí độc thứ hai. Hiệp hội những nhà chế tạo máy Đức với khoảng 3.000 thành viên đã tuyên bố:

“Đối với Libi thì nhiều công ty Đức gặp khó khăn với các quy định giám sát hàng xuất khẩu. Sau vụ Rabta các công ty Đức đã đặt biệt thận trọng để tránh sa vào phạm vi cấm”. Tuy vậy sự trợ giúp không chủ ý của Westfalia-Becorit đã gây nên một hậu quả: Chính phủ Liên bang cấm ngay lập tức việc cung cấp các thiết bị làm hầm, đường ngầm cho Libi. Trái với tất cả các nước châu Âu khác, ngay cả tàu nạo vét lòng sông, lòng cảng biển của Đức cũng không được xuất cho Libi.

Nhà máy sản xuất khí độc đầu tiên ở Rabta, một công trình mà các công ty Đức “dẫn đầu” trong danh sách tham gia, đã bị hỏa hoạn phá hủy một phần tháng 3 năm 1990. Oasinnhton thì cho rằng, đây là một hành động nhằm xóa chứng cứ của Libi. Theo tin tình báo Mỹ thì tại đây, sau khi đã được sửa chữa lại, Libi đã sản xuất được hơn 100 tấn khí độc các loại. Số khí độc này đã được nạp vào lựu đạn và các loại bom, mìn khác. Ngược lại thì Libi tuyên bố đây là một nhà máy sản xuất thuốc tân dược. Tại Rabta vài chục kỹ sư người Đan Mạch, Áo, Italia và Ba Lan làm việc dưới sự điều khiển của một người Anh. Tờ “New York Times” đã đăng tên vị thủ trưởng người Anh này và còn viết rằng ông ta bên cạnh quà tặng, như ô tô chẳng hạn, nhận mức lương tháng khoảng 15.000 mác. Ba người của Công ty

Đức Imhausen Chemie thì bị phạt tù giam từ 12 đến 20 tháng, vì từ 1984 đến 1988 họ đã giúp người Libi lập kế hoạch xây dựng nhà máy Rabta và như vậy đã vi phạm luật ngoại thương của Đức.

Không phải CIA của Mỹ mà là BND của Đức đã theo dõi và báo cáo chi tiết về công trình xây dựng ở Tarhuna. Cả những kẻ chủ mưu đứng sau và các công ty ma ở châu Á cũng bị BND lật tẩy. Tất cả tài liệu này, kể cả ảnh do một “kỹ sư” của BND chụp được, đã được trao cho CIA với tư cách là cơ quan đối tác. CIA đã báo ngay cho Oasinhton. Cho mãi đến tận ngày nay ở Pullach người ta vẫn tức giận về việc ngay sau khi nhận được báo cáo của CIA, Oasinhton đã công khai chụp mũ các công ty Đức tội liên quan đến công trình Tarhuna.

Chợ đen buôn bán vật liệu hạt nhân

Năm 1995 ông Jacques Attali, cựu cố vấn của nguyên Tổng thống Pháp Miterand, được sự ủy quyền của Liên hợp quốc đã tiến hành hơn 100 cuộc tiếp xúc để lập một bản báo cáo về tình hình buôn bán bất hợp pháp vật liệu hạt nhân. Kết quả là một bản báo cáo dài 70 trang làm cho không những chỉ UNO kinh ngạc. Theo số liệu của Attali hiện nay có nhiều “lái buôn” đang chào bán khoảng 30 kg nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt

nhân trên thị trường. Chỉ cần 9 kg là đủ để chế tạo được một quả bom nguyên tử loại đơn giản.

Nguồn cung cấp thứ hàng hóa nguy hiểm này theo Attali chủ yếu là khu vực thuộc Liên Xô cũ. Theo ông thì một số kho nguyên liệu hạt nhân của Nga chỉ được khóa bằng những chiếc khóa đơn giản. Một số sĩ quan hải quân thậm chí đã lấy được 4 kg uran đã làm giàu từ một chiếc tàu ngầm nguyên tử của Nga ở vùng biển gần Mumanxơ, khi chiếc tàu này bị loại. Tuy các tay đạo chích đã bị bắt giữ, nhưng người ta chỉ nhận lại được có 3 kg uran. Trong lĩnh vực hạt nhân dân sự càng ngày ở Nga người ta cũng càng không kiểm soát được tình hình. Tại trung tâm sản xuất nguyên liệu hạt nhân Mayak tỷ lệ “hao hụt” sản phẩm lên đến 13%. Đã đến lúc người ta phải tính đến khả năng, các tổ chức khủng bố và một số Chính phủ quan tâm đến vũ khí hạt nhân có thể sẽ mua nguyên liệu hạt nhân trôi nổi trên thị trường chợ đen.

Ông Attali cho rằng, các nước không có vũ khí hạt nhân, bọn khủng bố, các tổ chức mafia và các giáo phái có thể mua được vũ khí hạt nhân. Sự kiểm soát quốc tế trong lĩnh vực này còn quá lỏng lẻo. Trong khi chỉ riêng ở Mỹ đã có 7.200 nhà khoa học chuyên nghiên cứu bệnh động vật, thì Tổ chức nguyên tử năng quốc tế đặt ở Viên chỉ có vỏn vẹn 255 người cho công tác thanh tra

trên toàn thế giới. Theo ông Attali thì ngày nay không còn gì để ngăn cản các tổ chức khủng bố với ngân sách nhiều trăm triệu đô la chế tạo vũ khí hạt nhân loại đơn giản nữa. Nếu như vậy thì những tình huống xấu nhất như trong các bộ phim về điệp viên 007 sẽ xảy ra, những điều mà cho đến nay người ta vẫn coi là viễn tưởng trong phim ảnh mà thôi.

Cơ quan tình báo Đức coi công tác tình báo trên thị trường buôn bán bất hợp pháp nguyên liệu hạt nhân kể từ khi Liên Xô tan vỡ là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của mình. Bản báo cáo nội bộ hàng năm của BND đưa ra những số liệu điều tra của năm 1995 như sau:

“Năm 1995 BND đã ghi nhận được 169 vụ việc trên toàn thế giới. Đó là các vụ nguyên liệu hạt nhân được chào bán trên thị trường, các đường dây buôn lậu, tịch thu các chất phóng xạ, sử dụng nguyên liệu hạt nhân vào mục đích tội phạm và đe dọa sử dụng vật liệu phóng xạ hoặc chất nổ chứa nguyên liệu hạt nhân. Các thông tin này BND thu được từ các nguồn tình báo, công vụ hoặc công khai. Khoảng 44% vụ việc xảy ra năm 1995 là các vụ tịch thu hoặc lấy cắp nguyên liệu phóng xạ: có nghĩa đây là những vụ rõ ràng nguyên liệu hạt nhân hoặc được đưa ra thị trường tiêu thụ hoặc bị tịch thu trên thị trường. 56% số vụ việc còn lại là các vụ chào bán,

các vụ phát hiện đường dây buôn bán hoặc đe dọa sử dụng chất phóng xạ”.

Trong khi cả năm 1995 plutonium không nằm trong danh sách chất phóng xạ tịch thu được, thì xảy ra hai vụ mà trong đó xác định được đối tượng là uran đã làm giàu (20 - 30%) và vốn là nhiên liệu hạt nhân dùng cho tàu ngầm nguyên tử của Nga. Hiện nay những tin tức về việc vũ khí hạt nhân “thất lạc” được chào bán trực tiếp vẫn được BND coi là “chưa đủ độ tin cậy hoặc chưa thể xác minh được”. Trong báo cáo của mình Pullach vẫn nhận định rằng: “Các kho vũ khí hạt nhân của Nga vẫn được canh phòng tương đối tốt và vì thế vẫn chưa xảy ra tình trạng đầu đạn hạt nhân bị mất mà không phát hiện ra”. Nhận định này mâu thuẫn với báo cáo của Attali. Ngay Viện nghiên cứu hòa bình SIPRI của Thụy Điển trong một điều tra đầu năm 1997 cũng cho rằng nguyên liệu hạt nhân nhiều khi được bảo vệ một cách lỏng lẻo. Một điểm yếu theo BND là khâu vận chuyển. Về lâu dài thì “Căn cứ vào những khó khăn xã hội và kinh tế thì công tác bảo vệ đầu đạn hạt nhân và nguyên liệu hạt nhân sẽ xấu đi trong những năm tới. Sự phát triển của giới tội phạm có tổ chức, nhất là ở Nga, làm cho chúng ta có cơ sở để lo ngại”.

Trong hai vụ năm 1995 liên quan đến

nguyên liệu hạt nhân đã được làm giàu, hai viên chức chịu trách nhiệm về thứ nguyên liệu này - một công nhân kho vận và một nhà khoa học - chính là những kẻ đã đánh cắp nguyên liệu hạt nhân. Đại diện cơ quan chức năng của Nga đã thừa nhận trong một cuộc trao đổi với BND rằng, đang tồn tại những thiếu sót nghiêm trọng trong công tác bảo vệ các kho nguyên liệu hạt nhân của Nga. Đó là những sai sót về nhân sự và về kỹ thuật, kể cả việc chống lại công tác thanh sát của cơ quan thanh tra hạt nhân của Nga GOSATOMNADZOR.

Người ta sẽ cảm thấy không an tâm chút nào khi đọc kết quả điều tra sau đây của BND: “Những sai sót trong hệ thống sổ sách tạo điều kiện cho kẻ xấu đánh cắp số nguyên liệu chưa vào sổ. Tại các điểm kiểm tra ở các khu vực có nguyên liệu hạt nhân không có thiết bị phát hiện phóng xạ. Đa số hệ thống canh phòng kỹ thuật đã cũ kỹ hoặc không hoạt động được nữa”. Theo BND thì sự giúp đỡ của quốc tế cũng không giải quyết được vấn đề này, vì “sự trợ giúp của quốc tế chỉ có tác dụng đối với từng điểm, nhưng hiện nay không thể giải quyết được toàn bộ vấn đề vì số lượng các cơ sở hạt nhân kém an toàn của Nga là rất lớn”.

Vì sự hợp tác tình báo với các nước Đông Âu trong lĩnh vực chống buôn lậu nguyên liệu hạt

nhân vẫn chưa đạt được như mong muốn, nên trong tương lai gần BND vẫn phải chủ yếu hợp tác với các cơ quan tình báo phương Tây để điều tra tình hình buôn bán bất hợp pháp nguyên liệu hạt nhân và những đường dây vận chuyển chúng ở Đông Âu. Trong một bản báo cáo mật của BND những nguyên nhân sau đây đã được nêu ra lý giải cho thái độ hợp tác “rút rè” của BND chủ yếu là với các chuyên gia truy tìm nguyên liệu hạt nhân của Nga: Tháng 8 năm 1994 BND nhận được tin là hai kẻ buôn bán nguyên liệu hạt nhân bị bắt ở Mátxcơva. Tuy nhiên hai kẻ bị bắt này lại là nhân viên của cơ quan chống gián điệp FSK của Nga, mà chính FSK lại là cơ quan chống buôn lậu nguyên liệu hạt nhân.

Từ năm 1980 BND hàng năm đã thu thập tin tức về các mối quan tâm mua nguyên liệu hạt nhân, chủ yếu là của khu vực Trung Cận Đông. Trong trường hợp Iran ví dụ như: “Một số tin tức cụ thể đáng tin cậy từ năm 1995 cho thấy không còn nghi ngờ gì nữa, Iran quan tâm đến việc mua nguyên liệu hạt nhân”.

Trong những năm qua BND thu thập được trên khắp thế giới hai thông tin quan trọng về việc một số tổ chức khủng bố đang cân nhắc sử dụng vũ khí hạt nhân để đạt được mục đích của chúng. Một là giáo phái Aum, nổi tiếng bằng vụ khí độc trong nhà ga xe điện ngầm ở Tokyo. Giáo

phái này đã có trong tay công nghệ chế tạo vũ khí hạt nhân và hiện đang tìm kiếm uran trên khu vực thuộc quyền sở hữu của giáo phái ở Úc. Ngoài ra theo tin tình báo của Mỹ thì một thành viên của giáo phái đã tìm mua vũ khí hạt nhân ở Nga. Trường hợp thứ hai là vụ thủ lĩnh quân nổi loạn Chéctrênia là Bassov đã cài chất phóng xạ Cesilium-137 ở Mátxcova và đe dọa sẽ phá hoại lò phản ứng hạt nhân.

BND loại trừ khả năng trong tương lai gần các tổ chức khủng bố đặt trọng tâm vào việc phát triển vũ khí hạt nhân. Đối với các tổ chức khủng bố thì hiện nay vũ khí hạt nhân vẫn là “lợi bất cập hại”. Nguy hiểm hơn và khó dự đoán được hơn là các băng, nhóm, giáo phái cuồng tín. Bên cạnh đó Pullach rất lo ngại khi quan sát, “một thế hệ khủng bố mới đang phát triển ở Iran, Xudăng, Angêri và Ai Cập. Đó là những kẻ cực đoan sẵn sàng cảm tử trong những vụ khủng bố”.

Ở châu Âu thì cơ quan công tố Italia đang điều tra các tổ chức mafia có dính líu đến nguyên liệu hạt nhân bị đánh cắp từ Nga, được trao đổi ở Đức, được cất giấu ở Italia và được bán sang Bắc Phi. Đầu năm 1997 Nunzio Sarpietro thẩm phán 44 tuổi của Thành phố Catania vùng Sizilia đã phải trải qua nhiều đêm mất ngủ. Ông đã tìm được dấu vết của một vụ buôn bán uran-235 (từ đó có thể chế tạo được vũ khí hạt nhân). Sarpiero

đã nói: “Rất tiếc là ở Sizilia hiện nay người ta đang rất lo ngại, vì chúng tôi không những xác định được chắc chắn dấu vết của việc buôn bán nguyên liệu hạt nhân nói chung, mà còn phát hiện được những loại nguyên liệu có thể sử dụng để chế tạo vũ khí hạt nhân”. Theo tin tức từ Italia thì số uran này có xuất xứ từ Nga và được “các túi thư lưu động” là những người thường không biết họ mang gì, vận chuyển đến khu vực Frankfurt. Tại đó các tổ chức mafia Italia đã mua lại số uran này.

Tháng 6 năm 1996 hai túi thư lưu động người Bồ Đào Nha đã bị bắt giữ khi đang định bán số uran-235 cho mafia Italia. Theo kế hoạch từ Sizilia số uran này sẽ được chuyển đến Bắc Phi, có lẽ là Libi. Hồi năm 1995 từ Wiesbaden (Tây Đức) osmium và mercurium - là hai chất cần thiết cho việc chế tạo bom nguyên tử - cũng đã được chuyển đến Sizilia.

Tuy nhiên trong những vụ này người ta thường quên không nhắc đến những mối nguy hiểm đe dọa sức khỏe, tính mạng các “túi thư lưu động”. Năm 1992, với hiểu biết non nớt cho rằng chất phóng xạ osmium-187 thường được dùng trong điều trị y học nên cường độ tia phóng ra tương đối yếu, nên 4 người đã mạo hiểm mang 2 gam cesium-137 có cường độ phóng xạ cao từ Littôni qua Wiesbaden, đến Thụy Sĩ. Bốn người

này, gồm ba người Ba Lan và một người Đức đã bị bắt giữ. Hai người trong số họ đã bị nhiễm phóng xạ cấp nặng nhất. Ít tuần lễ sau năm người Ba Lan khác lại tìm cách vận chuyển cesium-137 và strontium-90 từ Nga sang Đức. Tháng 1 năm 1993 hai người Ba Lan đã bị bắt giữ tại biên giới với 4 kg cesium trong người. Tháng 3 năm 1993 máy điện nguyên tử Ignalina ở Littônia thông báo “bị mất” 270 gam nhiên liệu uran.

Tháng 5 năm 1994 lần đầu tiên trên thị trường bất hợp pháp ở Đức phát hiện ra trong một garage ô tô ở Tengen 6 gam plutonium-239 có thể dùng để chế tạo vũ khí hạt nhân. Theo thông báo của BND thì hàm lượng nguyên chất của khối lượng plutonium này là 99,75% ! Theo tin tức mới nhất thì số plutonium này có xuất xứ từ trung tâm nguyên tử Arzmas 16 của Nga. Tại đó vũ khí nguyên tử plutonium được thử nghiệm trong một khu vực quân sự mang số hiệu “S2”. Plutonium là một dẫn xuất của uran và được coi là nguyên tố độc nhất trên trái đất của chúng ta. Những thí nghiệm với loài chó Beagle cho thấy một người trung bình chỉ cần hít vào 27 phần triệu gam plutonium thì chắc chắn sẽ bị ung thư phổi. Trong những thập kỷ qua các cơ quan tình báo và quân đội đã tiến hành nhiều thí nghiệm với chất cực độc này. Theo một quan chức của

BND thì năm 1945 trong một thí nghiệm quân sự tuyệt mật người Mỹ đã tiêm plutonium vào 12 người bình thường để nghiên cứu tác dụng của chất kim loại nặng này đối với quá trình trao đổi chất của con người.

Đối với năm 2000 thì tạp chí chuyên ngành "New Scientist" đánh giá là toàn thế giới có khoảng 1.700 tấn plutonium, đủ để sản xuất một số lượng khổng lồ bom nguyên tử. Và tất nhiên sự thỏa thuận hủy một số lượng đầu đạn hạt nhân giữa các cường quốc hạt nhân sẽ làm dôi ra thêm khoảng 200 tấn plutonium nữa. Các chuyên gia trong lĩnh vực này của Mỹ đầu năm 1997 đã đề nghị một cách cực kỳ nghiêm túc lên Chính phủ Mỹ là số lượng plutonium dôi thừa ra khi hủy đầu đạn hạt nhân của cả hai phía cần phải được quân đội Mỹ và Nga cùng canh gác trong một "Nhà tù plutonium" ở Băng đảo. Nhưng ngay cả khi tương lai của các hiệp định cắt giảm vũ khí hạt nhân Start-2 và Start-3 đã rõ ràng, thì có lẽ loài người vẫn phải sống với mối đe dọa của hiểm họa buôn bán bất hợp pháp plutonium.

Nhiều vụ việc liên quan đến plutonium chỉ là trò lừa bịp của bọn tội phạm. Ngay từ năm 1984 toà án Italia đã đưa ra khởi tố 42 người có quan hệ với một số cơ quan mật vụ vì tội chào bán 3 quả bom nguyên tử và 33 kg plutonium

cho các nước Xyri, Irắc, và tổ chức PLO. Nhưng chuyển làm ăn này đã không thành vì trên thực tế bọn tội phạm không có lấy đến một mẫu plutonium nào. Tuy nhiên vụ án plutonium xảy ra ở Tengen thì lại thực 100%. Lần đầu tiên nguyên liệu plutonium có thể chế được vũ khí hạt nhân đã được chứng minh là có mặt trên thị trường Đức.

Ngày 23 tháng 7 năm 1994 Bộ trưởng Quốc vụ phụ trách điều phối công tác tình báo Schmidbauer đã phát biểu như sau về vụ Tengen: “Có một mối quan hệ chặt chẽ giữa các lĩnh vực tội phạm buôn lậu vũ khí, rửa tiền, làm bạc giả, buôn bán người và buôn lậu nguyên liệu hạt nhân”. Tuy nhiên cho đến nay Đức vẫn chưa trở thành thị trường mua, mà chỉ là thị trường chào bán những loại nguyên liệu như vậy. Khi được hỏi, liệu loại người có thể bị giới tội phạm hạt nhân gây sức ép hay không, Schmidbauer nói: “Chúng ta phải tính đến khả năng đó. Chúng ta không được phép nhắm mắt làm ngơ trước mỗi hiểm họa này. Chính vì vậy hiện nay chúng ta đang dùng mọi biện pháp để đề phòng, có nghĩa là phát hiện những cơ cấu có thể nấp đằng sau những vụ việc tương tự. Ngoài ra còn phải xác định những loại nguyên liệu hạt nhân nào đang trôi nổi trên thị trường và hình thù thị

trường mua loại nguyên liệu này trên thực tế như thế nào”.

Nhưng uy tín của những điệp viên đang lần theo dấu vết những vụ kinh doanh động trời này có thể dễ bị chính các cơ quan tình báo khác làm vấy bẩn như thế nào, vụ plutonium sau đây sẽ chỉ rõ.

Vụ plutonium

Những gì báo chí đưa tin ngay sau khi vụ plutonium ra mới hấp dẫn như một câu chuyện trinh thám: “Chiếc máy bay số hiệu 3369 của Hãng không Lufthansa đến từ Mátxcova đã hạ cánh đúng giờ. Đúng 17 giờ 45 chiếc Boing-737 hạ cánh xuống sân bay Muynich. Sau đó thì náo loạn”. Trong máy bay cảnh sát đặc nhiệm lao đến chiếc vali vỏ cứng màu đen nhãn hiệu Delsey của Justiniano Tones Benitez, một hành khách người Columbia, và làm việc với một máy đo độ phóng xạ. Rõ ràng là vị hành khách người Nam Mỹ này đem theo chất phóng xạ. Bên cạnh Tones thì kẻ đồng đảng Julio Oroz Eguia người Tây Ban Nha 49 tuổi của y đang đợi trong phòng chờ ở sân bay cũng bị bắt giữ. Ít giờ đồng hồ sau Viện nghiên cứu đồng vị phóng xạ uran ở Karlsruhe đã xác nhận điều nghi ngờ của cảnh sát: nguyên liệu phóng xạ này là loại plutonium gần như tinh khiết có thể dùng để chế tạo vũ khí hạt nhân.

Vụ phát hiện này đưa Bonn vào tình trạng báo động đỏ. Bộ trưởng quốc vụ phụ trách công tác tình báo Schmidbauer lập tức bỏ chuyến nghỉ phép bay về trung tâm BND ở Pullach, bởi vì người ta đã rất nhanh chóng xác định được rằng, lượng plutonium từ Mátxcova này lớn gấp nhiều lần lượng plutonium Saddam Hussein cần sản xuất. Cơn sốc tại sân bay Muynich đã khẳng định mối lo ngại lớn nhất của cơ quan an ninh Đức: có lẽ nước Đức đã trở thành trung tâm kinh doanh món hàng chết người này có nguồn gốc từ các nước thuộc Liên Xô cũ. Tuy vậy một điều tồi tệ hơn thế nữa đã xảy ra: cơ quan cảnh sát điều tra bang Baravia đã phát hiện ra rằng, tên hành khách người Columbia bị bắt giữ còn có trong danh sách chào hàng của y lithium-6 - loại nguyên liệu để chế tạo bom neutron. Người phát ngôn viên Bộ Nguyên tử Nga, ông Kaurow, tuyên bố các cơ sở hạt nhân của Nga không hề bị mất plutonium và lithium! Ngược lại Mátxcova còn cho rằng, không hề xảy ra một vụ buôn lậu nguyên liệu hạt nhân. Theo họ thì phía Đức đã “dựng lên” câu chuyện buôn bán này.

Và đến thời điểm đó vụ plutonium đã mang màu sắc chính trị. Đại diện của Đảng SPD dùng ngay vụ này vào đề tài tranh cử và cũng chỉ trích Chính phủ Bonn đã dựng lên vụ buôn bán plutonium này. Ngày 10 tháng 4 năm 1995 tờ

tạp chí “Tấm gương” cho đăng bài dưới nhan đề “Hỗn loạn ở Pullach” và cung cấp tin tức cho tất cả những ai coi vụ plutonium này là một vụ lừa đảo quy mô lớn của BND nhằm gây sức ép với Mátxcova. Tờ “Tấm gương” viết như sau:

“Câu chuyện về vụ buôn bán plutonium lớn nhất từ trước tới nay trên thế giới được cơ quan tình báo Đức dàn dựng. Vụ lừa bịp này là một trong những hành động phiêu lưu, mạo hiểm nhất trong lịch sử 40 năm qua của cơ quan tình báo Đức”. Tờ “Tấm gương” còn viết tiếp: “Để cho cả thế giới biết kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô cũ bị dò rỉ như thế nào, BND đã thuê dặt nên một câu chuyện với đủ mọi thứ gia vị của một câu chuyện trinh thám giật gân, mà trong đó không thiếu những nhân vật như các điệp viên ham tiền, các thủ lĩnh cơ quan tình báo đầy tham vọng và những tên lừa đảo đàn anh hoặc loại tép riu”.

Theo ông Verheugen, đại diện Đảng đối lập SPD trong Quốc hội Đức thì: “Nếu bài báo của tờ Tấm gương nói đúng sự thật thì đây là vụ bê bối lớn nhất từ trước tới nay của ngành tình báo Đức”. Mãi đến hai năm sau mới có ánh sáng le lói trong vụ bê bối này. Nhưng trong thời gian trước đó, những lời chỉ trích đã làm hao tổn đáng kể danh tiếng của Pullach.

Nhờ thông báo của một ủy viên ủy ban điều

tra vụ plutonium mà tháng 02 năm 1997 công luận biết được thêm những sự thật về vụ plutonium: tờ "Tấm gương" đã nhận được những tin tức tình báo giả được "đánh" đi từ Mátxcova và tờ tạp chí này đã dùng những tin tức đó để viết bài báo trên về BND. Theo những người trong cuộc thì những kẻ thực sự đã gây lên vụ này vẫn đang ngồi ở Mátxcova. Ngày 30 tháng 1 năm 1997 Bộ trưởng Quốc vụ phụ trách công tác tình báo Schmidbauer đã đọc một bản báo cáo mật trước Ủy ban điều tra vụ plutonium, mà trong đó nêu rõ các sĩ quan của cơ quan tình báo đối ngoại Nga (SWR) đã lắp ráp vụ buôn bán plutonium hồi tháng 8 năm 1994. CIA cũng đã nhận được tin tức tương tự từ một nguồn nằm vùng ở Mátxcova và đã trao tin đó cho phía Đức. Tại Phủ thủ tướng không một ai nghi ngờ bóng dáng sự thật trong hành động hỗ trợ "không hề được mong đợi" này của CIA. Như vậy tên tội phạm người Columbia, kẻ đã mang theo lên chiếc máy bay của hãng Hàng không Lufthansa 363 gam plutonium đến Muyních thủ phủ bang Baravia, là một điệp viên của SWR. Lẽ ra thông qua tay điệp viên này các sĩ quan Nga đã có thể kiếm được hàng trăm triệu đô la. Theo bản báo cáo thì lô nguyên liệu hạt nhân này có xuất xứ từ Trung tâm nghiên cứu hạt nhân Obninxơ. Điều đó cũng đã được các cuộc điều tra khác xác nhận.

Sau khi vụ “làm ăn” ở Muyních bị đổ bể. Mátxcơva bắt đầu một chiến dịch bóp méo thông tin nhằm lái sự chỉ trích của dư luận quốc tế đối với những cơ sở hạt nhân không an toàn của Nga sang một hướng khác. Để làm được việc đó những thông tin mật đã được “tỉa tót” trước, được đánh sang cho tờ “Tám gương”. Và sau đó việc bài báo được đăng là “theo đúng kế hoạch” của Mátxcơva. Kế hoạch tiếp theo là đưa cơ quan tình báo Đức BND ra trước công luận như là một kẻ chủ mưu buôn bán nguyên liệu hạt nhân. Liệu những thông tin này của CIA có phải là một hành động nghĩa hiệp đối với Schmidbauer hoặc có đúng với sự thật không, thì tương lai sẽ trả lời.

Dù sao thì đã từ lâu BND có bằng chứng về việc Tones, tay hành khách người Côlumbia đã học đại học y ở Nga và đã kết hôn với một phụ nữ Nga. Tháng 7 năm 1995 anh ta và tay đồng đảng người Tây Ban Nha đã bị tòa án bang Baravia xử tù giam trong nhiều năm. Tháng 4 năm 1997 Torres đã bất ngờ được thả và trực xuất về Thủ đô Lima của anh ta. Theo tin tức của BND thì các sĩ quan Nga đã tìm cách thông qua Tones bán máy bay trực thăng, vũ khí và tên lửa. Chỉ mãi đến khi họ biết rằng plutonium mang lại lợi nhuận lớn hơn nhiều, họ mới động chạm đến thứ hàng này.

Theo hồ sơ của CIA thì tháng 6 năm 1994,

có nghĩa là trước khi BND nhận được tin báo về vụ plutonium, Torres đã đề nghị nhà hóa học Gênad Nikiforov kiểm cho y plutonium. Người này đã liên hệ với một người tên là Penkov sống ở vùng Obninxơ, gần Mátxcơva. Thông qua một người tên là Baranov, Penkov lại liên hệ với một người nữa ở vùng Obninxơ tên là Asafiev. Tháng 6 năm 1994 chính người này đã thông qua Penkov trao cho Tones 02 gam plutonium để kiểm tra chất lượng Tones trả cho 2 gam đó 2.000 đô la. Sau đó đầu tháng 8 Tones mua của Asfiev và Baranov 363 gam plutonium là số lượng plutonium sau này bị tịch thu ở Muyních.

Tháng 02 năm 1997 cơ quan tình báo đối ngoại SWR của Nga đã tuyên bố lời buộc tội của CIA về việc SWR can dự vào vụ buôn bán plutonium ở Muyních là “không có căn cứ”. Nữ phát ngôn viên của SWR là Tatiana Xamolis đã nói: “SWR chưa bao giờ dính dáng đến bất cứ một vụ buôn bán plutonium nào, cho dù ở Muyních hay ở đâu đi chăng nữa. Lời buộc tội của CIA là những điều hoàn toàn vô lý”. Tháng 02 năm 1997 thiếu tướng Juri Kobalátze của cơ quan tình báo đối ngoại Nga cũng phàn nàn về “một sự khiêu khích có chủ ý” của CIA. Vì những lời buộc tội vô căn cứ như vậy nên sự hợp tác của SWR với các cơ quan tình báo phương Tây, trong đó có cơ quan tình báo Đức BND, đã bị “đe dọa

nặng nề". Và vì thế mức độ hợp tác hiện nay đang ở mức "số 0".

Ông Manfred Weiss, Chủ tịch Ủy ban plutonium của Quốc hội đã phẫn khởi thông báo rằng, người ta đã phỏng đoán ngay từ đầu là có những kẻ chủ mưu trong vụ này ngồi ở Mátxcơva, vì "không ai có thể tin là người quản gia bình thường của nhà máy điện nguyên tử lại cho plutonium vào túi quần để tuồn ra ngoài". Tuy nhiên không phải mối hiểm nguy plutonium đã biến mất hoàn toàn. "Trong hồ sơ vụ án này còn ghi rõ ràng là cơ quan tình báo Đức BND và cơ quan cảnh sát điều tra bang Baravia cũng phải chịu trách nhiệm về việc plutonium được đưa vào Đức", ông Franz Schindler, Phó chủ tịch Ủy ban plutonium đã phát biểu như vậy.

Bộ trưởng Quốc vụ Schmidbauer thì cố gắng bảo vệ các cơ quan chức năng Đức trong vụ plutonium: "Tôi cho rằng, về phương diện ngăn chặn thì đây là một chiến dịch thành công". Đối với những lời chỉ trích trước kia của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bang Baravia là "số lượng vấn đề rắc rối do BND tự tạo nên nhiều hơn số lượng vấn đề BND đã giải quyết" thì Schmidbauer nói: "Ai tự hòa giọng mình vào dàn đồng ca chỉ trích cơ quan tình báo thì người đó quả thật là tầm thường".

Ngày 08 tháng 5 năm 1997 Alexander Xdanovic phát ngôn viên của cơ quan tình báo

đối nội Nga FSB tuyên bố trước công luận: “Theo kết quả cuộc điều tra đã được kết thúc thì số plutonium được đưa sang Muyních tháng 8 năm 1994 không có xuất xứ từ Nga”. Trước hôm đó một ngày Schmidbauer đã đến Mátxcova gặp Nicôlai Kovaliov sếp của FSB. Sau cuộc trao đổi đó Schmidbauer đã “dường như thất vọng” về kết quả chính thức của cuộc điều tra vụ plutonium do Bộ Nguyên tử Nga tiến hành.

TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC

Bên cạnh nhiệm vụ theo dõi các cố gắng tăng cường vũ trang của các nước khác thì công tác chống tội phạm có tổ chức cũng là một trong những nhiệm vụ mới của BND. Mùa thu năm 1996 bảy thẩm phán có tên tuổi của châu Âu đã ra một lời kêu gọi tại Gionevơ làm mọi người đặc biệt lo lắng. Các thẩm phán này đã kêu gọi các Chính phủ cùng nỗ lực trừ khử một mối hiểm hoạ đang đe doạ đẩy nền dân chủ của chúng ta xuống vực thẳm. Theo lời kêu gọi này thì hiện nay giới tội phạm có tổ chức, với một mạng lưới băng đảng khổng lồ, với sự giúp đỡ của các chính khách và những nhà tài phiệt đa quốc gia đang thâm nhập vào mọi lĩnh vực của kinh tế thế giới. Thế giới tội phạm có tổ chức thực thi một cuộc

chơi với chế độ nhà nước pháp quyền đang bị chính hệ thống quản lý tham nhũng của mình đầu độc dần dần. Theo Sam Poppe, một chuyên gia an ninh người Anh, thì cốt lõi của thế giới tội phạm có tổ chức không có gì khác hơn là sự tiếp tục của một thị trường, mà trong đó người ta không kiểm soát được những công cụ được đưa ra áp dụng. Những công cụ đó nổi những lợi ích hợp pháp và bất hợp pháp với nhau. Xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hoá và công nghệ hoá làm cho đường biên giới quốc gia và các cơ chế kiểm soát của một quốc gia không thực thi được những chức năng nhằm bảo đảm chủ quyền của một quốc gia nữa, vì sự đan xen của các cơ cấu kinh tế vượt ra ngoài phạm vi của một nước làm cho nhà nước hầu như không kiểm soát nổi.

Nếu người dân Đức càng ngày càng cảm thấy bất an hơn thì trước hết họ nghĩ đến môi trường xung quanh họ, nghĩ đến số vụ trộm cắp, trấn lột, cướp bóc, móc túi, ăn cắp ô tô đang ngày càng tăng. Nhưng các cơ quan an ninh thì nghĩ đến một mối hiểm hoạ khác. Đó là nạn tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Chính nạn tội phạm này đe dọa an ninh nước Đức nhiều hơn so với những “vụ phạm tội nhỏ” ảnh hưởng trực tiếp tới người dân nhưng lại không nguy hiểm đối với nhà nước. Một trong những loại tội phạm có tổ

chức là tội phạm kinh tế. Chỉ riêng nạn ăn cắp bản quyền, thực chất là sản xuất hàng giả, đã gây thiệt hại cho các công ty trên toàn thế giới năm 1996 khoảng 500 tỷ đô la. Tại Đức bọn làm hàng giả hàng năm đã lấy đi của người dân từ 40.000 đến 70.000 chỗ công ăn việc làm. Trong các băng, nhóm đưa người vượt biên hàng năm đưa hàng chục nghìn người nhập cảnh bất hợp pháp vào Đức cũng đang dần dần hình thành những cơ cấu của tội phạm có tổ chức.

Những biến động chính trị xảy ra trong những năm qua đã cho ra đời - bên cạnh những tổ chức tội phạm truyền thống như mafia của Italia, các tổ chức tội phạm của châu Á và châu Mỹ La tinh - những tổ chức tội phạm quốc tế mới. Trong số đó, theo BND, đặc biệt phải kể đến tội phạm có tổ chức tại các nước thuộc Liên Xô cũ, Đông Nam Âu và châu Phi. Nhất là hiện tượng nhiều cán bộ nhà nước Liên Xô cũ "bị nhỏ cả rế" đã đem lại cho những mầm mống tội phạm vốn dĩ đã tồn tại dưới thời Liên Xô trước kia những "động lực phát triển".

Dường như không thể ngăn cản được sự thâm nhập của giới tội phạm có tổ chức vào các nhà nước châu Âu. Bằng các biện pháp cưỡng ép giới tội phạm có tổ chức đưa bộ máy tư pháp và các cơ quan an ninh vào guồng hoạt động của chúng, hoặc chính những cơ quan chức năng đó

của nhà nước bị nạn tham nhũng đục khoét. Cục điều tra Liên bang Đức BKA dự đoán mức “tăng trưởng” của hoạt động tội phạm có tổ chức đến năm 2000 tới khoảng 35%. Thường thì cơ quan cảnh sát và an ninh theo không kịp sự thay đổi rất nhanh trên nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của giới tội phạm có tổ chức. Tuy nhiên không phải là các cơ quan chức năng này không còn cơ hội nữa. Tất nhiên việc bãi bỏ nhiều công đoạn kiểm tra biên giới ở châu Âu đã làm cho công tác chống tội phạm có tổ chức trở nên khó khăn hơn. Nhưng khó khăn cản trở chủ yếu trong công tác chống tội phạm có tổ chức vẫn là sự chậm chạp của các cơ quan nhà nước so với sự linh hoạt của các tổ chức tội phạm quốc tế. Ngày nay đối thủ của cảnh sát và cơ quan công tố Đức không phải là loại tội phạm tầm thường những năm sau chiến tranh nữa. Ngày nay các tổ chức tội phạm hợp tác với bọn khủng bố, điệp viên và thậm chí với cả đơn vị quân đội. Chắc chắn rằng, công tác theo dõi các tổ chức tội phạm ở nước ngoài của cơ quan tình báo đối ngoại Đức sẽ ngày càng trở nên quan trọng hơn.

Theo số liệu của Liên hợp quốc thì hàng năm số các vụ phạm pháp trên toàn thế giới tăng khoảng 5%. Giới tội phạm có tổ chức trên toàn thế giới hàng năm thu một khoản lợi nhuận khoảng 1,4 nghìn tỷ mác. Số lợi nhuận này bằng

tổng số GDP của các nước được ngân hàng thế giới coi là những nước có thu nhập kém. Tất nhiên là những khoản lợi nhuận đó ngày càng gia tăng.

Trong khi những vụ phạm tội riêng rẽ được báo chí Đức luôn luôn viết đến một cách chi tiết, thì người dân bình thường hầu như không nhận được thông tin gì về vai trò và ảnh hưởng của giới tội phạm quốc tế đối với nền chính trị và kinh tế. Cộng hoà Liên bang Đức là một nước giàu có đã trở thành mục tiêu được các tổ chức tội phạm quốc tế ưa chuộng. Năm 1996 các băng đảng tội phạm đã gây ra gần 48.000 vụ án tại Đức. Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên bang Kanther thì chúng đã làm thiệt hại khoảng 2,7 tỷ mác và thu 1,25 tỷ mác lợi nhuận. Cho đến nay tội phạm có tổ chức ở Đức đã thâm nhập vào toàn bộ một số ngành kinh tế, tuy rằng dư luận hầu như không hề biết việc đó. Trong một bản báo cáo của Cục điều tra Liên bang Đức năm 1997 có đoạn viết: “Việc thành lập các công ty giả hoặc hoạt động rửa tiền cho thấy một số ngành kinh tế ngày càng bị các tổ chức tội phạm sử dụng một cách có kế hoạch”. Theo tin tức của BND thì ở Đức các tổ chức tội phạm này không những chỉ đầu tư tiền của, mà chúng còn sử dụng nước Đức làm nơi ẩn náu và làm hậu cứ cho chúng.

Vì nhiệm vụ chung của cơ quan tình báo đối

ngoại Đức là thu thập thông tin được coi là quan trọng đối với chính sách đối ngoại, và an ninh của Cộng hoà Liên bang Đức, nên cơ quan này cũng theo dõi một số lĩnh vực trong giới tội phạm có tổ chức. Rơi vào thước ngắm của BND chủ yếu là bọn buôn bán ma túy và rửa tiền. Bên cạnh các phương pháp rửa tiền kinh điển, các tổ chức tội phạm còn tìm cách mua ngân hàng hoặc khống chế ngân hàng, để việc rửa tiền được thực hiện dễ dàng hơn. Nhiệm vụ của BND trong lĩnh vực này là: “Theo dõi và phát hiện những đối tượng tham gia, cũng như ảnh hưởng và mối quan hệ của chúng tới giới chính trị và bộ máy hành chính”. Trọng tâm nhiệm vụ của BND không phải là phát hiện những vụ việc riêng rẽ, mà là theo dõi lâu dài những cơ cấu tội phạm.

BUÔN BÁN MA TUÝ

Về vấn đề ma túy thì đã có rất nhiều báo cáo của nhiều cơ quan nhà nước khác nhau, nhà báo và cả Liên hợp quốc. Tuy nhiên tất cả các cuộc điều tra đều gặp một khó khăn to lớn. Người ta chỉ nhận được một phần các thông tin cần thiết. Các thông tin như khu vực trồng cây thuốc phiện, nơi sản xuất ma túy, đường vận chuyển và những chi tiết buôn bán thì thường được giữ kín. Mặt khác các bản công bố của một nhà nước

trước hết là phục vụ cho mục đích chính trị và kinh tế của chính nhà nước đó. Khi thống kê số liệu Liên hợp quốc cũng phải lưu tâm đến khía cạnh chính trị, vì một số nước có khu vực trồng nguyên liệu ma túy lại ít nhiều dung túng cho ngành kinh tế này, nhưng không phải vì thế mà công khai lôi nước này ra vành móng ngựa của dư luận được. Nếu Chính phủ Liên bang muốn có được một bức tranh chính xác về tình trạng buôn bán ma túy thì phải sử dụng tin tức đã thu được bằng các biện pháp tình báo.

Mỗi nguy cơ ma túy đe dọa các nước Tây Âu vẫn không giảm đi chút nào. Với sự giúp đỡ của các chính khách tham nhũng và đồng đảng trong cơ quan cảnh sát và tư pháp, các tập đoàn ma túy có thể hoạt động không hạn chế ở nhiều nước. Tuy nhiên, theo số liệu điều tra của BND, thì từ năm 1995 đến nay khối lượng ma túy được buôn bán tăng không đáng kể, mặc dù sản lượng côcain, thuốc phiện và hêrôin đã đạt được mức kỷ lục. ở đây nguyên nhân trước hết là các thị trường buôn bán ma túy quốc tế cũ đã bão hoà, còn các thị trường mới, như tại các nước thuộc Liên Xô cũ, còn đang được hình thành.

Hơn ba phần tư số ma túy có nguồn gốc tự nhiên của thế giới được sản xuất ở năm khu vực: Côlumbia (côcain và heroin), Peru và Bôlivia

(côcain), cũng như Ápganixtan và vùng “Tam giác vàng” bao gồm Myanma, Thái Lan và Lào.

Cơ quan tình báo Liên bang có thể làm gì trong cuộc chiến chống ma túy, những việc mà các cơ quan “dân sự” không làm được? Nếu người ta xem bài nghiên cứu dày 98 trang tháng 7 năm 1996 với tiêu đề “Tình hình ma túy quốc tế - sự phát triển và các khuynh hướng” của BND thì sẽ thấy có những thông tin chỉ có thể thu được bằng các phương pháp tình báo. Trong khi các nhà báo phương Tây ở Ápganixtan quan sát thắng lợi của phe Taliban và dựa trên “những phong tục, tập quán khắc nghiệt” của Taliban tiên đoán rằng, ngành sản xuất thuốc phiện dưới thời Taliban sẽ sớm bị huỷ bỏ, thì chỉ hai tháng sau khi phe Taliban lên cầm quyền ở Kabul BND đã báo cáo:

“Hy vọng của chương trình kiểm soát ma túy Liên hợp quốc UNDCP là phe Taliban cực đoan sẽ tiến hành chống lại việc trồng cây thuốc phiện và sản xuất heroin ở Ápganixtan đã không trở thành hiện thực. Ngược lại trên phần lãnh thổ do Taliban quản lý diện tích trồng cây thuốc phiện trong năm 1995-2005 còn được tăng gấp đôi. Việc điều chế thuốc phiện thành heroin không những được Taliban dung túng, thậm chí phần nào còn được khuyến khích. Những cơ sở điều chế heroin bí mật ở những vùng hẻo lánh trước kia nay được chuyển về gần thành phố,

như ở vùng Kandahar chẳng hạn. Để che giấu những động thái này trước dư luận thế giới, phe ủng hộ heroin trong chính quyền Taliban đã ép văn phòng UNCP phải dời khỏi khu vực Kandahar”.

Người ta có thể cho rằng, những thông tin như vậy của BND không liên quan gì đến lợi ích của Đức. Nếu thế họ đã quên rằng, năm 1996 ông Norbert Holl, một nhà ngoại giao Đức, với tư cách là đặc phái viên của UNO đã cố gắng thuyết phục các phe phái đang tranh giành quyền lực ở Ápganixtan về sự cần thiết của một giải pháp hoà bình. Để làm được điều này Norbert Holl trước hết phải cần đến những thông tin hạng nhất về hậu trường. BND và các cơ quan tình báo khác đã cung cấp cho ông những thông tin đó. Trên trường quốc tế thì những nỗ lực dàn xếp của Đức được người ta nhìn nhận một cách ngờ vực. Một trong những nguyên nhân của thái độ này là mong muốn chiếm được một ghế trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc của Đức. Chính vì vậy mà sức ép buộc phải thành công đè nặng lên những hoạt động dàn xếp của Đức, như ở Ápganixtan chẳng hạn. Ngoài ra Chính phủ Liên bang muốn sự giúp đỡ của Đức với những quốc gia như Ápganixtan trong tương lai sẽ phụ thuộc vào việc nạn buôn bán ma túy ở đó có được phòng chống một cách hữu hiệu hay không. Thế nhưng

ai sẽ là người báo cáo một cách chính xác cho Chính phủ Liên bang về những thay đổi ở những vùng núi hẻo lánh xa xôi Ápganixtan, nếu không phải là cơ quan tình báo Liên bang?

Không phải lúc nào cũng có thể xác định được ngay từ đầu, những thông tin BND thu được chủ yếu phục vụ cho ai. Nhưng trong trường hợp Iran thì đối tượng phục vụ rất rõ ràng: những thông tin của BND về tình hình buôn bán ma túy ở Iran phục vụ chủ yếu cho Bộ Ngoại giao Đức. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Kinkel bị phe đối lập trong Chính phủ Liên bang nhiều lần chỉ trích, vì ông - chủ yếu vì lý do kinh tế - muốn duy trì đối thoại với Iran. BND thì từ đầu năm 1996 không còn duy trì chi nhánh của mình tại Teheran nữa, nên phải lấy thông tin qua các điệp viên của Cục tình báo tác chiến. Đối với BND nhiệm vụ chủ yếu là báo cáo ngay lập tức cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thông tin về những động thái ở Iran. Chỉ như vậy Kinkel mới đánh giá được, trong những lần đối thoại với người Iran ông được phía Iran thông báo sự thật hay toàn những điều mang tính “tuyên truyền” mà thôi. Một trong những ví dụ là việc Iran sản xuất ma túy. Trong tất cả các lời tuyên bố chính thức chính quyền Iran đều lưu ý là họ kiên quyết truy lùng những kẻ buôn bán ma túy. Cho dù có những lời chỉ trích đối với chính quyền Hồi giáo ở

đây, giới báo chí vẫn ca ngợi những thành công của Teheran trong cuộc chiến chống ma túy. Tuy nhiên bản báo cáo về tình hình ma túy quốc tế năm 1996 của BND thì lại viết: “Có những bằng chứng về việc người của lực lượng cận vệ Iran bán heroin cho người Cuốc gốc Thổ Nhĩ Kỳ lấy ngoại tệ mạnh. Những người này đảm nhiệm việc vận chuyển heroin sang thị trường châu Âu. Công tác chống ma túy ở đây chỉ đạt được kết quả hạn chế, vì một số nhân vật có thể lực trong Chính phủ và trong lực lượng An ninh tham gia vào chuyện buôn bán ma túy”. Trong khi những tay buôn bán ma túy người nước ngoài ở Iran bị truy lùng gắt gao, thì người Iran buôn bán ma túy có thể thoải mái dùng tiền mua lại tự do và thậm chí phần nào còn được khuyến khích. Bản báo cáo của BND kết thúc như sau: “Những tin tức phía Iran đưa về thắng lợi của họ khi tịch thu những khối lượng ma túy lớn hoặc khi đập tan các băng đảng buôn lậu ma túy có lẽ chỉ là một sự tuyên truyền thái quá”.

Trong những năm qua BND đã theo dõi việc các tập đoàn ma túy Côlômbia thuê đóng những tàu ngầm mini “đặc chủng” để chuyên chở ma túy từ đất liền ra tàu container chạy trên hải phận quốc tế. Đặc biệt BND cũng đã theo dõi một thủ đoạn che giấu ma túy mới: Ở châu Mỹ La tinh quân áo được nhúng vào côcain lỏng hoặc ma túy được trộn vào đồ uống. Trong một báo cáo

BND đã viết như sau: “thậm chí có những bộ quần áo được làm hoàn toàn bằng côcain”. Từ các hải cảng ở Môngtênêgrô BND thường xuyên nhận được tin tức về các con tàu của giới mafia Italia buông neo đợi hàng ở đó. Còn từ các sân bay của Mazêdônia BND nhận được thông báo về những người châu Phi chuyên sử dụng hộ chiếu giả để vận chuyển ma túy qua các sân bay đó.

Cùng với các cơ quan tình báo đối tác khác, BND đã thu được thông tin về cuộc vận động bầu cử của Tổng thống Côlômbia Samper được các tổ chức mafia ma túy chi tiền. Tại Bogotá Thủ đô của Côlômbia BND không có chi nhánh vì, như theo một quan chức BND, “Chúng tôi có thể trao đổi với ai ở đó được. Ở đó không có ai là không tham nhũng cả”. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Bôlivia Carlos Sanchez Berzain nhận 500.000 đô la cho mỗi chuyến ma túy được chuyển sang Mêhicô. Tướng Jose Gutierrez Rebollo, nhân vật đứng đầu trong trận chiến chống ma túy ở Mêhicô, đã bị bắt đầu năm 1997 vì tội buôn lậu ma túy! Viện chống ma túy quốc gia của Mêhicô đã bị giải tán tháng 5 năm 1997 vì viện này đã trở thành một biểu tượng của “sự tham nhũng và vô tác dụng”. Em trai của cựu Tổng thống Mêhicô Salinas và các quan chức cao cấp trong Chính phủ Mêhicô cũng đã kiếm được nhiều triệu đô la bằng buôn lậu ma túy. Trong một báo cáo của BND có đoạn viết: “Chính phủ trước kia của Tổng thống Salinas đã có quan hệ rất chặt chẽ với một trong

những tập đoàn ma túy lớn nhất Mêhicô là tập đoàn Golf. Chỉ riêng thủ lĩnh của Golf là Juan Garcia Abreco bị bắt tháng 1 năm 1996 đã khống chế được 10% số điệp viên chuyên trách chống ma túy của Mêhicô. Juan Garcia Abreco đã có quan hệ mật thiết với các quan chức cao cấp của Chính phủ Mêhicô và cả ở Mỹ. Số tiền hàng năm tên thủ lĩnh này đã rút lột cho các quan chức Chính phủ, ngân hàng, công ty và thương nhân được ước đoán là khoảng 40 - 50 triệu đô la. Theo điều tra của cơ quan công tố Mêhicô thì một số kẻ chủ mưu giết hại các nhà lãnh đạo của Đảng cầm quyền PRI ở Mêhicô là thành viên của tập đoàn ma túy Golf". Tất nhiên những chi tiết trong các bản báo cáo mật như vậy ảnh hưởng đến việc Chính phủ Đức quyết định mời chính khách nào của những nước đó sang thăm Đức hoặc khi đến thăm các nước đó thì chính khách Đức có thể bắt tay ai mà không phải e ngại gì. Ví dụ như ở Peru người ta cần tránh bắt những bàn tay bẩn thỉu của các thành viên trong gia đình ma túy Abelardo Cachique Rivera hay còn gọi là "El Negro" hoặc "Teniente", "El Champa", "El Vampiro" và "Los Nortenos".

Nếu trợ lý riêng của một Bộ trưởng Đức muốn biết các tuyến đường transit nào của Bungari được dùng để chuyên chở ma túy vào Đức thì BND sẽ trả lời như sau: "Trong cuộc nội chiến ở Nam Tư cũ để tránh khu vực đang xảy ra chiến sự, bên cạnh tuyến đường vẫn được sử

dụng từ trước đến nay chạy qua vùng Bancăng, ma túy còn được vận chuyển trên một tuyến đường được thiết lập từ Thổ Nhĩ Kỳ đi châu Âu: bên cạnh tuyến đường bộ đông đúc nhộn nhịp, cánh buôn lậu ma túy còn vận chuyển hàng bằng đường biển từ Thổ Nhĩ Kỳ qua Hy Lạp hoặc Italia để vào Tây Âu. Hơn 60% số lượng heroin tiêu thụ trên thị trường Tây Âu vẫn được vận chuyển qua lãnh thổ Bungari. Việc vận chuyển được thực hiện chủ yếu bằng xe tải từ Thổ Nhĩ Kỳ, bằng đường biển qua các hải cảng Varana và Burgas, cũng như bằng đường hàng không qua sân bay Xofia. Tại Thành phố Xofia, Malko Tarnovo, Kalotina và Kapitan Andreevo một phần ma túy được đóng gói hoặc bốc dỡ lại. Tuyến vận tải đường sông Đanuyép cũng được sử dụng để vận chuyển ma túy. Tuyệt đại đa số những kẻ tham gia vào việc buôn bán ma túy ở Bungari là người Thổ Nhĩ Kỳ. Số ít còn lại chủ yếu là người Sécbi, Croatia, Bungari, Iran và Ả rập. Có những tin tức cho thấy người Séc, Xiôvac, Ba Lan, Nga và người Rumani đang tăng cường tham gia vào công đoạn vận chuyển quá cảnh ma túy này". Tất nhiên đây chỉ là những thông tin chung chung. Chỉ trong những trường hợp có lý do chính đáng thì viên trợ lý Bộ trưởng kia sẽ nhận được thêm những thông tin chi tiết từ Pulach, mà theo đó thì gia đình của bà cựu Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ Ciller không những chỉ liên quan đến giới buôn

lậu ma túy của Thổ Nhĩ Kỳ, mà còn của cả Bungari nữa. Tuy nhiên việc đưa tin công khai về sự liên quan của gia đình Ciller nguy hiểm như thế nào thì đài truyền hình tư nhân "Flash-TV" của Thổ Nhĩ Kỳ đã phải cảm thấy dáo dác tháng 5 năm 1997. Sau khi đài truyền hình này phát bài phỏng vấn trùm mafia Alaattin Cakici buộc tội đồng loã cho ông Ozer là chồng bà Ciller, thì có khoảng 50 người đàn ông xông vào ban biên tập của đài truyền hình và cho đài hưởng một trận mưa đạn. Đài truyền hình tư nhân này đã phải đóng cửa.

Tình hình ở Rumani cũng không khác gì. Theo BND thì: "Những khối lượng lớn heroin dành cho thị trường Tây Âu vẫn được chuyên chở qua lãnh thổ Rumani. Đường bộ thì hàng được chuyên chở bằng xe tải đến từ Thổ Nhĩ Kỳ, Bangari; đường biển thì qua cảng Constanta và Eforie nằm bên bờ Hắc Hải; còn đường hàng không thì qua sân bay Bucarét. Trong những năm qua số lượng người Rumani đi du lịch đến Thổ Nhĩ Kỳ tăng vọt, vì vậy những "túi thư di động" mang heroin, côcain trong người có thể dễ dàng lẫn vào trong đám đông khách du lịch quay về Rumani. Gần đây người ta phát hiện ra là côcain từ Nam Mỹ ngày càng được đánh nhiều vào đất liền qua cảng Constanta. Từ vùng núi Cápcadơ ma túy được chuyển về cảng Xêvátxtôpôn (thuộc vùng Crưm) để từ đó được đưa xuống tàu Nga và sang mạn tàu đánh cá

Rumani ở ngoài khơi. Sau đó ma túy được chuyển tới hải cảng Mamaia của Rumani để đóng tàu đi Tây Âu. Người ta thấy ngay rằng, trong những bản báo cáo chung chung như trên BND tìm mọi cách để người đọc không xác định được nguồn gốc thông tin của BND ở đâu mà ra. Nếu không trong trường hợp BND bị đối phương cài điệp ngầm thì những nguồn cung cấp thông tin quý giá sẽ bị lộ. Nếu phía Chính phủ yêu cầu “gọi mặt chỉ tên” thì sẽ được cung cấp những báo cáo tuyệt mật về lĩnh vực buôn lậu ma túy và những bản báo cáo như vậy chỉ được cung cấp cho một diện rất hẹp.

Theo BND thì ở Anbani buôn lậu ma túy được tiến hành như sau: “Mafia Anbani điều khiển chuyện buôn bán ma túy. Chúng cũng sử dụng ma túy để đổi lấy vũ khí. Căn cứ của bọn chúng nằm ở Anbani, Mazêdonia và nhất là ở vùng Kôsovo của dân Sécbi. Trên vùng biển Adria mafia Anbani hợp tác chặt chẽ với mafia Italia, Môntênêgrô và có quan hệ với mafia của Crôatia và Xlôvenia. Người Anbani Kôsovo có quan hệ chặt chẽ với các tổ chức ma túy Côlômbia. Hiện nay chúng đang khống chế thị trường ma túy ở Cộng hoà Séc. Các tin tức chính thức cho thấy, tại đó đang nổ ra một cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa ma túy Nga và người Anbani Kôsovo. Tại Bungari ma túy Anbani cũng có mặt. Chúng hợp tác với ma túy Gêócgi và Ácmêni và có quan hệ với mafia Nga. Mafia

Anbani đã thiết lập được một cơ cấu hạ tầng cần thiết để “tiếp thị” ở nhiều nước Tây Âu, nhất là ở Italia, Thụy Sĩ, Hà Lan và Đức. Người Anbani theo đạo Hồi ở Kôôôôôô lợi dụng mối quan hệ trên khắp thế giới của họ thực hiện các phi vụ bất hợp pháp nhằm lấy tiền cho cuộc sống và các hoạt động ly khai của họ (như mua vũ khí). Ma túy được chuyên chở bằng xuồng máy cao tốc qua Croatia, Xlôvenia tới Italia. Người Anbani sống ở Thụy Sĩ, Đức hay Mỹ lo liệu việc phân chia ma túy trên các thị trường tiêu thụ ở các quốc gia công nghiệp phương Tây”.

Buôn bán thuốc tân dược với hậu quả chết người

BND cũng theo dõi những lĩnh vực tội phạm có tổ chức còn xa lạ với đa số người dân Đức. Một trong những ví dụ phải đề cập đến là nạn mafia thuốc tân dược ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Tại đó thuốc giả hoặc chất lượng kém được tung ra thị trường và gây ra hậu quả chết người. Chỉ riêng tại Haiti mùa hè năm 1996 đã có 300 trẻ em bị chết vì sử dụng một loại thuốc hạ sốt có chứa độc tố. Tại Bangladét hàng trăm trẻ em đã chết vì suy thận chỉ vì dùng thuốc giảm đau tuy rẻ tiền nhưng chứa độc tố dietuylengluylkol. Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì nạn làm giả thuốc tân dược đang ngày càng trở thành một vấn đề to lớn. Năm 1994 WHO lập được

danh sách khoảng 5000 loại tân dược giả, chủ yếu là các loại kháng sinh. Cho đến nay thì người ta đã xác định được có khoảng 5 - 10% số thuốc lưu hành trên thị trường thế giới là thuốc giả. Ở một số nước, nhất là châu Phi, có tới 50% số thuốc tân dược là giả.

Hoạt động tài chính phạm pháp - Một lĩnh vực tội phạm đang ngày càng phát triển.

Tình hình thực tế trên thế giới cho thấy nhận định của BND về tình trạng gia tăng của hoạt động tội phạm có tổ chức trên toàn thế giới là đúng đắn.

1. Lợi nhuận của các tổ chức tội phạm tiếp tục tăng. Như vậy ở Đức bên cạnh mối đe dọa bạo lực còn có một đe dọa khác là “vũ khí tài chính” của các tổ chức tội phạm. Tại nhiều nước những đồng tiền bẩn thỉu đã được tung vào thị trường tài chính. Theo đánh giá của các cơ quan tình báo phương Tây thì hiện nay trong tổng số tín dụng Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức nhận để chi khoản ngân sách có từ 20 - 30% là tiền từ các hoạt động của giới tội phạm. Thực trạng này cũng có ở các quốc gia châu Âu khác, nhưng thường được giới cầm quyền giữ kín hoặc làm giảm mức độ tác dụng. Các tổ chức tội phạm ở Đức, khi mua trái phiếu kho bạc nhà nước đã mặc nhiên trở thành chủ nợ của một phần trong tổng số nợ của Nhà nước Liên bang. Theo các cơ

quan tình báo thì ở đây các ngân hàng nước ngoài đóng một vai trò quan trọng. Trong một bản báo cáo gửi Chính phủ Liên bang có đoạn viết: “Việc hợp tác với bọn rửa tiền đem lại cho những ngân hàng hoạt động một cách không rõ ràng những khoản lợi nhuận kếch xù dưới dạng lệ phí. Ngay cả đối với những loại hình dịch vụ không tốn kém như chuyển khoản chẳng hạn thì thông thường ngân hàng cũng nhận được 10% tiền hoa hồng”. Trái phiếu dài hạn của kho bạc Liên bang được phát hành năm 1969. Hồi đó không ai nghĩ đến nạn tội phạm có tổ chức. Nhưng từ năm 1993 thì hoạt động mua bán trái phiếu bắt đầu trở nên sôi động. Năm 1996 bán được trái phiếu trị giá 25 tỷ mác. Tổng số trái phiếu lưu hành hiện nay đã vượt quá con số 100 tỷ mác. Tờ “Thế giới chủ nhật” ngày 16 tháng 3 năm 1997 viết như sau: “Trái phiếu kho bạc Liên bang ngày càng được ưa chuộng ở những nơi tạm thời cần chỗ hạ cánh. Đối với mục đích đó thì trái phiếu kho bạc Liên bang là thích hợp nhất. Bởi vì chỉ một năm sau khi mua chủ của trái phiếu lại có thể “chia tay” với nó được rồi. Còn hấp dẫn hơn đối với các tổ chức tội phạm sẽ trở thành chủ nợ của nhà nước chúng ta và sẽ bằng các hoạt động hoán chuyển tài chính tác động lên chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ... Vì trong quá khứ và có lẽ trong tương lai Chính phủ Liên bang cũng vẫn sẽ phải chấp nhận những khoản nợ mới, nên Chính phủ bắt buộc phải phụ thuộc

vào những nguồn tài chính mới để trang trải nợ nần. Nếu nhìn thẳng vào sự thật thì có thể nói rằng: Chính phủ sẽ ngày càng phụ thuộc hơn vào ý muốn đầu tư của giới tội phạm vào thị trường kinh tế ở Đức. Nói một cách khác, nếu các tổ chức tội phạm không đầu tư hàng tỷ马克 vào chính đồng马克 Đức thì lãi suất ở Đức sẽ tăng lên. Nhưng điều đó lại trái với lợi ích của Chính phủ đang bị phụ thuộc vào các khoản tín dụng. Trong tương lai cơ quan tình báo Liên bang sẽ phải tăng cường điều tra các kênh đưa nguồn tài chính từ nước ngoài vào Đức, để ngăn chặn tình trạng Chính phủ Đức trong tương lai có thể bị gây sức ép.

2. Nạn thất nghiệp hàng loạt và những cơ hội ngày càng hạn hẹp trong tương lai làm cho ngày càng nhiều thanh, thiếu niên quan hệ với các tổ chức tội phạm. Tại một số khu vực ở châu Âu các tổ chức tội phạm sẽ tỏ ra mạnh hơn quyền lực Nhà nước.

3. Những làn sóng di tản ở châu Âu, mà Đức là nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất, sẽ tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho những tổ chức tội phạm hoạt động trên cơ sở sắc tộc. Những ví dụ gần đây nhất là các băng đảng được “chuyên môn hoá” hoạt động ở Đức như Rumani chuyên phá két sắt, Sécbi chuyên đột nhập vào nhà ở, Ba Lan chuyên ăn cắp và tiêu thụ ô tô, Séc chuyên buôn bán người và Nga chuyên buôn lậu vũ khí.

4. Vì chu trình kiểm tra ven đường biên giới ngày càng được đơn giản hoá đi nên rất thuận lợi cho các băng đảng tội phạm qua lại.

5. Những phát minh mới trong lĩnh vực viễn thông làm cho công tác điều tra theo dõi các tổ chức tội phạm trở nên khó khăn hơn.

Các băng nhóm từ Liên Xô cũ

Trong cuốn sách “Những hội huynh đệ tàn bạo” Ulrich Schmid, phóng viên thường trú tại Mátxcơva của một tờ báo Zuyrich (Thụy Sĩ) đã cảnh báo rằng, các tổ chức tội phạm Nga chủ yếu sẽ tìm cách gia nhập thị trường Đức. Wolfgang Leonard, một chuyên gia về Đông Âu, trong cuốn sách “Một cuộc chơi với lửa” đã đánh giá nạn tội phạm ở Nga là “không có giới hạn”. Cơ quan tình báo Đức cũng đặt trọng tâm theo dõi thế giới tội phạm Nga đã phát triển như một con bạch tuộc khổng lồ sau khi chế độ cộng sản sụp đổ. Một bản báo cáo mật hồi đầu năm 1997 của Bộ Nội vụ Liên bang đã đưa ra kết luận là thực ra các cơ quan điều tra Đức cũng không được phép hợp tác với các đồng nghiệp Nga và Ucraina vì “cho dù có những nỗ lực của phía nhà nước, nhưng có thể cho rằng, các tổ chức tội phạm đã thâm nhập được vào các cơ quan An ninh của những nước này, kể cả ở cấp cao nhất”.

Trong một bản báo cáo khác của BND có đoạn viết: “Các tổ chức tội phạm thông thường có cơ cấu tổ chức từ thấp đến cao và hoạt động một cách có kỷ luật. Chúng kiểm soát nền kinh tế chợ đen đang phát triển rộng khắp ở Nga và mua chuộc bộ máy hành chính công cộng. Trong không ít trường hợp tồn tại những mối quan hệ chặt chẽ giữa các tổ chức mafia với các quan chức trong bộ máy chính trị và hành chính. Một số chính khách cũng bị coi là có quan hệ với các tổ chức tội phạm”.

Một trong số những chính khách Nga bị BND theo dõi trong thời gian gần đây là Vladimira Girinôvski, thủ lĩnh phe Dân tộc chủ nghĩa Nga. Người ta cho rằng, ông ta có quan hệ đặc biệt chặt chẽ với mafia Nga. Phó tướng của ông ta cho biết, trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1995 khoảng một triệu đô la đã được chi để kiểm phiếu bầu cho Girinôvski. Theo viên phó tướng này thì đảng Dân tộc chủ nghĩa của Girinôvski đã bị mafia xâm nhập.

Theo tin tức của các cơ quan tình báo phương Tây thì Sêvátnátde, cựu Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô và trùm KGB của Gêoócgi, đã trở thành Tổng thống Gêoócgi năm 1992 nhờ tiền tài trợ của tên trùm ma túy người Gêoócgi là Tengiz Kitovani.

Theo số liệu của Bộ Nội vụ Nga thì các tổ chức mafia ngày nay đã kiểm soát hơn một nửa nền kinh tế: 35.000 nhà máy, 47 thị trường chứng khoán và 1.500 doanh nghiệp lớn của nhà nước. Đế quốc tội phạm này do 323 “Bố già” cai quản. Theo thống kê của BND thì những lĩnh vực phạm tội chính của các băng đảng mafia Nga hoạt động quốc tế là tổng tiền bảo kê, buôn lậu ma túy và vũ khí và làm tiền giả. Ngoài ra mafia còn tuồn ra nước ngoài bán với giá trên thị trường thế giới những loại nguyên liệu được nhà nước trợ giá như dầu mỏ, khí đốt, thiếc, đồng, ma-nhê và titan. Giấy tờ xuất khẩu cần thiết được những quan chức đã bị mua chuộc cung cấp. Nạn mafia Nga lấy cắp xe ô tô ở Tây Âu đang ngày càng gia tăng, trong đó Berlin đã trở thành một điểm nóng. Thực ra ăn cắp ô tô là một lĩnh vực truyền thống của mafia Nga. Mỗi ngày chỉ riêng ở Mátxcova xảy ra khoảng 80 - 1000 vụ lấy cắp ô tô.

Tháng 11 năm 1996 ông Kurt Schelter, Quốc vụ khanh Bộ Nội vụ Liên bang đã cho rằng, những công ty Đức hoạt động ở Nga phải dành từ 10 - 20% doanh số của họ để trả tiền bảo kê cho mafia Nga. Theo BND thì hiện nay mafia Nga cũng tăng cường tham gia vào lĩnh vực làm hàng giả và đánh hàng đó vào Đức. Thậm chí Bộ trưởng Phủ thủ tướng, ông Bohl, còn cho rằng

“Đức đã trở thành mục tiêu cho cuộc tổng tấn công của mafia Nga”. Theo ông Bohl thì chỉ trong vài ba năm nữa thôi trách nhiệm của Nhà nước là bảo vệ người dân và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, sẽ lấn át mọi nhiệm vụ khác của Nhà nước và xã hội.

Một trong những lĩnh vực hoạt động quan trọng nhất của mafia Nga trước sau vẫn là buôn lậu ma túy. Năm 1995 cảnh sát Nga đã tịch thu hơn 95 ma túy. Tuy nhiên người ta ước tính là số ma túy bị tịch thu chỉ bằng 5% khối lượng ma túy được buôn bán mà thôi. Người của BND báo cáo là ở một số cửa khẩu, lượng ma túy bị phát hiện không bằng 0,1% lượng ma túy thực sự đi qua cửa khẩu. Nhờ buôn bán ma túy các băng đảng mafia Nga năm 1995 thu được khoảng 10 tỷ đô la. Đối với BND thì công tác theo dõi tình trạng buôn lậu ma túy ở Nga là một nhiệm vụ quan trọng, vì phần lớn khối lượng ma túy được chuyển tiếp ra khỏi Nga đến thị trường châu Âu. Tuy nhiên lượng ma túy được tiêu thụ ở Nga ngày càng tăng. Theo Itar-Tass năm 1981 chỉ có khoảng 200.000 người Nga thường xuyên dùng ma túy. Theo Bộ Nội vụ Nga thì năm 1995 con số này đã lên đến 2 triệu người.

Khoảng 10% số lượng heroin từ khu vực “Vành trăng vàng” ở Tây Nam Á sang châu Âu được vận chuyển qua vùng núi Cápcado từ Bắc -

và Tây Âu. Số 20% tiếp theo dành cho thị trường châu Âu được chuyển đến từ Ápganixtan và các nước SNG ở Trung Á qua Cazácxtăng. Một phần số lượng ma túy khác được chuyển qua biển Caxpia, Trécchênia và Hắc Hải. Chỉ riêng Ápganixtan năm 1995 đã sản xuất 3.200 tấn thuốc. Đây cũng là nguồn thu chính của các phe phái trong cuộc nội chiến ở nước này. Một kilô thuốc phiện ở Ápganixtan giá 100 đô la, còn ở Mátxcova trung bình 8.000 đô la!

Theo tin tức của BND thì tại các nước thuộc SNG ở Trung Á hiện nay đang hình thành những tập đoàn ma túy sẽ vượt trội khu vực “Vành trăng vàng” đến nay vẫn được coi là trung tâm sản xuất heroin và buôn bán ma túy. Theo các chuyên gia Pullach thì tại Cazácxtăng, Kiécgigixtăng, Tátgigixtăng, Tuốcmênixtăng và Uzôbêgixtăng tới cuối thế kỷ này có thể hình thành các tập đoàn ma túy mà cho đến nay mới chỉ được biết ở châu Mỹ La tinh.

Nước Nga càng ngày càng nổi trội lên trong lĩnh vực rửa tiền. Theo tin tức của BND thì những điểm yếu trong hệ thống tài chính và ngân hàng Nga cũng bị các tổ chức tội phạm Tây Âu lợi dụng để rửa tiền. Vào giữa thập kỷ 90 hàng năm khoảng 20 tỷ đô la đã được rửa ở Nga. Các tổ chức tội phạm Nga lợi dụng nỗ lực thu hút đầu tư nước ngoài của Chính phủ để rửa tiền.

Theo số liệu của BND thì năm 1996 khoảng 4.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng Nga bị mafia Nga khống chế. Cho đến năm 1994 đã triệt phá 429 băng nhóm tội phạm chuyên hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Theo tin tức của cơ quan tình báo phương Tây thì tháng 3 năm 1997 chỉ riêng tại 8 chi nhánh ngân hàng Nga ở Síp đã có số dư 20 tỷ mác là số tiền sẽ được rửa bằng cách bơm dần dần vào vòng quay của nền kinh tế Đức.

Bên cạnh các ngân hàng Đức thì các công ty vận chuyển của Đức cũng quan tâm đến việc sử dụng những thông tin của BND để bảo vệ tài xế, phương tiện và hàng hoá. Năm 1996 có 4 lái xe Phần Lan và 1 lái xe Hà Lan đã bị giết ngay của ngõ Mátxcơva. Hàng hoá vận chuyển trên xe đã bị cướp. Theo số liệu đến giữa năm 1997 tuy lái xe người Đức bị đánh đập tàn nhẫn, nhưng chưa xảy ra vụ án mạng nào. Bọn cướp thường cải trang là cảnh sát, cho dừng xe, đánh đập lái xe, sau đó cướp cả xe. Năm 1996 cảnh sát Mátxcơva đã bắt được một băng cướp gồm 7 tên đã gây ra 11 án mạng đối với lái xe đường dài. Theo BND thì điều đặc biệt nguy hiểm ở đây là bọn cướp đường thường nhận được thông tin rất chính xác về hàng hoá trên xe. Theo phát ngôn viên Bộ Nội vụ Nga thì cho đến cuối năm 1996 cảnh sát đã bắn hạ hơn 200 tên cướp đường. Tuy nhiên số

lượng các vụ trấn cướp vẫn gia tăng. Theo số liệu của BND thì chỉ riêng các công ty vận tải của Phần Lan năm 1996 đã mất ở Nga 58 xe tải cùng toàn bộ hàng hoá. Những tuyến vận chuyển cực kỳ nguy hiểm là các tuyến Đức - Ba Lan - Mátxcova, Wyborg - Xanh Petéc-bua - Mátxcova và tuyến Transit Nga- Cazácxtăng. Vì thế những thông tin về tình hình trấn cướp trên những tuyến đường này là đặc biệt có giá trị.

Ngoài ra theo tài liệu của BND càng ngày những người Đức sống ở Nga càng hay trở thành nạn nhân của những vụ tống tiền bảo kê. Theo Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nga, ông Kovalép, thì cứ 72 giờ đồng hồ lại có một chủ doanh nghiệp hoặc ngân hàng quan trọng bị mafia giết hại. Giá cho một vụ giết thuê ở Mátxcova là 2.000 đô la. Đối với nhiều công ty Đức ở Nga thì có lẽ giấc mơ thu được lãi cao trong kinh doanh không thể trở thành hiện thực được, vì không thể kinh doanh ở Nga được nếu không cho bọn mafia “tham gia” cùng hưởng lợi tức của công ty. Hầu như tất cả các nhà doanh nghiệp nước ngoài đều bị buộc phải nộp tiền bảo kê thường xuyên. BND thu thập những thông tin như vậy và báo cáo với giới lãnh đạo Đức, để rồi những vấn đề đó sẽ được đề cập đến trong những cuộc trao đổi cấp cao song phương. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa thu được nhiều kết quả, vì so sánh tương quan lực

lượng với giới tội phạm có tổ chức ở Nga thì Chính phủ Nga yếu hơn nhiều.

Trong tổng số khoảng 8.000 băng đảng tội phạm loại tương đối lớn ở Nga có không ít được tổ chức trên cơ sở sắc tộc. Vì thế bên cạnh những băng đảng “toàn Nga” cũng tồn tại những băng đảng riêng của người Ácmêni, Adécbaigiăng, Geoócgi, Trecchênia...

Theo một báo cáo năm 1996 của BND thì: “Nhóm Chéctrênia thuộc những nhóm tội phạm sắc tộc đầu tiên ở Mátxcova được tổ chức từ dưới lên trên. Tổ chức này hiện nay có khoảng 3.000 thành viên. Từ năm 1993 tổ chức này tăng cường hoạt động trong lĩnh vực kinh tế và tài chính. Những hoạt động tội phạm khác còn được ghi nhận như tống tiền bảo kê, trộm cắp và tiêu thụ xe ô tô, trấn cướp, buôn lậu ma túy và tổ chức mại dâm. Đến nay mafia Chéctrênia bắt đầu tiến hành kinh doanh ở Đức, thành lập những công ty khả nghi ở Lichtenstein và mở ngân hàng ở Praha và Budapét để phục vụ cho mục đích rửa tiền.

Về những tổ chức tội phạm “toàn Nga” năm 1996 thì BND báo cáo như sau: “ở Mátxcova người ta biết 8 tổ chức sau đây: Balasixkaia, Dolgoprútnenxkaia, Izmailovxkaia, Lyuberét-xkaia, Podolxkaia, Puskinovxkaia, Solnxevxkaia và Tanganxkaia. Xét trên khía cạnh quan hệ với

tội phạm quốc tế thì những tổ chức sau đây đáng chú ý nhất.

- Tổ chức Balasixkaia có khoảng 200 thành viên. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu là xe ô tô, mafia, vũ khí, trấn cướp, tổng tiền bảo kê và trộm cắp tài sản Nhà nước. Ngoài ra tổ chức này cũng mua chuộc quan chức Nhà nước trong bộ máy hành chính và cơ quan pháp luật. Tổ chức này có quan hệ với mafia Thái Lan, Đức, Pháp và Mỹ.

- Tổ chức Dolgoprútnenxkaia nổi tiếng tàn bạo tập trung chủ yếu vào lĩnh vực tổng tiền bảo kê, trấn cướp và giết thuê. Những nguồn thu chính khác của tổ chức là ma túy và mại dâm. Quan hệ quốc tế của tổ chức được ghi nhận với Đức, Áo và Hồng Kông. Tại Đức thì Berlin đã trở thành địa bàn quan trọng nhất của tổ chức này. Tại đây hiện nay số người nói tiếng Nga đã lên đến con số 60.000 người. 10% trong số đó có quan hệ với tổ chức Dolgoprútnenxkaia.

- Tổ chức Izmailovxkaia xuất thân từ một băng tội phạm thiếu niên hồi giữa thập kỷ 80, lúc đầu chuyên trộm cắp và trấn cướp, sau dần dần tham gia hoạt động trong lĩnh vực tội phạm kinh tế. Tổ chức có quan hệ quốc tế với Đức, Hà Lan và Mỹ.

- Tổ chức Lyuberétxkaia có hơn 150 thành viên và chuyên môn thực hiện các vụ trộm cắp,

trấn cướp, lừa đảo, tống tiền, buôn lậu ma túy và vũ khí, cũng như tống tiền bảo kê các công ty taxi, sòng bạc, nhà hàng và cửa hàng nằm trong lãnh địa của chúng ở một số quận thuộc Mátxcova. Tổ chức có quan hệ quốc tế đặc biệt với Mỹ, Ixrael, Hunggari và Đức. Qua mối quan hệ với các tổ chức tội phạm ở Đức, một phần số xe ô tô trộm cắp được sẽ được đưa sang Nga và các nước thuộc SNG khác tiêu thụ.

- Tổ chức Podolxkaia được thành lập từ giữa thập kỷ 80 và đến nay trở thành một trong những băng đảng lớn nhất và giàu có nhất với khoảng 500 thành viên đang hoạt động ở Mátxcova. Tổ chức này chuyên tống tiền bảo kê, bắt cóc, trấn cướp và giết thuê, đặc biệt là thực hiện những hợp đồng giết thuê ở Mỹ. Tổ chức được trang bị tốt bằng súng tự động, lựu đạn và xe cộ. Quan hệ quốc tế được ghi nhận với các trùm mafia ở Mỹ và châu Âu (đặc biệt là ở Bỉ).

- Một trong những tổ chức có thế lực nhất là băng Puskino-Ivantev. Tổ chức này có mối quan hệ chặt chẽ với Mỹ, Đức và Thái Lan, kiểm soát các sòng bạc, cửa hàng tiêu thụ ô tô đánh cắp được, một phần sân bay Seremetev, hoạt động nhập khẩu hàng tiêu dùng, cũng như sản xuất và tiêu thụ rượu bia, hàng mỹ nghệ rởm.

- Tổ chức Solntsevxkaia (có nghĩa là mặt trời) đã phát triển thành một trong những băng

đảng có thể lực nhất trong giới buôn lậu ma túy quốc tế. Tổ chức này mua côcain từ tập đoàn ma túy Cali của Côlômbia và cung cấp cho Cali heroin lấy từ vùng Trung Á. Đến nay hầu như tổ chức này độc quyền nhập và tiêu thụ côcain của Nam Mỹ ở Mátxcova và vì thế có thể so sánh mức độ quan trọng của nó với các tập đoàn ma túy Côlômbia. Lượng côcain nhập vào không chỉ để tiêu thụ ở Nga, mà còn được chuyển tiếp sang Tây Âu, trong đó có Anh và Đức. Tổ chức này có quan hệ với mafia Đức và Trung Quốc. Trong nước tổ chức này đang thiết lập quan hệ với các trùm mafia địa phương. Một đặc thù của tổ chức này là mối quan hệ rất tốt của chúng với các cơ quan luật pháp, kể cả cảnh sát, cơ quan công tố và toà án, cấp địa phương. Tổ chức này nổi bật bởi mức độ nhà nghề cao khi thực hiện các hợp đồng giết thuê.

Nếu trước kia các băng đảng tội phạm mới thành lập chỉ hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Liên Xô cũ, thì nay theo nhận định của BND, chúng đã mở rộng tầm hoạt động ra ngoài biên giới. Càng ngày Tây Âu càng lọt sâu vào thước ngắm của các tổ chức tội phạm này. Trong một bản báo cáo năm 1996 của BND có đoạn viết: “Gần đây cơ quan An ninh Ba Lan đã lưu ý đến sự gia tăng mạnh mẽ của tình trạng tội phạm và coi sự phát triển của các tổ chức mafia Nga là

mối đe dọa chủ quyền của Ba Lan. Ngoài ra mafia Nga còn thâm nhập tương đối mạnh mẽ vào Séc và Hungari. Ở Tây Âu thì đặc biệt Đức và Áo đã trở thành vị trí đầu cầu của mafia Nga. Hiện nay mafia Nga đang thiết lập ở Luxemburg và Anh những cơ cấu tổ chức. Một trọng tâm khu vực khác của các tổ chức tội phạm Nga là Ixrael. Mafia Nga chủ yếu lợi dụng dòng người Nga gốc Do Thái di cư về Ixrael để hoạt động. Cũng không được xem nhẹ hoạt động của các tổ chức tội phạm Nga ở Mỹ. Theo FBI thì có khoảng 4.000 thành viên các tổ chức mafia Nga hoạt động ở Mỹ”.

Những phần tử gây đau đầu nhất cho BND là những kẻ được mệnh danh là Woizy - “Những chiến sĩ ngoài mặt trận”. Thuộc nhóm này là những cựu binh Nga trong cuộc chiến tranh Ápganixtan (1979 - 1988) và cựu nhân viên của đơn vị đặc nhiệm Omon của Bộ Nội vụ Nga. Chính những người này chịu trách nhiệm huấn luyện quân sự cho mafia Nga nổi tiếng là tàn bạo.

Ví dụ sau đây có thể chỉ rõ, công tác tình báo thu thập thông tin của BND quan trọng như thế nào đối với doanh nghiệp Đức. Các tổ chức tội phạm Ucraina duy trì khoảng 52 công ty trên khắp thế giới. Sau khi ký được hợp đồng thì các tổ chức Ucraina lại cung cấp những sản phẩm

kém phẩm chất hoặc không cung cấp đúng số lượng theo hợp đồng. Tuy nhiên chúng vẫn đòi bên mua hàng trả đủ số tiền theo hợp đồng. Khi khách hàng Đức chậm thanh toán chúng thuê các băng mafia Nga ra tay. Đã nhiều lần các thương nhân Đức bị đánh đập tàn bạo. Chỉ nhờ sự phối hợp giữa Cục điều tra Liên bang BKA (trong nước) và cơ quan tình báo Đức BND (ngoài nước) mới có thể điều tra được một số ít vụ và cảnh báo các công ty Đức trước nguy cơ bị lừa và tống tiền.

Cơ quan tình báo các nước đối tác cũng cung cấp cho BND những thông tin khác về mafia Nga. Cơ quan tình báo Tây Ban Nha đã thông báo về tình trạng các “nhà đầu tư Nga” mua bất động sản ở Costa del Sol, một trung tâm du lịch lớn của Tây Ban Nha. Trong các vụ mua bán này người Nga đặc biệt chú ý đến khách sạn, hộp đêm và những chung cư hiện đại. Theo các cơ quan bảo vệ pháp luật Tây Ban Nha thì mafia Nga đứng sau những vụ mua bất động sản này. Theo đánh giá của họ thì chỉ riêng tại khu vực Costa del Sol số lượng bất động sản được bán ra cho mafia đã trị giá khoảng 6 tỷ mác. Có lẽ người ta đã tạo ra con đường dẫn dắt các tổ chức mafia đến hoạt động kinh doanh bất động sản một cách tương đối dễ dàng. BND đã thông báo cho các cơ quan An ninh Tây Ban Nha về việc một ngân hàng lớn của Tây Âu đã cho mở những tài khoản để chuyển tiền của mafia Nga sang Jersey (Mỹ),

mà không cần hỏi đến nguồn gốc của số tiền. Đối với BND thì đây là một biểu hiện nữa về chiến lược chuẩn bị tiến vào thế kỷ XXI của mafia Nga. Việc đầu tư tiền có được nhờ phạm pháp vào bất động sản và doanh nghiệp là một thủ đoạn mới của các băng đảng Nga. Bằng cách đó chúng có thể cho những nguồn tài chính của chúng trong tương lai sinh sôi nảy nở.

Nhiều quốc gia đã để cho mafia Nga tự do hoạt động quá lâu trên lãnh thổ của họ. Một trong những ví dụ điển hình là Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất được thành lập năm 1971. Trong những năm qua Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất cũng đã trở thành nơi được “các nhà du lịch người Nga” đặc biệt ưa chuộng. Hàng năm có khoảng 720.000 lượt người nói tiếng Nga sang đây đi du lịch. Rất nhiều người trong số đó là các “túi thư di động” được mafia Nga thuê sang rửa tiền ở đất nước Ả rập này. Năm 1997 hàng tuần trung bình có 27 chuyến máy bay tuyến và 36 chuyến máy bay thuê riêng chuyên chở khoảng 15.000 khách du lịch từ các nước thuộc SNG đến đây. Mỗi người trong số du khách đó chi tiêu trung bình 2.000 đô la một ngày. Thật là một con số đáng tự hào, nếu người ta ý thức được rằng, thu nhập bình quân đầu người hàng tháng ở SNG chỉ ở mức 25 đô la! Hàng tháng “du khách” đến từ SNG và các “túi thư di động” của mafia đổ vào túi thương nhân đất nước này khoảng 120 triệu đô la. Không một ai hỏi han gì

về nguồn gốc số tiền khổng lồ này. Chi nhánh của BND ở Dubai luôn luôn báo cáo về Pullach hiện tượng những “du khách” người Nga ăn mặc xoàng xĩnh mang theo người những chiếc vali đựng đầy đô la tiền mặt mua một lúc hàng trăm xe ô tô Land-Rover hoặc hàng tá đồng hồ Rolex hảo hạng và những đồ điện tử đắt tiền. Trên bản đồ về tình hình rửa tiền trên thế giới theo Pullach, Dubai, thủ đô Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất được BND đánh dấu bằng năm chấm đỏ. Theo CIA thì ngày nay Dubai không những là mục tiêu của giới rửa tiền quốc tế, mà còn là trạm trung chuyển quan trọng của những “túi thư lưu động” chuyên vận chuyển heroin.

Đối với BND một điều đáng chú ý nữa là hoạt động tội phạm môi trường của các tổ chức tội phạm Nga. Hầu như dư luận không hề biết gì về loại hình tội phạm này. Qua việc khử chất thải một cách bất hợp pháp các tổ chức tội phạm có thể thu được những món lãi khổng lồ. Đầu tiên chúng thông qua những tổ chức môi giới ở châu Âu tiến hành đút lót để nhận được những hợp đồng khử chất thải đặc biệt với giá trị hợp đồng rất cao. Sau đó chúng đưa số chất thải này đến một nước cộng hoà nào đó trong SNG để tiến hành khử chất thải tại đó không theo quy trình công nghệ và quy định an toàn môi trường đã được ký kết trong hợp đồng và tất nhiên vì vậy chi phí sẽ rất thấp và lợi nhuận sẽ rất lớn. Đây thực chất là một mô hình hoạt động của các tổ

chức mafia chuyên môn hoá trong lĩnh vực xử lý chất thải các loại.

Những tổ chức mafia ở Italia.

Theo số liệu của cơ quan thống kê Italia thì hiện nay có khoảng 150.000 người Ý làm việc cho các tổ chức mafia với tổng doanh số là khoảng 31 tỷ mác. Theo các chuyên gia thì số liệu này của Cục thống kê Italia còn thấp hơn so với thực tế. Số liệu này cũng không bao gồm các khoản tham nhũng khi mafia thực hiện các hợp đồng trong lĩnh vực công cộng, trong các hoạt động đầu cơ và rửa tiền. Theo Hiệp hội tiểu thương Italia thì chỉ riêng tiền bảo kê mafia thu được hàng năm đã là khoảng 31 tỷ mác và tổng doanh thu hàng năm của giới tội phạm Italia là khoảng 95 tỷ mác. Thậm chí một số báo cáo được đệ trình lên Quốc hội Italia còn đánh giá doanh thu hàng năm của mafia là khoảng 180 - 190 tỷ mác. Nếu vậy thì số tiền khổng lồ này tương ứng với một phần bảy GDP của Italia. Chỉ riêng trong lĩnh vực ma tuý doanh thu bình quân đầu người của mafia Italia là 220.000 mác. Theo đánh giá của Hiệp hội thương mại "Confcommercio" thì tài sản của giới mafia Italia trị giá khoảng 400 tỷ mác. 30% tổng số trao đổi mậu dịch của Italia có liên quan đến mafia. Một phần tư các hoạt động tài khoản trong các ngân hàng Italia nằm ngoài tầm kiểm soát. Mafia Italia nổi tiếng trên khắp thế giới trong các lĩnh vực tổ chức mại dâm, giết người theo kiểu mafia, cướp nhà băng, tống tiền và xử

lý chất thải một cách bất hợp pháp. Tại Mỹ các tổ chức mafia Italia trước kia thống trị các hoạt động tội phạm nay đã dần dần mất đi ảnh hưởng của chúng. Hiện nay mafia Italia chỉ kiểm soát 30% thị trường buôn bán ma túy ở Mỹ.

Cơ quan tình báo Đức thường xuyên báo cáo với Thủ tướng và các Bộ trong Chính phủ Bonn về những chính khách và nhà doanh nghiệp hàng đầu Italia, như Giulio, Andreotti, cựu Thủ tướng hoặc Vitalone nhà doanh nghiệp, cựu Bộ trưởng Thương mại. Những mối quan hệ của họ với mafia làm cho các chính khách Bonn phải thận trọng khi tiếp xúc với họ. Andreotti, cựu Thủ tướng và là một trong số những chính khách nổi tiếng nhất thời hậu chiến của Italia bị khởi tố vì tội hợp tác với mafia và chủ mưu trong một số vụ ám sát mang tính chất chính trị.

Nhiều người không muốn thừa nhận mối quan hệ giữa mafia với nhà thờ Gia tô giáo, nhất là ở Sizilia. Hồi đầu những năm 60 khi yết kiến Đức Hồng y giáo chủ Ernesto Ruffini của Thành phố Parlemo một phóng viên một tờ nhật báo Bắc Ý đã hỏi: "Thưa ngài mafia là gì?" Ruffini trả lời: "Mafia? Theo tôi biết thì đó là tên gọi một loại bột giặt". Nhưng Ruffini đã nhầm. Ngay trong chính nhà thờ Italia cũng có những người ủng hộ, khuyến khích mafia. Đức cha Ustino Coppola bị bắt năm 1974 về tội liên quan đến những vụ bắt cóc, tống tiền và giết người của mafia Sizilia. Các thầy tu của nhà thờ Mazzarino đã từng tham gia

thu tiền bảo kê. Còn tu sĩ Giacinto của dòng tu Franziska thì là bạn thân của những bố già mafia.

Theo BND thì có năm tổ chức mafia chia xẻ nhau “thị trường” Italia:

- Tổ chức mafia Cosa Nostra ở Sizilia có 186 nhóm và khoảng 5.000 thành viên. Sau những thắng lợi của cảnh sát trong những năm qua, hiện nay Cosa Nostra đang được tổ chức lại. Tháng 1 năm 1997 Pieroluigi Vigna, người giữ trọng trách cao nhất trong cuộc chiến chống mafia ở Italia, đã nói là hiện nay tổ chức này đang xây dựng những cơ cấu đặc biệt bí mật ở Sizilia để chống lại sự thâm nhập của cảnh sát và đề phòng lời khai của những nhân chứng chủ chốt đang bị giam giữ. Nguyên tắc tối thượng của tổ chức là chỉ một số rất ít ông trùm nắm được chi tiết công chuyện của tổ chức. Các thủ lĩnh cũng sẽ thận trọng hơn khi gọi điện thoại vì sợ bị nghe trộm và sẽ phải cố gắng giữ bí mật thân phận thực tế của mình đối với xã hội. Đây là một phản ứng đối phó của Cosa Nostra đối với việc hàng loạt các trùm nhóm bị bắt năm 1993.

- Tổ chức mafia mang tên STIDE cũng trú ngụ tại Sizilia, chủ yếu là ở tỉnh Agrigento. Tổ chức này không có cơ cấu tổ chức theo chiều từ dưới lên trên như Cosa Nostra, tuy nhiên vẫn tìm mọi cách để áp dụng những nguyên tắc lãnh đạo cứng rắn của Cosa Nostra. Không có thông tin chính xác về số lượng thành viên.

- Tổ chức Camorra ở Neapel với 126 nhóm và khoảng 6.200 thành viên. Lúc đầu Camorra thực chất là một tổ chức tự bảo vệ của bọn tội phạm trong nhà tù. Khi những thành viên của Camorra được thả, chúng tụ tập nhau lại ngoài đời và thành lập nên tổ chức này. Trong những năm qua do một số thủ lĩnh của tổ chức bị bắt giữ nên Camorra bị mất đi ảnh hưởng trong khu vực Neapel rộng lớn. Hiện nay trong thành phố này có khoảng 30 băng đang cạnh tranh nhau để giành quyền thống trị. Nguồn cung cấp thành viên của các băng đảng này chủ yếu là các vùng gặp khó khăn về kinh tế xã hội. Aldo Faroni, chỉ huy trưởng đơn vị cảnh sát cơ động của Neapel nói: "Hôm nay chúng tôi đối mặt những kẻ sẵn sàng bắn chết đối thủ của mình như bắn những con chó. Nhưng chính những kẻ đó lúc nào cũng sẵn sàng thay đổi trận tuyến để chạy sang phe của kẻ thắng trận".

- Tổ chức Ndrangheta vùng Kalabrien với 144 nhóm và khoảng 5.300 thành viên.

- Tổ chức mafia vùng Apuli với khoảng 30 nhóm và 1.600 thành viên.

Bên cạnh số thành viên chính thức xung quanh tất cả các tổ chức trên còn có một đội quân cung cấp thông tin khổng lồ bao gồm cả những người hoạt động trong giới chính trị và kinh tế. Trong khi Cosa Nostra được xây dựng trên một cơ cấu tổ chức chặt chẽ từ cơ quan đầu não đến từng băng, nhóm, thì Ndrangheta lại chỉ duy trì

một mối quan hệ tương đối lỏng lẻo giữa các băng nhóm hoạt động khá độc lập trong nội bộ tổ chức. Tổ chức Camorra ở Neapel thì khác biệt với các tổ chức ở miền Nam Italia khác ở khuynh hướng thiên về các hoạt động kinh tế của nó. Trong một bản báo của của BND có đoạn viết: “Chính sách kinh doanh của Camorra không quan tâm đến những hoạt động mang tính chất gây chấn động dư luận xã hội, tuy bên cạnh các lĩnh vực như tổng tiền, buôn bán ma túy và vũ khí, cấp tín dụng với lãi xuất cắt cổ và mở sòng bạc bất hợp pháp tổ chức này cũng gây ra những vụ án mạng và bắt cóc. Camorra duy trì quan hệ với mafia ở Sizilia và cũng có các cơ sở hậu cần ở khắp nơi trên thế giới. Theo tin tức BND nhận được thì Camorra có kế hoạch mở rộng mạng lưới hoạt động của tổ chức sang Đông Âu”. Tuy nhiên trước tình trạng suy thoái hiện nay trong lĩnh vực xây dựng ở Italia Camorra buộc phải quay sang những lĩnh vực không mấy “danh tiếng” lắm như buôn lậu thuốc lá và tổng tiền bảo kê. Theo tin tức của BND thì hiện nay với sự trợ giúp của hội Tam hoàng và mafia Nga ở Đức, các tổ chức mafia vùng Neapel và Apuli đang thiết lập một mạng lưới tiêu thụ ma túy mới.

Trên lãnh thổ Nam Tư cũ có lẽ mafia đã đầu tư những khoản tiền lớn vào các lĩnh vực du lịch, bất động sản và sòng bạc. Bằng những đầu tư đó mafia đã tự chuẩn bị trước để hoạt động được ngay khi tình hình chính trị trong khu vực trở lại

bình thường. Ở Rumani các tổ chức mafia Cosa Nostra, Camorra và Ndrangheta còn tham gia đầu tư vào công nghiệp dệt, may và bất động sản, hoạt động tích cực trong lĩnh vực thông tin đại chúng, sòng bạc và đã thiết lập các ngân hàng và văn phòng đổi tiền. BND đánh giá là hơn 25% trong tổng số 3.000 liên doanh Rumani-Italia chịu ảnh hưởng của các tổ chức mafia Italia. Heroin cho thị trường Italia cũng được chuyên chở qua lãnh thổ Rumani.

Các tập đoàn ma túy châu Mỹ La tinh

Người ta tiêu thụ có hiệu quả nhất một sản phẩm mới bằng cách tung sản phẩm đó ra thị trường dưới hình thức bán hạ giá. Các ông trùm ma túy Côlômbia là những nhà kinh doanh thành thạo, nên chúng cũng cho chào bán những sản phẩm mới với giá “để làm quen”. Mặt hàng heroin dùng để hít cũng như marihuana dạng lỏng là một trong số “những thành tựu nghiên cứu” của các phòng thí nghiệm của chúng. Hai loại ma túy mới này đem lại cho những kẻ nghiện ma túy những tiện lợi vô giá: họ cho rằng hít heroin thì không bị nghiện nhanh như tiêm chích và cũng không có nguy cơ bị nhiễm HIV qua đường kim tiêm. Marihuana dạng lỏng được vận chuyển dễ dàng hơn. Khách hàng chỉ cần rắc vài giọt lên một miếng thuốc lá là có thể thu được tác dụng giống như hút marihuana dưới dạng thông thường. Đa dạng hoá chính là khẩu hiệu

của các trùm ma túy châu Mỹ La tinh. Chính phủ Liên bang yêu cầu BND phải báo cáo về Bôn ngay những thông tin mới nhất về các loại sản phẩm ma túy mới trước khi những sản phẩm này tới tay người tiêu dùng Đức.

Tại những nước có truyền thống trồng cây côca - và sản xuất côcain - như Pêru, Bôlivi và Côlômbia, diện tích trồng cây côca tăng đều hàng năm, mặc dù đã có những biện pháp phòng chống của quốc gia và quốc tế. Theo kết quả phân tích ảnh vệ tinh của BND thì diện tích trồng côca của ba nước này là khoảng 620.000 hécta. Theo số liệu của cơ quan chống ma túy Mỹ (DEA) thì tổng khối lượng côcain do các tập đoàn ma túy Nam Mỹ sản xuất là khoảng 740 tấn hàng năm. Theo số liệu của BND thì sản lượng hàng năm phải là 1.800 tấn.

Trước khi côcain trở thành một mặt hàng bán rất chạy trong thập kỷ 80 thì các tập đoàn ma túy Côlômbia cung cấp cho thị trường Bắc Mỹ chủ yếu là marihuana. Mãi đến cuối thập kỷ 70 các tập đoàn tội phạm này mới quay sang thị trường côcain. Diện tích trồng cây côca được mở rộng và giới tội phạm có tổ chức có những nguồn thu mới to lớn hơn nhiều so với những nguồn thu từ trước đến nay của chúng, vì các tập đoàn ma túy không chỉ kiểm soát công đoạn chế biến từ nguyên liệu thô thành côcain mà cả khâu tiêu thụ côcain trên khắp thế giới. Theo tin tức của BND thì tổ chức ma túy Côlômbia quan trọng

nhất là tập đoàn Cali đã nâng thị phần cocaine quốc tế của tập đoàn từ 25% năm 1991 lên 85% năm 1996 và đã trở thành một trong những tổ chức tội phạm quan trọng nhất thế giới. Tuy một số nhân vật chủ chốt của tập đoàn đã bị bắt giữ mùa hè năm 1995 nhưng ở Côlômbia việc kinh doanh diện tích trồng cây coca bất hợp pháp vẫn được tiếp tục phát triển, cho dù một số phần của công chuyện kinh doanh này đã được chuyển sang những tập đoàn buôn bán ma túy của Mêhicô, Braxin, Pêru và Bôlivia.

BND đã viết về việc đó như sau: “Ngày nay các tập đoàn ma túy Mêhicô như Golf, Juarez, Guadalajara, Tijuana và Sinaloa xuất hiện như những tập đoàn kế cận của tập đoàn khổng lồ Cali. Các tập đoàn này làm ăn trực tiếp với những cơ sở cung cấp hàng của Pêru và Bôlivia với sự hậu thuẫn của người Côlômbia. Nhưng các tổ chức buôn bán ma túy của Pêru (lớn nhất là Công ty El Ministro) và Bôlivia (như Tập đoàn Mamore và La Paz) ngày càng tham gia trực tiếp vào công đoạn sản xuất cocaine và heroin”. Ngay ở Côlômbia cơ cấu trong các tập đoàn cũng thay đổi. Tại đây một loạt các tập đoàn nhỏ đã ra đời. Gần đây có những tin tức cho thấy có biểu hiện về việc các tập đoàn nhỏ này sẽ kết hợp với lực lượng còn lại của tập đoàn Cali và Medellin, cũng như tổ chức vũ trang FARC, thành một kiểu “Siêu tập đoàn”.

Có thể rõ ràng nhận thấy khuynh hướng

tăng cường hợp tác giữa các tập đoàn ma túy. Nếu đến giữa thập kỷ 90 các băng, nhóm vẫn còn tiến hành những cuộc chiến tranh đẫm máu nhằm tranh giành thị trường, thì ngày nay chúng đã thoả thuận chia nhau thị phần hoặc khu vực gây ảnh hưởng và hợp tác với nhau trên bình diện thế giới. Các tổ chức Mêhicô hợp tác chặt chẽ với mafia Bắc Mỹ. Tập đoàn Cali thì có những thoả thuận về buôn bán côcain với các tổ chức mafia của Italia. Các tổ chức mafia Nga và Ba Lan đã ký với Cali ngay từ đầu thập kỷ 90 thoả thuận về việc cung cấp côcain cho Mátxcơva. Những mối quan hệ với mafia Nhật Bản và các nước châu Á khác cũng được duy trì và không ngừng mở rộng. Tại một số nước châu Mỹ La tinh (như Paraguay và Braxin) có chi nhánh của hội Tam hoàng. Bọn buôn bán ma túy Nam Mỹ thường dùng các băng nhóm Nigêri làm “túi thư di động” để vận chuyển ma túy.

BND còn quan sát sự tham gia ngày càng tăng của các tổ chức vũ trang vào các đường dây ma túy Nam Mỹ, như FARC của Cômôbia, ELN và Sendero Lumminoso (Con đường sáng) của Pêru. FARC đã trở thành tập đoàn lớn thứ hai. Các tổ chức vũ trang này có quan hệ mật thiết với các tập đoàn buôn lậu ma túy và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và giám sát quá trình sản xuất và vận chuyển ma túy.

Theo tin tức của BND thì ngày nay các tập đoàn ma túy quan trọng nhất châu Mỹ La tinh

khống chế mạng lưới sản xuất và tiêu thụ ma túy cũng như kiểm soát hầu nông dân vùng núi Anden, nơi có khoảng 100.000 hecta cây coca. Dưới áp lực của Mỹ, từ năm 1994 khoảng 20.000 hecta cây coca và thuốc phiện ở Côlômbia đã bị máy bay phun thuốc phá huỷ. Tuy nhiên theo báo cáo của BND thì sản lượng vẫn không hề giảm sút, vì chiến dịch phá huỷ diện tích gieo trồng này chỉ buộc các tập đoàn ma túy chuyển địa điểm gieo trồng về mặt địa lý mà thôi. Nhu cầu cung cấp trên thị trường thế giới vẫn cao như trước. Chính vì vậy nên ở Nam Mỹ không ai tự nguyện dời bỏ ngành sản xuất đầy lợi nhuận này”.

, Các tập đoàn ma túy có trong tay các phòng thí nghiệm và cơ sở sản xuất hàng năm cho ra lò khoảng 1.800 tấn cocaine. Theo số liệu của BND thì chỉ một phần rất nhỏ trong tổng doanh thu được đầu tư vào các quốc gia ở vùng núi Anden. Phần lớn số doanh thu được chuyển sang Mỹ và châu Âu. Các tập đoàn ma túy Nam Mỹ hợp tác với các tổ chức tội phạm quốc tế khác, như mafia Italia và các tổ chức tội phạm châu Á. Với sự hỗ trợ của cơ quan tình báo khác, BND tìm cách điều tra những chiến lược của các tập đoàn ma túy, để ít nhất trên thị trường châu Âu có thể chống chiến lược của các tập đoàn ma túy, để ít nhất trên thị trường châu Âu có thể chống lại một cách hữu hiệu hơn các tổ chức tội phạm này. Đồng thời BND cũng báo cáo về sự liên quan của

các chính khách trong khu vực Nam Mỹ đến các đường dây ma túy, như trường hợp Tổng thống Samper dùng tiền ma túy để vận động tranh cử.

Rất nhiều trường hợp công dân Đức bị các nhóm vũ trang ở châu Mỹ La tinh bắt làm con tin. Trong quá khứ BND cũng đã nhiều lần cố gắng điều tra về số phận những người bị bắt cóc và góp phần để họ được trả lại tự do. Vụ gây chấn động gần đây nhất là “Vụ Mauss” năm 1996/1997. Khi được hỏi, ông Schmidbaure, người phụ trách điều phối hoạt động tình báo Phủ thủ tướng đã khẳng định trước Quốc hội Liên bang rằng, một thám tử tư người Đức tên là Mauss đã hoạt động cho công ty FLS của Hà Lan liên quan đến một vụ bắt cóc năm 1996. Hồi đó 4 kỹ sư của công ty, trong đó có một người Đan Mạch và một người Đức tên Karl Dresser bị tổ chức vũ trang ELN bắt cóc. Theo những người quan sát vụ này thì số tiền chuộc được trả cho ELN khoảng từ 3-5 triệu đô la. Schmidbauer thông báo là Chính phủ Liên bang cũng chỉ có trong tay những tin tức báo chí đã đưa về vụ trả tiền chuộc này. Thám tử Mauss trong vụ này không hoạt động theo gợi ý của Chính phủ Liên bang. Schmidbauer đã tìm cách biện minh cho quan hệ của ông với thám tử Mauss. Ông nói, trong trường hợp tương tự ông cũng sẽ lại sử dụng những biện pháp không thông thường, nếu liên quan đến tính mạng con người, như trong vụ công dân Đức Brigitte Schoene bị một tổ chức vũ

trang Côlômbia bắt cóc. Schmidbauer khẳng định là Đại sứ quán Đức ở Bogotá đã trang bị cho thám tử Mauss hộ chiếu giả và giấy giới thiệu. Người ta đã đề nghị Mauss giúp đỡ giải thoát con tin. Schmidbauer cho biết, vì việc giải thoát con tin rất nguy hiểm, nên biện pháp hỗ trợ thám tử Mauss như trên đã được nhất trí với Bộ Ngoại giao. Người phụ trách điều phối hoạt động tình báo cũng khẳng định là vợ chồng thám tử Mauss có mặt trong những buổi trao đổi chuẩn bị cho những cuộc tiếp xúc hoà giải giữa tổ chức vũ trang và Chính phủ Côlômbia. Trong những cuộc trao đổi đó phía Côlômbia đã không được thông báo về những “nỗ lực mang tính chất nhân đạo” của Mauss. Schmidbauer cho biết, Thủ tướng Đức Helmut Kohl cũng đã được báo cáo tổng quát về những nỗ lực giải thoát con tin và về những cuộc mật đàm dẫn đến những cuộc tiếp xúc hoà giải giữa hai bên. Schmidbauer phủ nhận tin cho rằng, ông trực tiếp tham gia vào quá trình hoà giải giữa Chính phủ Côlômbia với giới mafia ma tuý của đất nước này.

Hội Tam hoàng của người Trung Hoa

Hội Tam hoàng thuộc vào hàng những tổ chức tội phạm mạnh nhất ở châu Á. Tuy nhiên ảnh hưởng của tổ chức đôi khi có tới 40.000 thành viên này vượt ra ngoài phạm vi châu Á. BND cho rằng, trong năm 1996 có tới 300.000

người đã làm việc cho Tam hoàng. Những địa bàn hoạt động chính của hội Tam hoàng là Hongkong (“Sun Yee On” và “14K”), Đài Loan (“United Bamboo Gang”) và Trung Quốc (“Big CircleGang”). Tại Mỹ và châu Âu cũng có các chi nhánh của hội Tam hoàng hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực buôn lậu ma túy, sòng bạc và buôn người. Hội Tam hoàng sử dụng Hongkong, Singapor, Đài Bắc và Manila làm các trung tâm rửa tiền.

Thực ra lúc đầu hội Tam hoàng chỉ hoạt động trong các hộp đêm chủ yếu là ở Hongkong và Macao. Nhưng trong những năm qua hội này đã tổ chức tổng tiền bảo kê các tiệm ăn châu Á, kể cả ở Đức, và tìm cách tham gia buôn bán vũ khí. Ngày nay thì tổ chức tội phạm này hoạt động trên khắp thế giới. Năm 1983 đã nổ ra một cuộc chiến tranh giữa các băng Tam hoàng của Hongkong và Singapor nhằm tranh giành sự kiểm soát một phần số ma túy được cung cấp cho thị trường châu Âu. Có những bằng chứng về sự hợp tác giữa Tam hoàng của Hongkong với tổ chức tội phạm Yakuza của Nhật và mafia Bắc Mỹ. Sau khi hiệp định trao trả Hongkong cho Trung Quốc được ký năm 1984, các cơ quan tình báo nhận thấy nhiều thành viên Tam hoàng rời bỏ Hongkong. Nhiều thành viên Tam hoàng đã đến sống ở các khu vực của người Trung Hoa tại

các thành phố lớn phương Tây. Hiện nay Tam hoàng khổng chế hầu như tất cả các khu vực của người Hoa ở Mỹ.

Công tác điều tra về cơ cấu tổ chức và cơ cấu thành viên của Tam hoàng ngày càng trở nên quan trọng hơn đối với BND, vì những thiệt hại Tam hoàng gây ra cho nền kinh tế Đức đang ngày càng tăng. Một trong những ví dụ nổi bật là vụ Tam hoàng làm giả 300.000 loại tem nổi đặc biệt dán vào thẻ tín dụng. Với những chiếc thẻ tín dụng rởm này Tam hoàng đã gây thiệt hại khoảng 1 tỷ mác.

Cho đến nay chỉ rất ít các chiến dịch chung của các cơ quan tình báo châu Âu chống hội Tam hoàng được công bố.

Tổ chức Yakuza của Nhật Bản

Tổ chức này được xây dựng theo nguyên tắc đẳng cấp và là một trong những tổ chức tội phạm có từ lâu đời nhất và mạnh mẽ nhất thế giới. Tổ chức này bao gồm 3.300 băng nhóm với khoảng 91.000 thành viên. Khoảng 40% số thành viên là người của “Yamaguchi-gumi” - tổ chức tội phạm có trụ sở ở Kobe thuộc loại lớn nhất và tàn bạo nhất Nhật Bản. Về truyền thống, lịch sử ra đời các tổ chức tội phạm thì Nhật Bản khác châu Âu. Giai cấp thống trị trước kia ở Nhật cho rằng, không thể loại bỏ tội phạm ra ngoài xã hội được,

nên họ đã luôn tìm cách “định hướng” cho hoạt động tội phạm.

Theo đánh giá của BND thì ba dòng họ Yakuza hàng năm có doanh số khoảng 13 tỷ đô la, trong lĩnh vực buôn người và mại dâm ba dòng họ này hợp tác với hội Tam hoàng. Những mối quan hệ truyền thống giữa các tập đoàn tội phạm Nhật Bản với các chính khách hàng đầu của đất nước tạo điều kiện cho chúng dễ dàng thâm nhập vào các lĩnh vực kinh tế hợp pháp của Nhật Bản. Ai cũng biết những mối quan hệ làm ăn giữa các công ty Nhật với giới tội phạm. Tất nhiên những tập đoàn Nhật Bản nổi tiếng trên khắp thế giới cũng sử dụng bọn tội phạm làm công cụ giết thuê để trừ khử lẫn nhau.

Vào một đêm tối trời tháng 11 năm 1994, lúc đó vào khoảng 9 giờ tối, chuông cửa vào nhà Juantaro Suzuki, thành viên Hội đồng quản trị tập đoàn Fuji nổi tiếng, chợt réo vang. Chỉ vài giây đồng hồ sau khi mở cửa ông ta đã gục xuống vì bị một thanh kiếm samurai cắt đứt động mạch cổ. Juantaro Suzuki định tố cáo mối quan hệ của tập đoàn Fuji với dòng họ tội phạm Yakuza. Cái chết của ông ta, một trong những nhà doanh nghiệp nổi tiếng khắp thế giới của Nhật Bản đã làm tất cả các tập đoàn khác của Nhật Bản phải run sợ.

Tuy vậy sau khi đạo luật chống mafia có hiệu lực từ năm 1992 thì các dòng họ Yakuza không còn hoạt động một cách quá ư tự do như

trước nữa. Giờ đây Yakuza không còn chỉ sống “cộng sinh” vào các tập đoàn kinh tế của Nhật nữa, mà chúng phải thành lập những công ty riêng của chúng. Mặt khác Yakuza vẫn được các tập đoàn kinh tế lợi dụng coi như là một thứ vũ khí hữu hiệu để loại bỏ “những vật cản” trên con đường kinh doanh của họ.

Yakuza cũng hợp tác với các tổ chức tội phạm quốc tế. Theo tin tức của BND thì Yakuza có những mối quan hệ với các tập đoàn ma túy Côlômbia, các băng đảng tội phạm Bắc Mỹ và hội Tam Hoàng của người Trung Hoa.

NHỮNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO CHỦ NGHĨA CỤC ĐOAN

Trong tương lai BND cũng phải tăng cường để mắt tới những người nước ngoài sống ở Đức theo chủ nghĩa cực đoan. Những người này sử dụng nước Đức làm nơi hoạt động và làm “hậu cứ”. Theo số liệu của cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang thì ở Đức hiện nay có khoảng 55.000 người nước ngoài là thành viên của các tổ chức cực đoan. Số người này vẫn đang đe dọa tình hình an ninh, trật tự xã hội của Đức. Trong những năm qua những phần tử ủng hộ Đảng Công nhân người Cuốc PKK đã nhiều lần đánh nhau với cảnh sát Đức trên đường phố và thực hiện chính sách khủng bố người Thổ Nhĩ Kỳ sống ở Đức. Tháng 2 năm 1997 lần đầu tiên mọi người

biết đến vụ người Cuốc tự nạn - theo lệnh của thủ lĩnh PKK - đã tống tiền người Đức và đe dọa là sẽ giết nạn nhân nếu yêu cầu không được thực hiện. Trong vụ này một người Đức về hưu và là thành viên của Hội chữ thập đỏ của Đức đã trở thành nạn nhân của chính những người Cuốc được ông dạy tiếng Đức! “Học trò” của ông đã đòi 10.000 mác tiền chuộc. Chỉ riêng trong khu vực Muyních đầu năm 1997 ít nhất đã có 20 người Đức bị chính những người Cuốc được họ cứu mang trước kia tống tiền. Theo lời khai của những kẻ tống tiền này thì họ đều làm theo lệnh của PKK. Tất nhiên còn nhiều người khác vì lo sợ đã không dám khai báo cho cảnh sát việc họ bị tống tiền. Tháng 4 năm 1997 cảnh sát đã phối hợp cùng với BND xóa sổ một trung tâm đào tạo của PKK tại Thành phố Grimma thuộc bang Xắc-xông. Hai mươi người xin tự nạn đã bị bắt giữ.

Giữa những thành viên của các tổ chức khác nhau thuộc Nam Tư cũ cũng xảy ra những vụ tranh chấp ở Đức giống như giữa những nhóm thân hoặc chống Chính phủ Hồi giáo Iran. Trước nguy cơ cực đoan hoá của nhiều tổ chức của người nước ngoài ở Đức, cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang đã điều tra những dự định của các tổ chức này ở Đức và BND đã lần theo gốc rễ của các tổ chức đó ở nước ngoài. Kết quả điều tra được tổng kết lại trong một bản báo cáo chung để

ngày 25 tháng 11 năm 1995. Trong bản báo cáo điều tra này có đoạn viết:

“Số lượng rất lớn người nước ngoài ở các nước châu Âu đã làm những vấn đề gay gắt vốn dĩ là của riêng những nước đó ảnh hưởng tới tình hình trật tự xã hội của những nước châu Âu chủ nhà. Điều này có nghĩa là lợi ích an ninh của châu Âu và của Đức đang ngày càng bị đe dọa. Chỉ tính riêng trong vòng ba năm qua, số vụ bạo lực do những người nước ngoài cực đoan gây ra trên đất Đức đã tăng trung bình hàng năm 36%”.

Người Cuốc

Số phận người Cuốc, những khó khăn chính trị và kinh tế của họ trong những năm qua thường xuyên được dư luận chú ý tới. Khoảng 25 triệu người Cuốc sống ở Thổ Nhĩ Kỳ, Xyri, Irắc, Iran và một phần lãnh thổ thuộc Liên Xô cũ. Có khoảng 480.000 người Cuốc sống ở Đức.

Một trong số những nhóm người Cuốc hoạt động mạnh mẽ nhất là “Đảng Công nhân người Cuốc PKK” do Abdullah Ocalan thành lập năm 1978 và bị cấm ở Đức từ tháng 11 năm 1993. Từ tháng 8 năm 1984 PKK dùng những phương pháp khủng bố để chống lại Nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ. Theo BND thì bằng cách liên tục thay đổi nhân sự trong nội bộ ban lãnh đạo PKK Ocalan đã ngăn cản những nhân vật chủ chốt khác của PKK chiếm giữ những vị trí quyền lực bên cạnh

y. Cánh tay quân sự của PKK là “Quân đội giải phóng nhân dân Cuộc ARGK” với 9.000 tay súng. Đội quân này tiến hành đánh bom và tiến công đồn cảnh sát, cũng như tổng tiến dân thường. Một trong những nguồn tài chính chi cho hoạt động của đội quân này là ma túy. Tại Đức, PKK tổ chức giáo dục chính trị cho người Cuộc sống lưu vong và quyên góp tiền chi cho những hoạt động khủng bố. Từ nhiều năm nay BND và cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang tiến hành theo dõi các cơ sở của PKK ở Đức và ở các nước khác.

Người ta khó có thể quên được những vụ bạo loạn của người Cuộc tại các thành phố Đức đầu năm 1994. Theo một số quan chức cảnh sát vùng Augsburg thì họ rất ngạc nhiên vì người Cuộc được tổ chức rất tốt: “Chúng tôi vừa mới cho dừng một chiếc xe buýt, thì người Cuộc đã đồng loạt chạy ngay ra đường xa lộ cao tốc y như có ai đó phát lệnh. Một số kẻ đầu trò thì báo ngay cho các xe buýt khác bằng điện thoại di động và các xe này lập tức quay ngang ra giữa xa lộ”. Chiến thuật của người Cuộc đã thành công: chỉ trong vòng ít phút đồng hồ các đường xa lộ cao tốc và đường nhánh quanh vùng Augsburg đã bị tắc nghẽn tại nhiều địa điểm. Hàng ngàn người đi ô tô bị kẹt lại thậm chí tới bảy tiếng đồng hồ trên xa lộ giữa những đống barie đang bốc cháy. Họ đã trở thành “những con tin” của chính những đồng bào người nước ngoài của họ đang sống ở Đức! Trong vụ này thành viên PKK - tuy đã bị

cắm từ lâu - đã xung trận với cảnh sát bằng gạch, đá, gậy gộc và biển báo giao thông. Thậm chí chúng còn phun xăng vào cảnh sát, rồi ném than hồng vào họ. Trước tình hình như vậy thì chắc chắn việc thu thập những thông tin từ những khu vực người Cuộc đang sinh sống về những kế hoạch hành động mới của PKK trên đất Đức là một trong số những nhiệm vụ mang tính thời sự nhất của BND. Có như vậy mới hy vọng là có thể dập tắt được từ trong trứng những âm mưu sử dụng vũ lực của người Cuộc cực đoan ở Đức.

Angiêri

Người ta không thể biết được bao giờ nạn bạo lực bắt đầu từ năm 1992 mới chấm dứt. Ngay cả khi các lực lượng chính trị đạt được một thỏa thuận thì các nhóm cực đoan sẽ vẫn tiếp tục cuộc chiến tranh vũ trang. Những nhóm quan trọng nhất là “Mặt trận Hồi giáo Thần thánh FIS” và “Nhóm vũ trang Hồi giáo GIA”. FIS được thành lập năm 1989. FIS muốn thành lập một Nhà nước Hồi giáo và tiến hành khủng bố những đối thủ chính trị trong nước cũng như người nước ngoài. Có khoảng 200 người ủng hộ FIS và GIA sẵn sàng sử dụng bạo lực đang sống ở Đức. Rabah Kebir là người đại diện cao nhất của FIS ở Đức đã bị cấm hoạt động chính trị ở đây từ tháng 3 năm 1994. Những kiều dân Angiêri sẵn sàng dùng bạo lực ở Đức thì, theo nhận định của BND,

tham gia hoạt động buôn bán vũ khí bất hợp pháp. Việc phát hiện ra một xưởng ở Leipzig chuyên sửa súng tiểu liên AK phục vụ cho mục đích làm cảnh thành vũ khí giết người hồi tháng 1 năm 1995 đã dẫn đến việc cơ quan Công tố tối cao Liên bang mở cuộc điều tra vì nghi ngờ người Angêri thành lập tổ chức khủng bố. Theo lời khai của chủ xưởng thì số vũ khí này là dành cho FIS. Một trong số những người bị bắt giữ còn mang trong người nhiều hộ chiếu khác nhau và cả kíp nổ. Người ta e rằng, những người Angeri cực đoan có kế hoạch đánh bom cả ở Đức.

Ai Cập

Tổ chức "Gamaat" thành lập cuối những năm 60 và "Dschiihad" (Cuộc chiến tranh Hồi giáo thần thánh) được thành lập năm 1975 thuộc số những tổ chức khủng bố tàn bạo nhất Ai Cập. Chính "Dschiihad" năm 1981 đã ám sát Tổng thống Sadat, còn "Gamaat" thì giết hại khách du lịch nước ngoài và năm 1993 đã đánh bom Trung tâm Thương mại thế giới ở Mỹ. Cả hai tổ chức này đều có những người ở Đức ủng hộ và - cũng như trên các quốc gia châu Âu khác - cung cấp hậu cần cho chúng.

Ixrael - Palestín

Các hoạt động khủng bố của những tổ chức khác nhau ở Cận Đông đều tập trung vào cuộc chiến đấu nhằm xóa bỏ Nhà nước Ixrael. Tiến

trình hoà bình giữa Ixrael và Plectin được bắt đầu từ năm 1991 sẽ vẫn bị những tổ chức cực đoan quấy phá. Hai trong những tổ chức cực đoan quan trọng nhất là “Phong trào kháng chiến Hồi giáo Hamas” và “Hizbullah”. Hai tổ chức này đều có nhiều người ủng hộ đang sống ở Đức. Hamas tiến hành những vụ tấn công từ năm 1987 nhằm mục đích thành lập một Nhà nước Hồi giáo Palestin trên toàn lãnh thổ Palestin và xoá bỏ Nhà nước Ixrael. Tổ chức này chiến đấu bằng biện pháp vũ trang chống Ixrael và bằng đường lối chính trị chống lại vị trí độc tôn của Arafat chủ tịch PLO và chủ tịch khu tự trị của người Palestin. Khoảng 20% người Palestin ủng hộ Hamas.

Trái lại với nhận định của Ixrael, nguồn tài chính chủ yếu của Hamas không phải đến từ Iran. Trong một bản báo cáo của BND gửi Phủ thủ tướng ngày 8 tháng 3 năm 1996 có đoạn viết: “Cho đến nay chưa xác định được ảnh hưởng của nước thứ ba đối với kế hoạch tác chiến của Hamas”. Tuy Hamas có một văn phòng ở Teheran và sự hợp tác giữa Hamas và Teheran ngày càng tăng, song Hamas vẫn giữ một khoảng cách nhất định đối với chính quyền Teheran và cố gắng tạo nên một bản sắc chính trị riêng. Nếu so sánh với tổ chức Dschihad thì Hamas không công nhận vai trò dẫn dắt về tôn giáo và tư tưởng của Iran. Nguồn tài chính chủ yếu của Hamas là các khoản quyên góp từ nhân

nhận được từ A rập Xê út và các nước khác thuộc vùng Vịnh. Cũng theo bản báo cáo trên thì trong tổng số ngân sách của Hamas được đánh giá là 70 triệu đô la năm 1995 thì chỉ khoảng 5 triệu đô la có nguồn gốc từ Iran.

Tại Đức Hamas được đại diện bởi "Hội những người Hồi giáo Palestín IBP". Người ta ước đoán có khoảng 250 người ủng hộ Hamas đang sống ở Đức. Hiện nay Hamas từ chối tiến hành những hoạt động tấn công chống lại một nước thứ ba hoặc ở một nước thứ ba.

Tổ chức Hizbullah được thành lập năm 1982 ở Libăng theo sáng kiến và dưới sự hỗ trợ to lớn của Iran. Mục tiêu rõ ràng của Hizbulla là chiến đấu chống lại Ixrael và tấn công các cơ sở của người Do Thái trên khắp thế giới. Cho đến nay Hizbullah đã thiết lập được một mạng lưới thành viên và những người ủng hộ trên toàn thế giới. Tổ chức này xuất hiện ở Đức dưới tên gọi "Tổ chức kháng chiến Hồi giáo" với khoảng 600 thành viên. Chính các thành viên của Hizbullah đã giết hại bốn nhân vật người Cuộc đối lập với Iran tại Khách sạn Mykonos ở Berlin hồi tháng 9 năm 1992. Một trong những chiến tích vang dội nhất của BND và vẫn được giữ bí mật cho đến nay là BND đã phát hiện được những kẻ chủ mưu đứng sau vụ án mạng này. Với sự giúp đỡ của một "nguồn" cao cấp phía Iran, BND đã cung cấp cho toà án những bằng chứng đủ để khởi tố và buộc tội bị can. Trong vụ này đại diện của

BND ở Oasinhton, bí danh là Rosenlehner, cũng đã phải khai trước toà năm giờ đồng hồ liên với tư cách là nhân chứng. Chính Rosenlehner đã nhiều lần cho ban lãnh đạo Iran “vào tròng”. Tháng 4 năm 1997 Rosenlehner đã phải tạm thời chuồn khỏi biệt thự của ông ta tại Oasinhton đến ẩn tại một nơi trên vùng biển Caribê, vì bộ phận bảo vệ nhận được tin báo là Iran có ý định trả thù Rosenlehner. Nhưng không phải chỉ ở Teheran mới có những nhóm người muốn tính sổ với Rosenlehner.

Trong một bản báo cáo chung của BND và cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang về tổ chức Hizbulah thì: “Căn cứ vào sự hiện diện quốc tế của Hizbullah có thể nhận định rằng, sức mạnh tiềm ẩn của tổ chức bên ngoài vùng Vịnh cũng có thể là rất cao”. Cũng như Hamas, nguồn tài chính chủ yếu của Hizbullah là những khoản quyên góp của các thương nhân giàu có ở vùng Vịnh.

Trong tương lai thì có lẽ mối đe dọa an ninh trật tự ở Đức chủ yếu đến từ những người Iran đổi lập. Hội đồng kháng chiến quốc gia và Tổ chức nhân dân Mudschahedin của người Iran có trụ sở ở Koln và có căn cứ quân sự ở Irắc, mà từ đó các cuộc tiến công vũ trang vào Iran được thực hiện. BND và cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang nhìn nhận ở đây một nguy cơ cho an ninh của nước Đức nếu những xung đột nội bộ ở Iran trở nên gay gắt.

Vùng Bancăng

Nếu xét về phương diện đe dọa lợi ích an ninh của Đức thì vì điều kiện địa lý gần gũi với nước Đức, cũng như số lượng người tỵ nạn khổng lồ thì phải nhắc đến vùng đất Nam Tư cũ. Theo cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang và BND thì “tình hình an ninh, trật tự của Đức phụ thuộc chặt chẽ vào việc liệu cộng đồng quốc tế có dẫn dắt được các đảng phái đang chống lại nhau ở Nam Tư đến một nền hoà bình bền vững hay không”. Hiện nay khoảng gần một triệu người từ các quốc gia thuộc Nam Tư cũ đang sinh sống tại Đức.

BND đánh giá tình hình như sau: “Như vậy nguy cơ xảy ra đụng độ bằng vũ trang vẫn còn tồn tại, chủ yếu là vì số đông người tỵ nạn đã gia nhập các tổ chức của người Sécbi, Croatia, Bosnia-Hồi giáo, Kosovo-Anbani và Mazedonia, là những tổ chức tuy rằng không cực đoan, nhưng trong những trường hợp riêng rẽ vẫn tiềm ẩn những khả năng sử dụng vũ lực. Có khả năng gây bạo lực nhất là những nhóm Sécbi hoặc những người Sécbi riêng rẽ dễ bị kích động. Họ thường là những người mới đến từ vùng xảy ra chiến sự”. Bản báo cáo viết tiếp: “Tuy nhiên với hiệp định hoà bình Dayton sẽ xuất hiện nhiều kẻ thua cuộc hoặc nhiều người không có tương lai, đặc biệt là những người mà nghề nghiệp của họ không còn được sử dụng nữa. Điều đó làm nảy

sinh mỗi nguy cơ là những lực lượng mà cho đến nay số phận của họ gắn liền với chiến tranh nay sẽ sử dụng bạo lực để đạt được những mục đích chính trị hoặc tội phạm của họ". Bản báo cáo không đề cập đến thực trạng là trong năm 1996 cứ hai người nước ngoài phạm tội ở Đức thì có một người xuất thân từ vùng đất thuộc Nam Tư cũ.

NHỮNG NGHIÊN CỨU KHU VỰC CỦA BND

Ngày nay không một ai có thể quả quyết một cách chắc chắn rằng, sau một năm nữa chiến tranh sẽ xảy ra giữa những quốc gia nào. Ngay cả những nghiên cứu mang tính khu vực của BND cũng không đưa ra được những thông tin hoàn toàn chắc chắn. Các thông tin cập nhật sẽ cùng với những nghiên cứu đó lập nên một bức tranh tổng quát. Nhiều khi Chính phủ Liên bang đưa ra những quyết định quan trọng dựa trên những khuyến cáo chứa đựng trong những nghiên cứu khu vực của BND. Một trong những ví dụ là bản nghiên cứu hoàn thành năm 1996 với tiêu đề "Cận Đông - Bắc Phi: Nguồn nước - mối xung đột tiềm ẩn hay yếu tố hợp tác?".

Có lẽ đối với những người tham dự Hội nghị thượng đỉnh ba bên ở Al Bakura tháng 7 năm 1995 không có gì có thể diễn tả tốt hơn tầm quan trọng của nước ở vùng Cận Đông bằng công trình nghiên cứu này. Khi Thủ tướng Đức Helmut Kohl gặp gỡ Thủ tướng Ixrael Rabin và

vua Gioócdani tại đó thì ven con đường mới trải nhựa vài trăm cây dừa vừa mới được người Gioócdani trồng lên đã bị khô héo ngay. Thực ra người ta dự định tạo nên một đại lộ rợp bóng dừa để ghi nhớ cuộc gặp gỡ lịch sử này. Nhưng chính đại lộ đáng lẽ rợp bóng dừa đó lại trở thành đài kỷ niệm nhắc nhở người ta nhớ đến vấn đề nguồn nước chưa có giải pháp ở khu vực Cận Đông.

Thái tử Gioócdani Hassan đã tiên đoán: “Cuộc chiến tranh tiếp theo ở Cận Đông sẽ nổ ra xung quanh vấn đề nước”. Nhiều chuyên gia về khu vực này cũng đồng tình với lời tiên đoán đó. Nhưng BND thì không. Trong phần tổng kết bài nghiên cứu về vấn đề nước có đoạn như sau: “Chúng tôi cho rằng cuộc chiến tranh xung quanh vấn đề nguồn nước thường xuyên được báo chí thổi phồng lên khó có thể xảy ra”. Có lẽ Chính phủ Liên bang đã nghe theo bài nghiên cứu này và đã đề nghị cộng đồng quốc tế tài trợ cho những dự án cấp nước ở Cận Đông. Khi đến thăm Al Bakura, Thủ tướng Helmut Kohl đã đi thăm một hệ thống tưới tiêu nước xuyên qua biên giới Gioócdani và Ixrael bao gồm hai đập nước và một hệ thống khử mặn được Đức và Cộng đồng châu Âu giúp đỡ kinh phí.

BND đã liên tục thu thập thông tin về vấn đề cung cấp nước trong lưu vực sông Nil, sông Gioócdan, về hệ thống tưới tiêu ở vùng Euphrat và Tigris. Mới nhìn thì những thông tin này không liên quan gì đến nước Đức cả. Tuy vậy

Chính phủ Liên bang vẫn quan tâm đến vấn đề nước ở cùng Cận Đông khi bản báo cáo mới nhất của BND viết như sau: “Theo tin tức tình báo, từ đầu năm 1996 đã có những cuộc đàm phán bí mật giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Irắc, nhiều khả năng để tạo nên một lưỡi dao chia cắt quan hệ Xyri - Irắc”. Nhưng đầu năm 1996 Chính phủ Xyri đã cho thấy những tranh chấp về vấn đề nước ở vùng Cận Đông gây tác dụng nhanh như thế nào đến lợi ích của nước Đức (và số lượng công ăn việc làm ở Đức) khi Tổng thống Assad đe dọa sẽ trừng phạt những công ty nào tham gia công trình xây dựng các đập nước của Thổ Nhĩ Kỳ và thậm chí sẽ kêu gọi thế giới A rập thống nhất hành động chống lại các công ty đó.

Nhưng người đọc rút ra được nhiều điều kết luận nhất khi đọc bài nghiên cứu sâu sắc về đường lối chính trị của Ixrael. Trong khi dư luận thế giới ngày nào cũng được nhồi nhét những thông tin về các vụ tấn công của lực lượng Hizbullah vào miền Bắc Ixrael, thì các cơ quan tình báo đã phát hiện ra mục đích thực sự của cuộc chiến tranh này. Các cơ quan tình báo Ixrael đã duy trì được thành công của họ bằng cách diễn giải rất đơn giản: Sau khi tiến quân vào Libăng năm 1982, Ixrael chiếm một dải biên giới của Libăng làm “khu vực an toàn” chống lại lực lượng Hizbullah. Và từ đó khái niệm “khu vực an toàn” cần phải được thâm vào đầu mọi người trên khắp thế giới, sao cho ai cũng phải

hiếu được rằng, hành động xâm chiếm này của Ixrael chỉ nhằm một mục đích duy nhất là tự bảo vệ mình chống lại những cuộc tấn công của lực lượng Hizbullah mà thôi. Trên thực tế Ixrael rất quan tâm đến việc duy trì một cuộc chiến tranh mức độ nhỏ với Hizbullah và không kết thúc cuộc chiến tranh đó. Nếu không Ixrael sẽ phải dời bỏ “khu vực an toàn” và như vậy từ bỏ lợi ích chủ yếu nhất của Ixrael là nguồn nước dồi dào của con sông Litani chảy qua “khu vực an toàn”. Trong khi vấn đề cực kỳ tế nhị này chỉ được đề cập sơ lược tại điểm “4.4.3. Tham vọng của người Zionít đối với dòng sông Litani” trong bài nghiên cứu khu vực của BND, thì có những tài liệu khác đề cập đến vấn đề này một cách trực tiếp hơn. Dòng nước này đối với Ixrael “quan trọng ở tầm cỡ quốc gia”. Một thông tin khác của BND cho biết:

“Ngay từ những ngày đầu của phong trào Zionít của người Do Thái đã có những kế hoạch dự định đưa dòng sông Litani vào hệ thống cấp nước của Ixrael. Những lời chỉ trích của Libăng đối với hoạt động “ăn cắp nước” của Ixrael là chuyện cơm bữa. Vì sông Litani nằm gần sông Hisbani (nguồn của sông Gioócdan) nên đã tạo ra một khả năng lý tưởng cho hoạt động ăn cướp nước nguồn của Ixrael. Ixrael thì phủ nhận luận điểm này. Cả hai luận điểm của hai bên cho đến nay vẫn chưa được minh chứng. Tuy nhiên người ta biết rằng, toàn bộ hồ sơ thuỷ văn về dòng sông

Libani đã bị biến mất từ khi Ixrael tiến quân vào Libăng năm 1982”.

Chính sách của Ixrael đối với Palestin cũng có xuất phát điểm tương tự. Theo nhận định của BND thì: “Các tin tức tình báo gần đây nhất cho thấy, trong khuôn khổ những cuộc đàm phán về quy chế cuối cùng của khu vực Palestin, Ixrael có thể đồng ý trao cho người Palestin quyền tự trị khu vực phía Đông của Bờ Tây dải Gaza. Cái gọi là sự nhượng bộ này của Ixrael thực chất không gây thiệt thòi gì cho Ixrael, vì nước ngầm từ khu vực này của Bờ Tây đang nào cũng chảy về phía dòng sông Gióocdan. Nhưng đối với người Palestin thì sự nhượng bộ này lại không thể chấp nhận được, vì tiềm năng nước ngầm của khu vực phía Đông này không đủ đáp ứng nhu cầu của người Palestin. Theo nhận định của BND thì Ixrael định dùng sách lược này chủ yếu để đẩy vấn đề liên quan đến Ixrael sang sân của Gióocdani, cụ thể là biến vấn đề Ixrael - Palestin thành vấn đề Gióocdani - Palestin”.

Bản báo cáo về những nguyên nhân sâu xa liên quan đến vấn đề cao nguyên Gôlan và nguồn nước cũng rất hấp dẫn:

“Tuy nhiên một động thái khác đe dọa biến vấn đề nguồn nước của Libăng thành đối tượng đàm phán giữa Ixrael và Xyri: đó là vấn đề cao nguyên Gôlan. Tin tức tình báo cho thấy, Tổng thống Xyri Assad mùa hè năm 1996 đã đánh tiếng cho một phái đoàn của Mỹ biết là trong

trường hợp một hiệp định hoà bình được ký với Ixrael thì Xyri sẽ không sử dụng dòng sông Banias bắt nguồn từ cao nguyên Gôla để chống lại lợi ích của Ixrael. Người ta sẽ không làm giảm lưu lượng trung bình của con sông Banias, không lập kế hoạch tháo nước của con sông và sẽ góp phần giữ cho dòng sông không bị ô nhiễm. Xyri quan tâm đến một giải pháp rộng lượng đối với vấn đề nước ngầm từ cao nguyên Gôlan, sao cho phía Ixrael được thuận lợi. Nhưng cho đến nay hai bên vẫn chưa trao đổi cụ thể về vấn đề này được, vì Thủ tướng Ixrael Netanajahu từ chối đàm phán về vấn đề cao nguyên Gôlan”.

BND đã đề nghị Ixrael và Xyri giải quyết vấn đề nguồn nước như sau: “Xyri đồng ý để Ixrael sử dụng lượng nước khoảng 120 triệu mét khối hàng năm của con sông Banias và giành một lượng nước nhỏ cho nhu cầu tại chỗ của người Xyri. Để bù đắp lại lượng nước này Ixrael có thể lấy nước từ sông Litani bằng cách dẫn nước sông này vào sông Hisbani. Khối lượng nước được bù đắp từ sông Litani này chắc chắn sẽ lớn hơn khối lượng nước bị thiếu hụt đi từ con sông Banias để đề phòng việc Ixrael có thể viện có chất lượng nước của sông Banias cao hơn và vì thế không chấp thuận đề nghị. Một giải pháp như vậy sẽ tạo cho Ixrael có thêm nguồn tài nguyên nước, còn Xyri sẽ có lợi thế thể hiện thiện chí của mình khi xử lý những dòng sông chảy qua biên giới giữa hai nước và chính điều đó sẽ có

lợi cho Xyri khi đàm phán với Thổ Nhĩ Kỳ về vấn đề tương tự. Tất nhiên trong đề nghị này Libăng không được đề cập tới. Nhưng Libăng có thể được đền bù vì bị hao hụt nguồn nước bằng số tiền tài trợ của cộng đồng quốc tế cho công cuộc tái thiết lại đất nước”.

Bài nghiên cứu của BND kết thúc như sau: “Nói chung cuộc chiến tranh giữa Ixrael và các nước Ả rập cũng có thể được nhìn nhận dưới góc độ chiến lược thủy văn. Chính vì vậy mà năm 1973 khi chiếm đóng cao nguyên Gôlan, Ixrael đã rất quan tâm đến việc ranh giới phân chia lưu vực các con sông giữa Ixrael và Xyri phải nằm trong khu vực bị Ixrael chiếm đóng. Chắc chắn nước là một trong những nguyên nhân chính làm cho Ixrael không nhả những khu vực bị mình chiếm đóng ra”.

HOẠT ĐỘNG TÌNH BÁO CÔNG NGHIỆP

Một không khí ỉu xìu đang tràn ngập trụ sở chính của tập đoàn Siemens nằm ở Thành phố Muyních, miền Nam nước Đức. Có lẽ ngày 18 tháng 4 năm 1994 sẽ đi vào lịch sử của Siemens, một tập đoàn công nghiệp hàng đầu nước Đức và thế giới như là một ngày đen tối. Hồi đó Chính phủ Hàn Quốc đã quyết định không giao cho Siemens xây dựng tuyến đường sắt cao tốc chạy xuyên suốt đất nước, mà chọn phương án của liên doanh GEC-Alsthom. Như vậy tàu hoả cao tốc ICE của Đức đã phải nhường chỗ cho tàu TGV của Pháp. Sau quyết định tạm thời hồi tháng 8 năm 1993 có lợi cho TGV, Siemens đã mở một cuộc chạy đua nước rút cuối cùng cho công nghệ tàu hoả cao tốc ICE của mình. Tuy nhiên người Pháp cũng không chịu thua kém và cho đến những ngày cuối cùng trước khi mở thầu Siemens vẫn không dự đoán được kết quả sẽ ra sao.

Tại sao Siemens vẫn thua khi cuối năm 1993 họ đã hạ giá chào hàng khoảng 10% xuống còn 3,6 tỷ DM, trong khi giá chào của TGV vẫn đứng ở mức 4 tỷ DM? Tại sao họ vẫn không nhận được hợp đồng? Mãi đến sau này Siemens mới biết vì sao họ

đã bị người Pháp hót tay trên hợp đồng trị giá bạc tỷ này. Cơ quan tình báo Pháp DGSE đã giám sát toàn bộ các cuộc trao đổi giữa Siemens với người Hàn Quốc và truyền ngay các thông tin thu được đến TGV. Vụ tình báo công nghiệp này đến nay vẫn chưa được công chúng biết đến và là vụ đã gây cho nước Đức mất đi hàng chục ngàn công ăn việc làm. Từ đó đến nay cơ quan tình báo đối ngoại Pháp còn giành được nhiều thắng lợi tương tự. Cựu thủ trưởng trước đây của DGSE Alexander de Marenches thường tự vỗ ngực rằng, bằng các điệp vụ kinh tế thành công, cơ quan của ông ta đã hoàn toàn thu lại được nguồn đầu tư (do ngân sách Nhà nước cấp). Gần như DGSE không từ một phương pháp nào, miễn là phương pháp đó mang lại thành công: từ nghe trộm điện thoại và đột nhập vào khách sạn, văn phòng, đến lắp đặt các thiết bị nghe trộm trong khoang hạng nhất các máy bay của hãng Hàng không quốc gia Pháp Air France. Tất nhiên vì những chiến dịch đó người Pháp đã phải công khai xin lỗi. Trong hồi ký của mình De Marenches viết là năm 1971 ông ta đã báo cáo với chính phủ Pháp về dự định hạ giá đồng đô la của chính quyền Nixon. Hồi đó DFSE đã cài được một điệp viên có hạng vào cơ quan đầu não của Mỹ. Tin vào thông tin này, Paris tiến hành chiến dịch bán đô la và sau đó đã thắng lớn. Những điệp vụ như vậy có lẽ cũng nhằm mục đích tránh cho ngân sách

Nhà nước cấp cho cơ quan tình báo bị cắt giảm.

Việc cơ quan tình báo Pháp quan tâm đến tất cả các loại thông tin như thế nào có thể thấy rõ trong vụ “Bê bối nghe trộm điện thoại dưới thời Mitterand” được công bố hồi tháng 4 năm 1997. Trong vụ này cựu Tổng thống Pháp Mitterand trong nhiều năm trời đã cho nghe trộm điện thoại một cách có hệ thống hàng ngàn chính khách, nhà báo và đại diện giới kinh tế. Người kế nhiệm của Mitterand biện minh cho phương pháp này bằng cách khoắc cho nó tấm áo choàng “những bí mật phục vụ cho mục đích phòng thủ quốc gia”. Hàng năm khoảng 16.000 cuộc điện thoại ở Pháp được cơ quan có thẩm quyền cho phép nghe trộm. Ngoài ra, theo số liệu của Ủy ban kiểm tra CNCIS còn có khoảng 100.000 cuộc trao đổi điện thoại khác bị nghe trộm bất hợp pháp.

Các tập đoàn của Đức như tập đoàn ô tô Volkswagen cũng đã trở thành mục tiêu cho tình báo công nghiệp nước ngoài. Trong khu vực thử nghiệm của hãng ở Wolfsburg đối phương đã chụp được toàn bộ 9 kiểu xe mới đưa ra thử nghiệm hồi tháng 9 năm 1996. Thiết bị hồng ngoại đã chụp ảnh dựa trên hơi nóng do các xe thử nghiệm tỏa ra khi chạy qua và truyền ảnh chụp được về trung tâm bằng đường vô tuyến. Về kỹ thuật thì không khó khăn, vả lại phương pháp tình báo này lại

không hề mạo hiểm.

Trước đây trong một thời gian dài ở Frankfurt, các nhân viên tình báo công nghiệp Mỹ đã ẩn náu trong một văn phòng nằm sau tấm biển quảng cáo của hãng Samsung đặt trước nhà ga thành phố. Sau khi bị phát hiện họ đã phải cuốn xéo và nay phải sử dụng toà lãnh sự Mỹ đặt tại phố Siesmayer gần vườn hoa Frankfurt, ví dụ như sao chụp lại mẫu thiết bị lọc ôzôn và loại màn hình tivi cực phẳng mới được phát minh của tập đoàn Hoechst. Trong khi đó 2 nhân viên tình báo Anh trước kia đặc trách khu vực Frankfurt lại quan tâm đến chính sách kinh tế của Ngân hàng Liên bang. Khác với người Mỹ, người Anh không coi tình báo công nghiệp là trọng tâm cần được ưu tiên trong công tác của họ.

Đã từ nhiều năm nay hiệp hội tư vấn bảo vệ doanh nghiệp Cộng hoà Liên bang-Đức đòi hỏi phải áp dụng những hình phạt nặng nề hơn đối với gián điệp công nghiệp. Ông Klaus-Dieter Matschke, chủ tịch hiệp hội này, cho biết, hình phạt cao nhất được áp dụng tại Đức cho đến nay là mức phạt tiền 300.000 DM. Trong khi đó hình phạt cao nhất đối với gián điệp công nghiệp ở Mỹ là 125 năm tù giam!

Ở Đức chịu trách nhiệm chống gián điệp công nghiệp là cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang

BFV. Tuy nhiên ngày nay các thủ đoạn hoạt động gián điệp công nghiệp đã trở nên rất tinh vi, cho nên sẽ hiệu quả hơn nếu trong tương lai BFV và BND hợp tác với nhau chặt chẽ hơn. Cần phải nói thêm BND là cơ quan tình báo duy nhất trên thế giới bị cấm hoạt động tình báo công nghiệp! BND chỉ được phép tiến hành hoạt động tình báo kinh tế, có nghĩa thu thập tin tức về chiến lược kinh tế, tài chính và kế hoạch của các chính phủ khác.

Vậy thì trong thời đại ngày nay các cơ quan tình báo nước ngoài sử dụng những biện pháp nào để do thám các doanh nghiệp Đức? Tại sao hàng loạt những vụ các cơ quan tình báo “anh em” của Đức tiến hành hoạt động gián điệp đối với doanh nghiệp Đức lại không bị đưa ra trước công luận, tuy rằng chính những vụ đó cũng đã góp phần dẫn đến sự xuống dốc của nền kinh tế Đức? Có lẽ thời đại chiến tranh lạnh đã kết thúc và nhường chỗ cho một cuộc chiến tranh thương mại. Tháng 4 năm 1997 vừa qua khách sạn năm sao “Marriot” ở thành Viên, nơi các chính khách và thương nhân cỡ bự thường dừng chân, đã ra một thông báo có một không hai trong lịch sử ngành khách sạn: trong khi tiến hành tu sửa lại khách sạn, họ đã phát hiện ra rất nhiều “rệp” nghe trộm điện thoại được cài trong đa số các phòng của khách sạn! Thông thường thì những phát hiện như vậy được giữ kín. Thấy vậy

khách sạn nổi tiếng “Hilton” cũng vội vàng cho kiểm tra toàn bộ các phòng. Cũng như Đức, thành Viên, nơi có trụ sở của nhiều tổ chức Liên hợp quốc và Tổ chức an ninh, hợp tác châu Âu đã trở thành mục tiêu chính của giới tình báo kinh tế quốc tế.

Ngân hàng Anh quốc là một trong những khách hàng tốt nhất cung cấp thông tin cho những bản báo cáo của cơ quan tình báo Anh. Các cơ quan tình báo Anh thu những bản fax và nghe trộm điện thoại của các công ty Đức. London tìm cách rút ruột Đức cũng như Pháp. Nhất là nếu vụ việc liên quan đến các phi vụ xuất khẩu vũ khí thì ngại vàng cũng không xá gì mà cho dò la các đồng minh của mình một cách không thương tiếc. Dù sao thì 600.000 chỗ công ăn việc làm ở Anh quốc phụ thuộc vào ngành sản xuất vũ khí xuất khẩu. Vì vậy các điệp viên của Anh tìm mọi cách để lấy được các tài liệu liên quan đến các cuộc đấu thầu của các đối thủ cạnh tranh. Nổi tiếng nhất là vụ bán chiến đấu cơ “Tornado” cho Ả rập Xê út. Năm 1985 ngành công nghiệp vũ khí của Anh đã thu được 10 tỷ đô la từ hợp đồng này. Mãi sau này người ta mới biết được rằng, để có được thắng lợi đó các điệp viên Anh đã phải làm việc suốt ngày đêm để “rút ruột” các công ty cạnh tranh của Pháp và Mỹ.

Lần đầu tiên trong lịch sử, đầu năm 1997 một điệp viên CIA của Đức không những chỉ bị phát

hiện là một gián điệp công nghiệp, mà còn bị gửi về nước. Nhà ngoại giao Mỹ này đã tìm cách mua một quan chức cao cấp của Bộ Kinh tế Cộng hoà Liên bang Đức để qua đó thu được những thông tin về mức độ phát triển của công nghệ cao ở Đức. Tuy nhiên quan chức này đã không báo tin cho điệp viên CIA, mà báo cáo vụ việc với cơ quan chịu trách nhiệm về những vụ tương tự là cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang BFV. Vì mối quan hệ tốt đẹp với Mỹ nên vụ việc này chỉ được xử lý trong nội bộ hai cơ quan tình báo. Tay điệp viên CIA đã “tự nguyện” khăn gói về nước và như vậy tránh không bị trục xuất. Theo “Spiegel”, một tờ báo Đức, thì tuy nước Đức đã được thống nhất sáu, bảy năm nay và “đặc quyền” của lực lượng vũ trang các nước đồng minh đã kết thúc, nhưng trong lĩnh vực tình báo người Đức vẫn chưa trở thành ông chủ trong chính ngôi nhà của mình! Vẫn như trước kia, các cơ quan mật vụ phương Tây, nhất là người Mỹ, hoạt động trên đất Đức thoải mái như trên sân sau nhà mình. Theo các chuyên gia an ninh thì có khoảng 1000 chuyên gia nghe trộm và 100 điệp viên chuyên nghiệp của Mỹ đang còn hoạt động trên đất Đức. Chỉ riêng trong Toà đại sứ Mỹ nằm bên bờ sông Ranh hiền hoà đã có 20 nhân viên tình báo làm việc. Các “quản sát viên” của các nước “anh em” được cài đặt trong các toà lãnh sự, ngồi trong Bộ chỉ huy quân đội đồng minh và ngay cả trong

doanh trại quân đội. Họ tìm cách “chiêu mộ” điệp viên ở Đức, tạo thêm những nguồn thông tin mới và nếu ai trên đất Đức, từ vùng núi An-pơ ở cực Nam đến vùng biển Bắc, cầm máy điện thoại định thực hiện một cú phôn, thì đều phải tính đến chuyện cơ quan tình báo kỹ thuật Mỹ NSA sẽ “cùng nghe”. Trong khi người Anh và người Pháp phần nào tôn trọng chủ quyền của Đức, thì người Mỹ, mà cơ quan tình báo BND của Cộng hoà Liên bang Đức là đứa con do họ từng nuôi dưỡng, xử sự như một nước thắng trận.

Sau khi vụ việc này bị lộ ra thì các quan chức Mỹ đã phát biểu với tờ “Bưu điện Oasinhton” là điệp viên CIA nói trên không hoạt động tình báo công nghiệp mà chỉ thu thập thông tin về một nước thứ ba “có lẽ là Iran”. Người của Phủ thủ tướng Đức phát biểu như sau với tác giả cuốn sách này: “Cho đến năm 1990 người Mỹ đã tiến hành hoạt động do thám ở Đức về kinh tế, chính trị và quân sự. Họ thường viện cớ là dựa trên những quy định của quân đội NATO. Ngay từ hồi đó chúng ta đã phải nhắm mắt làm ngơ. Từ sau năm 1990 người Mỹ không thể quen được với tình trạng là nay họ đã mất đi đặc quyền tại Đức. Họ vẫn cố tin rằng, nước Đức vẫn là sân sau của họ và tại đây họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Trong tương lai có lẽ chúng ta phải nhắc nhở họ thường xuyên hơn và rõ

ràng hơn khi xảy ra những vụ việc tương tự. Thật là nực cười, khi người Mỹ khẳng định là tay CIA phải cuốn gói về nước không phải là gián điệp công nghiệp. Người ta không thể có được nhiều bằng chứng hơn chúng ta để buộc tội tay điệp viên này”.

Stanley Kober, một chuyên gia về chính sách đối ngoại của một viện nghiên cứu Cato nổi tiếng ở Oasinhton đã tiết lộ là hoạt động gián điệp công nghiệp của Mỹ đã gây ra một loạt các vụ bê bối đáng xấu hổ. Trong khi UNO tiến hành thanh sát Irắc năm 1995 thì CIA đã cài điệp viên của mình vào đoàn thanh sát để tìm cách chiếm đoạt công nghệ hạt nhân làm giàu quặng uran của Đức. Ngay người Nhật cũng tỏ ra phẫn nộ khi các thành viên trong phái đoàn đàm phán thương mại của họ với Mỹ bị CIA theo sát trong suốt quá trình đàm phán năm 1995. Năm 1996 CIA tìm cách lôi kéo một số nhân viên cơ quan tình báo Ấn Độ. Trong vụ này không những họ không moi được một tin mật nào mà còn phải khăn gói chuồn khỏi Niu Đê Li. Năm 1993 Lầu Năm Góc kêu gọi tẩy chay triển lãm quốc tế về thiết bị hàng không tại Paris, vì CIA đã cảnh báo các công ty Mỹ là ở Thủ đô nước Pháp họ sẽ bị do thám một cách không thương tiếc. Năm 1995 Pháp đã trục xuất bốn nhà ngoại giao Mỹ vì tội do thám các công ty viễn thông của Pháp. Stephen Dorril, một chuyên gia của cơ quan mật

vụ Anh đã từng nói: “Khả năng đơn giản nhất và tốt nhất để duy trì sức cạnh tranh của các công ty Pháp là lấy trộm tài liệu của các đối thủ cạnh tranh”. Có lẽ chính vì vậy mà ngân sách của cơ quan tình báo Pháp DGSE được tăng thêm 10% và số nhân viên tăng thêm khoảng 1000 người.

HỢP TÁC GIỮA BND VÀ MOSSAD

Không biết người viên chức hải quan có tình thần cảnh giác ngày 27 tháng 10 năm 1991 nghĩ rằng sẽ tìm thấy gì, khi anh ta lật tấm bạt phủ đóng “máy móc nông nghiệp” đang nằm ở Cảng Hamburg chờ bốc lên tàu “Palmach 2” của Ixrael. Có lẽ anh ta đã không thể ngờ được rằng, dưới tấm bạt là những thiết bị quân sự rất hiện đại, từ bộ phóng tên lửa phòng không, đến những hệ thống diện tử bí mật có xuất xứ từ Đông Âu. Chắc chắn tay viên chức hải quan này cũng không ngờ rằng, việc kiểm tra tình cờ của anh ta đã lôi chuyện làm ăn bí mật giữa BND và Mossad ra ánh sáng công luận. Một nhân viên của BND giải thích: “Người Ixrael muốn có thứ hàng đó nên chúng tôi đã cung cấp cho họ”, khi được hỏi là tại sao BND đã không ngại ngần gì khi phải vi phạm luật pháp Đức và đã cung cấp vũ khí cho Ixrael mà không có một thứ

giấy tờ cần thiết hoặc sự phê chuẩn của giới lãnh đạo chính trị.

“Sau khi thống nhất nước Đức chúng tôi có hàng núi những thứ như vậy. Ixrael thì lại rất cần những hệ thống vũ khí đó. Vì thế chúng tôi đã chuẩn bị cho một vài chuyến hàng sang Ixrael. Chuyến hàng bị phát hiện ở Cảng Hamburg không phải là chuyến duy nhất” người phát ngôn viên của BND đã thừa nhận như vậy. Khi ông Konrad Porzner Tổng giám đốc BND cho biết là ông không hề được thông báo gì về việc này cả và vì thế đây là sáng kiến của cấp dưới của ông, thì mọi chuyện lại trở nên rắc rối hơn. Báo chí Đức đã rất quan tâm đến vụ cung cấp “máy móc nông nghiệp” này.

Vụ bê bối này cho thấy trong những thập kỷ qua đã xảy ra một sự thay đổi to lớn trong mối quan hệ Đức - Ixrael, không chỉ trong lĩnh vực tình báo. Nếu sự hợp tác vào những năm 90 được coi là đương nhiên, thì cách đây 40 năm lại không thể tưởng tượng nổi. Hồi đó không ai lại nghĩ đến việc hợp tác với điệp viên Đức, những kẻ đã giúp đỡ guồng máy chiến tranh của Đức Quốc xã xâm lược châu Âu. Nước Đức với tất cả những gì liên quan đến đất nước này đều được người Ixrael coi là “không trong sạch”. Mối thù này sâu nặng như thế nào có thể thấy được trong con dấu Nhà nước Ixrael dùng đầu những năm 50 đóng vào hộ chiếu: “Được phép đi tất cả các nước, trừ Đức”. Nhưng

cũng chính ngay từ đầu những năm 50, khi quan hệ ngoại giao chưa được thiết lập để đàm phán về vấn đề hoà hoãn, đã xuất hiện những mầm mống cho một sự hợp tác. Vì những khó khăn hồi đó, nên những mầm mống này không được gieo trồng trực tiếp, mà thường là qua tay Oasinhton.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Mỹ không có một cơ cấu tổ chức nào nên phải mò mẫm sau tấm màn sắt chia cắt Đông-Tây để thu thập tin tức. Tuy CIA có một ngân sách khổng lồ để hoạt động, nhưng chỉ có tiền không thôi thì chưa đủ để bảo đảm duy trì dòng thông tin. Người Mỹ thiếu ngay cả những thông tin cơ bản về cuộc sống ngày thường ở Đông Âu, ví dụ như phiếu thực phẩm ở Minxơ trông như thế nào hoặc một kỹ sư điện ở Xôphia cần những giấy tờ gì để được đi bồi dưỡng nâng cao ở Leningrát. Những thông tin này người Mỹ nhận được từ hai cơ quan tình báo khác nhỏ bé nhưng hoạt động rất có hiệu quả: tổ chức của tướng Gehlen và cơ quan tình báo Ixrael. Gehlen thu thập thông tin dựa trên mạng lưới còn sót lại sau khi chiến tranh kết thúc và qua việc hỏi cung các tù binh Đức bị giam giữ tại phía Đông. Tại Ixrael thì cơ quan tình báo đối nội Schabak lấy tin từ việc hỏi cung những người Do Thái đến từ Liên Xô và các nước lân cận của Liên Xô để qua đó phát hiện ra các điệp viên của KGB và các cơ quan tình báo phương Đông khác. Teddy Kollek, một nhà ngoại

giao hàng đầu của Ixrael đã nói: “Có những thời kỳ mà một phần tư lượng thông tin về cuộc sống ngày thường ở Đông Âu người Mỹ nhận được từ Ixrael”. Kollek và Memyde Shalit, đại diện Mossad ở Oasinhton, đã thể chế hoá mối quan hệ giữa Mossad và CIA. Đầu tiên họ tìm cách tiếp xúc với James Angleton, một quan chức cao cấp của CIA. Angleton rất ngạc nhiên về chất lượng tin tức của người Ixrael về thế giới cộng sản. Những tin tức tương tự như vậy người Mỹ cũng nhận được từ tổ chức Gehlen. Sau đó thì giới lãnh đạo CIA đã quyết định sử dụng kết hợp hai nguồn thông tin này. Hồ sơ ngăn cách giữa người Đức và người Do Thái lúc bấy giờ có lẽ đã không quá rầy rà nhiều người Mỹ.

David Kimche, nhân vật thứ hai trong Mossad và đã từng nhiều năm phụ trách công tác đối ngoại của Mossad với các cơ quan tình báo khác nói: “Tôi nhớ là chúng tôi không tự tạo ra mối quan hệ với người Đức. Tôi cho rằng, đây là sáng kiến của người Mỹ. Vào thời điểm đó chúng tôi không vui vẻ gì khi nói chuyện với người Đức. Chúng tôi biết là trong tổ chức Gehlen có nhiều bọn Quốc xã, nhiều cựu sĩ quan SS. Ngay cả đến trụ sở của BND đặt ở Pullach cũng gây ấn tượng nặng nề đối với chúng tôi, vì trước đây khu trụ sở của BND là một trại giam của bọn SS”.

Tuy nhiên những người đứng đầu Mossad lúc bấy giờ cũng đã biết là không chóng thì chầy,

Gehlen và tổ chức của ông ta - theo lệnh của người Mỹ và của Chính phủ Bonn - sẽ giúp đỡ Mossad. Trong hồi ký của mình Gehlen viết là ngay từ đầu ông ta đã tìm cách giúp đỡ các cơ quan tình báo khác nhau của Ixrael (đội nội, đội ngoại và quân đội), sau khi ông ta khẳng định được vai trò trung tâm của Ixrael trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa cộng sản.

Vai trò của Ixrael đột nhiên được nâng lên cao khi cả thế giới mật vụ phương Tây nháo nhác đi tìm kiếm bài phát biểu của Khơrút-xốp tại Đại hội đảng cộng sản Liên Xô lần thứ 20. Trong bài nói này Khơrút-xốp - nhà lãnh đạo mới của thế giới cộng sản - đã kết tội Stalin. Hồi đó CIA sẵn sàng trả cho bất cứ ai một triệu đô la nếu kiếm được bài phát biểu này. Và tất cả các cơ quan tình báo phương Tây đều rất ngạc nhiên khi Mossad kiếm được bài phát biểu đó. Với chiến tích này cơ quan tình báo Ixrael đã chiếm được cảm tình và sự ngưỡng mộ của các cơ quan tình báo phương Tây.

Trong thập kỷ 60 sự hợp tác giữa BND và Mossad tiếp tục được mở rộng. Những thông tin về chất lượng của loại chiến đấu cơ mới nhất của khối Vác-xava MIG-21 được gửi đến Bộ tư lệnh không quân Đức. Mossad đã làm được điều đó sau khi thuyết phục được một sĩ quan không quân Irắc cùng chiếc MIG-21 bỏ trốn sang Ixrael. Trong cuộc

chiến tranh 6 ngày quân đội Ixrael hy vọng thu được vũ khí Liên Xô cùng với các chủng loại vũ khí đang có ở Đông Âu. Các chuyên gia Đức đã được mời sang để giám định chiến lợi phẩm. Một vài mẫu vũ khí đã được chuyển về Đức. Ngày 26 tháng 12 năm 1969 một đội biệt kích Ixrael đã chiếm được toàn bộ một trạm rada loại P-12 của Ai Cập. Đây là loại rada hiện đại nhất thời bấy giờ của khối Vácxava. Hai chiếc máy bay trực thăng đã chuyên chở trạm rada này về Ixrael. Toàn bộ chiến dịch này đã được giữ bí mật cho đến khi tờ “Người quan sát” của Anh phát hiện ra. Các chuyên gia Ixrael và Đức đã cùng nhau giám định loại rada kiểu mới cũng có trong quân đội Cộng hoà dân chủ-Đức này. Đại diện của Mossad hồi đó đã thừa nhận: “Chúng tôi có quan hệ tốt với người Mỹ, người Anh. Với người Pháp thì quan hệ lúc thế này, lúc thế kia. Với người Đức thì quan hệ đặc biệt tốt đẹp”. Mỗi quan hệ lúc đầu thông qua Oasinhtơn này qua năm tháng đã trở nên chặt chẽ và sâu rộng. Ngay cả khi quan hệ giữa Đức và Ixrael về mặt ngoại giao bị lạnh nhạt đi thì sự hợp tác giữa hai cơ quan tình báo vẫn tiếp tục được duy trì.

Cuối thập kỷ 80 thì giới tình báo phương Tây dồn dập đưa tin về chương trình tăng cường vũ trang và sản xuất vũ khí ABC của Irắc. Các công ty

Đức thì tham gia hỗ trợ Irắc bằng nguyên vật liệu và công nghệ. Cho đến khi cuộc chiến tranh vùng Vịnh nổ ra Chính phủ Đức vẫn không muốn coi Irắc là một nguy cơ đe dọa thế giới tự do. Ngay cả khi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ixrael trình bày với Thủ tướng Đức Helmut Kohl tháng 9 năm 1990, tức là một tháng sau khi Irắc tiến quân vào Côoét, các tài liệu của cơ quan tình báo Ixrael về chương trình tăng cường vũ trang của Irắc, quan điểm chính thức của Đức vẫn không thay đổi. Một phần trong số tài liệu được trình bày với Thủ tướng Đức hôm đó là do BND cung cấp cho Mossad. Trong cơ quan tình báo Đức có những bộ phận chuyên trách hỗ trợ cho Mossad. Qua đó Ixrael cũng đã nhận được những thông tin chi tiết về những công ty Đức liên quan đến kế hoạch của Chính phủ Saddam Hussein muốn biến Irắc thành một cường quốc về vũ khí không thông thường. Đức nhận thức được vai trò nguy hiểm của Irắc tương đối muộn. Mãi đến đêm ngày 28 tháng 1 năm 1991 tại Bonn Thủ tướng Đức mới thừa nhận điều đó với một phái đoàn quân sự Ixrael. Phái đoàn quân sự Ixrael tới thăm Đức trong một bối cảnh rất đặc biệt: họ vừa đến từ Ten Avíp đang bị tên lửa Scud của I rắc bắn phá. Đây chính là loại Scud đã được Irắc cải tiến bằng công nghệ của Đức! Điều quan trọng nhất

phía Ixrael đặt được trong cuộc trao đổi bí mật này là Thủ tướng Đức đã hứa sẽ chi phí toàn bộ cho hai chiếc tàu ngầm loại mới cung cấp cho Hải quân Ixrael sẽ được sản xuất tại các nhà máy đóng tàu của Đức ở Kiel và Emden. Từ đó đến nay 6 năm đã trôi qua. Phía Đức quyết định không phải đóng hai mà là ba chiếc tàu ngầm cho Ixrael. Chiếc tàu ngầm đầu tiên đã được đóng xong và sau một chuyến đi thử trên vùng biển Bắc sẽ được đưa về sử dụng trong lực lượng Hải quân Ixrael. Ami Eilon, nguyên Tư lệnh hải quân Ixrael và là người theo dõi công trình đóng tàu ngầm từ những ngày đầu, được cử làm thủ trưởng cơ quan tình báo Ixrael từ năm 1996. Cũng như những người tiền nhiệm của mình, Ami Eilon hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tình báo Đức. Những nhân vật quan trọng khác của Mossad, như Dani Yaton phụ trách bộ phận tin tức và nhiệm vụ đặc biệt của Mossad, cũng giữ một mối quan hệ chặt chẽ với BND. Đôi khi Bộ trưởng Quốc vụ phụ trách công tác tình báo của Phủ thủ tướng Schmidbauer cũng ghé qua Ten Aviv. Mỗi lần đi ông đều gặp gỡ những người đứng đầu cơ quan tình báo Ixrael, kể cả Ami Eilon và Dani Yaton. Sự hợp tác giữa BND và Mossad vượt quá khuôn khổ hợp tác bình thường giữa hai cơ quan tình báo. Ngày nay có lẽ không còn ai nhớ

đến thời kỳ đầu những năm 50, khi mà mối quan hệ Đức - Ixrael phải do ông mối Mỹ gợi ý và dẫn đường.

Lời tác giả

Người viết bài giới thiệu về mối quan hệ BND Mossad cho quyển sách này là Gad Shimron. Từ 1993 đến 1996 ông đã từng là phóng viên thường trú ở Bonn của tờ báo Ixrael "Maariv". Trong quân đội ông là sĩ quan của cơ quan tình báo quân đội Ixrael. Sau khi tốt nghiệp đại học ông được Mossad tuyển dụng và giao cho những nhiệm vụ đặc biệt ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới.

LỜI KẾT

Nếu ai trong quá khứ theo dõi những bài báo về những vụ bê bối hoặc về những thất bại của BND thì có thể có cảm giác rằng, BND là một cơ quan thừa, một nơi tập trung những kẻ mọt giấy và nhất là biết được BND không có thẩm quyền trong những lĩnh vực nào. Nhưng như vậy người ta đã đối xử không công bằng với số đông trong số gần 6.000 quan chức, nhân viên của cơ quan này. Tất nhiên cũng có những kẻ vô dụng trong số các điệp viên Đức và tất nhiên ở Pullach cũng có những người mắc sai lầm. Nhưng đa số trong bọn họ không xứng đáng phải chịu những lời chỉ trích. Điệp viên Đức ở nước ngoài đã góp phần cơ bản xây dựng nên lịch sử của đất nước chúng ta trong những thập kỷ vừa qua. Họ đã cung cấp những thông tin gây ảnh hưởng cơ bản đến những quyết định chính trị của Chính phủ Liên bang.

Những chi tiết thuộc loại bí mật được nêu trong cuốn sách này chỉ là một phần rất nhỏ trong “kho tàng tài liệu” khổng lồ của cơ quan tình báo đối ngoại Đức. Có những người sẽ vò đầu bứt trán khi những tài liệu đó được công bố, vì như vậy thông tin đã bị “rò rỉ”. Nhưng cũng có những người khác thì cho rằng mức độ “bật mí” như vậy vẫn còn chưa đủ và sẽ tiếp tục đòi những thông tin thuộc

loại “tuyệt mật” phải được công bố trên bản tin buổi tối của đài truyền hình. Vấn đề ở đây là phải tìm ra một sự hài hoà giữa sự công khai, cởi mở và giữ bí mật thái quá. Tuy nhiên trong xã hội chúng ta những ai chống lại sự tồn tại của cơ quan tình báo đối ngoại Đức và những người ủng hộ cơ quan này phải cố gắng hiểu được nhau.

BND đã làm được nhiều hơn là người ta tưởng. Thành tích của BND không thể chỉ được đánh giá qua những chiến tích riêng lẻ nhưng gây được tiếng vang. Tất nhiên những “phi vụ” nổi tiếng là rất quan trọng, nhưng chỉ riêng những chiến tích riêng rẽ đó thôi thì chưa đủ để xứng đáng với khoản ngân sách khổng lồ của Nhà nước chi cho cơ quan này. Mang tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định hơn là những theo dõi, quan sát và đánh giá lâu dài mọi biến động trên thế giới của BND. Những hoạt động trong một thời gian lâu dài như vậy của BND tạo điều kiện cho việc theo dõi những sự thay đổi trên thế giới mà không bị phụ thuộc vào các nhận định của giới báo chí và lợi ích của các đảng phái và vì thế có thể nhận biết được ngay những cuộc khủng hoảng từ khi mới chớm bắt đầu.

Chính vì vậy mà sự tồn tại của cơ quan tình báo đối ngoại Đức trong thời gian qua đã có lợi cho Chính phủ và Thủ tướng. Những bản báo cáo

của BND về quân số, trang bị và sự di chuyển của lực lượng vũ trang khối Vácxava là những cơ sở không thể thiếu được cho phái đoàn Đức trong những cuộc đàm phán về giải trừ quân bị. Ngay từ tháng 10 năm 1986 BND đã dự đoán sẽ có một bước ngoặt cơ bản trong chính sách đối ngoại của Liên Xô. Tháng 6 năm 1988, bốn tháng trước khi sự kiện xảy ra, BND đã dự đoán về việc Grômycô sẽ trở thành Tổng thống sau đại hội lần thứ 19 Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời cũng tiên đoán về việc cải tổ Quốc hội Liên Xô mùa thu năm 1988. Một nhận định quan trọng khác là việc BND dự báo về sự sẵn sàng mang tính nguyên tắc của Goócbachốp sẽ đồng ý để nước Đức tái thống nhất. Tháng 8 năm 1991 BND cũng đã dự báo về cuộc đảo chính chống lại ý định Liên bang hoá Liên Xô của Goócbachốp. BND cũng đã kịp thời báo cáo về là lực lượng vũ trang Liên Xô không ủng hộ phe đảo chính và tiềm lực hạt nhân của Liên Xô không rơi vào tay phe đảo chính, mà vẫn dưới quyền kiểm soát của Bộ Tổng tham mưu. Tuy Enxin bề ngoài trước công luận đã nhiều lần tỏ ra ủng hộ Đức, song BND đã báo trước được về việc Enxin tháng 12 năm 1992 vẫn sẽ từ chối thành lập một nước Cộng hoà Vônga cho kiều dân Đức. Và khi cuộc đảo chính tháng 10 nổ ra chống Enxin thì BND đã hoàn toàn đúng khi nhận định là quân đội không ủng hộ phe đảo chính mà đứng về phía Enxin và

vũ khí hạt nhân của Liên Xô vẫn nằm trong tay Enxin và quân đội.

Những giờ phút vinh quang khác của BND là nỗ lực “sưu tầm” và đánh giá vũ khí Liên Xô. Vì người ta đã nắm bắt được vũ khí của đối phương cũng như những điểm yếu của các loại vũ khí đó, nên trong nhiều trường hợp BND đã giúp Bộ Quốc phòng tiết kiệm được những khoản chi ngân sách không cần thiết nhằm phát triển những hệ thống vũ khí mới. Trong những trường hợp như vậy thì đúng là vai trò của BND thật sự đáng tiền, theo đúng nghĩa đen của nó. BND đã kiếm được một số bộ phận của xe tăng T-72 và T-80. Sau khi bức tường Đông-Tây sụp đổ thì nhiều loại vũ khí khác nhau của Liên Xô đã được chuyển từ các trại lính Nga cũ ở Đông Đức về Pullach. Năm 1991 BND đã thành lập một đội công tác đặc biệt mang số hiệu 12 A, có trách nhiệm thu giữ những “của độc” trong kho hàng của quân đội Nga. BND cũng thường xuyên nhận được đơn đặt hàng của cơ quan tình báo Mỹ. Vũ khí, khí tài loại này cũng được chuyển cho Israel. Lực lượng đồng minh trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 cũng tranh thủ được những hiểu biết của BND về vũ khí Nga. Tuy nhiên mặt trái của vấn đề - những trục trặc của BND - thì lại bị người ta giấu giếm. Ví dụ như nhiều khi các sĩ quan Nga chỉ làm ra vẻ như đã

“cẩn cầu” của BND và dự điệp viên BND đến một căn hộ nào đó để trao tiền. Đến đó điệp viên BND bị trói vào ghế, tay bị còng số 8 khoá chặt. Sau đó thì điệp viên Đức bị giữ lại nhiều ngày. Những nhân viên BND khác đợi gần căn hộ đó tất nhiên là cuống lên và gọi điện báo về trung tâm và trung tâm phải nhờ Phủ thủ tướng can thiệp. Từ Phủ thủ tướng người ta phải gọi điện cho văn phòng Goócbachốp và phải thú nhận sự thật để đổi lại tự do cho những điệp viên xấu số kia. Những vụ việc tương tự đã xảy ra thường xuyên, tuy BND đã được cảnh báo sau khi vụ đầu tiên xảy ra.

Sự thay đổi trong các quốc gia Đông- và Đông Nam châu Âu cũng đã được BND dự đoán trước. Ngay từ giữa những năm 80 BND đã báo cáo về việc Nam Tư sắp tan vỡ và những xung đột tiềm ẩn sau sự tan vỡ đó. Trong khoảng từ giữa đến cuối tháng 8 năm 1994 có hai bản báo cáo về mối nguy hiểm đe dọa ông Hans Koschnik, người đại diện EU quản lý Thành phố Mostar. Một tháng sau, ngày 11 tháng 9 năm 1994 một kẻ cực đoan người Croatia đã bắn đạn chống tăng vào Khách sạn Koschnik đang ở. Ngày nay thì BND thường xuyên cung cấp những bản báo cáo về Bosnia và Sécbi đang sản xuất vũ khí hoá học, điều mà cho đến nay chưa được tờ báo nào đề cập tới.

Ai muốn giải tán BND thì cần phải biết rằng,

không chỉ có ông bạn người Pháp láng giềng của chúng ta đang tăng cường cơ quan tình báo đối ngoại của mình. Trong khi các nước trong Liên minh châu Âu có vẻ như đang ngày càng xích lại gần nhau và những lợi ích quốc gia có vẻ như đang dần dần biến mất, thì những nước láng giềng của chúng ta đang tăng cường những hoạt động gián điệp của họ trên đất Đức không những chỉ trong lĩnh vực kinh tế. Người ta hoặc phải duy trì BND trong một cơ quan tình báo chung của EU (điều mà hiện nay chưa ai nghĩ tới) hoặc ít nhất phải duy trì BND lâu dài như các láng giềng của chúng ta duy trì cơ quan tình báo của họ. Cựu thủ trưởng BND và hiện là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Kinkel ngày 7 tháng 5 năm 1997 đã xác nhận với tác giả cuốn sách này trong một cuộc trao đổi tương đối dài là ở châu Âu cho đến nay chưa bao giờ có một cuộc tranh luận nào về việc sát nhập hoặc giải thể các cơ quan tình báo của các nước ở châu Âu cả. Trong những năm qua Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Kinkel cũng như các thành viên khác của Chính phủ, đã tranh thủ được rất nhiều “dịch vụ” của BND. Đã từ ngàn xưa con người mơ tưởng đến một nhà nước hoàn hảo. Nếu trong thế giới ngày nay mà có được một kiểu thế giới lý tưởng như vậy thì chắc chắn cơ quan tình báo sẽ tỏ ra dư thừa.

Vì sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật

nên chắc chắn BND sẽ ngày càng tốn nhiều tiền hơn, nếu không thì cơ quan tình báo đối ngoại Đức sẽ thất bại ngay từ đầu. Các kỹ sư người Mỹ đã chế tạo được máy bay mini từ lâu nay để do thám, theo dõi quân đội đối phương, các nhà máy công nghiệp, các nhà ngoại giao, nhà báo, bọn tội phạm và kể cả những cặp vợ chồng không chung thủy nữa. Loại máy bay tí hon này được kỹ sư hàng không Stephen Morris chế tạo với sự trợ giúp của giới quân sự Mỹ. Các nhà khoa học Viện công nghệ Masachusét (MIT) đã lắp được một chiếc camera truyền hình lên một microchip. Chậm nhất đến năm 2002 những chiếc máy bay mini - nhỏ hơn 15 cm và bay với tốc độ ít nhất là 60 km/giờ - sẽ được quân đội và giới tình báo Mỹ đưa vào sử dụng. Tất nhiên những dự án như vậy cần tiền, rất nhiều tiền. Nếu BND không muốn tụt hậu về kỹ thuật thì BND phải đầu tư vào những công trình nghiên cứu như vậy. Một tin phấn khởi đối với BND: Các nhà khoa học của Viện kỹ thuật điện tử Mainz của Đức đã cho ra đời chiếc máy bay trực thăng nhỏ nhất thế giới. Chiếc trực thăng này hoạt động hoàn toàn tốt và chỉ nặng có 0,5 gam và có thể giấu nó vào trong một mảnh vỏ hạt lạc. BND phải quan tâm đến những sáng chế như vậy, nếu BND muốn hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ mới mẻ của mình.

Vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, buôn lậu

nguyên liệu hạt nhân, ma túy, rửa tiền và tội phạm có tổ chức không chỉ là những từ ngữ trống rỗng. Sau khi Liên Xô tan vỡ, nạn tội phạm trên các nước thuộc Liên Xô cũ đã phát triển nhanh chóng - điều mà trước đó ít ai ngờ tới. Bên cạnh những hoạt động tình báo kinh điển, trong tương lai BND cũng vẫn phải theo dõi vấn đề này. Tất nhiên cũng sẽ xảy ra tình trạng chồng chéo giữa các cơ quan chức năng của Đức: cơ quan tình báo đối ngoại BND, cơ quan bảo vệ hiến pháp Liên bang BFV, Cục điều tra Liên bang BKA của bên cảnh sát và cơ quan phản gián quân đội MAD. Nhưng những chính khách có thẩm quyền đưa ra những quyết định chính trị thì nhận được càng nhiều thông tin bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nhất là các hoạt động gián điệp công nghiệp hàng năm đã phá huỷ hàng ngàn chỗ công ăn việc làm của người Đức, nay đã đến lúc phải được chính quyền và dư luận công khai đề cập tới. Chỉ có ai không làm gì thì người đó mới không mắc sai lầm. Cho nên trong tương lai sẽ vẫn xuất hiện những trục trặc, sai sót của BND, điều mà chắc chắn cũng xảy ra đối với các cơ quan tình báo khác.

Phụ lục

CÁC TỔNG GIÁM ĐỐC BND

01.04.1956 - 30.04.1968	Reinhard Gehlen
01.05.1968 - 31.12.1978	Gerhard Wessel
01.01.1979 - 26.12.1982	Klaus Kinkel
27.12.1982 - 31.07.1985	Eberhard Blum
01.08.1985 - 27.08.1985	Heribert Hellenbroich
04.09.1985 - 02.10.1990	Hans - Georg Wiese
03.10.1990 - 31.03.1996	Konrad Porzner
01.04.1996 - 14.05.1996	Gerhard Gullich (Tổng giám đốc tạm thời)
Từ 15.05.1996	Hansjorg Geiger

TÊN VIẾT TẮT CÁC CƠ QUAN TÌNH BÁO

BFV	Cơ quan Bảo vệ hiến pháp Liên bang Đức (tình báo đối nội)
BND	Cơ quan Tình báo Liên bang Đức (tình báo đối ngoại)
CIA	Cục tình báo Trung ương Mỹ
CSIS	Cơ quan Tình báo Canada
DIA	Cơ quan Tình báo quân đội Mỹ
DGSE	Cơ quan Tình báo Pháp
FSK	Cơ quan Tình báo đối ngoại Nga
GCHQ	Cơ quan Tình báo kỹ thuật Anh
GRU	Cơ quan Tình báo đối nội Nga
KGB	Cơ quan An ninh Xô Viết
MAD	Cơ quan Phản gián quân đội Cộng hoà Liên bang-Đức
MfS	Bộ An ninh quốc gia CHDC-Đức trước kia
MI-5	Cơ quan Tình báo đối nội Anh
MI-6	Cơ quan Tình báo đối ngoại Anh
Mossad	Cơ quan Tình báo đối ngoại Israel
NSA	Cơ quan Tình báo kỹ thuật Mỹ
Vivak	Cơ quan Tình báo Iran

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	5
- Không có cơ quan tình báo nào là không có những điều bí mật	7
- Những bước tiến nhỏ trong quá trình công khai hóa	28
- Công khai hóa nhưng bị “rọ mõm”	31
CHƯƠNG I - SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHIỆP GIÁN ĐIỆP. LOẠI NGHIỆP NGHIỆP LÂU ĐỜI THỨ HAI TRONG LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI	40
- Bí mật của những con tầm nhả tơ	42
- Nghệ thuật mật mã	44
- Ngoại giao gián điệp	45
- Một loại hình gián điệp mới	48
- Trúng rựa và những cỗ máy hơi nước	49
- “Cơ quan thông tin trung ương”	51
- Điệp viên Mata Hari đi vào “dân ca trong nghề gián điệp”	53
- Cuộc săn lùng khóa mật mã	55
- Những đánh giá sai lầm về khả năng chế tạo bom nguyên tử	62
- NSA và CIA giúp người Anh trong vụ quần đảo Manvinát	70

• Cục II - Cục tình báo kỹ thuật	151
- Những cú chơi khăm của điệp viên	158
- Hệ thống máy tính nhận biết ngôn ngữ	
	và tiếng nói 160
- Hoạt động của cơ tình báo trên mạng internet	164
- Điệp viên Internet	166
- Cẩn thận, cơ quan mật vụ sẽ đọc trộm thư !	168
• Cục III - Cốt lõi của hoạt động tình báo:	
Công tác đánh giá thông tin, sự kiện	173
- Một du thuyền Mỹ cho Saddam Hussein	181
- Kho lưu trữ vũ khí	185
- Đánh giá tin tức thu được từ vệ tinh	188
- Báo cáo của cơ quan tình báo đến tay	
	các cấp trong chính phủ như thế nào 194
• Cục IV - Bộ phận hành chính, văn phòng	199
- Chuẩn bị chuyển cơ quan về Berlin	204
• Cục V - Cục bảo vệ	206
- Mật danh và những lý lịch giả	211
• Cục VI - Cục Hậu cần kỹ thuật	214
• Ủy ban kiểm tra của Quốc hội PKK	220
• Những vụ kinh doanh vũ khí của BND	223

CHƯƠNG III - NHỮNG BÍ MẬT NẰM TRONG TAY

CƠ QUAN TÌNH BÁO CỘNG HOÀ

LIÊN BANG ĐỨC BND

• Buôn bán vũ khí quốc tế	230
- Chương trình bí mật chạy đua vũ trang	
	của Iran 231

- Sản xuất khí độc	237
- Đi “mua sắm” ở Đức	241
- Tên lửa Scud	244
- Khu vực cấm Sharifabad	247
- “Nhà máy sản xuất bánh mì” ở Teheran	251
- Vũ khí Mỹ cho Saddam Hussein	255
- Nâng cao sức mạnh chiến đấu theo kiểu Ixrael	257
- Hamah - lò sản xuất vũ khí của Syri	258
- Vũ khí cho phe Hồi giáo cực đoan Hizbullah	263
- Hàng triệu viên đạn cho phong trào Hamas	264
- Thị trường tiêu thụ Đông Âu	265
- Tình hình nền công nghiệp sản xuất vũ khí của Ba Lan	266
- Bắc Triều Tiên	267
- Chính sách xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc	273
- Vụ “Waalhaven”	275
- Trợ giúp cho Ixrael	281
- Chiến công tình báo ở Tarhuna	282
- Chợ đen buôn bán vật liệu hạt nhân	290
- Vụ Plutonium	301
• Hoạt động tội phạm có tổ chức	308
- Buôn bán ma túy	313
- Buôn bán thuốc tân dược với hậu quả chết người	324
- Hoạt động tài chính phạm pháp - một lĩnh vực tội phạm đang ngày càng phát triển	325

- Các băng nhóm từ Liên Xô cũ	328
- Những tổ chức Mafia ở Italia	343
- Các tập đoàn ma túy châu Mỹ La tinh	348
- Hội Tam hoàng của người Trung Hoa	354
- Tổ chức Yakuza của Nhật Bản	356
• Những người theo chủ nghĩa cực đoan	358
- Người Cuốc	360
- Angêri	362
- Ai Cập	363
- Ixrael - Palestin	363
- Vùng Ban Căng	367
• Những nghiên cứu khu vực của BND	368
• Hoạt động tình báo công nghiệp	375
• Hợp tác giữa BND và Mossad	384
- Lời kết.	393
- Phụ lục	401